



VĂN HÓA HUẾ

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THÀNH PHỐ HUẾ

SỐ 53 • 2026

“Đẩy mạnh xây dựng và phát triển văn hóa Huế tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhân văn, khoa học, hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ gia đình, nhà trường, cộng đồng đến toàn xã hội và không gian số. Phát triển văn học, nghệ thuật xứng tầm với lịch sử văn hóa dân tộc và tâm vóc đất nước trong kỷ nguyên mới. Cơ bản hoàn thành việc tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt; phục hồi, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, cần bảo vệ khẩn cấp. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp công nghiệp văn hóa, nghệ thuật sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa; xây dựng thành phố Huế trở thành thành phố di sản cấp quốc gia và quốc tế, là trung tâm văn hoá, du lịch đặc sắc của cả nước, một cực tăng trưởng có sức hấp dẫn của các sự kiện văn hóa nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới.”

(Trích Chương trình hành động số 33-NQ/TU ngày 07/5/2026 của Thành ủy Huế về thực hiện Nghị quyết 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam)

Ảnh: Lê Đình Hoàng

• Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đặt nền móng cho sự nghiệp thể dục thể thao nước nhà - ĐINH THỊ HOÀI TRAI	3
• Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và hành trình lan tỏa giá trị di sản tại bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế - NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH	8
• Biến di sản thành nguồn lực, biến sáng tạo thành giá trị, đưa văn hóa trở thành động lực phát triển	15
• Dấu ấn những người thân trong gia đình Bác Hồ ở Huế qua một số hiện vật quý được trưng bày tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế - LÊ VĂN HÀ	19
• Giá trị lịch sử hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh đối với tiến trình cách mạng Việt Nam - TRẦN THỊ HỘI - LÊ VĂN HÀ	23
• Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản lễ hội điện Huệ Nam trong đời sống đương đại - LÊ MINH NHÂN	31
• Hiện vật Bảo tàng Lịch sử trong việc nhận diện bản sắc Văn hóa Huế - NGUYỄN ĐỨC LỘC	40
• Đứng để hệ giá trị quốc gia chỉ nằm trong văn kiện: Nhìn từ thực tiễn phát triển đô thị di sản Huế - PHAN THANH HẢI	46
• Phát triển bền vững dựa trên nền tảng văn hóa - PHAN THÀNH	51
• Nhà Xuất bản và Thư viện: Mô hình phù hợp với yêu cầu tinh gọn bộ máy và phát triển tri thức trong kỷ nguyên số - NGÔ HẢI ĐỊNH	53
• Phát huy giá trị hệ thống di tích và địa điểm lưu niệm về cụ Huỳnh Thúc Kháng trong liên kết không gian di sản Huế - Đà Nẵng - LÊ THỊ MAI AN	57
• Chuyển đổi số trong công tác phát huy giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thành phố Huế - Thực trạng và giải pháp - NGUYỄN THỊ LOAN GIANG	63
• Vai trò của đồng chí Hoàng Anh trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Huế - LÊ THỊ MAI AN	68
• Khảo sát sắc phong làng Thai Dương Hạ (Thuận An) - VÕ VINH QUANG	73
• Trần Đạo Tiềm “Văn chương đức hạnh đáng bậc nho sư” - ĐỖ MINH ĐIỂN	78
• Kiến tạo bản sắc văn hóa cộng đồng tín mộ Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế: nhìn từ Lễ hội điện Huệ Nam - NGUYỄN HỮU PHÚC	86
• Bích họa và sự chuyển biến ngôn ngữ trang trí trong kiến trúc cung đình Huế - NGUYỄN THỊ HIỀN LÊ	93
• Cửu đỉnh Huế với hành trình nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại - TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG	99
• Lễ hội cầu ngư làng An Bằng - từ giá trị di sản, truyền thống đến động lực phát triển bền vững - HẰNG MINH ...	108
• Mỹ thuật trong lòng di sản Đại nội - Huế: Một vài nhìn nhận từ thực tiễn - PHAN THANH BÌNH	111
• Nhìn lại khoa Thi Hội đầu tiên dưới triều Nguyễn - LÊ VĂN QUỐC HUY	119
• Phủ Tùng Thiện Vương: Dấu ấn văn hóa quý tộc trong dòng chảy đô thị di sản Huế - TRẦN VĂN DŨNG	128
• Từ “5C” đến “6C”: Bước chuyển quan trọng trong tư duy bảo vệ di sản thế giới - NHẬT MINH	138
• Quản trị di sản nghề gốm Phước Tích trong bối cảnh đương đại: Từ bảo tồn đến phát triển công nghiệp văn hóa - ĐỖ THỊ KIM LOAN - NAM GIAO	142
• Vai trò của chính quyền địa phương trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Huế gắn với phát triển kinh tế xanh - ĐỖ QUỲNH HƯƠNG	151
• Phát huy Ca Huế - trách nhiệm không chỉ riêng ai - THIÊN BÌNH	163
• Tu sửa cấp thiết di tích kiến trúc nghệ thuật đình Văn Xá: Khi lòng dân hòa cùng nhịp di sản - HUƠNG TRÀ	167
• Để hương ước, quy ước trở thành “bộ luật mềm” trong quản trị cộng đồng - DƯƠNG HỒNG LAM	170
• Hiệu quả từ mô hình bảo tồn và phát huy giá trị dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy của Câu lạc bộ dân ca xã Bình Diển - HỮU UY	177
• Đưa ca Huế vào học đường: Bồi đắp tình yêu di sản cho thế hệ trẻ - PHÒNG QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA	181
• Bản sắc địa phương và ý chí cộng đồng qua việc đặt tên một chiếc cầu - YẾN CHI	184
• Bóng đá Huế, trở lại hạng Nhất, hướng tới tương lai - KIM PHỤNG	187
• Dân ca 3 miền - Giữ gìn và lan tỏa mạch nguồn dân ca - HẰNG NGUYỄN	192
• Đầu tư cho thư viện cấp xã tạo động lực phát triển văn hóa đọc trên địa bàn thành phố Huế - THIÊN NGÂN	195
• Dương Nỗ vững bước tương lai - VÕ VĂN DẪN	198
• Kỷ niệm 25 năm Ngày Gia đình Việt Nam: Phát huy hệ giá trị gia đình trong giai đoạn mới - MỸ DUNG	202
• Mở rộng không gian phối hợp, phát huy sức mạnh văn hóa nơi biên giới, biển, đảo - AN NHIÊN	206
• Phát triển thể thao quần chúng gắn với xây dựng đời sống văn hóa ở thành phố Huế: Từ chủ trương đến hành động - SƠN THANH	210
• Vượt khó hoàn thành sứ mệnh trong “chiến dịch 500 ngày đêm” - XUÂN TRƯỜNG - QUANG ĐẠO	212
• Sử dụng AI trong ngành văn hóa: Đứng để sự tiện lợi lấn át sự thật - NGÔ AN NHIÊN	214
• Một số nhà thơ tiêu biểu từng dạy và học ở Trường Quốc Học Huế - MAI VĂN HOAN	220
• Thầy giáo hưu trí truyền cảm hứng văn hóa đọc - VÕ VĂN DẪN	222
• Thơ: HỒ NGỌC DIỆP, HỒNG CHÂU, MAI VĂN HOAN, VŨ ĐĂNG BÚT, THẢO ANH, ĐƯỜNG LÃNG DU, KIM ĐỒNG	

Chủ tịch Hồ Chí Minh

- NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO NƯỚC NHÀ

■ ĐINH THỊ HOÀI TRAI*

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, mà còn là người đặt nền móng cho nhiều lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội mới, trong đó có thể dục thể thao. Với tầm nhìn sâu rộng và tư duy khoa học về con người, Người sớm nhận thức rõ vai trò của rèn luyện thân thể đối với sức khỏe cá nhân, sự phát triển của giống nòi và sức mạnh của dân tộc. Những tư tưởng, lời dạy và tấm gương luyện tập của Người đã trở thành kim chỉ nam cho sự hình thành và phát triển của nền thể dục thể thao Việt Nam trong suốt tám mươi năm qua.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người khai sinh nền thể dục thể thao cách mạng

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, đất nước vừa giành được độc lập nhưng đứng trước vô vàn khó khăn: kinh tế kiệt quệ, nạn đói, nạn dốt hoành hành, đời sống Nhân dân vô cùng thiếu thốn. Trong bối cảnh đó, bên cạnh nhiệm vụ xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến sức khỏe của Nhân dân.

Ngày 30/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Liên hiệp Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh số 14, thành lập Nha Thể dục Trung ương trong Bộ Thanh niên với mục đích “*để tăng bổ sức khỏe quốc dân và cải tạo nòi giống Việt Nam*”. Theo Người, một dân tộc muốn mạnh thì trước hết mỗi người dân phải khỏe mạnh. Sức khỏe không chỉ là vấn đề cá nhân mà còn là vấn đề của quốc gia, của sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Tư tưởng ấy được Người thể hiện rõ trong bài “*Sức khỏe và thể dục*” đăng trên báo *Cứu quốc* số 199, ngày 27/3/1946, đề kêu gọi toàn dân tập thể dục - một văn kiện được xem là cột mốc khai sinh của nền thể dục thể thao cách mạng Việt Nam.



Chủ tịch Hồ Chí Minh luyện tập thể dục. Ảnh: Tư liệu

* ThS. Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

Trong lời kêu gọi, Người khẳng định: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe... luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước...”¹.

Không dừng lại ở Lời kêu gọi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng hệ thống tổ chức thể dục thể thao của nước Việt Nam mới. Ngày 27/3/1946, Người ký Sắc lệnh số 38 thiết lập Nha Thanh niên và Thể dục trực thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục. Nha gồm có: một phòng Thanh niên Trung ương và một phòng Thể dục Trung ương. Sự kiện đánh dấu mốc quan trọng cho sự hình thành nền thể dục thể thao nước nhà.

Từ đây, phong trào luyện tập thể dục thể thao được phát động rộng rãi trong cả nước. Những hoạt động thể thao quần chúng như chạy bộ, đá bóng, bóng chuyền, bơi lội, võ thuật... dần trở thành sinh hoạt thường xuyên của người dân, nhất là trong thanh niên.

Trong điều kiện đất nước còn chiến tranh, thiếu thốn trăm bề, việc quan tâm đến thể dục thể thao cho thấy tầm nhìn xa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người hiểu rằng, một dân tộc muốn trường tồn không chỉ cần trí tuệ và tinh thần mà còn phải có thể lực mạnh mẽ.

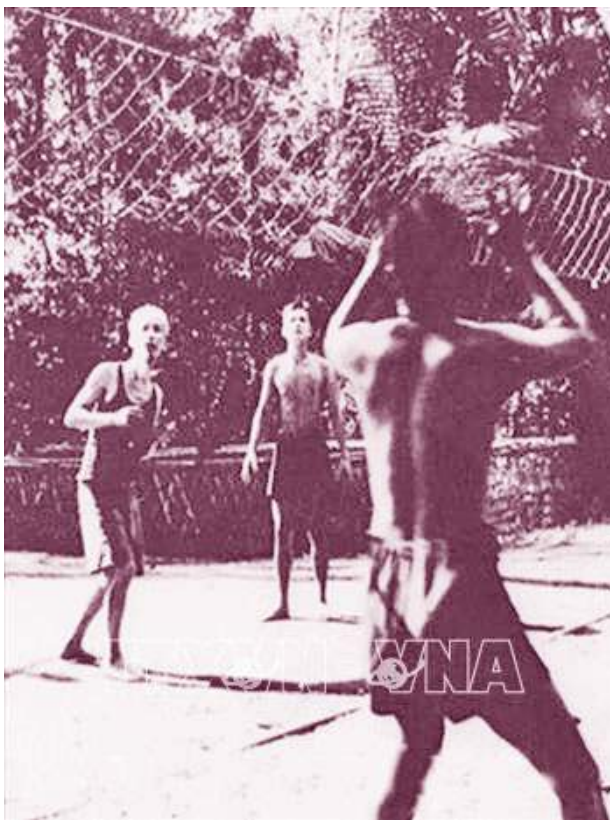
Tư tưởng đó sau này trở thành nền tảng cho đường lối phát triển thể dục thể thao của Việt Nam: kết hợp chặt chẽ giữa thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, lấy rèn luyện sức khỏe Nhân dân làm gốc.

Tấm gương luyện tập thể thao của Bác

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về tinh thần tự giác rèn luyện sức khỏe một cách tích cực và sáng tạo để phụng sự Tổ quốc và Nhân dân. Người không chỉ kêu gọi mà còn trực tiếp thực hành rèn luyện thân thể suốt đời “Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập”².

Ngay từ khi còn trẻ, trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã duy trì thói quen luyện tập để giữ gìn sức khỏe. Sau này, dù công việc lãnh đạo đất nước vô cùng bận rộn, Người vẫn dành thời gian tập thể dục hằng ngày.

Những người từng sống và làm việc gần Bác kể lại rằng, buổi sáng Người thường



Chủ tịch Hồ Chí Minh chơi bóng chuyền cùng cán bộ Văn phòng Chính phủ tại rừng Khâu Lầu, Tuyên Quang (năm 1948). Ảnh: Tư liệu của TTXVN

1. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.212.

2. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.212.

dậy sớm tập thể dục, đi bộ, tập các động tác dưỡng sinh. Bác cũng rất thích các môn thể thao như bơi lội, đi bộ, leo núi và đánh bóng chuyền. Có thời gian, Người còn tập quyền và các bài thể dục nhẹ nhàng để duy trì sự dẻo dai.

Ở chiến khu Việt Bắc trong những năm kháng chiến, hình ảnh vị lãnh tụ giản dị đi bộ đường rừng, leo dốc, băng suối đã trở thành hình ảnh quen thuộc



Đại hội Thể dục Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ IX năm 2022. Ảnh: Internet

đối với cán bộ và chiến sĩ. Chính lối sống điều độ, giản dị và thói quen rèn luyện thân thể đã giúp Bác duy trì sức khỏe dẻo dai, làm việc bền bỉ suốt nhiều thập niên.

Tấm gương thể dục rèn luyện sức khỏe của Bác có sức lan tỏa mạnh mẽ, góp phần cổ vũ phong trào luyện tập thể dục thể thao trong toàn xã hội.

Di sản tư tưởng cho nền thể thao Việt Nam

Những tư tưởng và chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng cho sự phát triển của thể dục thể thao Việt Nam. Ngày nay, phong trào “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” được triển khai rộng khắp trên cả nước, thu hút hàng triệu người tham gia.

Hệ thống thể thao quần chúng ngày càng phát triển với nhiều hoạt động phong phú: chạy bộ, đạp xe, bơi lội, các môn thể thao truyền thống và hiện đại. Trong các trường học, thể dục thể thao trở thành một phần quan trọng của chương trình giáo dục.

Bên cạnh đó, thể thao thành tích cao của Việt Nam cũng đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào trên các đấu trường khu vực và quốc tế. Những tấm huy chương tại các kỳ SEA Games, ASIAD hay Olympic không chỉ là niềm tự hào của thể thao nước nhà mà còn là minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ của nền thể dục thể thao Việt Nam... Tất cả những thành quả ấy đều bắt nguồn từ nền tảng tư tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra ngay từ những ngày đầu của đất nước độc lập.

Trong bối cảnh hiện nay, khi đời sống xã hội ngày càng phát triển, việc rèn luyện thân thể càng trở nên cần thiết. Các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, lối sống ít vận động hay áp lực công việc càng khiến việc tập luyện thể dục thể thao trở thành nhu cầu thiết yếu.

Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh về rèn luyện thân thể không chỉ là sự tri ân đối với vị lãnh tụ kính yêu mà còn là cách thiết thực để xây dựng một xã hội khỏe mạnh, năng động và bền vững.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xa, nhưng tư tưởng và tấm gương của Người về rèn luyện thân thể vẫn còn nguyên giá trị. Đó không chỉ là lời kêu gọi về sức khỏe mà còn là một triết lý sâu sắc về con người và sự phát triển của dân tộc; thể dục thể thao không chỉ nhằm nâng cao sức khỏe mà còn góp phần bồi



Nghi lễ lấy lửa, rước đuốc tổ chức Đại hội khỏe “Vì an ninh Tổ quốc” tại Bảo tàng Hồ Chí Minh của Công an thành phố Huế Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế

dưỡng tinh thần yêu nước, ý chí đoàn kết và kỷ luật của con người.

Noi theo Bác, mỗi người Việt Nam hôm nay tiếp tục rèn luyện thân thể, xây dựng một xã hội khỏe mạnh, góp phần làm cho đất nước ngày càng thịnh vượng đúng như mong muốn của Người: “*Dân cường thì quốc thịnh*”³.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát triển sự nghiệp thể dục thể thao thành phố Huế - từ nền tảng tư tưởng đến động lực phát triển đô thị di sản văn hóa.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “*dân cường thì quốc thịnh*” không chỉ là kim chỉ nam cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao của đất nước mà còn mang ý nghĩa định hướng đối với quá trình xây dựng nền thể dục thể thao ở các địa phương trong giai đoạn phát triển mới. Đối với thành phố Huế - đô thị di sản, đô thị trực thuộc Trung ương với định hướng phát triển theo mô hình “*thành phố văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh*”, thể dục thể thao không chỉ là hoạt động rèn luyện sức khỏe đơn thuần mà đã trở thành một trong những yếu tố cấu thành chất lượng cuộc sống, nguồn lực phát triển con người và năng lực cạnh tranh của đô thị.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, phong trào thể dục thể thao quần chúng ở thành phố Huế có nhiều chuyển biến tích cực. Cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” tiếp tục được triển khai sâu rộng, gắn với phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Các hoạt động chạy bộ cộng đồng, đạp xe vì môi trường, các giải thể thao truyền thống, giải việt dã, bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, bơi lội, võ cổ truyền... ngày càng thu hút đông đảo cán bộ, công chức, viên chức học sinh, sinh viên và Nhân dân tham gia. Đây chính là biểu hiện sinh động của việc hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một dân tộc khỏe mạnh bằng hành động thiết thực từ mỗi người dân.

Đặc biệt, trong bối cảnh thành phố Huế đang đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân, thể dục thể thao cần được nhìn nhận như một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển con người toàn diện. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người luôn đặt việc rèn luyện thân thể trong mối quan hệ thống nhất giữa đức - trí - thể,

3. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 212.

giữa sức khỏe cá nhân với trách nhiệm công dân và sức mạnh của quốc gia.

Đối với Huế - vùng đất giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có gần mười năm sống, học tập và hình thành những phẩm chất đầu tiên của một nhà yêu nước vĩ đại, việc phát triển thể dục thể thao còn mang ý nghĩa đặc biệt trong việc giáo dục truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng sống và xây dựng thể hệ trẻ. Bảo tàng và các di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn thành phố không chỉ là địa chỉ đỏ giáo dục lịch sử mà còn có thể trở thành không gian tổ chức các hoạt động trải nghiệm, đạp xe, hành trình về nguồn, góp phần kết hợp giữa giáo dục truyền thống với rèn luyện thể chất theo tinh thần học tập và làm theo Bác. Trong các dịp Lễ khai mạc Đại hội Thể dục thể thao thành phố Huế, các Đại hội khỏe “Vì an ninh Tổ quốc” của Công an thành phố Huế, Ban tổ chức trang trọng tổ chức Nghi lễ lấy lửa, rước đuốc tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế; rước ngọn lửa từ nơi lưu giữ di sản của Người về để thắp sáng đài đuốc tại Lễ khai mạc các Đại hội.

Trong giai đoạn hiện nay, khi thành phố Huế xác định phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế du lịch và xây dựng đô thị xanh, việc phát huy giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về thể dục thể thao càng có ý nghĩa thời sự sâu sắc. Thể thao không chỉ tạo dựng nguồn nhân lực khỏe mạnh mà còn góp phần quảng bá hình ảnh Huế năng động, thân thiện, đáng sống, mở rộng các loại hình du lịch thể thao, du lịch trải nghiệm và các sự kiện thể thao gắn với di sản, qua đó nâng cao vị thế của thành phố trên bản đồ văn hóa - thể thao của cả nước. Đại hội Thể dục thể thao các cấp thành phố Huế lần thứ X năm 2025 - 2026 sẽ tiếp tục khẳng định sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về lợi ích, vai trò của tập luyện thể dục, thể thao trong việc nâng cao sức khỏe, thể lực của nhân dân, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, đào tạo con người phát triển toàn diện trong giai đoạn mới sau khi thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp.

Nhìn từ thực tiễn ấy có thể khẳng định rằng, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về rèn luyện thân thể trong xây dựng nền thể dục thể thao thành phố Huế không chỉ là yêu cầu kế thừa một di sản tư tưởng lớn mà còn là giải pháp chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển con người toàn diện, xây dựng xã hội khỏe mạnh, văn minh và phát triển bền vững. Đây cũng chính là cách thiết thực để Huế tiếp tục lan tỏa những giá trị trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố trong kỷ nguyên phát triển mới.

Hơn tám mươi năm kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng cho nền thể dục thể thao cách mạng Việt Nam, tư tưởng của Người vẫn giữ nguyên giá trị định hướng đối với sự nghiệp phát triển con người trong thời đại mới. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, xây dựng một nền thể dục thể thao tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, lấy con người làm trung tâm chính là sự kế thừa sinh động tư tưởng của Người. Đối với thành phố Huế, việc tiếp tục phát huy phong trào rèn luyện thân thể, phát triển thể thao quần chúng gắn với bảo tồn giá trị văn hóa, phát triển du lịch và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sẽ góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng Huế trở thành thành phố văn hóa đặc sắc, đô thị di sản năng động và đáng sống. Đó cũng là minh chứng sinh động cho sức sống bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh - tư tưởng luôn đặt con người, sức khỏe và sự phát triển toàn diện của dân tộc ở vị trí trung tâm của mọi chiến lược phát triển. ■

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ VĂN HÓA VÀ HÀNH TRÌNH LAN TỎA GIÁ TRỊ DI SẢN TẠI BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH THÀNH PHỐ HUẾ

■ NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH

1. Mở đầu

Ngày 28/8/1945 đánh dấu sự ra đời của cơ quan quản lý nhà nước đầu tiên về văn hóa của nước Việt Nam mới, mở đầu cho quá trình xây dựng và phát triển ngành Văn hóa Việt Nam. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, ngành Văn hóa luôn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa, phát triển con người và quảng bá hình ảnh đất nước. Trong tiến trình đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa luôn được xem là nền tảng quan trọng, định hướng cho hoạt động văn hóa của đất nước.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt đến văn hóa. Đối với Người, văn hóa không chỉ là những hoạt động thuộc lĩnh vực tinh thần mà còn là một bộ phận quan trọng của đời sống xã hội, có vai trò góp phần hình thành nhận thức, đạo đức, lối sống và nhân cách con người. Người từng khẳng định: “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”¹. Quan điểm này thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò dẫn dắt của văn hóa đối với sự phát triển của dân tộc.

Một trong những đặc điểm nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa là tính thực tiễn và tính nhân dân. Vì vậy, các hoạt động văn hóa không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn, lưu giữ các giá trị mà cần tìm cách đưa những giá trị ấy đến với cộng đồng, để nhân dân được tiếp cận, thụ hưởng và tham gia sáng tạo.

Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế là thiết chế văn hóa có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản gắn với Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn thành phố Huế. Huế là địa phương có vị trí đặc biệt trong cuộc đời của Người, nơi lưu giữ những dấu ấn về tuổi thơ, quá trình học tập và những ảnh hưởng văn hóa ban đầu góp phần hình thành nhân cách, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở khai thác hệ thống tư liệu, hiện vật, di tích lưu niệm và những giá trị văn hóa liên quan, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế đã thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, bảo tồn, trưng bày, tuyên truyền và giáo dục về cuộc đời, sự nghiệp của Người. Trong những năm gần đây, trước yêu cầu đổi mới hoạt động của các thiết chế văn hóa, đơn vị đã từng bước chuyển đổi phương thức hoạt động theo hướng tăng cường tính tương tác, mở rộng đối tượng phục vụ và đưa di sản đến gần hơn với cộng đồng. Cụ thể, nhiều hoạt động giáo dục trải nghiệm dành cho học sinh được triển khai như các hoạt động khám phá, trải nghiệm tại các di tích, các chương trình giáo dục tại bảo tàng; đồng thời, đơn vị đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền lưu động, phối hợp với các địa phương và các đơn vị trong Hệ thống Bảo tàng Hồ Chí Minh, các di tích lưu niệm về Người trên toàn

1. Hồ Chí Minh, 2011, Tập 3, tr. 458.

quốc để tổ chức triển lãm, giới thiệu Không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại nhiều địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Quảng Trị...

Những hoạt động này cho thấy sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong thực tiễn hoạt động của một thiết chế văn hóa chuyên ngành. Không chỉ bảo tồn những giá trị thuộc về quá khứ, đơn vị đang từng bước phát huy vai trò của mình như một không gian giáo dục văn hóa, nơi kết nối di sản với cộng đồng và góp phần lan tỏa những giá trị nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đời sống hiện nay.

2. Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa gắn với hoạt động bảo tàng

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa luôn được nhìn nhận trong mối quan hệ mật thiết với sự nghiệp xây dựng đất nước và phát triển con người. Văn hóa không chỉ phản ánh đời sống xã hội mà còn góp phần hình thành nhận thức, tình cảm, đạo đức và hành động của con người. Vì vậy, phát triển văn hóa cũng chính là quá trình xây dựng con người, xây dựng nền tảng tinh thần cho xã hội².

Đối với hoạt động bảo tàng, quan điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chức năng xã hội của bảo tàng. Bảo tàng không chỉ là nơi lưu giữ hiện vật, tư liệu hay những dấu tích của quá khứ mà còn là môi trường giáo dục văn hóa, lịch sử, góp phần hình thành nhận thức và tình cảm của công chúng đối với những giá trị được lưu giữ. Mỗi hiện vật, mỗi câu chuyện lịch sử trong bảo tàng đều có khả năng trở thành phương tiện truyền tải những thông điệp văn hóa, giáo dục thế hệ hôm nay hiểu hơn về truyền thống dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa luôn nhấn mạnh tính Nhân dân. Theo Người, văn hóa phải thuộc về Nhân dân, phục vụ Nhân dân và do Nhân dân tham gia xây dựng. Văn hóa không thể tồn tại trong không gian khép kín mà phải gắn với đời sống, đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng. Đây là quan điểm có tính định hướng đối với quá trình đổi mới hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện nay³. Đối với bảo tàng, việc phát huy giá trị di sản không chỉ dừng lại ở hoạt động nghiên cứu, bảo quản và trưng bày mà cần mở rộng đến việc tiếp cận của công chúng. Bảo tàng cần trở thành không gian mở, nơi mọi người có thể đến tìm hiểu, trải nghiệm, học tập và tương tác với di sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng chức năng giáo dục của văn hóa, trong đó Người luôn quan tâm đến việc xây dựng con người mới, nâng cao dân trí, bồi dưỡng đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các thiết chế văn hóa, đặc biệt là bảo tàng lịch sử, bảo tàng chuyên đề. Trong xu hướng phát triển bảo tàng hiện đại, chức năng giáo dục ngày càng được chú trọng. Các bảo tàng không chỉ cung cấp thông tin mà còn tạo ra những trải nghiệm học tập thông qua hiện vật, không gian trưng bày và các chương trình tương tác. Đối với bảo tàng về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiệm vụ giáo dục càng có ý nghĩa bởi thông qua những câu chuyện về cuộc đời, sự nghiệp của Người, công chúng có thể tiếp nhận những giá trị về tấm gương đạo đức, những phẩm chất tốt, tư tưởng vĩ đại. Bên

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Hà Nội, tr. 4.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 32.

cạnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc kế thừa truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân cũng gợi mở yêu cầu đổi mới đối với hoạt động bảo tồn và phát huy di sản. Bảo tồn không có nghĩa là giữ nguyên các giá trị trong trạng thái tĩnh mà cần tìm ra những phương thức phù hợp để di sản tiếp tục sống trong đời sống đương đại⁴. Từ góc nhìn này, đổi mới hoạt động bảo tàng không chỉ là đổi mới hình thức trưng bày mà còn bao gồm việc đa dạng hóa phương thức tiếp cận công chúng, ứng dụng công nghệ, tăng cường hoạt động giáo dục trải nghiệm và mở rộng sự tham gia của cộng đồng. Đây chính là cách để các giá trị văn hóa được phát huy một cách bền vững.

Như vậy, những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa có mối liên hệ chặt chẽ với chức năng, nhiệm vụ của các thiết chế văn hóa hiện nay. Đó là yêu cầu bảo tồn các giá trị văn hóa, đưa văn hóa đến với Nhân dân, sử dụng văn hóa như một công cụ giáo dục con người và không ngừng đổi mới phương thức hoạt động để đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Đối với Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế, việc vận dụng những quan điểm trên được thể hiện thông qua quá trình đổi mới hoạt động chuyên môn, chuyển từ tư duy chủ yếu giới thiệu, tuyên truyền sang chú trọng hơn đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục và kết nối cộng đồng.

3. Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong thực tiễn hoạt động của Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế

3.1. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hồ Chí Minh gắn với không gian văn hóa Huế

Huế là vùng đất có vị trí đặc biệt trong cuộc đời và sự hình thành nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những năm tháng Người sống, học tập tại Huế đã để lại những dấu ấn quan trọng, góp phần hình thành tình cảm yêu nước, ý chí đấu tranh và những phẩm chất văn hóa của một nhà cách mạng lớn.

Trên cơ sở hệ thống tư liệu, hiện vật và các di tích lưu niệm, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, bảo tồn và giới thiệu những giá trị di sản gắn với Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn. Đây không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn của một bảo tàng chuyên ngành mà còn là trách nhiệm trong việc gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa của địa phương.

Trong quá trình hoạt động, bảo tàng luôn chú trọng khai thác mối liên hệ giữa cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh với không gian văn hóa. Những câu chuyện về gia đình, quê hương, môi trường học tập và những ảnh hưởng văn hóa trong thời gian Người sống tại Huế được giới thiệu không chỉ nhằm cung cấp thông tin lịch sử mà còn giúp công chúng



Góc trải nghiệm in tranh mộc bản do Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế tổ chức trong hoạt động đưa văn hóa về cơ sở tại xã A Lưới 3, tháng 4/2026. Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

4. Nguyễn Hồng Phong (2018), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, tr. 88.

nhận thức sâu sắc hơn về quá trình hình thành nhân cách, tư tưởng của Người.

Điểm quan trọng trong cách tiếp cận này là bảo tàng không xem di sản Hồ Chí Minh chỉ là những tư liệu thuộc về quá khứ mà là nguồn lực văn hóa có khả năng tác động đến hiện tại, góp phần bồi đắp và nuôi dưỡng tư tưởng, nhận thức, tình cảm của quần chúng nhân dân. Đây cũng chính là sự vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa văn hóa và con người. Giá trị của văn hóa chỉ thực sự được phát huy khi có khả năng tác động tích cực đến nhận thức, tình cảm và hành động của con người trong đời sống xã hội.



Chương trình nghệ thuật khai mạc lễ hội Làng Dương Nổ tháng 5/2026. Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

3.2. Đổi mới hoạt động giáo dục di sản cho học sinh - từ truyền đạt kiến thức đến tổ chức trải nghiệm văn hóa

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, giáo dục luôn giữ vị trí quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, bồi dưỡng nhân cách và phát triển con người toàn diện. Việc đưa các giá trị văn hóa đến với thế hệ trẻ vì vậy không chỉ là hoạt động tuyên truyền mà còn là một quá trình giáo dục lâu dài, giúp hình thành tình yêu quê hương, đất nước, ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống.

Nhận thức rõ vai trò của giáo dục di sản, những năm gần đây Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế đã chú trọng đổi mới phương thức tổ chức hoạt động dành cho học sinh. Thay vì chỉ dừng lại ở việc tổ chức tham quan, nghe thuyết minh theo phương thức truyền thống, đơn vị từng bước xây dựng các chương trình theo hướng trải nghiệm, tương tác, lấy học sinh làm trung tâm của quá trình tiếp nhận.

Một trong những chương trình tiêu biểu là “Khám phá di tích”. Chương trình được xây dựng với mục tiêu tạo môi trường để học sinh tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp và những giá trị văn hóa, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua các hình thức sinh động, phù hợp với từng lứa tuổi. Điểm khác biệt của hoạt động này nằm ở cách tiếp cận. Học sinh không chỉ tiếp nhận thông tin từ cán bộ thuyết minh mà được tham gia vào quá trình khám phá thông qua hệ thống câu hỏi, hoạt động nhóm, trò chơi, hội thi kể chuyện... Qua đó, kiến thức lịch sử không còn là những sự kiện khô cứng mà trở thành những câu chuyện gần gũi, gắn với con người, địa điểm và những giá trị cụ thể.

Việc chuyển đổi từ mô hình “tham quan - nghe giới thiệu” sang “trải nghiệm - khám phá - tương tác” phù hợp với xu hướng phát triển của giáo dục bảo tàng hiện đại. Đối với học sinh, trải nghiệm trực tiếp với di sản giúp tăng khả năng ghi nhớ, khơi gợi cảm xúc và tạo sự kết nối giữa kiến thức trong nhà trường với thực tiễn cuộc sống.

Có thể thấy, việc tổ chức các chương trình trải nghiệm đã góp phần cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa phục vụ con người. Bảo tàng không chỉ cung cấp



*Hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại 112 Mai Thúc Loan do Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế phối hợp trường THCS Hàm Nghi tổ chức vào tháng 3 năm 2026.
Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế*

3.3. Mở rộng không gian văn hóa Hồ Chí Minh từ bảo tàng đến cộng đồng

Một biểu hiện rõ nét trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa của Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế là sự chủ động mở rộng phạm vi hoạt động, đưa các giá trị di sản đến gần hơn với cộng đồng.

Nếu trước đây hoạt động bảo tàng chủ yếu diễn ra trong phạm vi không gian trưng bày cố định thì hiện nay đơn vị tăng cường khả năng kết nối xã hội. Bảo tàng không chỉ chờ đợi công chúng đến tham quan mà chủ động tìm kiếm những phương thức mới để đưa tri thức, giá trị văn hóa đến với nhiều nhóm đối tượng khác nhau.

Từ năm 2022, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền lưu động, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong Hệ thống Bảo tàng Hồ Chí Minh và các di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cả nước để tổ chức nhiều hoạt động giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Các chương trình triển lãm, trưng bày chuyên đề và giới thiệu không gian văn hóa Hồ Chí Minh được tổ chức tại nhiều địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Quảng Trị... Những hoạt động này có sức hút rất lớn với công chúng và đã góp phần mở rộng phạm vi lan tỏa của di sản. Trong đợt trưng bày triển lãm tranh ký họa chiến tranh của họa sỹ Nguyễn Văn Nguyên tại Bảo tàng Quảng Trị của Bảo tàng Hồ

tri thức mà còn tạo ra môi trường giáo dục, giúp thế hệ trẻ hình thành nhận thức, tình cảm và trách nhiệm đối với các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc nói chung, những bản sắc văn hóa Huế nói riêng.

Tuy nhiên, giá trị lớn hơn của những hoạt động này không chỉ nằm ở số lượng chương trình được tổ chức mà ở sự thay đổi trong phương thức tiếp cận di sản. Khi học sinh được trực tiếp tham gia, đặt câu hỏi, suy nghĩ và chia sẻ cảm nhận, quá trình giáo dục văn hóa trở nên tự nhiên và bền vững hơn.



*Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế phối hợp Đoàn phường Dương Nổ tổ chức Hội thi kể chuyện "Chúng em kể chuyện Bác Hồ và gương anh hùng chi đội mang tên" cho các trường học trên địa bàn phường Dương Nổ, tháng 5/2026.
(Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế).*

Chí Minh thành phố Huế từ ngày 02 - 19/7/2026 đã thu hút hơn 5.000 lượt khách đến tham quan⁵. Đây không chỉ là những hoạt động tuyên truyền đơn thuần mà còn thể hiện sự kết nối giữa các địa phương có mối liên hệ với cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Việc xây dựng và giới thiệu các triển lãm chuyên đề và không gian văn hóa Hồ Chí Minh là một hướng tiếp cận phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Không gian văn hóa không chỉ tập trung giới thiệu thông tin, tư liệu mà còn tạo môi trường để công chúng tiếp xúc với những giá trị về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thông qua nhiều hình thức thể hiện khác nhau. Bên cạnh đó, các không gian trưng bày còn giới thiệu thêm về hình thức trải nghiệm, khám phá văn hóa địa phương như in tranh làng Sình, làm hoa giấy Thanh Tiên, thưởng thức bánh Huế, trà sen Huế...

Từ góc độ hoạt động bảo tàng, đây là sự chuyển biến quan trọng trong tư duy phát huy giá trị di sản. Di sản không còn bị giới hạn trong phạm vi của một địa điểm bảo tồn mà được mở rộng thành mạng lưới các không gian văn hóa trong cộng đồng, tạo ra sự kết nối trong bảo tồn di sản gắn với văn hóa, bản sắc truyền thống của địa phương.

Có thể khẳng định, việc mở rộng không gian hoạt động từ bảo tàng đến cộng đồng chính là một bước đổi mới phù hợp với yêu cầu phát triển của thiết chế văn hóa hiện đại. Đây cũng là minh chứng cho sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa: văn hóa phải gần gũi nhân dân, phục vụ nhân dân và được lan tỏa trong đời sống xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn cũng đặt ra một số yêu cầu mới. Sự thay đổi trong nhu cầu tiếp nhận văn hóa của công chúng, đặc biệt là giới trẻ, đòi hỏi bảo tàng cần tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức hoạt động. Việc ứng dụng công nghệ số, xây dựng các sản phẩm giáo dục trực tuyến, tăng cường tương tác đa phương tiện là những hướng cần được quan tâm trong thời gian tới.

Ngoài ra, hoạt động giáo dục bảo tàng đòi hỏi đội ngũ cán bộ không chỉ có kiến thức chuyên môn về lịch sử, hiện vật mà còn cần có kỹ năng truyền thông, giáo dục và tổ chức hoạt động trải nghiệm. Đây là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của quá trình đưa di sản đến với công chúng.

4. Kết luận

Trong tiến trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa luôn giữ vai trò là nền tảng định hướng quan trọng. Những quan điểm



Khách tham quan triển lãm “Miền ký ức” của họa sỹ Nguyễn Văn Nguyên do Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế tổ chức tại Bảo tàng Quảng Trị, tháng 7/2026.

Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

5. Chi bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế (2026), *Nghị quyết Chi bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế tháng 8 năm 2026*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

của Người về vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội, về mối quan hệ giữa văn hóa với con người, về yêu cầu xây dựng một nền văn hóa gắn bó với Nhân dân, phục vụ Nhân dân vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp phát triển văn hóa hiện nay.

Từ thực tiễn hoạt động của Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế có thể thấy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đã được cụ thể hóa thông qua nhiều hoạt động thiết thực. Bên cạnh việc thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản và giới thiệu các tư liệu, hiện vật liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đơn vị đã từng bước đổi mới phương thức hoạt động theo hướng mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng.

Các chương trình giáo dục trải nghiệm dành cho học sinh như “Học sinh Huế với Bác Hồ”, hoạt động tại các di tích lưu niệm Mai thúc Loan, Dương Nỗ đã góp phần đổi mới phương pháp giáo dục di sản, giúp thế hệ trẻ tiếp cận lịch sử bằng sự tương tác và trải nghiệm thực tế. Những hoạt động này không chỉ cung cấp kiến thức mà còn góp phần bồi dưỡng tình cảm, nhận thức và trách nhiệm của học sinh đối với các giá trị truyền thống.

Cùng với đó, việc đẩy mạnh tuyên truyền lưu động, phối hợp với các địa phương, các đơn vị trong Hệ thống Bảo tàng Hồ Chí Minh và các di tích lưu niệm về Người để tổ chức triển lãm, giới thiệu Không gian văn hóa Hồ Chí Minh đã cho thấy sự chuyển biến trong cách thức phát huy giá trị di sản. Từ việc đưa công chúng đến với bảo tàng, đơn vị đã từng bước hướng đến việc đưa các giá trị văn hóa đến gần hơn với cộng đồng.

Những kết quả đạt được trong thời gian qua là minh chứng cho sự vận dụng linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong điều kiện thực tiễn của một thiết chế văn hóa tại địa phương. Phát huy giá trị di sản Hồ Chí Minh không chỉ là nhiệm vụ bảo tồn những ký ức về một nhân vật lịch sử mà còn là quá trình lan tỏa những giá trị văn hóa, đạo đức, nhân văn có ý nghĩa đối với sự phát triển con người Huế nói riêng, con người Việt Nam nói chung. Với vị trí và vai trò của mình, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế tiếp tục là một địa chỉ văn hóa quan trọng trong việc đưa tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đến gần hơn với nhân dân, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ngày càng phong phú, lành mạnh và bền vững. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế (2026), *Nghị quyết Chi bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế tháng 8 năm 2026*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
4. Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (Tập 3, 5, 6, 7, 8, 12), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Nguyễn Hồng Phong (2018), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
7. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2001), *Luật Di sản văn hóa* (Luật số 28/2001/QH10).
8. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa* (Luật số 32/2009/QH12).

BIẾN DI SẢN THÀNH NGUỒN LỰC, BIẾN SÁNG TẠO THÀNH GIÁ TRỊ, ĐƯA VĂN HÓA TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

Với hệ thống di sản phong phú, Festival Huế, nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ, làng nghề, ẩm thực, cảnh quan và đời sống văn hóa đặc sắc, Huế có những điều kiện riêng để phát triển công nghiệp văn hóa. Tuy nhiên, tiềm năng chỉ thực sự trở thành nguồn lực khi được tổ chức, khai thác và phát huy một cách bài bản, có trọng tâm và phù hợp với đặc trưng của vùng đất Cố đô. Đề án “Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đang được xây dựng nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và thành phố, xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cộng đồng. Đặc san Văn hóa Huế đã có cuộc trao đổi với Đồng chí Lê Minh Nhân - Thành ủy viên - Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Huế về những nội dung quan trọng mà Đề án chuẩn bị thực hiện.

1. Văn hóa Huế: Thừa đồng chí Giám đốc, vì sao thành phố Huế cần xây dựng Đề án phát triển các ngành công nghiệp văn hóa vào thời điểm này?

Đồng chí Lê Minh Nhân:

Việc xây dựng Đề án phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là yêu cầu cần thiết, có ý nghĩa lâu dài đối với quá trình phát triển của thành phố trong giai đoạn mới. Trước hết, Đề án nhằm cụ thể hóa các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, đồng thời gắn với định hướng phát triển thành phố Huế trở thành đô thị di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh. Việc xây dựng Đề án sẽ tạo một khung định hướng thống nhất để thành phố xác định rõ những lĩnh vực có lợi thế, những mục tiêu cần ưu tiên, nguồn lực cần huy động và cơ chế phối hợp để phát triển công nghiệp văn hóa.

Huế có một lợi thế rất đặc biệt. Đó là hệ thống di sản văn hóa phong phú, đa dạng, có giá trị nổi bật; cùng với Festival Huế, nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc, mỹ thuật, áo dài, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ, làng nghề truyền thống, văn hóa dân gian, cảnh quan và không gian văn hóa đặc trưng. Đây chính là nguồn “nguyên liệu” rất quý để sáng tạo nên các sản phẩm và dịch vụ văn hóa có giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thẳng thắn nhìn nhận rằng giá trị kinh tế từ những nguồn lực văn hóa ấy vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Chuỗi giá trị từ sáng tạo, sản xuất, quảng bá, phân phối đến tiêu dùng sản phẩm văn hóa chưa thật sự hoàn chỉnh; sự liên kết giữa văn hóa với du lịch, thương mại, công nghệ, truyền thông và các ngành kinh tế khác còn cần được tăng cường.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải chuyển mạnh từ tư duy “bảo tồn đơn thuần” sang “bảo tồn gắn với phát huy giá trị và tạo nguồn lực phát triển”. Đề án được xây dựng với mục

tiêu đưa các giá trị văn hóa trở thành một nguồn lực quan trọng, góp phần tạo động lực tăng trưởng mới cho thành phố, đồng thời vẫn bảo đảm gìn giữ bản sắc và tính đặc trưng của văn hóa Huế.

2. Văn hóa Huế: Vậy Huế có những lợi thế gì để có thể phát triển công nghiệp văn hóa và đâu là điểm mới trong cách tiếp cận của Đề án lần này?

Đồng chí Lê Minh Nhân: Điểm thuận lợi lớn nhất của Huế chính là chúng ta có một hệ sinh thái văn hóa rất đặc biệt. Di sản không chỉ tồn tại trong các công trình kiến trúc mà còn hiện diện trong âm nhạc, nghệ thuật, lễ hội, ẩm thực, nghề truyền thống, phong tục, lối sống và không gian cảnh quan. Điều quan trọng là phải biết kết nối những yếu tố đó thành các chuỗi giá trị mới.

Đề án không đặt mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa theo hướng dàn trải mà lựa chọn những lĩnh vực mà Huế có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tạo giá trị gia tăng và sức lan tỏa lớn. Trên cơ sở đó, thành phố xác định 06 trụ cột phát triển, gồm: du lịch văn hóa và kinh tế di sản; Festival và nghệ thuật biểu diễn; công nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số; điện ảnh và truyền thông; thủ công mỹ nghệ và làng nghề truyền thống; kinh tế đêm.

Sáu trụ cột này không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Chẳng hạn, một giá trị di sản có thể trở thành nội dung của sản phẩm du lịch; được chuyển tải thông qua nghệ thuật, điện ảnh, truyền thông; được thiết kế thành sản phẩm lưu niệm, sản phẩm thủ công; được số hóa để tiếp cận công chúng mới và tiếp tục tạo ra những hoạt động kinh tế về đêm.

Có thể nói, chúng tôi hướng tới xây dựng một hệ sinh thái công nghiệp văn hóa Huế, trong đó di sản là nguồn nguyên liệu sáng tạo; doanh nghiệp là lực lượng tổ chức sản xuất, kinh doanh; khoa học công nghệ và chuyển đổi số là công cụ nâng cao giá trị; thị trường là động lực thúc đẩy đổi mới; còn Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, đầu tư hạ tầng và tạo môi trường thuận lợi.

Đó cũng chính là điểm mới trong tư duy phát triển: không chỉ nhìn văn hóa ở góc độ bảo tồn, mà nhìn văn hóa như một nguồn lực có khả năng tạo ra giá trị kinh tế, xã hội và sức mạnh mềm cho thành phố.

3. Văn hóa Huế: Nguồn lực luôn là vấn đề quyết định tính khả thi của một Đề án. Thành phố sẽ huy động nguồn lực cho phát triển công nghiệp văn hóa như thế nào?

Đồng chí Lê Minh Nhân:

Đúng vậy. Nếu không có nguồn lực thì những định hướng tốt cũng khó trở thành hiện thực. Vì vậy, Đề án xác định phát triển công nghiệp văn hóa là nhiệm vụ liên ngành, cần sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Trong đó, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, định hướng và dẫn dắt; doanh nghiệp là lực lượng đầu tư, sản xuất, kinh doanh; cộng đồng, nghệ nhân, văn nghệ sĩ và các tổ chức xã hội là những chủ thể sáng tạo và lan tỏa các giá trị văn hóa.

Ngân sách nhà nước sẽ tập trung ưu tiên cho những nhiệm vụ mang tính nền tảng và có sức lan tỏa lớn, như bảo tồn và phát huy giá trị di sản; phát triển thiết chế văn hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu và hạ tầng số; đào tạo nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; xúc tiến đầu tư và quảng bá thương hiệu.

Bên cạnh đó, phải đẩy mạnh xã hội hóa. Thành phố khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, truyền thông, thiết kế sáng tạo, nội dung số, không gian sáng tạo, kinh tế đêm, bảo tàng tư nhân, trung tâm triển lãm và các dịch vụ văn hóa. Đối với những dự án có khả năng tạo nguồn thu ổn định, có thể nghiên cứu các hình thức hợp tác công tư phù hợp.

Một nguồn lực nữa không thể bỏ qua là hợp tác quốc tế. Huế có nhiều điều kiện để mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, các địa phương trong và ngoài nước nhằm tranh thủ nguồn lực về tài chính, công nghệ, đào tạo nhân lực, kinh nghiệm quản lý và phát triển thị trường.

Điều chúng tôi hướng tới là tạo ra một môi trường trong đó các nguồn lực có thể gặp nhau và cùng tạo giá trị. Ngân sách nhà nước không phải là nguồn lực duy nhất; quan trọng hơn là dùng nguồn lực nhà nước để “kích hoạt” và thu hút các nguồn lực xã hội.

4. Văn hóa Huế: Đề án liên quan đến nhiều lĩnh vực. Vậy trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương sẽ được xác định như thế nào để tránh tình trạng “khoán” cho ngành văn hóa?

Đồng chí Lê Minh Nhân:

Đây là vấn đề rất quan trọng. Công nghiệp văn hóa bản chất là lĩnh vực liên ngành, vì vậy không thể coi đây là nhiệm vụ riêng của ngành văn hóa.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ là cơ quan thường trực, nhưng để Đề án thành công thì cần sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị.

Đối với các sở, ban, ngành, mỗi cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để chủ động lồng ghép các mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa vào chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; đồng thời phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Đề án, huy động nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cộng đồng phát triển công nghiệp văn hóa.

Đối với UBND các xã, phường, trách nhiệm là căn cứ Đề án và điều kiện thực tế để xây dựng kế hoạch phù hợp; phát huy lợi thế về di sản, làng nghề, lễ hội, văn hóa truyền thống và nguồn lực tại chỗ; đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn.

Tôi muốn nhấn mạnh rằng mỗi địa phương cần tìm ra “**tài sản văn hóa riêng**” của mình. Không nhất thiết địa phương nào cũng phải làm tất cả các lĩnh vực. Nơi có làng nghề thì tập trung phát triển làng nghề; nơi có di sản, lễ hội thì phát triển du lịch văn hóa; nơi có điều kiện về không gian và hạ tầng thì nghiên cứu các hoạt động sáng tạo, dịch vụ văn hóa và kinh tế đêm.

Nếu mỗi địa phương phát huy đúng thế mạnh của mình, chúng ta sẽ tạo nên một mạng lưới sản phẩm công nghiệp văn hóa phong phú, bổ trợ cho nhau và cùng làm giàu thương hiệu văn hóa Huế.

5. Văn hóa Huế: Một vấn đề được nhiều người quan tâm là làm thế nào để phát triển công nghiệp văn hóa mà không làm mất đi tính nguyên bản của di sản và bản sắc Huế?

Đồng chí Lê Minh Nhân:

Đây là bài toán chúng tôi đặc biệt quan tâm.

Phát triển công nghiệp văn hóa không có nghĩa là thương mại hóa văn hóa bằng mọi

giá. Càng không phải biến di sản thành những sản phẩm phục vụ thị trường mà bỏ qua các giá trị lịch sử, văn hóa và tính nguyên gốc.

Theo tôi, điều quan trọng nhất là phải tìm được sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa giá trị văn hóa và giá trị kinh tế.

Huế có một lợi thế mà chúng ta cần giữ gìn, đó là chiều sâu văn hóa và tính đặc trưng. Vì vậy, mỗi sản phẩm công nghiệp văn hóa phải được xây dựng trên nền tảng giá trị thật, câu chuyện thật và bản sắc thật của Huế.

Chúng ta có thể sử dụng công nghệ hiện đại để kể một câu chuyện về di sản theo cách mới; có thể dùng thiết kế đương đại để tạo ra sản phẩm mới từ cảm hứng văn hóa truyền thống; có thể ứng dụng công nghệ số để đưa nghệ thuật Huế đến với công chúng trẻ trên toàn cầu. Nhưng cốt lõi văn hóa phải được tôn trọng.

Nói cách khác, chúng ta không biến đổi bản sắc để chạy theo thị trường; chúng ta sáng tạo cách thức mới để bản sắc có thể bước vào thị trường mà vẫn là chính mình.

Nếu làm được điều đó, công nghiệp văn hóa không những không làm mất đi giá trị di sản mà ngược lại còn tạo thêm nguồn lực để bảo tồn, truyền bá và làm cho di sản tiếp tục sống trong đời sống đương đại.

6. Văn hóa Huế: Nếu lựa chọn một thông điệp ngắn gọn nhất để gửi đến người dân, doanh nghiệp và cộng đồng về Đề án, đồng chí muốn nhấn gửi điều gì?

Đồng chí Lê Minh Nhân:

Tôi muốn gửi một thông điệp rất ngắn gọn:

“Biến di sản thành nguồn lực, biến sáng tạo thành giá trị và biến văn hóa thành động lực phát triển.”

Nhưng để thực hiện được điều đó, Huế phải phát triển bằng chính bản sắc của mình. Chúng ta không chạy theo những mô hình có sẵn, mà phải tìm ra con đường phù hợp với Huế; để mỗi sản phẩm văn hóa khi được tạo ra không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn kể được một câu chuyện về vùng đất Cố đô, làm cho Huế được nhận diện rõ hơn trong lòng người dân, du khách và bạn bè quốc tế.

Tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng Đề án này không phải là câu chuyện của riêng ngành văn hóa. Đây là câu chuyện của cả thành phố, của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, nghệ sĩ, nghệ nhân, người dân và đặc biệt là thể hệ trẻ.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ làm tốt vai trò cơ quan tham mưu, đầu mối phối hợp, hướng dẫn, kết nối và kiến tạo môi trường phát triển. Nhưng để Đề án thành công, chúng ta cần sự chung tay của toàn xã hội.

Tôi kỳ vọng trong những năm tới, từ những giá trị mà cha ông để lại, Huế sẽ tạo ra những sản phẩm mới, những thương hiệu mới, những không gian sáng tạo mới và những cơ hội phát triển mới. Bảo tồn để phát triển, phát triển để tiếp tục bảo tồn; lấy văn hóa làm nền tảng, sáng tạo làm động lực và con người làm trung tâm.

Và sâu xa hơn, mục tiêu của Đề án không chỉ là tạo ra thêm những sản phẩm hay thêm những con số về kinh tế. Điều chúng ta hướng tới là để văn hóa Huế tiếp tục sống trong đời sống hôm nay, tiếp tục được sáng tạo bởi thế hệ hôm nay và trở thành nguồn lực cho tương lai của thành phố.

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí! ■

(Ban Biên tập thực hiện)

DẤU ẤN NHỮNG NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH BÁC HỒ Ở HUẾ

QUA MỘT SỐ HIỆN VẬT QUÝ ĐƯỢC TRUNG BÀY TẠI BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH THÀNH PHỐ HUẾ

■ Bài và ảnh: LÊ VĂN HÀ*

Huế vinh dự và tự hào là mảnh đất đã có những năm tháng Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng những người thân trong gia đình Người từng sinh sống, lao động, học tập và tham gia hoạt động yêu nước. Một điều thật đặc biệt, là tất cả những thành viên trong gia đình Bác Hồ ít nhiều đều có thời gian gắn bó mật thiết với mảnh đất cổ đô thân thương này. Người có thời gian ít nhất là em trai Bác, Nguyễn Sinh Nhuận (Nguyễn Sinh Xín), sinh ra và mất ở Huế khi được vài tháng tuổi. Người có thời gian lâu nhất là anh trai Bác, ông Nguyễn Sinh Khiêm (Cả Khiêm) gắn bó với vùng đất sông Hương núi Ngự hơn nửa cuộc đời, trên 30 năm.

Những năm tháng đó cùng với mối quan hệ tình cảm thiêng liêng, cao đẹp giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người với Huế, Huế với Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người đã để lại nơi đây di sản văn hóa vật thể, phi vật thể hết sức phong phú, đa dạng, mang giá trị lịch sử, văn hóa, tinh thần sâu sắc.

Di sản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người để lại là tài sản vô giá đang được Đảng bộ và Nhân dân thành phố Huế trân trọng gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị. Trong di sản đó có nhiều hiện vật quý liên quan đến những người thân trong gia đình Bác Hồ đang được trưng bày tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

1. Mâm gỗ mít gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dùng cơm tại nhà ông Đồ Ngôn (Cao Đình Ngôn) ở phường Kim Long, thành phố Huế¹

Thời gian gia đình Bác Hồ sống tại Huế, cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh) có quen với ông Đồ Ngôn, bấy giờ bà Đồ Ngôn đang lâm bệnh nặng nên đã nhờ cụ Sắc cứu chữa. Do thuốc hay và được cứu chữa tận tình, bà Đồ Ngôn dần hồi phục và trở lại bình thường. Gia đình ông Đồ Ngôn rất biết ơn thầy thuốc xứ Nghệ nhà nghèo nhưng tấm lòng phúc hậu, thường chữa bệnh cho người nghèo không lấy tiền, được



Các em học sinh xem hiện vật mâm gỗ mít và các hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế

* ThS. Trưởng phòng Tuyên truyền Hướng dẫn Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

1. Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế, Lý lịch hiện vật số BTHCMH113/ĐM21.



Tổ hợp “Những người thân trong gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh” được trưng bày tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế

hiều người mến phục. Từ đó, cả hai gia đình càng thân thiết hơn. Có lần, ông Đồ Ngôn mời cụ Sắc về nhà chơi và dùng bữa cơm thân mật, trong bữa cơm đó còn có thêm Nguyễn Sinh Khiêm (anh trai Chủ tịch Hồ Chí Minh), Nguyễn Sinh Cung (Chủ tịch

Hồ Chí Minh) và ông Cao Đình Luyện (con trai của ông Đồ Ngôn). Mâm cơm được bày trên bộ phản gỗ ở giữa nhà.

Cách mạng Tháng Tám thành công, ông Cao Đình Luyện thường kể cho con trai là Cao Chí Thành nghe: *“Cụ cử Sắc là người ăn ở phúc đức, biết thương nước, thương dân. Cậu con trai của cụ cùng ngồi ăn cơm ở nhà mình lúc trước chính là ông Nguyễn Ái Quốc, có công giành độc lập cho đất nước bây giờ”*. Thời gian này, ông Cao Chí Thành tham gia hoạt động cách mạng rồi gia nhập Vệ quốc đoàn. Sau khi ông Cao Chí Thành tập kết ra Bắc, đến năm 1957 thì ông Cao Đình Luyện mất. Trước lúc qua đời, ông Cao Đình Luyện giao chiếc mâm lại cho con rể Trần Hữu Uyển. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông Cao Chí Thành trở về, ông Trần Hữu Uyển đã giao chiếc mâm lại cho ông Cao Chí Thành.

Ông Cao Chí Thành là cháu nội của ông Cao Đình Ngôn, dân gian thường gọi là cụ Đồ Ngôn. Năm 1996, ông Cao Chí Thành trao tặng chiếc mâm bằng gỗ mít cho Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế để trưng bày và phát huy giá trị.

2. Cối đá bà Nguyễn Thị Thanh

Cối đá bà Nguyễn Thị Thanh (chị gái của Chủ tịch Hồ Chí Minh) thường sử dụng trong thời gian ở nhà ông Nguyễn Hữu Nhiếp và bà Trần Thị Sành tại thôn nam Dương, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế² (nay là xã Đan Điền, thành phố Huế).

Theo lời của bà Nguyễn Thị Sen (65 tuổi), cối đá được cô Thanh mua vào năm 1939 tại Nghệ An, lúc ra thăm quê. Khi vào Huế thì cô đem theo vào sử dụng. Sau khi cô Thanh rời Huế về quê sinh sống, cối đá được gia đình ông Nguyễn Hữu Nhiếp và bà Trần Thị Sành gìn giữ, bảo quản. Đến năm 1997, ông Nguyễn Hữu Thảo (con trai của ông Nguyễn Hữu Nhiếp) đã trao tặng cối đá cho Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế để trưng bày và phát huy giá trị.

3. Lu sành

Lu sành (chum sành) bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Sinh Khiêm sử dụng trong thời gian ở tại thôn Nam Dương, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế³ (nay là xã Đan Điền, thành phố Huế).

2. Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế, Lý lịch hiện vật, số 371.

3. Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế, Lý lịch hiện vật, số 545.



Bộ sách chữ Hán cổ (trên), khay khảm xà cừ (bên trái) cùng một số hiện vật liên quan đến những người thân trong gia đình Bác Hồ đang được trưng bày tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế

Đây là cái lu sanh lâu đời, có trước thế kỷ XIX, được gia đình ông Nguyễn Hữu Nhiếp và Bà Trần Thị Sành sử dụng. Trong thời gian bà Nguyễn Thị Thanh đến ở nhà ông Nhiếp, bà Sành từ năm (1930 - 1938) đã từng sử dụng để đựng ngũ cốc, lương thực phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày. Không những là vật dụng được bà Thanh sử dụng mà đây còn là hiện vật được ông Nguyễn Sinh Khiêm sử dụng trong thời gian ở thôn Nam Dương. Đặc biệt hiện vật còn được hai chị em Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Sinh Khiêm sử dụng trong những lần ký gĩa bố, mẹ mình hàng năm.

Ngày 03/5/1997, ông Nguyễn Hữu Hào (con trai ông Nguyễn Hữu Nhiếp) đã trao tặng lại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế để trưng bày và phát huy giá trị.

4. Chiếc khay khảm xà cừ

Chiếc khay khảm xà cừ đựng bộ tách trà mà ông Nguyễn Sinh Khiêm thường dùng khi uống trà, đàm đạo văn chương thế sự trong quãng thời gian sống tại nhà danh y Đoàn Cảnh ở thôn Khuôn Phò, xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là xã Quảng Điền, thành phố Huế).

Đây là cái khay bằng gỗ mít và kiền kiền của gia đình cụ Đoàn Cảnh. Khay có hai phần riêng, phần trên tức lòng khay có thành gỗ bao quanh được khảm và cừ đều khắp, phần dưới là hệ thống chân và giá chân của khay bằng gỗ kiền kiền. Các góc vuông của khay đều được bịt bằng đồng và chốt đinh. Đây là loại khay còn được lưu giữ trong các gia đình giàu có, gia thế ở Huế nhất là ở Kinh thành. Con cháu trong gia đình cụ Đoàn Cảnh kể lại: đây là sản phẩm của nghệ nhân Huế vào thế kỷ XIX và được ông Đoàn Cảnh sử dụng từ những năm cuối thế kỷ XIX đầu XX.

Ngoài giá trị nghệ thuật cao về nghề mộc và khảm chạm xà cừ tinh xảo, hiện vật trên còn mang giá trị lịch sử to lớn. Chiếc khay này từng đựng bộ tách trà mà ông Cả Khiêm (Nguyễn Sinh Khiêm) sử dụng khi ông cùng ngồi đàm đạo với danh y Đoàn Cảnh những lần ông đi chữa bệnh và hoạt động yêu nước ở vùng Sịa - Quảng Điền, giai đoạn 1930 - 1945.

Ngày 18/05/1997, chiếc khay được tặng cho Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế để trưng bày và phát huy giá trị.

5. Bộ sách Hán cổ về y học và thơ đường

Bộ sách Hán cổ về y học và thơ đường của ông Nguyễn Sinh Khiêm sử dụng trong thời gian ở làng Phú Lễ từ năm 1929, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là xã Đan Điền, thành phố Huế).

Trong thời gian ở đây, ông thường xuyên qua lại, trao đổi thâm tình với cụ Trần Bá Thâm - một thầy thuốc có tiếng trong vùng. Theo lời kể của ông Trần Bá Tân (con trai của cụ Trần Bá Thâm) thì trong những lần uống rượu tâm giao, ngoài trao đổi về y học thì ông Khiêm và cụ Thâm thường đàm đạo về thời cuộc và ngâm thơ Đường cho nhau nghe.

Khi ông Khiêm rời Huế đã tặng lại bộ sách này cho cụ Trần Bá Thâm. Bộ sách được gia đình cụ trân trọng gìn giữ, bảo quản cẩn thận. Ngày 22/3/1998, ông Trần Bá Tân đã trao tặng lại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế để trưng bày và phát huy giá trị...

Ngoài các hiện vật quý về những người thân trong gia đình Bác Hồ, thì ở Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế còn lưu giữ rất nhiều hiện vật có giá trị khác, minh chứng cho tình cảm thiêng liêng, đặc biệt mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho xứ Huế và xứ Huế dành cho Người. Tất cả những hiện vật đó, được Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế trân trọng gìn giữ và phát huy giá trị. ■

HỒ NGỌC DIỆP

Biển tình



Anh...

*Khoảng lặng trong tim em
Có xa xôi, cũng nhiều cách trở
Có ngập ngừng và lăm mòng manh.*

Em...

*Trong anh biển tình cao và rộng
Bọt sóng nghìn trùng
Làm tung cả ước mòng.*

Và đôi ta...

*Đôi chim âu vờn sóng
Lướt chập chùng mòng mõi, khát khao.*

*Đêm đưa ta về bến nghỉ yêu thương
Nghe sóng biếc vỗ ghềnh ào ạt
Đôi tim yêu lắng đọng khúc ru tình
Nghe biển hát ngọt ngào da diết.*

*Phút yêu đương đôi má tựa nhau kề
Biển sóng thì trào, thủ thi, thiết tha
Xiết chặt tay cùng thương yêu anh nhé
Cuộc đời ta như đôi cánh chim âu.*

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ HỆ TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH CỦA PHAN CHÂU TRINH ĐỐI VỚI TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM

■ TRẦN THỊ HỘI* · LÊ VĂN HÀ**

Phan Châu Trinh là một trong những nhà tư tưởng lớn của Việt Nam đầu thế kỷ XX. Khác với các sĩ phu đương thời chủ trương bạo động hoặc cầu viện ngoại bang, Phan Châu Trinh đã đề xuất một hệ tư tưởng cải cách toàn diện, lấy “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” làm cốt lõi, hướng tới xây dựng một xã hội dân chủ, pháp quyền và tiến bộ. Bài viết phân tích những nội dung cơ bản của hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh, làm rõ giá trị lịch sử của tư tưởng này đối với tiến trình cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong việc thức tỉnh ý thức dân chủ, chuẩn bị về tư tưởng cho sự ra đời của các khuynh hướng, đường lối cách mạng sau này. Qua đó, khẳng định vị trí lịch sử và ý nghĩa lâu dài của tư tưởng Phan Châu Trinh trong dòng chảy tư tưởng cách mạng Việt Nam.

Trong tiến trình vận động của lịch sử dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, vấn đề lựa chọn con đường phát triển và giải phóng dân tộc đặt ra như một yêu cầu cấp bách mang tính sống còn. Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến cuối thế kỷ XIX đã làm bộc lộ sâu sắc cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Trong bối cảnh ấy, sự xuất hiện của tư tưởng cải cách dân chủ tư sản, tiêu biểu là hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh, đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam thời cận đại.

Phan Châu Trinh không chủ trương bạo động vũ trang hay cầu viện ngoại bang để giành độc lập dân tộc như một số sĩ phu đương thời, mà đề xuất con đường “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” lấy cải cách xã hội, nâng cao dân quyền và dân trí làm nền tảng cho sự nghiệp cứu nước. Ông kiên quyết phê phán chế độ quân chủ chuyên chế, coi đó là nguyên nhân sâu xa làm suy yếu quốc gia và khiến dân tộc rơi vào vòng nô lệ. Từ đó, ông đề xuất một mô hình phát triển dựa trên dân chủ, pháp quyền và giáo dục khai sáng, tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiến bộ của phương Tây. Hệ tư tưởng ấy không chỉ phản ánh sự thức tỉnh về ý thức cá nhân và quyền công dân trong xã hội Việt Nam truyền thống, mà còn thể hiện nỗ lực vượt qua những giới hạn của hệ tư tưởng phong kiến.

Nghiên cứu giá trị lịch sử của hệ tư tưởng cải cách Phan Châu Trinh không chỉ nhằm nhận diện một khuynh hướng tư tưởng trong lịch sử, mà còn góp phần làm sáng tỏ quá trình vận động, chuyển hóa của tư tưởng cách mạng Việt Nam từ truyền thống sang

* ThS. Giảng viên Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

** ThS. Trưởng phòng Tuyên truyền Hướng dẫn Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

hiện đại. Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu đổi mới tư duy, phát triển dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đang đặt ra những đòi hỏi mới.



Chân dung cụ Phan Châu Trinh. Ảnh tư liệu

2. Bối cảnh lịch sử hình thành hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh

Hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh được hình thành trong bối cảnh đất nước mất độc lập, xã hội khủng hoảng sâu sắc, chế độ phong kiến và hệ tư tưởng Nho giáo suy tàn, đồng thời chịu tác động mạnh mẽ của các trào lưu cải cách phương Đông và tư tưởng dân chủ phương Tây. Bối cảnh lịch sử - xã hội đó, kết hợp với trải nghiệm thực tiễn phong phú của bản thân, đã tạo nên một nhà tư tưởng cải cách tiêu biểu, có đóng góp quan trọng cho sự vận động tư tưởng và phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

2.1. Tình hình Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX, sau khi hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã thiết lập chế độ thống trị thuộc địa - nửa phong kiến, làm biến đổi căn bản cấu trúc kinh tế, chính trị và xã hội Việt Nam. Chủ quyền quốc gia bị tước đoạt, triều đình nhà Nguyễn từ vị thế một chính quyền độc lập trở thành bộ máy phụ thuộc, phục vụ lợi ích của thực dân Pháp. Nền kinh tế lạc hậu bị lồng ghép cưỡng bức vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, đời sống nhân dân ngày càng bần cùng hóa, xã hội ngày càng bị phân hóa sâu sắc¹; văn hóa - giáo dục trì trệ, ý thức dân tộc bị kìm hãm bởi tư tưởng trung quân và lễ giáo phong kiến.

Trong bối cảnh đó, xã hội Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện về đường lối cứu nước. Các phong trào đấu tranh yêu nước theo khuynh hướng phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương (1885 - 1896), tuy thể hiện tinh thần yêu nước mạnh mẽ

1. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (cb) (2006), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 589.

nhưng đều lần lượt thất bại. Nguyên nhân cơ bản là các phong trào này vẫn đặt niềm tin vào chế độ quân chủ, thiếu một chương trình cải tạo xã hội sâu sắc và không đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới.

Thực tiễn lịch sử ấy tạo nên tiền đề khách quan quan trọng để các nhà yêu nước Việt Nam, trong đó có Phan Châu Trinh, tiến hành tìm kiếm một con đường cứu nước mới, vượt ra khỏi khuôn khổ tư duy phong kiến truyền thống và dựa trên những giá trị tiên bộ của thời đại.

2.2. Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ và hệ tư tưởng Nho giáo

Một trong những bối cảnh tư tưởng quan trọng nhất dẫn tới sự hình thành hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh là sự suy tàn của chế độ quân chủ chuyên chế và hệ tư tưởng Nho giáo chính thống. Trước sức ép của chủ nghĩa tư bản phương Tây, Nho giáo không còn đủ khả năng đóng vai trò là nền tảng tư tưởng cho sự phát triển xã hội. Những nguyên lý như “*quân quyền tuyệt đối*”, “*dân vi thần thuộc*” ngày càng bộc lộ sự lỗi thời và phản tiến bộ.

Phan Châu Trinh, xuất thân là một nhà Nho, đã sớm nhận ra những hạn chế mang tính lịch sử của Nho giáo và chế độ phong kiến Việt Nam. Từ thực tiễn quan sát bộ máy triều đình Huế nhu nhược, bảo thủ và thỏa hiệp với thực dân Pháp, ông đi đến nhận thức mang tính đột phá: nguồn gốc sâu xa của sự mất nước không chỉ nằm ở ngoại xâm mà còn ở chính chế độ quân chủ chuyên chế. Do đó, muốn cứu nước phải bắt đầu từ việc cải cách xã hội, trước hết là cải cách thể chế chính trị và tư tưởng.

Chính trong bối cảnh khủng hoảng ấy, tư tưởng dân quyền, pháp quyền và tinh thần phản đối quân chủ của Phan Châu Trinh từng bước hình thành và phát triển.

2.3. Ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ phương Tây và phong trào cải cách tiến bộ phương Đông

Sự du nhập của văn minh phương Tây thông qua con đường thực dân đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trong đời sống tư tưởng Việt Nam. Các khái niệm mới như dân quyền, dân chủ, hiến pháp, pháp trị, khoa học - kỹ thuật dần dần được giới trí thức tiếp cận. Qua đó, đã tạo ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư duy của các sĩ phu Việt Nam, trong đó có Phan Châu Trinh.

Quá trình hoạt động cách mạng, đặc biệt là thời gian sinh sống và hoạt động tại Pháp, đã tạo điều kiện để Phan Châu Trinh tiếp xúc trực tiếp với các tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây. Những giá trị như tự do, bình đẳng, bác ái; các học thuyết về nhân quyền, dân quyền và nhà nước pháp quyền đã tác động sâu sắc đến sự hình thành thế giới quan chính trị của ông.

Từ đó, Phan Châu Trinh đi đến khẳng định: độc lập dân tộc phải gắn liền với dân chủ và tiến bộ xã hội; muốn có dân chủ thực chất thì trước hết phải khai hóa dân trí, xây dựng con người mới. Đây là cơ sở lý luận quan trọng cho hệ tư tưởng cải cách của ông, đồng thời thể hiện bước chuyển từ tư duy yêu nước truyền thống sang tư duy chính trị hiện đại.

Bên cạnh đó, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, phong trào cải cách và duy tân ở một số nước phương Đông phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868) và phong trào cải cách ở Trung Quốc do Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu khởi xướng. Những tư tưởng như khai dân trí, chấn dân khí, phát triển giáo dục, cải cách thể chế đã tạo ra ảnh hưởng sâu rộng đối với giới trí thức Việt Nam đương thời.

Phan Châu Trinh tiếp thu các tư tưởng cải cách đó trên tinh thần chọn lọc và phê phán. Khác với một số nhà yêu nước cùng thời, ông không chủ trương phục hồi hay duy trì chế độ quân chủ lập hiến, mà hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội dân chủ theo tinh thần hiện đại. Việc tiếp nhận các trào lưu cải cách phương Đông đã giúp Phan Châu Trinh củng cố niềm tin rằng con đường cải cách ôn hòa, dựa trên nâng cao dân trí và cải tạo xã hội là hướng đi phù hợp với điều kiện lịch sử Việt Nam.

3. Nội dung cơ bản của hệ tư tưởng cải cách Phan Châu Trinh

3.1. Phê phán chế độ phong kiến và tư tưởng quân chủ

Một trong những điểm nổi bật của tư tưởng Phan Châu Trinh là sự phê phán triệt để chế độ phong kiến Việt Nam. Ông cho rằng chính chế độ quân chủ chuyên chế, cùng với hệ tư tưởng trung quân mù quáng, đã làm cho dân tộc Việt Nam suy yếu và mất nước. Trong nhiều bài viết và diễn thuyết, Phan Châu Trinh khẳng định: mất nước không chỉ do ngoại xâm, mà còn do nội tại của xã hội phong kiến mục nát.

Quan điểm này thể hiện bước tiến vượt bậc trong tư duy chính trị của Phan Châu Trinh. Khác với nhiều sĩ phu vẫn đặt niềm tin vào việc “*phò vua cứu nước*”, ông chủ trương phải xóa bỏ tận gốc nền quân chủ chuyên chế, xây dựng một xã hội mới dựa trên quyền làm chủ của Nhân dân.

3.2. Tư tưởng “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”

Theo Phan Châu Trinh, dân trí thấp là một trong những nguyên nhân căn bản khiến dân tộc Việt Nam rơi vào vòng nô lệ. Vì vậy, muốn cứu nước theo ông trước hết phải thực hiện mục tiêu Khai dân trí: “*Mở mang trí tuệ cho dân, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước bằng cách tổ chức các trường học dạy theo lối mới, chú trọng kiến thức khoa học kỹ thuật, vận động bỏ lối nhồi sọ chỉ nhằm khoa cử, bài trừ hủ tục, chống mê tín dị đoan, xây dựng một nền học vấn và văn hóa tiến bộ, xây dựng con người toàn diện thích ứng với cuộc sống văn minh*”².

Ông đề cao vai trò của khoa học - kỹ thuật, của tri thức thực dụng trong việc cải tạo xã hội. Việc khai dân trí không chỉ nhằm đào tạo nhân lực cho đất nước, mà còn nhằm hình thành ý thức công dân, ý thức dân chủ trong quần chúng nhân dân.

Bên cạnh khai dân trí, Phan Châu Trinh đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ “chấn dân khí”. Theo ông: “*Trước hết phải thức tỉnh lòng yêu nước và nhuệ khí đấu tranh trong đồng bào đang bị vùi dập đến cùng cực dưới chế độ thực dân phong kiến. Trước tiên phải thức tỉnh và bồi dưỡng chí khí trong trí thức nhân sĩ bị mộng khoa cử và bả vinh*



Cụ Phan Châu Trinh và con trai Phan Châu Dật ở Pháp. Ảnh tư liệu

2. Huỳnh Lý (2002), *Phan Châu Trinh thân thế và sự nghiệp*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr. 41.

hoa làm cho mê muội để họ đứng ra tổ chức và lãnh đạo”³. Người dân Việt Nam bị kìm hãm lâu dài trong chế độ phong kiến nên thiếu tinh thần tự chủ, cam chịu áp bức. Muốn thoát khỏi thân phận nô lệ, Nhân dân phải được thức tỉnh, phải dám đứng lên đòi quyền sống, quyền làm người.

Tinh thần dân chủ và ý thức công dân mà Phan Châu Trinh đề xướng chính là nền tảng tinh thần cho một xã hội mới. Đây là điểm tiến bộ vượt thời đại trong tư tưởng của ông.

Phan Châu Trinh không dừng lại ở lý luận chính trị, mà còn quan tâm sâu sắc đến đời sống vật chất của Nhân dân. Chính vì vậy, ông đã đưa ra mục tiêu Hậu dân khí là *“làm cho đời sống của dân ngày càng được no đủ và phát triển kinh tế đất nước bằng những biện pháp và tổ chức phát triển kinh tế theo hướng tự lực tự cường như vận động dùng hàng nội hóa, phục hồi và phát triển các ngành nghề trong nước...”*⁴. Ông cho rằng cải cách xã hội phải gắn liền với việc cải thiện dân sinh, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân. Chỉ khi Nhân dân có cuộc sống ổn định, họ mới có điều kiện tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội.

4. So sánh hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh với khuynh hướng cứu nước của Phan Bội Châu và tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

4.1. Với khuynh hướng cứu nước của Phan Bội Châu

Điểm tương đồng: Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu đều là những nhà yêu nước tiêu biểu của Việt Nam đầu thế kỷ XX, xuất thân từ tầng lớp sĩ phu Nho học, cùng chứng kiến sự suy tàn của chế độ phong kiến và bị kích mất nước; đều xác định được kẻ thù của dân tộc là thực dân Pháp. Cả hai đều nhận thức sâu sắc rằng con đường cứu nước truyền thống đã thất bại và dân tộc Việt Nam cần một hướng đi mới.

Điểm gặp gỡ căn bản giữa hai ông là tinh thần yêu nước nồng nàn, ý thức trách nhiệm trước vận mệnh dân tộc và khát vọng canh tân đất nước theo hướng tiến bộ. Cả hai đều tiếp thu ảnh hưởng của tư tưởng cải cách ở Nhật Bản và Trung Quốc, đều nhận ra vai trò của giáo dục, của việc mở mang dân trí trong công cuộc cứu nước.

Về tính chất và chủ trương: Cả hai cụ đều chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản. *“Chủ trương cứu nước của các cụ vừa giống nhau vừa thống nhất với nhau ở khái niệm “Dân nước và nước dân””*⁵.

Tuy nhiên, từ nền tảng chung ấy, mỗi người lại lựa chọn một con đường khác nhau, phản ánh sự đa dạng và phức tạp của phong trào yêu nước Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp lịch sử.

Sự khác biệt về mục tiêu trực tiếp và phương thức cứu nước:

Sự khác biệt được thể hiện rõ trong cuộc gặp gỡ tranh luận của hai cụ trong khoảng hơn 10 ngày gặp nhau. Sau này cụ Phan Bội Châu có kể lại: *“Trong khoảng hơn 10 ngày, ông Tây - Hồ⁶ và tôi tranh luận trở đi trở lại, ý kiến là trái ngược nhau, ông thì muốn trước hết đánh đổ ngay quân chủ để làm cơ sở xây dựng dân quyền, tôi thì muốn đánh đuổi ngay giặc Pháp, đợi khi nước ta độc lập rồi sẽ mưu tính đến việc khác. Ý tôi*

3. Huỳnh Lý (2002), *Phan Châu Trinh thân thế và sự nghiệp*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr. 41.

4. Huỳnh Lý (2002), *Phan Châu Trinh thân thế và sự nghiệp*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr. 41.

5. <https://nghiencuulichsu.com/2020/03/30/phan-boi-chau-phan-chau-trinh-va-khuynh-huong-cuu-nuoc-dau-tk-xx/>

6. Phan Chu Trinh tên chữ là Từ Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu là Huy Mã.

là muốn lợi dụng quân chủ, thì ông cực lực phản đối, ý ông muốn đánh đổ quân chủ đề cao quyền dân, thì tôi không tán thành, vì ông với tôi cũng một mục đích, nhưng thủ đoạn khác nhau rất xa. Ông thì đi từ chỗ dựa vào Pháp để đổ vua, tôi thì đi từ chỗ đánh đuổi Pháp mà phục lại Việt, do đó mà khác xa nhau...”⁷.

Qua đó, chúng ta thấy sự khác biệt căn bản nhất giữa Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu nằm ở mục tiêu trực tiếp và phương thức cứu nước. Phan Bội Châu đặt mục tiêu hàng đầu là giành độc lập dân tộc bằng con đường bạo động, coi việc đánh đuổi thực dân Pháp là nhiệm vụ trước mắt và cấp bách nhất. Trong khi đó, Phan Châu Trinh lại cho rằng, nếu dân trí chưa mở, dân khí chưa chấn, thì dù có giành được độc lập bằng bạo lực, đất nước vẫn khó tránh khỏi lạc hậu và lệ thuộc.

Phan Châu Trinh chủ trương “*bất bạo động*”, phản đối việc dựa vào ngoại bang để cứu nước: “*Không bạo động! Bạo động thì chết! Không mong ngóng nước ngoài cứu giúp!...*”⁸. Ông cho rằng cần tập trung cải cách xã hội, xây dựng nền tảng dân chủ, pháp quyền, từ đó tạo ra sức mạnh nội sinh cho dân tộc. Chính vì vậy, ông phê phán mạnh mẽ cả chế độ phong kiến lẫn tư tưởng cầu viện nước ngoài.

Một điểm khác biệt nữa mang tính bản chất là thái độ đối với chế độ phong kiến. Phan Bội Châu, đặc biệt trong giai đoạn đầu, vẫn đặt niềm tin vào vai trò của vua và tầng lớp sĩ phu, chủ trương “*phò vua cứu nước*”. Trong khi đó, Phan Châu Trinh có thái độ phê phán triệt để chế độ quân chủ chuyên chế, coi đó là một trong những nguyên nhân trực tiếp khiến đất nước suy yếu và mất nước.

Chính sự khác biệt này đã khiến Phan Châu Trinh trở thành một trong những người đầu tiên ở Việt Nam đặt vấn đề dân chủ và dân quyền một cách rõ ràng, vượt ra khỏi giới hạn tư duy phong kiến truyền thống.

Sự khác biệt giữa hai khuynh hướng không phải là sự đối lập tuyệt đối, mà phản ánh quy luật vận động đa tuyến của tư tưởng cứu nước Việt Nam. Nếu khuynh hướng bạo động của Phan Bội Châu thể hiện tinh thần quyết liệt trong đấu tranh giành độc lập, thì khuynh hướng cải cách của Phan Châu Trinh lại đóng vai trò chuẩn bị về tư tưởng, văn hóa và xã hội cho sự chuyển biến lâu dài của cách mạng Việt Nam.

4.2. Với tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Những điểm gặp gỡ trong tư tưởng: Mặc dù thuộc hai thế hệ khác nhau và hoạt động trong những bối cảnh lịch sử khác nhau, Phan Châu Trinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều điểm gặp gỡ đáng chú ý trong tư tưởng. Cả hai đều xuất phát từ tinh thần yêu nước sâu sắc, đều phê phán gay gắt chế độ phong kiến lỗi thời, đều đề cao vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao những đóng góp của Phan Châu Trinh trong việc thức tỉnh dân trí, khơi dậy tinh thần dân chủ và phê phán chế độ phong kiến. Người coi Phan Châu Trinh là một trong những nhà yêu nước tiêu biểu đã góp phần “*mở đường*” cho cách mạng Việt Nam.

Sự khác biệt về con đường và phương pháp cách mạng:

Tuy có những điểm gặp gỡ, nhưng tư tưởng Phan Châu Trinh và tư tưởng Hồ Chí Minh khác nhau về bản chất con đường cách mạng. Phan Châu Trinh không vượt qua

7. Tôn Quang Phiệt (1956), *Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, tr. 75-76.

8. Vũ Tiên Quỳnh (1998), *Nguyễn Thương Hiền, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, tr. 46.

được giới hạn của khuynh hướng cải cách tư sản, vẫn còn hy vọng vào khả năng cải lương của thực dân Pháp. Trong khi đó, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cách mạng vô sản, kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, coi bạo lực cách mạng là phương thức tất yếu để lật đổ ách thống trị thực dân - phong kiến.

Tuy nhiên, cần thấy rằng sự khác biệt này là kết quả của những điều kiện lịch sử khác nhau. Phan Châu Trinh hoạt động trong giai đoạn đầu của phong trào yêu nước hiện đại, khi chủ nghĩa Mác - Lênin chưa được truyền bá rộng rãi vào Việt Nam. Do đó, những hạn chế trong tư tưởng của ông mang tính lịch sử, không thể tách rời khỏi hoàn cảnh cụ thể.

Vai trò “chuẩn bị” của tư tưởng Phan Châu Trinh đối với tư tưởng Hồ Chí Minh: Một trong những giá trị lịch sử quan trọng nhất của tư tưởng Phan Châu Trinh là vai trò chuẩn bị về tư tưởng và văn hóa cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Những nội dung như phê phán phong kiến, đề cao dân chủ, coi trọng giáo dục và nâng cao dân trí đã tạo ra một môi trường tư tưởng thuận lợi để Hồ Chí Minh tiếp thu và phát triển học thuyết cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Có thể nói, nếu không có sự thức tỉnh về dân trí, dân quyền và ý thức công dân do các nhà cải cách như Phan Châu Trinh khởi xướng, thì việc tiếp nhận và vận dụng thành công chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

5. Giá trị lịch sử của hệ tư tưởng cải cách Phan Châu Trinh đối với tiến trình cách mạng Việt Nam

Một là, góp phần thức tỉnh ý thức dân chủ và tinh thần dân quyền: Giá trị lịch sử đầu tiên và quan trọng nhất của tư tưởng Phan Châu Trinh là ở chỗ ông đã góp phần thức tỉnh ý thức dân chủ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX. Lần đầu tiên, các khái niệm như quyền công dân, pháp quyền, dân chủ được đặt ra một cách có hệ thống trong tư duy của một nhà yêu nước Việt Nam.

Mặc dù tư tưởng ấy chưa thể trở thành hiện thực trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, nhưng nó đã gieo những hạt giống đầu tiên cho sự hình thành ý thức dân quyền trong phong trào cách mạng Việt Nam về sau.

Hai là, chuẩn bị về tư tưởng và văn hóa cho cách mạng Việt Nam: Hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh đã đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị về tư tưởng và văn hóa cho cách mạng Việt Nam. Thông qua phong trào Duy Tân và các hoạt động truyền bá tư tưởng mới, Phan Châu Trinh và các đồng chí của ông đã tạo ra một môi trường tư tưởng thuận lợi cho sự tiếp nhận các học thuyết cách mạng tiến bộ, trong đó có chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong lịch sử tư tưởng yêu nước đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh được đánh giá là một trong những nhà khai sáng tiêu biểu nhất. Tuy con đường cải cách mà ông lựa chọn không trực tiếp đưa tới thắng lợi cách mạng, nhưng vai trò của ông trong việc thức tỉnh dân tộc, mở ra một hệ hình tư duy mới về quốc gia và dân quyền đã đặt những viên gạch nền móng cho sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam sau này. Chính vì vậy, nhiều học giả coi ông là người có công “mở đường” cho cách mạng Việt Nam.

Ba là, góp phần làm phong phú truyền thống tư tưởng cách mạng Việt Nam: Tư tưởng cải cách Phan Châu Trinh là một bộ phận hữu cơ của truyền thống tư tưởng cách mạng Việt Nam. Nó bổ sung cho khuynh hướng bạo động và cách mạng vô sản những giá trị về dân chủ, pháp quyền và cải cách xã hội, tạo nên sự đa dạng và phong phú trong lịch sử tư tưởng dân tộc.

Qua tìm hiểu và nghiên cứu hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh chúng ta thấy rằng: hệ tư tưởng cải cách của ông mang nhiều giá trị tiến bộ và vượt thời đại. Trong điều kiện xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, việc đề cao dân chủ, pháp quyền, quyền con người và vai trò của giáo dục là một bước đột phá lớn về tư duy. Những giá trị ấy không chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử cụ thể, mà còn mang tính phổ quát đối với sự phát triển của xã hội hiện đại.

Bên cạnh những giá trị to lớn, tư tưởng Phan Châu Trinh cũng có những hạn chế không thể phủ nhận. Đó là sự đánh giá chưa đầy đủ về bản chất của chủ nghĩa thực dân và khả năng cải lương của chính quyền Pháp. Những hạn chế này khiến con đường cải cách mà ông đề xuất không thể trở thành hiện thực trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng những hạn chế ấy không làm giảm đi giá trị lịch sử của tư tưởng Phan Châu Trinh, mà ngược lại, càng cho thấy tính chất thử nghiệm và tìm tòi của phong trào yêu nước Việt Nam trong giai đoạn đầu của thời kỳ hiện đại.

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy dân chủ, nhiều giá trị trong tư tưởng Phan Châu Trinh vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự. Tinh thần “*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*”, coi trọng giáo dục và pháp quyền tiếp tục là những bài học có giá trị cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh là một hiện tượng nổi bật trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam đầu thế kỷ XX, phản ánh nỗ lực tìm kiếm con đường phát triển dân tộc trong bối cảnh khủng hoảng đường lối cứu nước. Với chủ trương “*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*”, ông đã chuyển trọng tâm từ trung quân sang dân quyền, từ cứu nước bằng bạo động sang cải tạo xã hội bằng giáo dục, pháp quyền và nâng cao ý thức công dân. Đây là bước chuyển quan trọng từ tư duy chính trị phong kiến sang tư duy dân chủ cận đại.

Giá trị lịch sử nổi bật của hệ tư tưởng này trước hết nằm ở tinh thần phê phán sâu sắc chế độ phong kiến chuyên chế và ý thức đề cao vai trò chủ thể của nhân dân. Phan Châu Trinh không chỉ nhìn nhận nguyên nhân mất nước từ ngoại xâm mà còn chỉ ra căn nguyên nội tại của sự trì trệ dân tộc. Quan điểm ấy góp phần thức tỉnh xã hội, hình thành tầng lớp trí thức mới và tạo tiền đề tư tưởng cho sự vận động của các khuynh hướng cứu nước tiếp theo, trong đó có con đường cách mạng do Hồ Chí Minh lựa chọn.

Tuy còn những hạn chế lịch sử, đặc biệt là khuynh hướng cải lương và niềm tin vào khả năng cải cách từ phía chính quyền thực dân, hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh vẫn giữ vai trò như một giai đoạn tất yếu trong tiến trình sàng lọc và lựa chọn con đường cách mạng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nó góp phần làm phong phú đời sống tư tưởng dân tộc, thúc đẩy sự chuyển biến từ cải cách đến cách mạng, từ yêu cầu canh tân xã hội đến nhiệm vụ giải phóng dân tộc triệt để.

Trong bối cảnh đương đại, khi Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, những giá trị cốt lõi trong hệ tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh - đặc biệt là đề cao dân trí, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng nhà nước pháp quyền và coi trọng giáo dục - vẫn mang ý nghĩa tham chiếu quan trọng. Việc nghiên cứu và đánh giá khách quan giá trị lịch sử của hệ tư tưởng này không chỉ giúp hiểu rõ hơn tiến trình cách mạng Việt Nam mà còn góp phần củng cố nền tảng lý luận cho sự phát triển bền vững của đất nước trong thời kỳ mới. ■

QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN

LỄ HỘI ĐIỆN HUỆ NAM *trong đời sống đương đại*

■ LÊ MINH NHÂN*

1. Mở đầu

Lễ hội điện Huệ Nam (còn gọi là điện Hòn Chén) là một thực hành văn hóa - tín ngưỡng tiêu biểu của thành phố Huế, gắn với tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, lễ hội không chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng mà còn phản ánh sự giao thoa độc đáo giữa văn hóa dân gian với văn hóa cung đình triều Nguyễn, tạo nên một sắc thái riêng trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. Với không gian thực hành gắn liền điện Huệ Nam, sông Hương và các địa điểm tín ngưỡng liên quan, lễ hội trở thành môi trường lưu giữ và trao truyền nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và tri thức dân gian của vùng đất Cố đô.

Việc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh Lễ hội điện Huệ Nam vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể đã khẳng định những giá trị tiêu biểu của di sản, đồng thời mở ra yêu cầu mới trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị lễ hội theo hướng bền vững. Trong bối cảnh Luật Di sản văn hóa năm 2024 được ban hành, cùng với chủ trương của Đảng về phát huy giá trị di sản gắn với phát triển đất nước, lễ hội điện Huệ Nam không chỉ được nhìn nhận như một sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống mà còn là nguồn lực văn hóa quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và xây dựng bản sắc văn hóa Huế.

2. Lễ hội điện Huệ Nam: Hành trình lịch sử và không gian văn hóa

Lễ hội điện Huệ Nam là lễ hội truyền thống gắn với tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na, được tổ chức tại điện Huệ Nam và hệ thống các am, điện thờ Thánh Mẫu có liên quan trên địa bàn thành phố Huế. Chủ thể của lễ hội là cộng đồng thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, khu vực miền Trung và nhiều địa phương khác trên cả nước, cùng tham gia gìn giữ, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa của di sản. Thông qua các nghi thức tế lễ, hành hương và sinh hoạt tín ngưỡng, cộng đồng bày tỏ lòng tôn kính đối với Thánh Mẫu Thiên Y A Na cùng các vị thần linh được tôn thờ, đồng thời gửi gắm ước vọng về quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, cuộc sống bình an và hạnh phúc. Tuy nhiên, để nhận diện đầy đủ giá trị của lễ hội điện Huệ Nam, cần đặt lễ hội trong tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu ở vùng đất Huế cũng như trong không gian văn hóa đặc thù của vùng đất Cố đô.

Trước khi trở thành một trung tâm tín ngưỡng có sự bảo trợ của triều Nguyễn, việc thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y A Na đã tồn tại trong đời sống tín ngưỡng của cư dân Thuận Hóa. Quá trình cộng cư, giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa người Việt với cư

* Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao, và Du lịch thành phố Huế.



Ảnh: Lê Đình Hoàng

dân bản địa đã tạo điều kiện để tín ngưỡng thờ nữ thần từng bước hòa nhập vào đời sống văn hóa của cộng đồng. Trên nền tảng ấy, hình tượng Thiên Y A Na dần được Việt hóa, trở thành vị Thánh Mẫu có vai trò che chở, bảo hộ cho quốc gia và đời sống nhân dân. Chính sự bền vững của nền tảng tín ngưỡng dân gian này đã tạo tiền đề để triều Nguyễn tiếp nhận, bảo trợ và từng bước đưa việc thờ Thánh Mẫu vào hệ thống nghi lễ chính thống của quốc gia.

Điều cần nhấn mạnh là lễ hội điện Huệ Nam không phải là sản phẩm được hình thành từ nghi lễ cung đình mà có cội nguồn từ tín ngưỡng dân gian của cộng đồng cư dân địa phương. Trong suốt quá trình phát triển, triều Nguyễn không thay đổi các thực hành tín ngưỡng vốn có mà tiếp nhận, điều chỉnh và nâng tầm vị thế của ngôi điện cũng như các nghi lễ liên quan. Chính vì vậy, lễ hội điện Huệ Nam là kết quả của quá trình tương tác lâu dài giữa văn hóa dân gian với văn hóa cung đình, giữa niềm tin tín ngưỡng của cộng đồng với sự bảo trợ của Nhà nước quân chủ. Đây cũng là đặc điểm tạo nên bản sắc riêng của lễ hội so với nhiều trung tâm thờ Mẫu khác ở Việt Nam.

Từ thời vua Gia Long đến vua Hàm Nghi, triều đình đều tổ chức các nghi thức cúng tế tại Ngọc Trản sơn thần từ (đền thần núi Ngọc Trản), tức điện Huệ Nam ngày nay. Theo Châu bản triều Nguyễn, dưới thời vua Tự Đức, triều đình đã nhiều lần tổ chức lễ cầu đảo tại đền núi Ngọc Trản. Nội dung bản tấu của đình thần đề ngày 19 tháng 3 năm Tự Đức thứ 23 (1870) cho biết: *“Kể từ tháng trước đến nay ở Kinh đô và các tỉnh lân cận đều báo không có mưa, đã cầu đảo mà chưa ứng nghiệm. Và lại, hiện nay lúa đang kỳ ngâm đồng trở bông, mà khí nóng càng khô khốc. Nhân dân trông mưa lắm. Ngoài việc Phạm Ngọc Huy phủ thần Thừa Thiên cầu đảo ở miếu Hội đồng ra, nay chúng thần bàn xin phái ba viên quan văn võ, chọn ngày 11 tháng này đến miếu Vũ sư, miếu Đô thành hoàng và Ngọc Trản sơn thần từ, thành tâm cầu đảo để sớm được mưa ngọt, thỏa lòng mong ngóng của nhà nông”*¹. Điều này cho thấy trước khi được đổi tên thành

1. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Nguyễn, triều vua Tự Đức, tập 212, tờ 188.

điện Huệ Nam, Ngọc Trản sơn thần từ đã giữ vị trí quan trọng trong hệ thống nghi lễ của triều đình, đồng thời phản ánh niềm tin của cả Nhà nước và nhân dân đối với sự linh ứng của ngôi điện trong đời sống xã hội.

Một dấu mốc quan trọng trong lịch sử của di tích là việc vua Đồng Khánh sau khi lên ngôi đã đổi tên Ngọc Trản sơn thần từ thành điện Huệ Nam. Chính sử ghi nhận sự kiện này vào tháng 2 năm Đồng Khánh thứ nhất (1886): *“Đổi đền Ngọc Trản làm điện Huệ Nam. Vua khi còn ẩn náu, thường chơi xem ở núi ấy, mỗi khi đến đền cầu khẩn, phần nhiều có ứng nghiệm...”*². Đồng thời, triều đình chuẩn cho Bộ Công chế tác biển ngạch mang ba chữ *“Huệ Nam điện”* và nâng nghi lễ tế tự tại đây lên hàng Quốc lễ. Việc đổi tên ngôi điện không đơn thuần là sự thay đổi về danh xưng mà còn phản ánh sự ghi nhận chính thức của triều Nguyễn đối với vị trí của điện Huệ Nam trong đời sống tín ngưỡng quốc gia. Từ đây, điện Huệ Nam không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng mà còn trở thành một thiết chế tín ngưỡng có sự bảo trợ trực tiếp của Nhà nước, góp phần củng cố vai trò của Thánh Mẫu Thiên Y A Na trong hệ thống thần linh được triều đình tôn thờ.

Quá trình cung đình hóa đã tạo nên diện mạo đặc sắc của lễ hội điện Huệ Nam nhưng không làm mất đi bản chất dân gian vốn có. Trái lại, sự kết hợp giữa nghi thức cung đình với tín ngưỡng dân gian đã hình thành nên một không gian văn hóa mang đậm bản sắc Huế. Hệ thống nghi lễ, nhạc lễ, lễ phục, nghi thức tế tự, nghệ thuật bài trí điện thờ và các biểu tượng nghi lễ được bổ sung, hoàn thiện theo chuẩn mực cung đình, trong khi các thực hành tín ngưỡng của cộng đồng vẫn tiếp tục được duy trì và trao truyền. Chính sự giao thoa giữa hai dòng chảy văn hóa ấy đã tạo nên tính độc đáo của lễ hội điện Huệ Nam - vừa trang nghiêm, chuẩn mực theo truyền thống cung đình, vừa gần gũi với đời sống tín ngưỡng của nhân dân.

Không gian văn hóa của lễ hội cũng là một trong những yếu tố tạo nên giá trị nổi bật của di sản. Điện Huệ Nam được xây dựng trên sườn núi Ngọc Trản, hướng mặt ra sông Hương, gồm nhiều công trình kiến trúc như Minh Kính Đài, Thượng cung, Trung cung, Tiền cung, Trinh Cát Viện, Quan Cư, Tế Bắc Đường cùng hệ thống am, miếu thờ các vị thần trong tín ngưỡng thờ Mẫu. Sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc truyền thống, cảnh quan núi non và dòng sông Hương thơ mộng đã hình thành một tổng thể văn hóa đặc sắc, nơi yếu tố tự nhiên hòa quyện với không gian tín ngưỡng, tạo nên môi trường thực hành di sản đặc biệt mà ít lễ hội nào ở Việt Nam có được.

Nếu kiến trúc tạo nên diện mạo vật chất của điện Huệ Nam thì sông Hương lại là thành tố không thể tách rời của không gian văn hóa lễ hội. Những đoàn thuyền rồng, băng án, nghi thức cung nghinh Thánh Mẫu và Hội đồng Tứ phủ trên dòng Hương Giang đã tạo nên một hình thức trình diễn văn hóa đặc sắc, kết nối không gian thiêng giữa điện Huệ Nam với các điểm tín ngưỡng liên quan. Nhờ vậy, không gian lễ hội không bó hẹp trong phạm vi một di tích mà mở rộng thành một không gian văn hóa liên hoàn, bao gồm điện Huệ Nam, sông Hương, Nghênh Lương Đình, đình làng Hải Cát và hệ thống các điện thờ Thánh Mẫu trong thành phố Huế. Chính sự gắn kết giữa cảnh quan thiên nhiên, di tích kiến trúc và các thực hành tín ngưỡng đã tạo nên giá trị nổi bật của lễ hội điện Huệ Nam với tư cách là một di sản văn hóa sống, nơi các yếu tố vật thể

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), Đại Nam thực lục, tập 9, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 241.

và phi vật thể luôn tồn tại trong mối quan hệ hữu cơ.

Sau năm 1945, mặc dù triều Nguyễn không còn giữ vai trò lịch sử, lễ hội điện Huệ Nam vẫn tiếp tục được cộng đồng thực hành tín ngưỡng duy trì và trao truyền. Đến năm 1991, Ban Bảo trợ di tích điện Huệ Nam được thành lập; năm 2020, Chi hội Di sản Văn hóa Tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu thành phố Huế chính thức ra đời, tạo thêm cơ sở tổ chức để cộng đồng tham gia gìn giữ và phát huy giá trị di sản. Những mốc phát triển này cho thấy, dù trải qua nhiều biến động của lịch sử và xã hội, lễ hội điện Huệ Nam vẫn được cộng đồng bảo tồn như một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa - tín ngưỡng của người dân Huế.

Hiện nay, lễ hội được tổ chức thường niên với hai kỳ lễ chính vào tháng Ba và tháng Bảy âm lịch, thu hút đông đảo cộng đồng thực hành tín ngưỡng, người hành hương và du khách trong và ngoài nước. Sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau đã tạo nên sức sống bền bỉ cho lễ hội, đồng thời khẳng định rằng di sản chỉ có thể tồn tại khi được cộng đồng thực hành, trao truyền và không ngừng thích ứng với bối cảnh xã hội đương đại. Vì vậy, việc nhận diện đầy đủ hành trình lịch sử và không gian văn hóa của lễ hội điện Huệ Nam không chỉ góp phần làm rõ giá trị của di sản mà còn tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị lễ hội trong giai đoạn phát triển mới của thành phố Huế.

3. Giá trị và nguồn lực của di sản Lễ hội điện Huệ Nam

Lễ hội điện Huệ Nam là một thực hành văn hóa - tín ngưỡng đặc sắc, hội tụ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, nghệ thuật và xã hội. Những giá trị ấy không chỉ được hình thành qua tiến trình lịch sử lâu dài mà còn tiếp tục được cộng đồng gìn giữ, trao truyền và bồi đắp trong đời sống đương đại. Với tư cách là một di sản văn hóa phi vật thể, lễ hội không chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng mà còn trở thành một nguồn lực văn hóa quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và xây dựng bản sắc văn hóa của thành phố Huế.

*Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”*³. Quan điểm đó tiếp tục được Đảng và Nhà nước kế thừa trong các nghị quyết về phát triển văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phát huy giá trị di sản như một nguồn lực nội sinh cho phát triển bền vững. Vì vậy, việc nhận diện đầy đủ các giá trị của lễ hội điện Huệ Nam không chỉ có ý nghĩa trong công tác bảo tồn di sản mà còn góp phần xác định những nguồn lực văn hóa có thể khai thác phục vụ sự phát triển của thành phố Huế trong giai đoạn mới.

Trước hết, lễ hội điện Huệ Nam mang giá trị lịch sử đặc biệt bởi phản ánh một tiến trình phát triển liên tục của tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na trên vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế. Từ một tín ngưỡng dân gian được cộng đồng cư dân địa phương gìn giữ, lễ hội từng bước được triều Nguyễn tiếp nhận, bảo trợ và đưa vào hệ thống nghi lễ chính thống của quốc gia. Sau khi chế độ quân chủ kết thúc, lễ hội vẫn không bị gián đoạn mà tiếp tục được cộng đồng thực hành tín ngưỡng duy trì, bảo vệ và trao truyền cho đến ngày nay. Chính sự liên tục ấy đã khẳng định sức sống bền vững

3. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (1987), *Hồ Chí Minh - Những sự kiện*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, tr. 412.

của di sản trước những biến động của lịch sử, đồng thời phản ánh khả năng thích ứng của cộng đồng trong việc bảo tồn các giá trị truyền thống.

Lễ hội còn là minh chứng sinh động cho mối quan hệ giữa tín ngưỡng dân gian với thiết chế nhà nước dưới thời Nguyễn. Việc triều đình đưa việc thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na vào hệ thống tế tự chính thống không chỉ thể hiện sự ghi nhận đối với một tín ngưỡng đã ăn sâu trong đời sống nhân dân mà còn phản ánh tư tưởng quản lý xã hội thông qua việc dung hòa giữa niềm tin dân gian với thiết chế chính trị. Từ đó, lễ hội điện Huệ Nam trở thành nơi giao thoa giữa văn hóa dân gian và văn hóa cung đình, tạo nên một diện mạo riêng biệt hiếm thấy trong hệ thống các lễ hội truyền thống ở Việt Nam.

Giá trị văn hóa của lễ hội được thể hiện trước hết ở sự kết tinh của nhiều loại hình di sản khác nhau trong cùng một không gian thực hành. Các nghi thức tế lễ, nhạc lễ, lễ phục, nghệ thuật trang trí bằng án, nghi thức hầu đồng, văn châu cùng hệ thống tri thức dân gian liên quan đến tổ chức lễ hội đã tạo nên một chỉnh thể văn hóa thống nhất. Đây không chỉ là những yếu tố cấu thành một lễ hội truyền thống mà còn phản ánh trình độ sáng tạo nghệ thuật, khả năng tiếp biến văn hóa và bản sắc riêng của vùng đất Cố đô Huế.

Điểm đặc sắc của lễ hội điện Huệ Nam là các yếu tố văn hóa luôn gắn bó chặt chẽ với đời sống tín ngưỡng của cộng đồng. Âm nhạc, lễ phục, lễ vật hay các hình thức diễn xướng không đơn thuần nhằm tạo nên giá trị thẩm mỹ mà còn mang ý nghĩa biểu tượng, thể hiện quan niệm của con người về thế giới thiêng và mối quan hệ giữa con người với thần linh. Vì vậy, giá trị văn hóa của lễ hội không thể tách rời khỏi môi trường thực hành tín ngưỡng đã sản sinh và nuôi dưỡng các giá trị ấy qua nhiều thế hệ. Đây cũng là nguyên tắc quan trọng trong công tác bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể theo tinh thần của Công ước UNESCO năm 2003 và Luật Di sản văn hóa năm 2024.

Một giá trị nổi bật khác của lễ hội điện Huệ Nam là giá trị cảnh quan văn hóa. Không gian lễ hội được hình thành trên cơ sở sự kết hợp hài hòa giữa di tích kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và các hoạt động thực hành văn hóa của cộng đồng. Núi Ngọc Trản, điện Huệ Nam, dòng sông Hương, Nghênh Lương Đình, đình làng Hải Cát, điện thờ Thánh Mẫu (352 đường Chi Lăng) cùng hệ thống các am điện thờ Thánh Mẫu đã tạo nên một không gian văn hóa liên hoàn, trong đó yếu tố tự nhiên và yếu tố văn hóa hòa quyện thành một chỉnh thể thống nhất. Giá trị này không chỉ làm nên sức hấp dẫn của lễ hội mà còn góp phần khẳng định bản sắc riêng của văn hóa Huế, nơi con người luôn biết kết hợp hài hòa giữa kiến trúc, thiên nhiên và đời sống tinh thần.

Bên cạnh giá trị lịch sử và văn hóa, lễ hội điện Huệ Nam còn mang giá trị tín ngưỡng và tâm linh sâu sắc. Đối với cộng đồng thực hành, đây là không gian thiêng để bày tỏ lòng tôn kính đối với Thánh Mẫu Thiên Y A Na và các vị thần linh, gửi gắm niềm tin, ước vọng về cuộc sống bình an, quốc thái dân an và mùa màng thuận lợi. Trong bối cảnh xã hội hiện đại với nhiều biến đổi, các thực hành tín ngưỡng truyền thống tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng đỡ đời sống tinh thần của con người, góp phần củng cố các giá trị đạo đức, hướng con người đến lối sống nhân văn, nhân ái và gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, để giá trị tâm linh được phát huy đúng hướng, việc thực hành tín ngưỡng cần được đặt trong môi trường văn hóa lành mạnh, tránh các biểu hiện mê tín

dị đoan hoặc lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi.

Lễ hội còn mang giá trị cộng đồng đặc biệt sâu sắc. Đây là môi trường quy tụ nhiều chủ thể khác nhau như thanh đồng, đạo hữu, nghệ nhân, người hành hương, các chủ am điện, cộng đồng cư dân địa phương và du khách. Mỗi chủ thể giữ một vai trò riêng nhưng cùng tham gia vào quá trình tổ chức, thực hành, trao truyền di sản. Chính sự tham gia rộng rãi của cộng đồng đã tạo nên sức sống xã hội của lễ hội, đồng thời khẳng định cộng đồng không chỉ là người thụ hưởng mà còn là chủ thể sáng tạo và bảo vệ di sản. Đây cũng là nguyên tắc cơ bản trong quản lý di sản văn hóa phi vật thể hiện nay, khi cộng đồng được đặt ở vị trí trung tâm của mọi hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị.

Không chỉ bảo tồn các giá trị truyền thống, lễ hội điện Huệ Nam còn tạo điều kiện để cộng đồng phát huy năng lực sáng tạo thông qua việc chế tác lễ phục, trang trí bằng án, thực hành nhạc lễ, chuẩn bị lễ vật, tổ chức nghi lễ và các hoạt động diễn xướng tín ngưỡng. Những tri thức và kỹ năng ấy được trao truyền qua nhiều thế hệ, góp phần duy trì tính liên tục của di sản. Đây chính là biểu hiện sinh động của một di sản văn hóa sống, luôn vận động và phát triển cùng cộng đồng thực hành.

Từ những giá trị nêu trên, lễ hội điện Huệ Nam có tiềm năng trở thành một nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển văn hóa, du lịch và kinh tế - xã hội của thành phố Huế. Trong bối cảnh Huế đang định hướng xây dựng thành phố di sản đặc trưng của Việt Nam và Festival bốn mùa, lễ hội điện Huệ Nam có điều kiện thuận lợi để hình thành các sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh đặc sắc, gắn kết với hệ thống di tích Cố đô, cảnh quan sông Hương và các lễ hội truyền thống khác. Nếu được khai thác hợp lý, lễ hội không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh Huế mà còn tạo sinh kế cho cộng đồng, thúc đẩy phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, dịch vụ văn hóa và công nghiệp văn hóa.

Mặt khác, lễ hội còn có giá trị giáo dục quan trọng đối với việc gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương. Thông qua việc tham gia các hoạt động lễ hội, thế hệ trẻ có cơ hội tiếp cận các giá trị truyền thống, hiểu hơn về lịch sử, tín ngưỡng và văn hóa Huế, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ di sản. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, vai trò giáo dục của các di sản văn hóa phi vật thể càng trở nên quan trọng, góp phần bồi đắp bản sắc văn hóa, củng cố niềm tự hào và trách nhiệm của cộng đồng đối với các giá trị truyền thống.

Tuy nhiên, cùng với những giá trị nổi bật và sức lan tỏa ngày càng lớn, lễ hội điện Huệ Nam cũng đang đứng trước nhiều thách thức. Quy mô lễ hội ngày càng mở rộng, số lượng người tham gia không ngừng tăng lên đã tạo áp lực đối với không gian di tích, công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường và tổ chức các nghi lễ. Bên cạnh đó, nguy cơ thương mại hóa, phô trương hình thức, lạm dụng vàng mã, ô nhiễm môi trường và những biểu hiện lệch chuẩn trong thực hành tín ngưỡng cũng đặt ra yêu cầu phải đổi mới tư duy quản lý di sản theo hướng khoa học và bền vững. Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức lễ hội mà còn tác động trực tiếp đến việc bảo tồn các giá trị cốt lõi của di sản trong bối cảnh xã hội đương đại.

Chính từ những giá trị và thách thức đó, yêu cầu đặt ra hiện nay không chỉ là bảo tồn nguyên trạng các yếu tố cấu thành lễ hội mà còn phải xây dựng cơ chế quản lý phù hợp, bảo đảm sự hài hòa giữa bảo vệ di sản với phát huy giá trị phục vụ phát triển bền vững.

Đây cũng là nội dung cần được tiếp cận từ góc độ quản trị di sản văn hóa sống, trong đó Nhà nước, cộng đồng và các tổ chức xã hội cùng chia sẻ trách nhiệm trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị lễ hội điện Huệ Nam.

4. Định hướng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh hiện nay, việc quản lý lễ hội điện Huệ Nam cần được tiếp cận dưới góc độ quản trị di sản văn hóa phi vật thể sống. Khác với các loại hình di sản vật thể, giá trị của lễ hội không chỉ tồn tại ở hệ thống công trình kiến trúc hay các nghi lễ được lưu giữ, mà còn được duy trì thông qua quá trình cộng đồng thực hành, trao truyền và không ngừng thích ứng với những biến đổi của đời sống xã hội. Vì vậy, mục tiêu của quản lý không phải là “đóng băng” di sản trong một khuôn mẫu cố định mà là tạo lập môi trường thuận lợi để các giá trị truyền thống tiếp tục được bảo tồn, phát huy và phát triển một cách bền vững.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định nhiệm vụ “*Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản*”, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu “*tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về văn hóa; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng và quản lý tốt môi trường văn hóa; phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa số*”⁴. Đây là định hướng quan trọng để đổi mới tư duy quản lý đối với các di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có lễ hội điện Huệ Nam.

Thực tiễn những năm gần đây cho thấy thành phố Huế đã từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý lễ hội thông qua việc ban hành Quy chế phối hợp tổ chức lễ hội điện Huệ Nam⁵ và Đề án Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội điện Huệ Nam đến năm 2030⁶. Đây là cơ sở quan trọng để tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị quản lý di tích, chính quyền địa phương và cộng đồng thực hành tín ngưỡng.

Một trong những nguyên tắc cần được quán triệt là lấy cộng đồng thực hành làm trung tâm của quá trình bảo vệ di sản. Đối với lễ hội điện Huệ Nam, cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể trực tiếp sáng tạo, thực hành và trao truyền các giá trị văn hóa. Vì vậy, mọi chính sách quản lý cần được xây dựng trên cơ sở tham vấn cộng đồng, bảo đảm quyền tham gia của các thanh đồng, đạo hữu, nghệ nhân, Chi hội Di sản Văn hóa Tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu cùng cư dân địa phương. Nhà nước giữ vai trò định hướng, hỗ trợ và giám sát; giới nghiên cứu tham gia tư vấn khoa học; còn cộng đồng là lực lượng quyết định sự tồn tại và sức sống của di sản.

Song song với việc phát huy vai trò của cộng đồng, cần tiếp tục bảo vệ môi trường thực hành của lễ hội. Môi trường ấy không chỉ bao gồm điện Huệ Nam mà còn là toàn bộ không gian văn hóa gắn với sông Hương, Nghênh Lương Đình, đình làng Hải Cát, điện thờ Thánh Mẫu (số 352 đường Chi Lăng, phường Phú Xuân) và các tuyến hành

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2026, tr. 97-98.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Huế (2025), “Quy chế phối hợp tổ chức Lễ hội điện Huệ Nam trên địa bàn thành phố Huế”, Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 13/8/2025.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Huế (2026), “Đề án “Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội điện Huệ Nam đến năm 2030”, Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 01/07/2026.



Ảnh: Lê Đình Hoàng

hương truyền thống. Mọi hoạt động đầu tư xây dựng, chỉnh trang hạ tầng, khai thác dịch vụ hay tổ chức sự kiện cần được xem xét trên nguyên tắc tôn trọng cảnh quan văn hóa và không làm ảnh hưởng đến tính thiêng của di sản.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là tăng cường tư liệu hóa và chuyển đổi số đối với di sản. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc xây dựng cơ sở dữ liệu số về lễ hội điện Huệ Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác bảo tồn lâu dài. Nội dung tư liệu hóa cần bao quát toàn bộ các yếu tố cấu thành di sản, từ diễn trình nghi lễ, nhạc lễ, lễ phục, lễ vật, kỹ năng trang trí bằng án, tri thức dân gian, ký ức của nghệ nhân đến hệ thống hình ảnh, phim tư liệu, bản đồ không gian thực hành và các tư liệu Hán Nôm, Châu bản triều Nguyễn có liên quan. Đây không chỉ là nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu khoa học mà còn là cơ sở để giáo dục di sản, truyền thông và quảng bá hình ảnh lễ hội trong môi trường số.

Cùng với chuyển đổi số, cần đẩy mạnh công tác giáo dục và truyền thông di sản. Việc tuyên truyền không chỉ hướng đến quảng bá lễ hội mà quan trọng hơn là giúp cộng đồng hiểu đúng về giá trị lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng của lễ hội điện Huệ Nam, qua đó hạn chế các biểu hiện mê tín, thương mại hóa hoặc lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi. Có thể xây dựng các chương trình giáo dục di sản dành cho học sinh, sinh viên; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan, tọa đàm chuyên đề; biên soạn các ấn phẩm khoa học và tài liệu phổ biến nhằm lan tỏa những giá trị tích cực của lễ hội trong đời sống xã hội.

Trong quá trình phát huy giá trị di sản, việc gắn kết lễ hội điện Huệ Nam với phát triển du lịch cần được thực hiện theo hướng bền vững. Du lịch không nên làm thay đổi bản chất của các nghi lễ hay biến không gian tín ngưỡng thành nơi trình diễn đơn thuần phục vụ khách tham quan. Ngược lại, cần coi du lịch là phương tiện để giới thiệu những giá trị văn hóa đặc sắc của Huế thông qua các chương trình diễn giải di sản, tuyển tham quan chuyên đề, không gian trưng bày tư liệu, sản phẩm thủ công truyền thống và các

hoạt động trải nghiệm văn hóa gắn với sông Hương và điện Huệ Nam. Việc tạo điều kiện để cộng đồng địa phương tham gia cung cấp dịch vụ du lịch cũng sẽ góp phần tạo sinh kế, nâng cao nhận thức về bảo tồn và khẳng định vai trò của di sản trong phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, cần chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý di sản. Đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng phục vụ lễ hội, hướng dẫn viên, nghệ nhân và cộng đồng thực hành cần được bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức di sản, kỹ năng tổ chức lễ hội, bảo vệ môi trường, ứng dụng công nghệ số và truyền thông cộng đồng. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích, tôn vinh và hỗ trợ các nghệ nhân, người có nhiều đóng góp trong việc gìn giữ và trao truyền tri thức liên quan đến lễ hội, qua đó tạo điều kiện để các giá trị truyền thống được kế tục một cách bền vững.

Cuối cùng, cần xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá thường xuyên đối với hoạt động của lễ hội. Hiệu quả của công tác quản lý không nên chỉ được đo bằng số lượng người tham dự hay doanh thu từ dịch vụ du lịch mà cần được đánh giá trên nhiều phương diện như mức độ tham gia của cộng đồng, khả năng trao truyền tri thức truyền thống, chất lượng môi trường văn hóa, mức độ bảo vệ tính thiêng của không gian tín ngưỡng, hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý và sự hài lòng của cộng đồng thực hành. Chỉ khi những tiêu chí này được bảo đảm, lễ hội điện Huệ Nam mới thực sự phát huy được vai trò là một di sản văn hóa sống, đồng thời trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ sự phát triển bền vững của thành phố Huế trong giai đoạn mới.

5. Kết luận

Lễ hội điện Huệ Nam là một di sản văn hóa phi vật thể đại diện của thành phố Huế, kết tinh nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và cộng đồng được hình thành, bồi đắp qua nhiều thế kỷ. Từ một tín ngưỡng dân gian thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na đến sự bảo trợ của triều Nguyễn và quá trình gìn giữ liên tục của cộng đồng, lễ hội đã khẳng định sức sống bền bỉ của một di sản văn hóa sống, luôn thích ứng với những biến đổi của đời sống xã hội nhưng vẫn bảo lưu những giá trị cốt lõi.

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, lễ hội điện Huệ Nam không chỉ có ý nghĩa đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa Huế mà còn là nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển văn hóa, du lịch và kinh tế di sản. Tuy nhiên, quá trình phát huy giá trị di sản cần được đặt trên nền tảng bảo vệ tính thiêng, gìn giữ không gian văn hóa truyền thống và bảo đảm vai trò chủ thể của cộng đồng thực hành. Đây cũng là yêu cầu xuyên suốt của Luật Di sản văn hóa năm 2024 và các chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa trong giai đoạn mới.

Vì vậy, việc quản lý lễ hội điện Huệ Nam cần được tiếp cận theo hướng quản trị di sản, tăng cường sự phối hợp giữa Nhà nước, cộng đồng và giới nghiên cứu; đẩy mạnh tư liệu hóa, chuyển đổi số, giáo dục di sản và khai thác hợp lý các giá trị văn hóa phục vụ phát triển bền vững. Khi những định hướng đó được triển khai đồng bộ, lễ hội điện Huệ Nam sẽ tiếp tục phát huy vai trò là một trong những lễ hội truyền thống tiêu biểu của Việt Nam, đồng thời trở thành nguồn lực văn hóa quan trọng góp phần xây dựng thành phố Huế trở thành đô thị di sản đặc trưng, trung tâm văn hóa và du lịch của cả nước. ■

HIỆN VẬT BẢO TÀNG LỊCH SỬ TRONG VIỆC NHẬN DIỆN BẢN SẮC VĂN HÓA HUẾ

■ Bài và ảnh: NGUYỄN ĐỨC LỘC*

Hiện vật là những tư liệu gốc đặc biệt, phản ánh trực tiếp đời sống lịch sử, văn hóa và xã hội của con người trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Đối với vùng đất Huế, hệ thống hiện vật phản ánh khá đầy đủ tiến trình lịch sử và chiều sâu văn hóa của địa phương. Hệ thống hiện vật đang được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế vô cùng phong phú về loại hình, đa dạng về chất liệu và trải dài qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Đó là các lớp trầm tích văn hóa nối tiếp và hòa quyện, từ thời kỳ tiền sơ sử, văn hóa Champa, dòng chảy văn hóa Đại Việt, đến thời các chúa Nguyễn, triều Nguyễn cho đến giai đoạn lịch sử cách mạng cận - hiện đại. Sự hiện diện của các sưu tập là minh chứng rõ nét nhất cho tính liên tục và sự phong phú của bản sắc văn hóa Huế.

1. Hiện vật - phản ánh cội nguồn văn hóa Huế thời tiền sơ sử

Những hiện vật khảo cổ học thuộc nền văn hóa Sa Huỳnh và văn hóa Đông Sơn hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế là nguồn tư liệu quý giá, góp phần tái hiện diện mạo văn hóa của lớp cư dân trên vùng đất Huế cách đây khoảng 2.000 - 2.500 năm. Không chỉ phản ánh trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật và đời sống tinh thần của cư dân tiền sơ sử, các hiện vật còn minh chứng sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa Bắc Bộ và miền Trung Việt Nam.

Tiêu biểu trong bộ sưu tập là nhóm hiện vật thuộc nền văn hóa Sa Huỳnh được phát hiện tại di chỉ Cồn Ràng thuộc thôn Phú Ổ, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường Kim Trà, thành phố Huế). Qua các đợt khai quật khảo cổ học, các nhà nghiên cứu đã phát hiện hàng trăm ngôi mộ chum cùng hệ thống đồ tùy táng phong phú, bao gồm chum gốm, nồi gốm, bình gốm, công cụ bằng sắt và nhiều loại đồ trang sức chế tác từ mã não, thủy tinh, đá quý¹. Hệ thống hiện vật này phản ánh rõ nét một cộng đồng cư dân đã định cư ổn định, biết sử dụng kỹ thuật luyện sắt tiên tiến và đạt trình độ thủ công mỹ nghệ cao. Đặc biệt, những ngôi mộ chum với nhiều kiểu dáng khác nhau cùng số lượng lớn đồ tùy táng cho thấy tục táng bằng chum là nét đặc trưng của cư dân Sa Huỳnh. Việc chôn theo nhiều hiện vật gốm, công cụ, vũ khí và đồ trang sức không chỉ phản ánh quan niệm về thế giới bên kia mà còn thể hiện sự phân hóa xã hội và tín ngưỡng của cộng đồng.

Một trong những thành tựu nổi bật của cư dân Sa Huỳnh được phản ánh qua hiện vật là kỹ nghệ chế tác đồ trang sức. Hàng trăm chuỗi hạt, vòng tay, khuyên tai² và các hiện vật bằng mã não, đá quý, thủy tinh màu được chế tác tinh xảo cho thấy trình độ kỹ thuật và thẩm mỹ phát triển cao của người thợ thủ công thời kỳ này. Khuyên tai hai đầu thú và khuyên tai ba mấu là loại trang sức cổ độc đáo, được coi là đặc trưng của văn hóa Sa Huỳnh vào thời đại kim khí ở ven biển miền Trung Việt Nam. Việc tìm thấy hiện vật này trong các di chỉ khảo cổ học ở các nước Thái Lan, Đài Loan, Philippines... là

* Th.S, Giám đốc Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế.

1. Theo tư liệu của Bảo tàng Lịch sử, trong đó có 242 mộ chum, 969 hiện vật đồ trang sức (759 hiện vật còn nguyên vẹn)

2. Khuyên tai hai đầu thú; Khuyên tai ba mấu; Khuyên tai hình tròn dẹt; Khuyên tai hình nấm.

dấu hiệu nhận biết những mối giao lưu và sự lan tỏa của nền văn hóa Sa Huỳnh. Đây là những minh chứng chứng tỏ văn hóa Sa Huỳnh đã có một nền sản xuất hàng hóa cùng với sự giao thương khá phát triển³.

Bên cạnh sưu tập văn hóa Sa Huỳnh, Trống đồng được phát hiện vào năm 1994, tại vùng tả ngạn sông Ô Lâu, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường Phong Điền, thành phố Huế) là hiện vật tiêu biểu minh chứng cho sự hiện diện của văn hóa Đông Sơn trên vùng đất Huế. Đây là chiếc trống đồng Đông Sơn duy nhất được phát hiện tại Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế), có niên đại khoảng 2.000 năm, được xem là bằng chứng xác thực về sự giao lưu giữa cư dân Đông Sơn và cư dân Sa Huỳnh ở khu vực miền Trung.

Trống đồng Phong Mỹ có mặt trống trang trí hình ngôi sao nổi 12 cánh ở trung tâm, bao quanh là chín vành hoa văn gồm chim Lạc, hình người hóa trang lông chim, hoa văn răng lược, vòng tròn tiếp tuyến và các họa tiết hình học đặc sắc. Trên thân và quai trống còn xuất hiện hình bông lúa và chim cách điệu, phản ánh sinh động đời sống kinh tế nông nghiệp lúa nước, tín ngưỡng thờ thần Mặt Trời và quan niệm về vũ trụ của cư dân Việt cổ. Chiếc trống đồng này không chỉ khẳng định đỉnh cao của nghệ thuật đúc đồng mà còn là bằng chứng vật chất về mối quan hệ trao đổi, buôn bán và giao lưu văn hóa giữa cư dân Sa Huỳnh tại Huế với cư dân Việt cổ vùng Bắc Bộ - Bắc Trung Bộ.

Sự song hành của các hiện vật Sa Huỳnh và Đông Sơn trong sưu tập hiện vật của Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế không chỉ phản ánh tiến trình phát triển liên tục của cư dân thời tiền sơ sử mà còn khẳng định Huế là vùng đất hội tụ và giao thoa giữa nhiều dòng chảy văn hóa.

2. Hiện vật - phản ánh quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa và hình thành bản sắc Huế thời Champa

Hệ thống hiện vật thuộc nền văn hóa Champa đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế là nguồn tư liệu đặc biệt quan trọng, phản ánh quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa trên vùng đất Huế trong giai đoạn từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XIII. Thông qua các hiện vật khảo cổ, có thể nhận thấy sự phát triển liên tục từ nền văn hóa Sa Huỳnh sang văn hóa Champa.

Các tư liệu khảo cổ học cho thấy văn hóa Champa không xuất hiện một cách biệt lập mà được kế thừa trên nền tảng văn hóa Sa Huỳnh. Nhiều yếu tố như tục mai táng bằng vò, kỹ thuật chế tác đồ thủy tinh, đồ trang sức mã não, luyện kim, tín ngưỡng và nghệ thuật tiếp tục được duy trì và phát triển trong xã hội Champa. Sự tiếp nối này phản ánh

3. Nói đến khuyên tai hai đầu thú cho đến nay các nhà nghiên cứu vẫn chưa thống nhất đây là con thú gì. Dựa vào hình thù của nó, nhất là phần đầu có cặp sừng, có thể là con trâu, con dê hay con lừa, con ngựa hoặc con hươu, thậm chí là con sao la... Tuy vậy, tất cả đều thừa nhận đây là một con vật linh thiêng, biểu tượng tín ngưỡng của chủ nhân loại trang sức này. Tư liệu dân tộc học cho biết một hiện tượng khá phổ biến trong văn hóa nhiều tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á, đó là hình tượng đầu trâu, sừng trâu thường được gắn bó hòa hợp với hình tượng con chim trong các kiến trúc hay trong những biểu tượng và quan niệm tín ngưỡng về cái chết, người chết. Con trâu là biểu tượng về sự cân bằng và hòa hợp âm dương, sức khỏe và sự dũng mãnh của đàn ông, cho sự giàu sang của người sống, đồng thời là con vật có thể đưa người chết về với tổ tiên. Con chim hay được thể hiện bằng đường xoáy ốc, là biểu tượng sự vận động của vũ trụ, liên tục và có chu kỳ, đồng thời là biểu tượng của sự phồn thực gắn với phụ nữ. Con chim còn gắn với hình tượng chiếc thuyền đưa người chết sang thế giới bên kia. Hình tượng con thú trên khuyên tai là những con vật tiễn đưa người chết về thế giới bên kia. Đây là những đồ tùy táng đặc biệt, thể hiện tín ngưỡng của cư dân Sa Huỳnh, là hành động của người sống thể hiện tình cảm thương tiếc và cầu mong cho người chết sớm được về với thế giới tổ tiên.

quá trình chuyển biến văn hóa diễn ra liên tục, không đứt gãy, tạo nên lớp trầm tích văn hóa đầu tiên trên vùng đất Huế.

Tiêu biểu trong sưu tập hiện vật Champa là Bệ thờ Vân Trạch Hòa, được phát hiện năm 1991 tại khu phế tích đền tháp Vân Trạch Hòa xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường Phong Điền, thành phố Huế). Bệ thờ Vân Trạch



Bệ thờ Vân Trạch Hòa

Hòa được chế tác từ chất liệu đá sa thạch, một loại đá cứng được sử dụng phổ biến trong các công trình điêu khắc Champa. Bệ gồm có hai tầng hình trụ vuông chồng khập lên nhau, cả bốn mặt của hai tầng đều được trang trí những họa tiết liên quan đến đạo Hindu (Ấn Độ giáo). Căn cứ vào các họa văn họa tiết trang trí trên bệ thờ, cũng như một số hiện vật được tìm thấy tại khu phế tích đền tháp Vân Trạch Hòa, các nhà nghiên cứu cho rằng Bệ thờ Vân Trạch Hòa thuộc phong cách điêu khắc Đồng Dương (Quảng Nam), có niên đại khoảng thế kỷ IX - X.

Đây là một kiệt tác nghệ thuật điêu khắc của người Champa đặc biệt có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, nghệ thuật. Đến nay hầu hết các nhà nghiên cứu đều đánh giá cao về giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật điêu khắc của Bệ thờ Vân Trạch Hòa. Theo nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh nhận định Bệ thờ Vân Trạch Hòa là “Đài thờ Trimurti đặc biệt của nghệ thuật điêu khắc cổ Chăm pa”⁴, còn nhà nghiên cứu Pièrre Baptiste khẳng định: “Đài thờ Vân Trạch Hòa, một Bali - Pitha kiểu mới lạ”⁵. Nhà nghiên cứu Lê Đình Phụng nhận xét rằng: “Nhìn tổng thể, bệ thờ Vân Trạch Hòa được khắc tạc hoàn chỉnh, đề tài thể hiện nội dung phong phú. Phong cách thể hiện sinh động, đa dạng, kỹ thuật điêu khắc thể hiện trình độ mỹ thuật cao, tinh tế, khối nổi trau chuốt, làm rõ chủ đề trang trí. Có thể nói đây là bệ thờ đẹp nhất mới được phát hiện trong nghệ thuật điêu khắc đá Chăm pa ở nước ta...”⁶. Với những giá trị tiêu biểu, độc đáo, bệ thờ Vân Trạch Hòa đã được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2382/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 công nhận là Bảo vật Quốc gia.

Cùng với Bệ thờ Vân Trạch Hòa, Linga - Yoni và Bệ thờ Yoni tháp Phú Diên là những hiện vật tiêu biểu phản ánh sự giao thoa giữa tín ngưỡng phồn thực bản địa với triết lý sáng tạo của Ấn Độ giáo. Biểu tượng Linga và Yoni vừa thể hiện quan niệm về âm - dương, sự sinh thành của vũ trụ, vừa đại diện cho học thuyết “Tam vị nhất thể”

4. <https://gulpataom.wordpress.com/2012/05/23/be-da-van-trach-hoa-dai-tho-trimurti-dac-biet-cua-nghệ-thuật-diêu-khắc-co-champa>.

5. Đài thờ Vân Trạch Hòa, một Bali-Pitha kiểu mới lạ - Pièrre Baptiste (Thủy Vi dịch từ Arts Asiatique).

6. Lê Đình Phụng *Dấu tích văn hóa Chăm Pa ở Thừa Thiên Huế*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội, 2007 tr. 146.

gồm Brahma, Visnu và Shiva. Khi du nhập vào Champa, tín ngưỡng này đã hòa quyện với quan niệm bản địa về sự sinh sôi, mùa màng và sự phát triển của cộng đồng cư dân nông nghiệp, tạo nên một hệ thống tín ngưỡng đặc sắc mang đậm bản sắc Champa.

Các hiện vật kiến trúc Bộ chóp tháp Champa Linh Thái tiếp tục phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa trong lĩnh vực kiến trúc và mỹ thuật. Hình tượng núi Meru - trung tâm vũ trụ trong quan niệm Ấn Độ giáo được chuyển hóa thành biểu tượng kiến trúc đền tháp Champa, kết hợp với mô típ hoa sen và kỹ thuật điêu khắc đá của người bản địa để tạo nên những công trình mang giá trị nghệ thuật cao. Điều này cho thấy người Champa không sao chép nguyên mẫu từ Ấn Độ mà đã sáng tạo nên phong cách kiến trúc riêng, phù hợp với điều kiện tự nhiên và tư duy thẩm mỹ của cư dân miền Trung.

Bên cạnh đó, các hiện vật như phù điêu thần Visnu, phù điêu nữ thần Uma tiêu diệt quỷ trư Mahisasura và đầu thủy quái Makara phản ánh rõ nét sự dung hợp giữa thần thoại Ấn Độ và nghệ thuật điêu khắc Champa. Những hình tượng thần linh, linh vật được thể hiện bằng ngôn ngữ tạo hình mềm mại, giàu tính biểu cảm và gắn với quan niệm về sự bảo hộ, phồn thực và khát vọng mưa thuận gió hòa của cư dân nông nghiệp. Qua đó cho thấy các yếu tố tôn giáo đã được người Champa tiếp nhận, cải biến và hòa nhập với tín ngưỡng bản địa để tạo nên một hệ thống biểu tượng văn hóa riêng biệt.

Quan trọng hơn, sau khi vùng đất châu Ô và châu Lý trở thành một bộ phận của Đại Việt, nhà Trần đã cho đổi hai châu Ô, Lý thành châu Thuận và châu Hóa⁷, nhiều yếu tố văn hóa Champa tiếp tục được cộng đồng người Việt kế thừa và bản địa hóa. Tín ngưỡng Thiên Y A Na, tục cúng đất, nhiều loại cây trồng, hương liệu, nhạc điệu dân gian và các yếu tố văn hóa vật chất của Champa đã hòa quyện với văn hóa Việt để tạo nên bản sắc văn hóa Huế đa tầng, đa nguồn gốc nhưng thống nhất trong quá trình phát triển lịch sử. Chính sự giao lưu và tiếp biến liên tục ấy đã tạo nên chiều sâu văn hóa của Huế - một vùng đất luôn biết tiếp nhận, chọn lọc và sáng tạo trên nền tảng của nhiều nền văn hóa khác nhau.

Với những giá trị nổi bật về lịch sử, nghệ thuật và tư tưởng, hệ thống hiện vật Champa tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế không chỉ là chứng tích của một nền văn minh từng phát triển rực rỡ trên dải đất miền Trung mà còn là minh chứng sinh động cho quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa kéo dài hàng nghìn năm. Thông qua các hiện vật này có thể nhận diện rõ quá trình hình thành bản sắc văn hóa Huế một bản sắc được xây dựng trên sự kế thừa văn hóa Sa Huỳnh, tiếp nhận tinh hoa Champa, hòa quyện với văn hóa Đại Việt và không ngừng phát triển trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

3. Hiện vật - trong việc nhận diện bản sắc văn hóa Huế thời các chúa Nguyễn, triều Nguyễn và thời kỳ kháng chiến

Bản sắc văn hóa Huế là kết quả của một quá trình lịch sử lâu dài, được hình thành và bồi đắp qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau của vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế. Trong tiến trình ấy, hiện vật không chỉ là những chứng tích phản ánh đời sống xã hội của từng thời kỳ mà còn là những “ký ức văn hóa” chứa đựng các giá trị lịch sử, tư tưởng, thẩm mỹ và bản lĩnh của cộng đồng cư dân. Thông qua các bộ sưu tập hiện vật hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế, có thể nhận diện tương đối đầy đủ những đặc trưng cơ bản của bản sắc văn hóa Huế từ thời các chúa Nguyễn, triều Nguyễn đến thời kỳ kháng chiến.

7. Ngô Sỹ Liên (2000), Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 138.



Một chum thuộc nền văn hóa sa huỳnh

Trước hết, bộ sưu tập súng thần công bằng đồng thời các chúa Nguyễn là minh chứng tiêu biểu cho giai đoạn hình thành bản sắc văn hóa Huế gắn với công cuộc mở cõi, xác lập chủ quyền và xây dựng trung tâm chính trị Đàng Trong. Bốn khẩu thần công⁸ được phát hiện tại cửa biển Thuận An có niên đại thế kỷ XVII không chỉ

phản ánh sức mạnh quân sự của chúa Nguyễn mà còn cho thấy tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng lực lượng thủy quân, bảo vệ lãnh thổ và kiểm soát các tuyến giao thương trên biển. Sự hiện diện của các khẩu thần công là bằng chứng sinh động về ý thức độc lập, tự chủ những yếu tố nền tảng góp phần định hình bản sắc văn hóa Huế trong buổi đầu hình thành vùng đất mới.

Đáng chú ý hơn, giá trị của bộ sưu tập này không chỉ nằm ở phương diện quân sự mà còn phản ánh sâu sắc quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa Đông - Tây diễn ra tại Đàng Trong từ thế kỷ XVII. Trên thân các khẩu súng xuất hiện đồng thời những họa tiết phượng hoàng, hoa cúc, hoa lá mang phong cách mỹ thuật phương Đông cùng các biểu tượng Kitô giáo, chữ La-tinh và mô típ trang trí phương Tây. Đặc biệt, việc khắc tên Jean de la Croix - người thợ đúc súng Bồ Đào Nha tham gia chế tác thần công cho chúa Nguyễn cho thấy sự tiếp nhận những thành tựu kỹ thuật tiên tiến từ châu Âu.

Bước sang thời Nguyễn, khi Huế trở thành kinh đô của quốc gia thống nhất, bản sắc văn hóa Huế tiếp tục được định hình và phát triển trên nền tảng của văn hóa cung đình. Điều này được phản ánh rõ nét qua bộ sưu tập súng gang và đạn thần công thời Nguyễn hiện lưu giữ tại bảo tàng. Các hiện vật này cho thấy trình độ tổ chức nhà nước, năng lực quản lý quân sự và khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật của triều Nguyễn trong công cuộc bảo vệ kinh đô và lãnh thổ quốc gia. Những khẩu súng gang được đúc dưới thời Minh Mạng, cùng hệ thống đạn thần công có kích thước khác nhau, phản ánh một nền hành chính và quân sự được tổ chức chặt chẽ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Thông qua các hiện vật ấy có thể nhận thấy những đặc trưng nổi bật của văn hóa Huế thời kỳ kinh đô như tinh thần kỷ cương, ý thức trách nhiệm quốc gia và trình độ kỹ thuật thủ công đạt đến trình độ cao. Cùng với đó, sự phát triển của nghề đúc đồng tại

8. Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế (2022), *Một số hiện vật tiêu biểu*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.58-60



Chóp Tháp Linh Thái

Phường Đức, các kỹ thuật chế tác quân khí và nghệ thuật trang trí trên hiện vật còn phản ánh chiều sâu tri thức, sự tinh tế trong thẩm mỹ và khả năng sáng tạo của đội ngũ nghệ nhân của vùng đất Cố đô.

Nếu các hiện vật thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn phản ánh bản sắc Huế trong vai trò trung tâm chính trị, quân sự và văn hóa của đất nước thì các bộ sưu tập hiện vật thời kỳ kháng chiến lại làm nổi bật truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng và sức sống bền bỉ của con người Huế trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhóm hiện vật liên quan đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, bao gồm dao, rựa, giáo, mác, mã tấu, gươm cùng nhiều loại vũ khí tự tạo khác, là những bằng chứng xác thực về sự tham gia tích cực của nhân dân Thừa Thiên Huế trong phong trào giành chính quyền. Từ những công cụ lao động và vật dụng sinh hoạt đời thường trở thành phương tiện đấu tranh cách mạng, các hiện vật đã phản ánh sinh

động tinh thần yêu nước, ý chí quật cường và truyền thống đoàn kết của nhân dân Huế trước những bước ngoặt lớn của lịch sử dân tộc.

Bên cạnh đó, bộ sưu tập công cụ lao động sản xuất và đồ dùng sinh hoạt của người Kinh, Tà Ôi, Cơ Tu cùng các cộng đồng cư dân khác trên địa bàn thành phố Huế đã góp phần phản ánh một phương diện quan trọng khác của bản sắc văn hóa Huế, đó là sự đa dạng văn hóa của vùng đất này. Từ đó cho thấy bản sắc văn hóa được bồi đắp từ đời sống lao động, từ truyền thống đấu tranh cách mạng và từ sự giao lưu của nhiều cộng đồng dân cư khác nhau. Chính sự kế thừa liên tục giữa các lớp văn hóa ấy đã tạo nên chiều sâu lịch sử, tính nhân văn và giá trị đặc sắc của bản sắc văn hóa Huế trong tiến trình phát triển của dân tộc.

Có thể khẳng định rằng, hiện vật đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử là những chứng nhân lịch sử đặc biệt, phản ánh một cách chân thực và toàn diện quá trình hình thành, phát triển của vùng đất Huế qua các thời kỳ. Từ những hiện vật khảo cổ học, hiện vật cung đình, hiện vật dân gian đến các sưu tập hiện vật thời kỳ kháng chiến, tất cả đã hợp thành một hệ thống tư liệu vật chất quý giá giúp nhận diện những giá trị cốt lõi của bản sắc văn hóa Huế.

Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của hiện vật ở bảo tàng không chỉ dừng lại ở việc lưu giữ các giá trị quá khứ mà còn trở thành cầu nối giữa di sản với cộng đồng. Thông qua các hoạt động nghiên cứu, trưng bày, giáo dục và chuyển đổi số, hiện vật được trao thêm khả năng kể chuyện, giúp công chúng tiếp cận lịch sử và văn hóa một cách sinh động hơn. Việc phát huy giá trị hiện vật theo hướng lấy con người và câu chuyện văn hóa làm trung tâm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả nhận diện bản sắc văn hóa Huế trong xã hội đương đại. ■

ĐỪNG ĐỂ HỆ GIÁ TRỊ QUỐC GIA CHỈ NẪM TRONG VĂN KIẾN: *Nhìn từ thực tiễn phát triển đô thị di sản Huế*

■ PHAN THANH HẢI

Có một nghịch lý đang hiện hữu trong tiến trình phát triển của nhiều quốc gia. Chưa bao giờ nhân loại có trong tay nhiều nguồn lực vật chất như hôm nay: công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, vốn đầu tư xuyên biên giới và những thành tựu khoa học vượt bậc. Nhưng cũng chưa bao giờ thế giới phải đối diện đồng thời với nhiều cuộc khủng hoảng đến vậy: biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị, bất bình đẳng xã hội, khủng hoảng niềm tin và sự đứt gãy các giá trị văn hóa.

Điều đó cho thấy một thực tế: tăng trưởng kinh tế không đồng nghĩa với phát triển bền vững. Một quốc gia có thể trở nên giàu có trong một thời gian ngắn, nhưng nếu đánh mất bản sắc văn hóa, suy giảm niềm tin xã hội và thiếu một hệ giá trị đủ mạnh để dẫn dắt phát triển, thì những thành quả vật chất ấy cũng rất khó duy trì lâu dài.

Bởi vậy, trong những năm gần đây, khái niệm “phát triển dựa trên giá trị” ngày càng được nhiều quốc gia quan tâm. Giá trị không còn được xem là vấn đề riêng của văn hóa hay giáo dục, mà trở thành nền tảng của quản trị quốc gia, của năng lực cạnh tranh và của sức mạnh mềm.

Đối với Việt Nam, yêu cầu ấy càng trở nên cấp thiết khi đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới. Sau gần bốn thập niên đổi mới, mục tiêu của chúng ta không còn chỉ là tăng trưởng nhanh, mà là phát triển nhanh đi đôi với bền vững; không chỉ nâng cao thu nhập mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống; không chỉ hội nhập sâu rộng mà vẫn giữ vững bản sắc dân tộc. Trong bối cảnh ấy, việc Đảng xác định xây dựng và phát huy hệ giá trị quốc gia là một nhiệm vụ chiến lược mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Tuy nhiên, điều đáng suy nghĩ là hệ giá trị sẽ không thể phát huy tác dụng nếu chỉ dừng lại trong các văn kiện, nghị quyết hay những diễn đàn học thuật.

Một hệ giá trị chỉ thực sự có sức sống khi được thể hiện trong quy hoạch phát triển, trong chính sách công, trong thiết chế văn hóa, trong giáo dục, trong cách ứng xử của cộng đồng và cuối cùng là trong từng quyết định hằng ngày của chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

Nói cách khác, hệ giá trị phải được chuyển hóa thành năng lực phát triển. Đó cũng chính là vấn đề lớn đang đặt ra đối với Việt Nam hiện nay.

Nhìn ra thế giới, có thể thấy những quốc gia được đánh giá là phát triển bền vững đều không dựa đơn thuần vào nguồn lực vật chất.

Nhật Bản sau nhiều thế kỷ vẫn giữ được Kyoto như một biểu tượng văn hóa sống, nơi di sản không bị cô lập mà trở thành một phần của đời sống đô thị hiện đại. Italy không chỉ bảo tồn Florence như một “bảo tàng ngoài trời”, mà biến di sản Phục hưng thành nền tảng cho các ngành công nghiệp sáng tạo, thiết kế và du lịch chất lượng cao.

* TS. Ủy viên Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia.

Hàn Quốc cũng không thành công chỉ nhờ công nghệ hay công nghiệp chế tạo, mà còn bởi biết chuyển hóa văn hóa truyền thống thành sức mạnh mềm thông qua điện ảnh, âm nhạc, ẩm thực, thời trang và các ngành công nghiệp văn hóa. Điểm chung của các quốc gia ấy là họ không xem văn hóa như một lĩnh vực tiêu dùng ngân sách, càng không coi di sản chỉ là những “tài sản cần bảo vệ”. Văn hóa được nhìn nhận như một loại vốn đặc biệt; di sản được xem là nguồn lực để kiến tạo tương lai.

Đó cũng chính là xu hướng mà UNESCO nhiều năm qua liên tục nhấn mạnh: văn hóa không phải kết quả của phát triển mà là điều kiện của phát triển.

Ở Việt Nam, nhận thức ấy đang từng bước được thể chế hóa. Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đặt văn hóa vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển, coi văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là nguồn lực nội sinh, vừa là động lực phát triển đất nước. Đây không chỉ là sự tiếp nối quan điểm “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, mà còn phản ánh một bước phát triển mới trong tư duy lãnh đạo: từ chỗ xem văn hóa là lĩnh vực cần được bảo tồn, chuyển sang nhìn nhận văn hóa là một nguồn lực cần được khai mở và phát huy.

Nhưng giữa chủ trương và thực tiễn vẫn còn một khoảng cách không nhỏ.

Trong nhiều năm, khi nói đến phát triển địa phương, các chỉ tiêu thường được quan tâm trước hết là tốc độ tăng trưởng GRDP, thu ngân sách, vốn đầu tư, diện tích đô thị hay số lượng dự án. Đó đều là những chỉ số cần thiết, nhưng chưa đủ.

Một địa phương có thể tăng trưởng nhanh nhưng đánh mất cảnh quan văn hóa; có thể thu hút nhiều đầu tư nhưng làm mai một bản sắc; có thể hiện đại hóa hạ tầng nhưng lại khiến cộng đồng ngày càng xa rời những giá trị truyền thống. Nếu điều đó xảy ra, cái giá phải trả sẽ lớn hơn rất nhiều so với những lợi ích trước mắt.

Vì thế, phát triển trong giai đoạn mới không chỉ cần trả lời câu hỏi “tăng trưởng bao nhiêu”, mà còn phải trả lời câu hỏi “phát triển vì điều gì” và “để lại điều gì cho các thế hệ mai sau”.

Ở góc độ ấy, Huế là một trường hợp đặc biệt đáng quan tâm.

Huế không phải là địa phương giàu tài nguyên thiên nhiên, cũng không có lợi thế về công nghiệp quy mô lớn. Điều làm nên vị thế của Huế chính là chiều sâu văn hóa được tích lũy qua nhiều thế kỷ. Đó là Quần thể Di tích Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình, ca Huế, hệ thống di sản tư liệu triều Nguyễn, cùng hàng trăm lễ hội, làng nghề, nhà vườn, nhà rường, nghệ thuật truyền thống, áo dài và một nền ẩm thực đặc sắc. Nhưng nếu chỉ nhìn Huế như một “kho tàng di sản”, chúng ta mới chỉ thấy một nửa giá trị của vùng đất này.

Điều đáng chú ý hơn là Huế đang lựa chọn một mô hình phát triển khác với nhiều địa phương khác: xây dựng đô thị di sản đặc trưng của Việt Nam, phát triển theo hướng xanh, thông minh và giàu bản sắc. Đó không đơn thuần là một mục tiêu quy hoạch, mà phản ánh một tư duy phát triển mới: lấy văn hóa làm nền tảng tổ chức không gian đô thị, lấy di sản làm nguồn lực nội sinh, lấy con người làm trung tâm của phát triển.

Nói cách khác, Huế đang thử trả lời một câu hỏi lớn mà không chỉ riêng Huế phải đối mặt: Liệu một đô thị có thể phát triển nhanh mà vẫn giữ được bản sắc? Liệu di sản có thể trở thành động lực phát triển thay vì chỉ là đối tượng cần bảo tồn? Và liệu hệ giá trị quốc gia có thể được hiện thực hóa thông qua chính sự phát triển của một đô thị hay không?

Những câu hỏi ấy không chỉ dành cho Huế.

Đó cũng là những câu hỏi mà Việt Nam cần trả lời trên con đường hướng tới một quốc gia phát triển, giàu bản sắc và có sức cạnh tranh trong thế kỷ XXI.

Thực tiễn của Huế trong những năm gần đây cho thấy một sự chuyển dịch đáng chú ý trong tư duy phát triển. Nếu trước đây, bảo tồn thường được hiểu là gìn giữ nguyên trạng các di tích, thì ngày nay, mục tiêu không còn chỉ là “giữ lại quá khứ”, mà là làm cho di sản tiếp tục sống trong đời sống đương đại.

Đó là sự chuyển đổi từ “bảo tồn tĩnh” sang “bảo tồn động”.

Festival Huế được tổ chức theo mô hình bốn mùa, thay vì tập trung vào một kỳ lễ hội như trước đây. Không gian văn hóa được mở rộng từ Hoàng thành, Đại Nội ra toàn bộ đô thị, kết nối với các làng nghề, cộng đồng cư dân và các không gian sáng tạo mới. Áo dài Huế không chỉ được nhìn nhận như một biểu tượng văn hóa, mà đang từng bước trở thành một ngành công nghiệp sáng tạo; ẩm thực Huế được chuẩn hóa, quảng bá như một thương hiệu văn hóa; các chương trình giáo dục di sản đưa học sinh đến với di tích, với Ca Huế, Nhã nhạc, Bài Chòi... như một phần của quá trình hình thành nhân cách và tình yêu quê hương.

Những chuyển động ấy phản ánh một tư duy rất đáng chú ý: di sản chỉ thực sự được bảo tồn khi nó tiếp tục tạo ra giá trị cho xã hội đương đại.

Đó không phải là thương mại hóa di sản, mà là chuyển hóa giá trị di sản.

Khác biệt giữa hai cách tiếp cận này rất lớn.

Thương mại hóa coi di sản là công cụ để thu hút khách du lịch và tạo doanh thu trước mắt. Chuyển hóa giá trị lại coi di sản là nguồn vốn văn hóa cần được đầu tư, nuôi dưỡng và phát triển lâu dài. Trong cách tiếp cận thứ hai, doanh thu kinh tế chỉ là một phần của giá trị; điều quan trọng hơn là di sản tiếp tục nuôi dưỡng bản sắc, tạo việc làm, hình thành cộng đồng sáng tạo và nâng cao chất lượng sống.

Đó cũng là xu hướng mà nhiều đô thị di sản trên thế giới đang theo đuổi.

Kyoto không nổi tiếng vì giữ nguyên một thành phố cổ bất động trong thời gian. Giá trị của Kyoto nằm ở chỗ người dân vẫn sống trong những không gian truyền thống, vẫn thực hành các nghề thủ công, vẫn duy trì các nghi lễ văn hóa, trong khi thành phố vẫn phát triển bằng công nghệ cao và các ngành dịch vụ hiện đại. Florence không chỉ bảo tồn các công trình Phục hưng, mà còn biến truyền thống mỹ thuật thành nền tảng cho thiết kế, thời trang và các ngành công nghiệp sáng tạo. Điều làm nên sức sống của những đô thị ấy không phải số lượng di tích, mà là khả năng để di sản tiếp tục sinh ra những giá trị mới.

Đó cũng là điều Huế đang hướng tới. Tuy nhiên, con đường ấy chưa bao giờ dễ dàng.

Thách thức đầu tiên là áp lực của đô thị hóa.

Khi Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, yêu cầu mở rộng không gian phát triển, xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng dịch vụ sẽ ngày càng lớn. Đó là nhu cầu tất yếu. Nhưng nếu thiếu một quy hoạch dựa trên hệ giá trị, rất dễ xuất hiện những quyết định chỉ mang lại lợi ích trước mắt mà làm tổn thương lâu dài đến cảnh quan văn hóa và cấu trúc lịch sử của đô thị.

Một tòa nhà cao tầng có thể hoàn thành trong vài năm, nhưng một đường chân trời lịch sử bị phá vỡ sẽ rất khó phục hồi.

Một tuyến đường mới có thể rút ngắn thời gian lưu thông, nhưng nếu chia cắt những

không gian văn hóa đã tồn tại hàng trăm năm thì tồn thất ấy không dễ đo đếm bằng tiền.

Bởi vậy, đối với một đô thị di sản, quy hoạch không đơn giản là tổ chức không gian xây dựng, mà trước hết là tổ chức các giá trị. Mỗi quyết định về hạ tầng, kiến trúc hay đầu tư đều cần trả lời câu hỏi: quyết định ấy có làm giàu thêm bản sắc của đô thị hay đang làm nghèo đi những giá trị tích lũy qua nhiều thế hệ?

Thách thức thứ hai là nguy cơ thương mại hóa cực đoan.

Đây không phải là câu chuyện riêng của Huế. Nhiều đô thị di sản trên thế giới đều từng trải qua giai đoạn phát triển nóng, khi lễ hội bị sân khấu hóa, các giá trị truyền thống bị giản lược để phục vụ thị hiếu ngắn hạn, còn không gian lịch sử dân bị thay thế bởi các dịch vụ thương mại giống nhau ở mọi nơi. Nếu điều đó xảy ra, di sản có thể đông khách hơn nhưng lại mất dần sức hấp dẫn văn hóa.

Du khách ngày nay không chỉ tìm kiếm những công trình đẹp hay những màn trình diễn hoành tráng. Điều họ mong muốn là được trải nghiệm một nền văn hóa chân thực, được gặp gỡ cộng đồng bản địa, được cảm nhận một lối sống khác biệt. Chính tính nguyên gốc và bản sắc mới là giá trị tạo nên sức cạnh tranh lâu dài của các đô thị di sản.

Thách thức thứ ba đến từ chuyển đổi số.

Công nghệ đang mở ra những cơ hội chưa từng có cho công tác bảo tồn và phát huy di sản. Dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo hay thực tế tăng cường có thể giúp lưu giữ, nghiên cứu và giới thiệu di sản theo những cách hoàn toàn mới.

Nhưng công nghệ cũng không thể thay thế con người. Một bản ghi âm không thể thay thế nghệ nhân. Một bảo tàng số không thể thay thế cảm xúc khi đứng trước một công trình di sản. Một mô hình 3D cũng không thể thay thế ký ức cộng đồng được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Nói cách khác, chuyển đổi số phải làm cho di sản sống hơn, chứ không phải chỉ nhiều dữ liệu hơn.

Nhìn rộng hơn, câu chuyện của Huế thực chất đang gợi mở một vấn đề lớn đối với Việt Nam. Nếu coi hệ giá trị quốc gia là nền tảng của phát triển, thì những giá trị ấy phải được cụ thể hóa thành thể chế, thành quy hoạch, thành chính sách và thành các tiêu chí đánh giá phát triển. Và đã đến lúc chúng ta không chỉ đo sự phát triển bằng GRDP, thu ngân sách hay số lượng dự án đầu tư.

Một địa phương đáng sống còn phải được đánh giá bằng chất lượng cảnh quan văn hóa, mức độ tham gia của cộng đồng, sức sống của các di sản, không gian sáng tạo dành cho người trẻ, khả năng gìn giữ bản sắc và mức độ hài lòng của người dân đối với môi trường văn hóa nơi mình đang sống.

Khi văn hóa trở thành một chỉ tiêu phát triển, chứ không chỉ là lĩnh vực hưởng ngân sách, tư duy quản trị cũng sẽ thay đổi. Điều đó cũng đòi hỏi phải xây dựng những cơ chế mới cho phát triển công nghiệp văn hóa; khuyến khích hợp tác công - tư trong bảo tồn và phát huy di sản; hình thành đội ngũ nhân lực có khả năng kết nối giữa văn hóa, công nghệ và kinh tế sáng tạo; đồng thời tạo điều kiện để cộng đồng thực sự trở thành chủ thể của quá trình bảo tồn và phát triển. Nói cách khác, phát triển dựa trên giá trị không phải là khẩu hiệu, mà phải trở thành một phương thức quản trị.

Nhìn từ Huế, có thể thấy một điều rất rõ: trong thế kỷ XXI, lợi thế cạnh tranh của một quốc gia sẽ không còn được quyết định chủ yếu bởi tài nguyên thiên nhiên hay lao động giá rẻ.

Lợi thế ngày càng thuộc về những quốc gia biết chuyển hóa bản sắc thành sức mạnh mềm, chuyển văn hóa thành nguồn lực kinh tế và chuyển hệ giá trị thành năng lực phát triển. Huế chưa phải là đích đến của mô hình ấy. Nhưng những gì thành phố đang kiên trì theo đuổi cho thấy một hướng đi đáng để suy ngẫm. Bởi suy cho cùng, mục tiêu của bảo tồn không phải là giữ lại những viên gạch cũ, những mái ngói xưa hay những ký ức đã khép lại, mà điều quan trọng hơn là giữ được tinh thần đã tạo nên những di sản ấy và để tinh thần ấy tiếp tục soi sáng con đường phát triển hôm nay.

Một dân tộc chỉ thực sự mạnh khi biết biến quá khứ thành động lực của tương lai. Một quốc gia chỉ có thể phát triển bền vững khi hệ giá trị không còn nằm trên những trang văn kiện, mà hiện diện trong từng quyết sách, từng công trình, từng không gian sống và trong ý thức của mỗi người dân.

Đó cũng chính là ý nghĩa sâu xa của việc phát huy hệ giá trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. ■

HẠ TRẮNG

Sông Bờ chiều nắng tan

*Bờ Giang ơi dòng sông ngọt tình mẹ
Nước xanh trong tuổi thơ chảy giữa dòng
Đêm trăng sáng vắng đưa lời ca điệu
Con ngủ ngon tay mẹ quạt đợi mong*

*Từ thượng nguồn chứa chan dòng nước biếc
Chờ bao mùa thảm lạnh vượt thời gian
Sông mềm mại hoà mình con tắm mát
Ngụm nước ngon ngọt lịm nhớ vô vàn*

*Thuyền Xương Bò ngát hương mùa trái chín
Con lớn khôn lòng mẹ tóc bạc đầu
Dòng sông chảy bao la trong miền nhớ
Mẹ là sông hình bóng mãi khắc sâu*

*Bờ Giang ơi mẹ ơi lời con gọi
Chiều ven sông giọt nắng tan giữa dòng
Sông cứ chảy yêu thương như tình mẹ
Qua bốn mùa đẹp mãi những chờ mong*



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN NỀN TẢNG VĂN HÓA

■ PHAN THÀNH

Năm 2025, Huế chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với tư cách “đô thị di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh”. Không phải bây giờ mà từ hàng chục năm trước Huế đã nỗ lực mạnh mẽ, kiên định với định hướng bảo tồn những giá trị văn hóa di sản của tiền nhân để lại và xem đó là nguồn lực của sự phát triển.

Sự kết hợp giữa bảo tồn di sản và sáng tạo đương đại, giữa gìn giữ bản sắc và hội nhập quốc tế được xem là chìa khoá để Huế vươn lên trong kỷ nguyên mới.

Xây dựng chiến lược thương hiệu văn hóa

Lịch sử đã chỉ rõ vai trò, vị thế của Huế trong suốt chiều dài lịch sử hơn 300 năm khi là thủ phủ xứ Đàng Trong (1636 - 1775), kinh đô của triều Tây Sơn (1788 - 1802) và kinh đô nhà Nguyễn (1802 - 1945). Để rồi sau Cách mạng tháng 8, Huế trở về vai trò Cố đô rồi trải qua rất nhiều trắc trở trước khi được nhận sự quan tâm lớn mạnh từ Trung ương cũng như nỗ lực của chính quyền địa phương, để vươn lên trên bản đồ đất nước nói chung và quốc tế nói riêng với vai trò đô thị di sản kiểu mẫu.

Ngày nay, Huế được xem là thủ phủ di sản Việt Nam khi sở hữu hệ thống di sản đồ sộ và đa dạng bậc nhất. Trong đó có thể tự hào với 8 di sản được UNESCO ghi danh cùng với đó là 3 quần thể di tích cấp quốc gia đặc biệt, hàng trăm di tích cấp quốc gia, cấp thành phố, hơn 520 lễ hội, hàng chục làng nghề và các giá trị đặc sắc như áo dài, nón lá, ẩm thực Huế.

Theo thống kê của ngành văn hóa, 3 thập kỷ qua Huế đã huy động hàng nghìn tỷ đồng cho bảo tồn di sản, đặc biệt là Quần thể di tích Cố đô Huế với trên 2.000 tỷ đồng giai đoạn 1993 - 2023. Nhiều công trình biểu tượng như Kinh thành, Hoàng thành, các lăng vua Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định, đàn Nam Giao, đàn Xã Tắc, Hồ Quyền - Voi Ré đã được trùng tu. Cùng với đó là bảo tồn di tích gắn với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cùng với bảo tồn những công trình kiến trúc di sản, Huế còn để lại ấn tượng với ngành văn hóa cả nước khi tạo ra được rất nhiều thiết chế văn hóa hiện đại với hệ thống các bảo tàng ngoài công lập, phòng trưng bày, nhà lưu niệm và không gian sáng tạo. Đặc biệt, sự xuất hiện của những bảo tàng ngoài công lập chất lượng cao như Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương, Bảo tàng đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn, Bảo tàng mỹ thuật Cecile Le Phạm... đã mở ra hướng xã hội hoá hiệu quả, giúp mở rộng khả năng lưu giữ và trưng bày hiện vật.

Theo ông Phan Thanh Hải - Ủy viên Hội đồng Di sản Văn hóa quốc gia, Giám đốc Báo và Phát thanh Truyền hình Huế, từ năm 2020, Huế đã chính thức khởi động chiến lược thương hiệu văn hoá với rất nhiều đề án tiêu biểu như “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”; “Huế - Kinh đô ẩm thực”; “Huế - Xứ sở mai vàng”; “Huế - xanh, sạch, sáng”...

Nhiều giải pháp chiến lược để phát triển bền vững

Theo ông Phan Thanh Hải, để phát triển bền vững trên nền di sản, biến tiềm năng thành hiện thực, cần có những giải pháp chiến lược mang tính đồng bộ. Trong đó, chú trọng hệ sinh thái công nghiệp văn hóa gắn với di sản với các lĩnh vực thời trang truyền thống, ẩm thực, nghệ thuật biểu diễn cung đình, thiết kế mỹ thuật, trò chơi văn hóa... cần được hỗ trợ từ chính sách đến đầu tư, tạo chuỗi giá trị khép kín từ sáng tạo đến tiêu dùng. Ngoài ra, chú trọng phát triển nguồn nhân lực sáng tạo có khả năng sáng tạo sản phẩm mới từ chất liệu văn hóa truyền thống, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào di sản, hợp tác quốc tế và phát triển thương hiệu di sản Huế...

Riêng năm 2022, Huế định hình Festival Huế chính thức trở thành Festival bốn mùa đã tạo ra chuỗi sự kiện quanh năm, giữ cho Huế luôn “nóng” trong bản đồ du lịch văn hoá.

Ký ức di sản là nguồn lực phát triển

Bước ngoặt lịch sử của Huế theo ông Hải đó chính là thành phố trực thuộc Trung ương từ năm 2025. Khác với các đô thị công nghiệp, Huế chọn phát triển dựa trên văn hoá và di sản. Chiến lược này đòi hỏi sự kết hợp giữa bảo tồn và hiện đại hoá: ứng dụng công nghệ trong quản lý di tích, triển khai chính quyền số, đô thị thông minh, quy hoạch xanh, mở rộng không gian đô thị nhưng vẫn giữ bản sắc.

Nhìn xa hơn trong bối cảnh toàn cầu hoá, Huế không khép mình trong “lũy tre” di sản mà chủ động hội nhập, kết nối các mạng lưới đô thị sáng tạo của UNESCO, hợp tác quốc tế trong bảo tồn, trao đổi nghệ thuật, đào tạo nguồn nhân lực văn hoá - du lịch chất lượng cao.

Ngoài ra, Huế hướng tới mục tiêu trở thành Thành phố sáng tạo UNESCO trong lĩnh vực ẩm thực và mở rộng sang các ngành công nghiệp văn hoá khác như điện ảnh, thiết kế, thời trang, âm nhạc.

Nhìn lại chặng đường đã qua, có thể thấy Huế hội tụ đủ điều kiện để trở thành “hạt nhân” trong chiến lược phát triển văn hóa quốc gia: một kho tàng di sản đồ sộ; truyền thống văn hiến lâu đời; nguồn nhân lực có chiều sâu; và một cộng đồng xã hội luôn đề cao giá trị văn hóa. Trên nền tảng ấy, Huế có thể định vị mình như một “thành phố gương mẫu” trong việc gắn kết bảo tồn di sản với phát triển bền vững, đồng thời góp phần làm giàu bản sắc và hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Huế đã chứng minh rằng văn hoá không chỉ là ký ức hay di sản, mà còn là nguồn lực phát triển. Sự kết hợp giữa bảo tồn di sản và sáng tạo đương đại, giữa gìn giữ bản sắc và hội nhập quốc tế, chính là chìa khoá để Huế vươn lên trong kỷ nguyên mới. Huế của tương lai sẽ là một đô thị vừa cổ kính, vừa hiện đại; vừa là “bảo tàng sống” của văn hoá Việt, vừa là trung tâm sáng tạo năng động của khu vực. Với di sản quý báu, con người tài hoa và tầm nhìn chiến lược, Huế hoàn toàn có thể khẳng định vị thế “trung tâm văn hoá đặc sắc của quốc gia và khu vực” - một hình mẫu phát triển bền vững dựa trên nền tảng văn hoá”, ông Hải khẳng định. ■

NHÀ XUẤT BẢN VÀ THƯ VIỆN:

MÔ HÌNH PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU TÌNH GỌN BỘ MÁY VÀ PHÁT TRIỂN TRI THỨC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

■ NGÔ HẢI ĐỊNH

Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ ngày 8 tháng 4 năm 2026 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, đã đặt ra yêu cầu tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời đổi mới tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Trong bối cảnh đó, việc sát nhập mô hình Nhà Xuất bản và Thư viện không chỉ là giải pháp tổ chức bộ máy mà còn là bước đi phù hợp với xu thế phát triển của ngành xuất bản, thư viện và chuyển đổi số quốc gia. Đây không chỉ là câu chuyện về sắp xếp đầu mối tổ chức, mà sâu xa hơn là kết nối các nguồn lực để hình thành một hệ sinh thái tri thức thống nhất, phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu và tiếp cận thông tin của người dân.

Xuất bản và thư viện từ lâu đã có mối quan hệ hữu cơ, bổ trợ cho nhau trong quá trình tạo lập, lưu giữ và phổ biến tri thức. Nếu nhà xuất bản là nơi tổ chức biên tập, xuất bản và đưa các sản phẩm tri thức đến với xã hội thì thư viện là thiết chế thu thập, lưu giữ, tổ chức, khai thác và đưa nguồn tài nguyên đó đến với bạn đọc. Nói cách khác, xuất bản tạo ra và phổ biến nguồn tài nguyên thông tin, còn thư viện tiếp tục làm gia tăng giá trị xã hội của nguồn tài nguyên đó thông qua hoạt động tổ chức, bảo quản và phục vụ người đọc.

Mối quan hệ này không chỉ thể hiện ở việc thư viện bổ sung xuất bản phẩm và nhà xuất bản cung cấp nguồn sách cho thư viện. Thông qua nhu cầu và phản hồi của bạn đọc, thư viện có thể cung cấp những thông tin quan trọng giúp định hướng phát triển nguồn tài nguyên và kế hoạch xuất bản. Ở chiều ngược lại, các xuất bản phẩm là một trong những nguồn bổ sung quan trọng của thư viện. Từ đó hình thành một chu trình liên hoàn: sáng tạo, biên tập, xuất bản, phát hành, lưu giữ, tổ chức thông tin, phổ biến, khai thác và tiếp tục hình thành những giá trị tri thức mới.

Có thể nói, xét từ bản chất hoạt động, xuất bản và thư viện không phải là hai lĩnh vực hoàn toàn tách biệt mà là hai mắt xích quan trọng trong cùng một hệ sinh thái tri thức.

Chuyển đổi số mở rộng không gian kết nối xuất bản và thư viện

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang làm thay đổi căn bản phương thức hoạt động của cả ngành xuất bản và thư viện. Nếu trước đây mối liên kết chủ yếu được thể hiện thông qua sách in, hoạt động phát hành và phục vụ mượn, đọc thì hiện nay chuỗi giá trị đó đã được mở rộng sang sách điện tử, dữ liệu số, thư viện số, nền tảng đọc trực tuyến và nhiều loại hình dịch vụ thông tin trên môi trường mạng.



Thư viện thành phố Huế tích cực tổ chức hoạt động trưng bày sách, tư liệu chào mừng các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng của đất nước

Một xuất bản phẩm ngày nay không chỉ tồn tại dưới dạng một cuốn sách in. Đằng sau đó còn là hệ thống dữ liệu, thông tin thư mục, metadata, bản quyền điện tử và nhiều hình thức khai thác khác nhau. Khi được tích hợp vào hệ thống thư viện số, giá trị của xuất bản phẩm tiếp tục được mở rộng thông qua khả năng

tiếp cận thuận lợi của người dùng, phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo.

Điều này đặt ra yêu cầu mới đối với mối quan hệ giữa xuất bản và thư viện. Sự phối hợp không còn dừng lại ở việc mua, bán và cung cấp sách mà cần tiến tới liên thông dữ liệu, đồng bộ công nghệ, phối hợp phát triển tài nguyên số, bảo đảm quyền tác giả và cùng thúc đẩy văn hóa đọc.

Theo một số kinh nghiệm tại các nước như Singapore không chỉ thực hiện chức năng thư viện truyền thống mà còn đóng vai trò quan trọng trong xây dựng hệ sinh thái học tập, đổi mới sáng tạo và phát triển văn hóa đọc. Thư viện phối hợp với các nhà xuất bản thông qua nhiều chương trình giới thiệu sách, hỗ trợ tác giả, phát triển sách điện tử và các hoạt động phục vụ bạn đọc. Việc kết nối dữ liệu và nền tảng số giúp người dân tiếp cận nhiều loại hình tài nguyên trong cùng một hệ sinh thái.

Tại Hàn Quốc, sự phối hợp giữa các nhà xuất bản và hệ thống thư viện được thúc đẩy trong quá trình phát triển thư viện số. Các xuất bản phẩm điện tử được tích hợp vào hệ thống thư viện theo cơ chế cấp phép và bảo hộ quyền tác giả, qua đó vừa mở rộng khả năng tiếp cận tri thức của người dân, vừa bảo đảm quyền lợi của chủ thể sáng tạo và xuất bản.

Điểm chung từ những kinh nghiệm trên không nhất thiết nằm ở việc các quốc gia đều tổ chức nhà xuất bản và thư viện thành một đơn vị hành chính, mà ở khả năng kết nối các chủ thể trong toàn bộ chuỗi giá trị tri thức. Đó là sự tích hợp về dữ liệu, công nghệ, hạ tầng, quy trình nghiệp vụ và dịch vụ phục vụ người sử dụng. Đây cũng là một gợi mở quan trọng đối với quá trình nghiên cứu, đổi mới mô hình tổ chức tại Việt Nam.

Từ yêu cầu tinh gọn bộ máy đến tái cấu trúc hệ sinh thái tri thức

Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW đã đặt ra yêu cầu tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với yêu cầu phát triển. Từ việc hướng đến thành lập Nhà Xuất bản và Thư viện tại nhiều địa phương có đủ điều kiện có thể được xem xét trên cơ sở mối quan hệ chức năng, khả năng dùng chung nguồn lực và yêu cầu phát triển các thiết chế văn hóa trong môi trường số.

Cơ sở của hướng tiếp cận này trước hết xuất phát từ chính chuỗi giá trị tri thức. Nhà xuất bản tham gia mạnh vào các khâu sáng tạo nội dung, biên tập, xuất bản và phổ biến;

thư viện đảm nhận vai trò thu thập, tổ chức, lưu giữ, bảo quản và đưa tài nguyên đến người sử dụng. Chuyển đổi số đang khiến các công đoạn này ngày càng phụ thuộc vào cùng một hệ thống dữ liệu, công nghệ và hạ tầng số.

Về phương diện pháp lý, Luật Xuất bản năm 2012 xác lập khuôn khổ cho hoạt động xuất bản; Luật Thư viện năm 2019 quy định về tổ chức, hoạt động thư viện, đồng thời định hướng phát triển thư viện theo hướng hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ, chia sẻ tài nguyên và liên thông. Cùng với đó, pháp luật về sở hữu trí tuệ tạo cơ sở cho việc bảo hộ và khai thác quyền tác giả, quyền liên quan trong quá trình phát triển tài nguyên số.

Tuy nhiên, điều cần nhấn mạnh là mô hình Nhà Xuất bản và Thư viện không nên được hiểu đơn giản là cộng hai đơn vị thành một đầu mối hành chính. Quan trọng hơn là phải hướng tới tái cấu trúc cách thức quản trị nguồn lực và chuỗi giá trị tri thức.



Những ấn phẩm tiêu biểu của Nhà Xuất bản Thuận Hóa, Huế

chuỗi hoạt động liên kết từ xây dựng kế hoạch xuất bản, phát triển nguồn tài nguyên, số hóa, chuẩn hóa dữ liệu, lưu giữ, quảng bá văn hóa đọc đến tổ chức khai thác và cung cấp dịch vụ cho người dân.

Trong đó, những yêu cầu nghiệp vụ đặc thù của xuất bản và thư viện vẫn phải được bảo đảm; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng bộ phận phải được xác định rõ; cơ chế tài chính cần phù hợp; đặc biệt phải bảo đảm các quy định về quyền tác giả, quyền liên quan và khai thác tài nguyên số.

Nói cách khác, mục tiêu không phải là “gộp” hai lĩnh vực một cách cơ học mà là kết nối những nguồn lực có thể kết nối, dùng chung những gì có thể dùng chung và bảo đảm chuyên môn hóa những gì cần chuyên môn hóa.

Hướng tới một trung tâm tri thức hiện đại, phục vụ cộng đồng

Trong giai đoạn phát triển mới, yêu cầu đặt ra đối với các thiết chế văn hóa không chỉ là bảo quản và cung cấp các sản phẩm văn hóa truyền thống mà còn phải trở thành những không gian học tập, sáng tạo, chia sẻ và tiếp cận tri thức.

Thư viện hiện đại không còn đơn thuần là nơi lưu giữ sách; nhà xuất bản cũng không chỉ là nơi tạo ra sách in. Cả hai đang từng bước tham gia vào một hệ sinh thái rộng hơn, nơi tri thức được tạo lập, số hóa, lưu trữ, chia sẻ và tiếp tục được tái tạo thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu và sáng tạo của cộng đồng.

Nếu được tổ chức phù hợp, mô hình này có thể tạo điều kiện sử dụng chung một số nguồn lực như hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu, nhân lực chuyên môn, hoạt động truyền thông và các nền tảng phục vụ bạn đọc; hạn chế đầu tư trùng lặp; đồng thời hình thành

Trong hệ sinh thái đó, nhà xuất bản, thư viện, trường học, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và người dân có thể tạo thành một vòng tuần hoàn tri thức. Nhà xuất bản tạo lập và phổ biến nội dung; thư viện tổ chức, bảo tồn và đưa nguồn tài nguyên đến cộng đồng; các cơ sở giáo dục, nghiên cứu khai thác nguồn tri thức; người dân tiếp nhận, sử dụng và tiếp tục tạo ra những giá trị mới.

Bởi vậy, việc mô hình Nhà Xuất bản và Thư viện (nhập Nhà xuất bản và Thư viện), hướng đến tại Huế nói riêng và một số địa phương có đủ điều kiện, có thể được xem là một hướng đi thực hiện nhiều mục tiêu: tinh gọn tổ chức, sử dụng hiệu quả nguồn lực công, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển văn hóa đọc và nâng cao khả năng tiếp cận tri thức của người dân.

Suy cho cùng, hiệu quả của một mô hình tổ chức không chỉ được đo bằng số lượng đầu mỗi giảm đi hay chi phí quản lý tiết kiệm được, mà quan trọng hơn là bằng giá trị mà mô hình đó tạo ra cho xã hội. Đối với Nhà Xuất bản và Thư viện, giá trị ấy nằm ở khả năng đưa những sản phẩm tri thức có chất lượng đến với đông đảo công chúng; tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin thuận lợi hơn; hỗ trợ học tập suốt đời, nghiên cứu và sáng tạo; đồng thời góp phần bảo tồn, lưu giữ và phát huy nguồn tài nguyên tri thức của địa phương và quốc gia.

Nếu phù hợp với điều kiện thực tế và có lộ trình triển khai chặt chẽ, việc thành lập Nhà Xuất bản và Thư viện không chỉ là một phương án sắp xếp tổ chức. Đó có thể là bước chuyển từ tư duy quản lý từng thiết chế sang tư duy quản trị một hệ sinh thái tri thức; từ việc sử dụng nguồn lực riêng lẻ sang kết nối và phát huy nguồn lực chung; từ phục vụ bạn đọc theo phương thức truyền thống sang xây dựng các dịch vụ tri thức hiện đại trên môi trường số.

Trong dòng chảy đó, tinh gọn bộ máy sẽ không chỉ dừng ở việc giảm đầu mỗi, mà trở thành cơ hội để đổi mới cách thức tổ chức, quản trị và phục vụ. Và khi những nguồn lực về xuất bản, thư viện, công nghệ và con người được kết nối hiệu quả, giá trị cuối cùng không chỉ là một mô hình tổ chức mới, mà là một không gian tri thức rộng mở hơn, hiện đại hơn và gần hơn với người dân. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Luật Xuất bản* số 19/2012/QH13.
2. *Luật Thư viện* số 46/2019/QH14.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2026), Nghị quyết số 105/NQ-CP ban hành *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới*.
4. Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
5. Bộ Chính trị (2025), Kết luận số 156-KL/TW về *tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW*.
6. Nguyễn Hữu Giới (2023), *Suy nghĩ về Văn hóa đọc và thư viện*, Nxb Lao động.
7. Nguyễn Hữu Giới (2019), “Mối quan hệ giữa ngành thư viện, phát hành sách và xuất bản trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam”, truy cập ngày 28/8/2026, từ <https://thuvienquandoi.vn/news/nguyen-cuu-trao-doi-hoc-tap/20190409024827a8e359d4-c603-4ca8-aa7f-03cc53b95473>.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ HỆ THỐNG DI TÍCH VÀ ĐỊA ĐIỂM LƯU NIỆM VỀ CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG TRONG LIÊN KẾT KHÔNG GIAN DI SẢN HUẾ - ĐÀ NẴNG

■ LÊ THỊ MAI AN*

Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947) là một trong những nhân vật tiêu biểu của lịch sử Việt Nam cận đại, hội tụ nhiều phẩm chất của một chí sĩ yêu nước, nhà hoạt động chính trị, nhà báo, nhà văn hóa và nhà giáo dục. Hơn bảy thập niên sau ngày mất, tên tuổi và sự nghiệp của Cụ vẫn được trân trọng như biểu tượng của tinh thần yêu nước, đức thanh liêm, bản lĩnh của người trí thức và khát vọng phụng sự dân tộc. Không chỉ để lại dấu ấn trong phong trào Duy Tân, những năm tháng lao tù Côn Đảo hay thời kỳ giữ cương vị quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Huỳnh Thúc Kháng còn có gần hai mươi năm hoạt động sôi nổi tại Huế - trung tâm chính trị, hành chính và văn hóa của Trung Kỳ dưới thời thuộc địa. Chính tại đây, nhiều tư tưởng lớn của Cụ được hình thành, nhiều hoạt động chính trị - xã hội được thực hiện và đặc biệt là sự ra đời của báo *Tiếng Dân*, một trong những tờ báo quốc ngữ có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

Nếu quê hương Tiên Phước là nơi lưu giữ ký ức về tuổi thơ, truyền thống gia đình và phong trào Duy Tân, thì Huế là nơi phản ánh rõ nét nhất quá trình trưởng thành về tư tưởng và hoạt động thực tiễn của cụ Huỳnh Thúc Kháng. Hiện nay, trên địa bàn thành phố Huế vẫn còn hiện diện nhiều di tích, địa điểm gắn liền với cuộc đời hoạt động của Cụ như trụ sở báo *Tiếng Dân*, nơi ở trong thời gian vận động thành lập báo, trụ sở Viện Dân biểu Trung Kỳ cùng nhiều địa điểm liên quan đến các hoạt động chính trị, văn hóa và báo chí. Mỗi địa điểm đều lưu giữ những giá trị lịch sử riêng, đồng thời hợp thành một hệ thống phản ánh sinh động con đường đấu tranh ôn hòa nhưng kiên định vì dân tộc, dân quyền và tự do báo chí của một trí thức yêu nước đầu thế kỷ XX.

Thực tế cho thấy, mặc dù nhiều địa điểm gắn với Huỳnh Thúc Kháng đã được các nhà nghiên cứu đề cập, song việc tiếp cận dưới góc độ một hệ thống di sản vẫn còn khá khiêm tốn. Công tác bảo tồn chủ yếu tập trung vào từng điểm riêng biệt, trong khi mối liên hệ lịch sử giữa các di tích, địa điểm cũng như khả năng kết nối với các di tích liên quan ngoài địa phương, chưa được quan tâm đúng mức. Điều này khiến giá trị của các di tích chưa được phát huy tương xứng, nhất là trong hoạt động giáo dục lịch sử, quảng bá hình ảnh địa phương và phát triển du lịch văn hóa.

Khu lưu niệm Huỳnh Thúc Kháng tại Tiên Phước (nay thuộc thành phố Đà Nẵng) cùng với hệ thống di tích, địa điểm lưu niệm tại Huế tạo thành hai cực quan trọng trong không gian di sản về cụ Huỳnh Thúc Kháng. Nếu được nghiên cứu, kết nối và khai thác đồng bộ, đây sẽ là cơ sở để hình thành một tuyến du lịch văn hóa - lịch sử chuyên đề,

* Th.S. Cán bộ chuyên môn Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế.

tái hiện đầy đủ hành trình cuộc đời và sự nghiệp của một trong những danh nhân tiêu biểu của Việt Nam hiện đại; đồng thời, góp phần làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch văn hóa của khu vực miền Trung.

1. Hệ thống di tích và địa điểm lưu niệm về cụ Huỳnh Thúc Kháng tại thành phố Huế

Trong hành trình hoạt động cách mạng và sự nghiệp chính trị của cụ Huỳnh Thúc Kháng, Huế không phải là quê hương nhưng lại là nơi Cụ để lại nhiều dấu ấn sâu đậm nhất trên phương diện hoạt động xã hội, báo chí và đấu tranh nghị trường. Nếu Tiên Phước - Quảng Nam (nay thuộc thành phố Đà Nẵng) là nơi hình thành nhân cách và chí hướng cứu nước của người thanh niên Huỳnh Thúc Kháng thì Huế chính là nơi chứng kiến sự trưởng thành của một nhà hoạt động chính trị, nhà báo và nhà văn hóa lớn của dân tộc. Chính vì vậy, những di tích, địa điểm liên quan tới Cụ còn lưu giữ trên địa bàn thành phố Huế không chỉ phản ánh từng sự kiện riêng lẻ mà còn hợp thành một hệ thống di sản lịch sử văn hóa có khả năng tái hiện khá đầy đủ chặng đường hoạt động của Cụ trong gần hai thập niên đầu thế kỷ XX.

Mỗi địa điểm đều gắn với một giai đoạn, một hoạt động hoặc một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời cụ Huỳnh Thúc Kháng, nhưng khi đặt trong mối quan hệ tổng thể, chúng phản ánh một tiến trình phát triển thống nhất của tư tưởng và hành động. Từ nơi ở trong thời gian vận động thành lập báo *Tiếng Dân*, trụ sở Viện Dân biểu Trung Kỳ đến tòa soạn báo *Tiếng Dân*, tất cả đều minh chứng cho quá trình chuyển hóa từ hoạt động nghị trường sang hoạt động báo chí như một phương thức đấu tranh mới vì quyền lợi của nhân dân. Đây là giá trị nổi bật mà ít hệ thống di tích về các danh nhân cùng thời có được.

Địa điểm cư trú trong thời gian vận động xin phép thành lập báo *Tiếng Dân*: Tuy chỉ là một địa điểm nhỏ trong không gian đô thị Huế nhưng lại mang ý nghĩa đặc biệt. Những thư từ trao đổi với Khâm sứ Trung Kỳ, những văn bản lưu trữ của chính quyền bảo hộ và quá trình chuẩn bị xuất bản báo đều gắn với địa điểm này. Đây chính là nơi khởi đầu cho sự ra đời của một tờ báo có ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử dân tộc. Nếu trụ sở báo *Tiếng Dân* phản ánh thành quả thì địa điểm này lại phản ánh cả một quá trình kiên trì, bản lĩnh và trí tuệ của Huỳnh Thúc Kháng trong việc đấu tranh hợp pháp để giành quyền lên tiếng cho người Việt.

Đó chính là ngôi nhà của vợ chồng ông bà Nguyễn Khoa Tùng¹ và Đạm Phương Nữ Sĩ chỉ cách Đập Đá chừng hai trăm mét về hướng đi Thuận An². Theo những ghi chép của bà Đạm Phương, mỗi lần từ Quảng Nam ra Huế, cụ Huỳnh Thúc Kháng thường về nhà ông bà Nguyễn Khoa Tùng tạm trú vài ngày để bàn công việc của Viện và đàm đạo chuyện chính trị, văn chương, chuyện nhân tình thế thái. Từ ngôi nhà này, ngày

1. Ông Nguyễn Khoa Tùng là 1 trong 38 nghị viên của Viện Dân biểu từng quen biết cụ Huỳnh từ nhiều năm trước

2. Ngôi nhà này gia tộc Nguyễn Khoa đã có vài đời sinh sống. Những năm 1930, các con của ông bà Đạm Phương lần lượt trưởng thành, người đi dạy học, người tham gia phong trào yêu nước bị bắt tù đầy, hoặc bị giặc giết, người thì dựng vợ gả chồng. Bà Đạm Phương quyết định chia đất của gia tộc cho các con làm nhà ra ở riêng. Còn ngôi nhà ở gần Đập Đá thì giao cho cô con dâu cả - vợ ông Nguyễn Khoa Tú; sau năm 1968, bà Tú đã bán lại cho người khác, người sau lại bán cho người sau nữa thành ra vị trí ấy bây giờ bị chia nhỏ nhiều phần với nhiều chủ nhân mới

9/10/1926, Cụ Huỳnh viết bức thư bằng tiếng Pháp gửi cho Khâm sứ Trung kỳ, đề nghị ông này can thiệp, giúp đỡ đề tờ báo “Tiếng Dân” của Cụ sớm được xuất bản. Cũng từ địa chỉ này, với tư cách là Viện trưởng Viện Dân biểu, Cụ đã có vài lần đến thẳng Tòa khâm để yêu cầu viên Khâm sứ giúp đỡ cho việc ra báo.

Hiện nay, vị trí này bị chia nhỏ nhiều phần và nhiều chủ nhân mới không còn dấu tích của ngôi nhà năm xưa của vợ chồng ông Nguyễn Khoa Tung và bà Đạm Phương.

Trụ sở Viện Dân biểu Trung Kỳ: Nơi Huỳnh Thúc Kháng đảm nhiệm cương vị Viện trưởng từ năm 1926. Trong điều kiện quyền hạn của Viện rất hạn chế, Cụ vẫn biến diễn đàn nghị trường thành nơi phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, lên tiếng về những vấn đề dân sinh, dân quyền, cải cách giáo dục, giảm sưu thuế và chống những chính sách bất hợp lý của chính quyền thuộc địa. Mặc dù nhiều kiến nghị không được chấp thuận, nhưng những hoạt động ấy đã góp phần hình thành một đời sống chính trị công khai, tạo tiền đề cho sự phát triển của phong trào dân chủ ở Trung Kỳ. Giá trị của địa điểm này vì thế không chỉ nằm ở một thiết chế hành chính cũ mà còn ở vai trò như một chứng tích của lịch sử đấu tranh nghị trường ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Với tư cách là Viện trưởng, cụ Huỳnh còn đề nghị “*có một Hiến pháp hân hoan và mở rộng quyền hạn cho nhân dân được tham dự chính trị*”³. Về điều này, quan điểm của Cụ không khác lắm với Nguyễn Ái Quốc lúc đó: “*Hiện tình về đường chính trị: Dân chúng tôi không được quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do giáo dục, tự do du lịch và xuất ngoại, tự do lập đảng, tự do hội đồng. Dân bản xứ chịu một thứ hình luật riêng. Sổ chi - thu trong nước, dân không được quyền quản đốc đến. Biết bao nhiêu trường học của dân ngày trước nay đều bị hủy hoại, mà trường mới của chính phủ lập thì chẳng được là bao!*”⁴. Quan điểm đó của Cụ, mãi đến năm 1937, đã được các nghị sĩ thường trực Viện Dân biểu Trung kỳ cho đăng ngày 9/11/1937, trên tờ Trung Bắc Tân văn ở Hà Nội khá đầy đủ⁵.

Trụ ở Viện Dân biểu Trung Kỳ đặt tại Huế số 3 rue Jules Ferry nay có địa chỉ 51 đường Lê Lợi, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

Trụ sở báo Tiếng Dân: Không chỉ là nơi xuất bản một tờ báo, đây thực sự là “địa

3. Bức thư của ông Huỳnh Thúc Kháng trả lời cho Ban Thường trực Viện Dân biểu Trung kỳ. Tài liệu mang ký hiệu 2 - XI - D. Hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

4. Dẫn theo bài: “Nhờ hô hoán cùng vạn quốc hội: “Phải giành quyền tự do cho dân Việt Nam”, từ “Báo Việt Nam hồn” của Nguyễn Ái Quốc. Tài liệu mang ký hiệu 2 - IV -A. Hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

5. “Yêu cầu Đông Dương phải trở thành một liên nghị viện được quyền thảo luận mọi vấn đề có liên quan đến Liên bang. Ở Thượng nghị viện, số lượng đại biểu người Pháp và số lượng đại biểu người bản xứ ngang nhau. Mỗi xứ ở Đông Dương phải cử ra một hội đồng, hội đồng này bầu ra những nghị sĩ của Thượng nghị viện. Những quyền hạn của Thượng nghị viện Đông Dương và của các Hội đồng dân cử bản xứ và quyền hạn của toàn quyền và của các viên thống sứ, khâm sứ và thống đốc sẽ do một đạo luật được Hạ nghị viện Pháp thông qua, quy định. Quyền lập pháp sẽ giao cho Thượng nghị viện và các Viện dân cử của năm xứ Đông Dương. Quyền hành pháp do toàn quyền, các viên thống sứ, khâm sứ và thống đốc và các vị hoàng đế thực hiện. Toàn quyền các viện thống sứ, khâm sứ và thống đốc và các vị hoàng đế có quyền đề xuất luật. Các hội đồng dân cử kiểm soát việc thi hành quyền hành pháp, ủy viên các hội đồng ấy có quyền chất vấn. Toàn quyền có các viện Thống sứ, Khâm sứ, Thống đốc và các vị hoàng đế có gửi những lời hiệu triệu cho các Hội đồng dân cử, bác bỏ những quyết định do các Hội đồng ấy đã thông qua, nhưng chỉ có thể bác bỏ hai lần đối với mỗi quyết định sự việc”.



Tờ báo Tiếng Dân (Nguồn ảnh tác giả)

chỉ đỏ” của đời sống báo chí và tư tưởng Việt Nam giai đoạn 1927 - 1943. Trong điều kiện chế độ thực dân kiểm soát chặt chẽ quyền tự do ngôn luận, Huỳnh Thúc Kháng đã lựa chọn báo chí như một diễn đàn hợp pháp để truyền bá tư tưởng yêu nước, bảo vệ quyền lợi của nhân dân và cổ vũ tinh thần tự cường dân tộc. Suốt hơn mười sáu năm tồn tại, báo *Tiếng Dân* không chỉ phản ánh đời sống chính trị, kinh tế và xã hội Trung Kỳ mà còn trở thành nơi quy tụ nhiều trí thức lớn như Phan Bội Châu, Đào Duy Anh, Hải Triều, Phan Khôi... góp phần hình thành một không gian học thuật và báo chí có ảnh hưởng sâu rộng trong cả nước.

Trụ sở báo *Tiếng Dân* không chỉ nằm ở công trình kiến trúc hay địa điểm xuất bản báo chí, mà còn là biểu tượng của tinh thần độc lập, tự do tư tưởng và trách nhiệm xã hội của người làm báo. Đây là nơi lưu giữ ký ức về một nền báo chí yêu nước, đồng thời phản ánh sự phát triển của báo chí quốc ngữ Việt Nam trong thời kỳ thuộc địa. Vì vậy, giá trị của di tích vượt ra ngoài phạm vi địa phương để trở thành một bộ phận quan trọng của lịch sử báo chí Việt Nam.

Hiện nay, Di tích lịch sử (Lưu niệm sự kiện) Trụ sở Tòa soạn Báo Tiếng Dân tại số 193 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Phú Xuân, thành phố Huế được công nhận là di tích lịch sử (lưu niệm sự kiện) cấp tỉnh (nay là cấp thành phố) theo Quyết định số 1225/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành ngày 04/6/2018 do Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế quản lý.

2. Đề xuất giải pháp phát huy giá trị hệ thống di tích và địa điểm lưu niệm về Huỳnh Thúc Kháng trong liên kết không gian di sản Huế - Đà Nẵng

Trong bối cảnh hiện nay, việc phát huy giá trị hệ thống di tích và địa điểm lưu niệm về cụ Huỳnh Thúc Kháng cần được đặt trong một chiến lược tổng thể, không chỉ hướng đến mục tiêu bảo tồn các di tích lịch sử mà còn khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa,



Thư Cụ Huỳnh viết bức thư bằng tiếng Pháp gửi cho Khâm sứ Trung kỳ năm 1926. Nguồn ảnh tư liệu

giáo dục và du lịch mà hệ thống di tích mang lại. Đây cũng là điều kiện để di sản thực sự trở thành nguồn lực phát triển, góp phần xây dựng thương hiệu văn hóa của thành phố Huế và tăng cường liên kết với thành phố Đà Nẵng.

Để làm được điều đó, chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp sau:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh số hóa di sản như một giải pháp trọng tâm. Không gian di sản về Huỳnh Thúc Kháng không chỉ bao gồm các công trình kiến trúc mà còn bao hàm khối lượng lớn tư liệu lưu trữ như các số báo *Tiếng Dân*, thư từ, bản thảo, văn bản hành chính của chính quyền bảo hộ, ảnh tư liệu và các hiện vật liên quan. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu số kết hợp với bản đồ số, mã QR, thuyết minh đa phương tiện và các ứng dụng thực tế ảo sẽ giúp công chúng dễ dàng tiếp cận di sản, đồng thời tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu, giáo dục và quảng bá. Đây cũng là xu hướng phù hợp với chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa mà Chính phủ đang triển khai.

Thứ hai, xây dựng không gian trưng bày chuyên đề về Huỳnh Thúc Kháng và báo *Tiếng Dân* ngay tại di tích hoặc tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế. Không gian này không chỉ

giới thiệu thân thể, sự nghiệp của cụ Huỳnh Thúc Kháng mà còn tái hiện bối cảnh ra đời của báo *Tiếng Dân*, vai trò của báo chí trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX và những đóng góp của đội ngũ trí thức Trung Kỳ đối với lịch sử dân tộc. Việc kết hợp trưng bày hiện vật gốc với công nghệ trình chiếu, tư liệu số và trải nghiệm tương tác sẽ góp phần tạo nên một sản phẩm văn hóa hấp dẫn, phù hợp với nhiều nhóm công chúng.

Thứ ba, cần đặc biệt quan tâm đến giáo dục di sản. Hệ thống di tích, địa điểm lưu niệm về Cụ Huỳnh Thúc Kháng có nhiều giá trị để xây dựng các chương trình học tập trải nghiệm dành cho học sinh, sinh viên và đoàn viên thanh niên (đặc biệt là sinh viên báo chí). Những chuyên đề về tinh thần yêu nước, đạo đức của người trí thức, lịch sử báo chí Việt Nam, quyền tự do ngôn luận và trách nhiệm công dân có thể được tổ chức ngay tại các di tích, kết hợp với hoạt động tham quan, tọa đàm, sân khấu hóa và trải nghiệm làm báo. Điều này không chỉ góp phần đổi mới phương pháp giáo dục lịch sử mà còn làm cho di sản thực sự trở thành môi trường học tập sinh động.

Thứ tư, cần mở rộng cách tiếp cận từ phạm vi địa phương sang không gian di sản liên vùng Huế - Đà Nẵng. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, Khu lưu niệm Huỳnh Thúc Kháng tại Tiên Phước (nay thuộc thành phố Đà Nẵng) cùng hệ thống di tích, địa điểm tại Huế tạo nên hai không gian bổ trợ cho nhau, phản ánh trọn vẹn cuộc đời và sự nghiệp của Cụ. Đây là điều kiện thuận lợi để hai địa phương phối hợp xây dựng tuyến du lịch “*Theo dấu Huỳnh Thúc Kháng - từ quê hương Duy Tân đến Kinh đô Huế*”, kết nối quê hương, nơi hình thành chí hướng cứu nước với không gian trưởng thành về tư tưởng, báo chí và hoạt động chính trị của Cụ. Tuyến du lịch này có thể tích hợp vào các chương trình tham quan di sản miền Trung, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch văn hóa, kéo dài thời gian lưu trú của du khách và nâng cao hiệu quả khai thác di sản.

Thứ năm, tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội. Di sản chỉ thực sự có sức sống khi được cộng đồng nhận diện, gìn giữ và khai thác. Do đó, cần khuyến khích sự tham gia của các trường học, hội khoa học lịch sử, hội nhà báo, các tổ chức văn hóa, dòng họ và người dân địa phương trong việc sưu tầm tư liệu, kể chuyện di sản, tổ chức các hoạt động tưởng niệm, cuộc thi tìm hiểu về cụ Huỳnh Thúc Kháng và báo *Tiếng Dân*. Cộng đồng vừa là chủ thể gìn giữ ký ức lịch sử, vừa là lực lượng trực tiếp lan tỏa giá trị của di sản đến với xã hội.

Hệ thống di tích và địa điểm lưu niệm gắn với cụ Huỳnh Thúc Kháng trên địa bàn thành phố Huế là những chứng tích lịch sử có giá trị đặc biệt, phản ánh một giai đoạn quan trọng trong cuộc đời hoạt động của một chí sĩ yêu nước, nhà báo, nhà hoạt động chính trị và nhà văn hóa lớn của dân tộc. Không chỉ ghi dấu những đóng góp nổi bật của cụ Huỳnh Thúc Kháng đối với phong trào yêu nước, sự phát triển của báo chí quốc ngữ và đời sống chính trị ở Trung Kỳ đầu thế kỷ XX, các di tích, địa điểm này còn lưu giữ những giá trị về tư tưởng dân quyền, tinh thần phụng sự đất nước, đạo đức của người trí thức và khát vọng xây dựng một xã hội tiến bộ. Đó là những giá trị lịch sử và nhân văn có ý nghĩa lâu dài, cần được gìn giữ và phát huy trong đời sống đương đại. ■

CHUYỂN ĐỔI SỐ

TRONG CÔNG TÁC PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở THÀNH PHỐ HUẾ

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

■ Bài và ảnh: NGUYỄN THỊ LOAN GIANG

Phát huy giá trị di sản Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong tiến trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hệ thống bảo tàng giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, giáo dục và lan tỏa các giá trị lịch sử, văn hóa đến cộng đồng. Đối với Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế, nhiệm vụ không chỉ dừng lại ở việc bảo quản hiện vật mà còn phát huy giá trị di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua các hoạt động nghiên cứu, trưng bày, giáo dục và truyền thông. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đổi mới phương thức hoạt động của bảo tàng trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ công chúng, mở rộng khả năng tiếp cận và tăng cường sức lan tỏa của di sản Hồ Chí Minh.

Là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Huế, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế hiện đang quản lý hệ thống trưng bày trung tâm cùng nhiều di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn. Đây là những địa chỉ đỏ có ý nghĩa đặc biệt trong giáo dục truyền thống cách mạng, góp phần bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức và lòng yêu nước cho các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Trong những năm gần đây, bảo tàng đã từng bước triển khai nhiều giải pháp đổi mới, lấy chuyển đổi số làm động lực để nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn.

Một trong những kết quả nổi bật là sự chuyển biến rõ nét trong công tác tuyên truyền và hướng dẫn tham quan. Nếu trước đây hoạt động giới thiệu chủ yếu dựa trên hình thức thuyết minh trực tiếp thì hiện nay bảo tàng đã từng bước kết hợp các phương thức truyền thông hiện đại như website, mạng xã hội, tham quan trực tuyến, hệ thống mã QR và thuyết minh tự động song ngữ Việt - Anh. Việc ứng dụng công nghệ số giúp khách tham quan chủ động tiếp cận thông tin, đồng thời tạo ra trải nghiệm linh hoạt, phù hợp với nhiều nhóm đối tượng khác nhau.

Song song với đổi mới phương thức truyền thông, đội ngũ cán bộ hướng dẫn cũng được chú trọng bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiệp vụ. Các hình thức kể chuyện kết hợp hình ảnh, video tư liệu, âm thanh và trình chiếu đa phương tiện đã góp phần nâng cao tính hấp dẫn của hoạt động thuyết minh, giúp nội dung về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận hơn đối với công chúng trẻ.

Hiệu quả hoạt động bước đầu được thể hiện qua lượng khách tham quan tăng qua các năm. Theo thống kê của Bảo tàng, năm 2023, Bảo tàng, các di tích và điểm tuyên truyền lưu động đón 122.314 lượt khách; năm 2024 tăng lên 128.375 lượt và năm 2025

đạt 128.605 lượt. Riêng 6 tháng đầu năm 2026, các địa điểm đã đón và phục vụ 98.817 lượt khách trong nước và quốc tế. Bên cạnh khách tham quan, số lượng các đoàn đến báo công, tổ chức lễ kết nạp Đoàn - Đội, sinh hoạt ngoại khóa và học tập chuyên đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng tăng. Những hoạt động này cho thấy Bảo tàng và hệ thống di tích tiếp tục phát huy vai trò là “địa chỉ đỏ” trong giáo dục truyền thống lịch sử, chính trị và văn hóa, góp phần đưa các giá trị di sản đến gần hơn với cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ.



Khách tham quan quét mã QR nghe thuyết minh tự động tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

Trong công tác trưng bày, bảo tàng đã triển khai số hóa một phần hiện vật, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử, tích hợp mã QR cho hiện vật, xây dựng không gian tham quan 3D và thuyết minh tự động. Đây là bước chuyển quan trọng từ mô hình trưng bày truyền thống sang mô hình bảo tàng số, giúp người xem có thể tiếp cận thông tin mọi lúc, mọi nơi mà không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.



Khách tham quan nước ngoài quét mã QR nghe thuyết minh tự động tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế.

Hoạt động truyền thông số cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Website và Fanpage của bảo tàng thường xuyên cập nhật thông tin về triển lãm, chuyên đề, hoạt động giáo dục, lễ dâng hoa, báo công cũng như các sự kiện chính trị quan trọng. Các video giới thiệu về hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Huế được đầu tư xây dựng, góp phần quảng bá hình ảnh của bảo tàng tới đông đảo công chúng trong và ngoài nước. Việc sử dụng đa dạng các nền tảng truyền thông giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, đặc biệt đối với thanh thiếu niên - nhóm công chúng thường xuyên sử dụng các nền tảng số.

Thực trạng phát huy giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thành phố Huế gắn với chuyển đổi số

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng hiện nay công tác số hóa của Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế chủ yếu tập trung vào việc số hóa hiện vật trưng bày, xây dựng tham quan 3D và mã QR, cơ sở dữ liệu vẫn còn phân tán, chưa hình thành hệ thống quản lý thống nhất giữa bảo tàng với các di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn. Quá trình phát huy giá trị di sản Hồ Chí Minh gắn với chuyển đổi số tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cần được nhìn nhận dưới góc độ chuyên môn.



Khách tham quan quét mã QR nghe thuyết minh tự động tại Di tích Nhà lưu niệm thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại đường Mai Thúc Loan

Thứ nhất, quá trình số hóa hiện vật chưa được thực hiện đồng bộ. Nhiều tài liệu, hiện vật quý vẫn mới dừng ở mức lưu trữ truyền thống, việc xây dựng cơ sở dữ liệu số còn phân tán, chưa hình thành hệ thống quản lý tập trung phục vụ nghiên cứu và khai thác lâu dài.

Thứ hai, các sản phẩm số hiện nay chủ yếu tập trung vào giới thiệu thông tin cơ bản. Nội dung tương tác còn hạn chế, chưa khai thác sâu các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), mô hình 3D hay dữ liệu lớn để tạo ra trải nghiệm chuyên sâu cho khách tham quan.

Thứ ba, nguồn nhân lực chuyển đổi số còn thiếu tính chuyên sâu. Phần lớn cán bộ bảo tàng được đào tạo về chuyên ngành lịch sử, bảo tàng trong khi kỹ năng xây dựng dữ liệu số, thiết kế sản phẩm truyền thông số hay quản trị nền tảng số vẫn chưa được bồi dưỡng thường xuyên.

Thứ tư, nguồn kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa hiện vật, đầu tư phần mềm chuyên ngành, máy chủ lưu trữ và thiết bị công nghệ đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn, trong khi ngân sách dành cho hoạt động này còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

Bên cạnh đó, hoạt động truyền thông số tuy đã được triển khai nhưng chưa hình thành chiến lược dài hạn. Nội dung trên các nền tảng số vẫn chủ yếu mang tính thông báo sự kiện; các sản phẩm kể chuyện số, podcast, phim tài liệu ngắn, chuyên mục giáo dục trực tuyến hay các chương trình tương tác với công chúng còn chưa phong phú.

Một số giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác phát huy giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thành phố Huế

Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế cần tiếp tục xác định chuyển đổi số là một nhiệm vụ chiến lược, gắn với quá trình đổi mới toàn diện hoạt động chuyên môn.

Trước hết, cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về hiện vật, tư liệu và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn thành phố Huế theo hướng thống nhất, chuẩn hóa và kết nối với cơ sở dữ liệu ngành văn hóa. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung không chỉ phục vụ công tác quản lý mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu khoa học, giáo dục và quảng bá di sản.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới trong hoạt động trưng bày như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, thực tế tăng cường, bản đồ số, mô hình 3D và thuyết minh thông minh đa ngôn ngữ. Những công nghệ này sẽ góp phần tạo ra trải nghiệm trực quan, sinh động, nâng cao khả năng tương tác giữa hiện vật và công chúng.

Thứ ba, xây dựng chiến lược truyền thông số chuyên nghiệp theo từng nhóm đối tượng. Đối với học sinh, sinh viên cần tăng cường các sản phẩm video ngắn, infographic, trò chơi tương tác và các cuộc thi trực tuyến về tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đối với khách du lịch quốc tế cần phát triển các nội dung đa ngôn ngữ, hệ thống hướng dẫn số và các sản phẩm truyền thông có tính hội nhập.

Thứ tư, chú trọng phát triển nguồn nhân lực số. Bên cạnh đào tạo nghiệp vụ bảo tàng truyền thống, cần tổ chức các khóa bồi dưỡng về quản trị dữ liệu số, thiết kế nội dung số, truyền thông đa phương tiện, kỹ năng khai thác AI trong hoạt động bảo tàng và an toàn thông tin. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và các bảo tàng trong nước để trao đổi kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ.

Thứ năm, mở rộng hợp tác xã hội hóa trong chuyển đổi số. Việc huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và các dự án hợp tác quốc tế sẽ góp phần bổ sung nguồn kinh phí, công nghệ và nhân lực chất lượng cao cho quá trình hiện đại hóa bảo tàng.

Cuối cùng, cần gắn hoạt động phát huy giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến lược xây dựng Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Trong đó, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế cần trở thành trung tâm giáo dục di sản, điểm đến văn hóa thông minh và là một mắt xích quan trọng trong hệ sinh thái du lịch văn hóa số của thành phố.

Chuyển đổi số không chỉ là xu hướng phát triển của ngành bảo tàng mà còn là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả phát huy giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh

trong bối cảnh mới. Thực tiễn tại Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế cho thấy việc ứng dụng công nghệ số đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong công tác trưng bày, tuyên truyền và giáo dục truyền thống, góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận và nâng cao chất lượng phục vụ công chúng.

Tuy nhiên, quá trình này vẫn đặt ra nhiều yêu cầu về nguồn lực, hạ tầng công nghệ, dữ liệu số và nhân lực chuyên môn. Vì vậy, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ hoàn thiện cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ mới, phát triển truyền thông số, đào tạo nhân lực đến tăng cường hợp tác và xã hội hóa. Khi những giải pháp đó được thực hiện một cách bài bản, Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế sẽ không chỉ là nơi lưu giữ kỷ ức lịch sử mà còn trở thành một bảo tàng số hiện đại, góp phần lan tỏa bền vững những giá trị tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh đến với cộng đồng trong nước và quốc tế. ■

HỒNG CHÂU

Nhien quê cũ



Trở về ngõ nhớ thân thương
Bàn chân quyến luyến con đường ngày xưa
Trải qua mấy bận nắng mưa
Hàng cây vẫn đứng như chờ đợi ai
Hoàng hôn bóng nắng rơi rơi
Mái nhà sợi khói bùi ngùi mỏng tan
Đêm về tiếng dế kêu vang
Cho người xa xứ bàng khuâng quê nhà
Góc sân có bóng mẹ già
Sớm chiều cứ mãi vào ra ngóng tìm
Ngày trôi bạc những tiếng chim
Mùa trôi chiếc lá im lìm vàng phai
Trở về tìm lại thơ ngây
Để nghe thương nhớ đọng đầy trong tim
Một miền quê nhỏ xanh nguyên
Và bao kỷ ức êm đềm chưa quên.

VAI TRÒ CỦA ĐỒNG CHÍ HOÀNG ANH TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở HUẾ

■ Bài và ảnh: LÊ THỊ MAI AN*

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một trong những bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc Việt Nam, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong thắng lợi chung ấy, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Thừa Thiên Huế có vị trí đặc biệt quan trọng. Huế không chỉ là trung tâm chính trị của Trung Kỳ mà còn là kinh đô của triều Nguyễn, nơi đặt bộ máy của Chính phủ Trần Trọng Kim. Vì vậy, việc giành chính quyền ở Huế có ý nghĩa trực tiếp tác động đến sự cáo chung của chế độ quân chủ và khẳng định thắng lợi của chính quyền cách mạng tại trung tâm chính trị của chế độ cũ. Cách mạng Tháng Tám ở Huế cho thấy đây là một cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị công phu, có sự kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng lực lượng quần chúng, vận động chính trị, phân hóa đối phương và lựa chọn thời điểm, phương thức hành động phù hợp. Trong hành trình ấy, đồng chí Hoàng Anh là một trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, có những đóng góp quan trọng trong việc chuẩn bị và trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế.

Đồng chí Hoàng Anh (1912 - 2016) sinh ra tại làng Phò Ninh, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thuộc phường Phong Thái, thành phố Huế) trong một gia đình nông dân, đồng chí sớm chứng kiến những bất công của xã hội thuộc địa và từng bước hình thành tinh thần yêu nước sâu sắc. Từ hoạt động của nhóm thanh niên yêu nước ở vùng sông Bồ, đồng chí từng bước tiếp cận với tổ chức cách mạng. Năm 1937, đồng chí Hoàng Anh được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Chi bộ Nam Phong Điền. Những năm tháng hoạt động trong phong trào dân chủ 1936 - 1939, cùng những lần bị thực dân Pháp bắt giam, đã rèn luyện ở đồng chí sự kiên định về chính trị và khả năng hoạt động trong những hoàn cảnh khó khăn. Từ tháng 9/1939 đến tháng 5/1945, đồng chí bị giam tại các nhà lao Lao Bảo, Buôn Ma Thuột, Đắk Tô, chính trong môi trường lao tù khắc nghiệt đó đã rèn luyện bản lĩnh và giữ vững niềm tin vào con đường cách mạng.

Tháng 5/1945, sau khi được trả tự do, đồng chí Hoàng Anh trở về quê hương đúng vào thời điểm phong trào cách mạng ở Thừa Thiên Huế bước vào giai đoạn



Đồng chí Hoàng Anh (1912-2016)

* Ths. Cán bộ chuyên môn Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế.



Nhà lưu niệm đồng chí Hoàng Anh

chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa. Đồng chí nhanh chóng bắt liên lạc với tổ chức Đảng, tham gia khôi phục cơ sở, gây dựng phong trào và chuẩn bị lực lượng cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đây là một sự chuyển tiếp có ý nghĩa quan trọng: từ một cán bộ cách mạng vừa trải qua nhiều năm tù đầy, đồng chí nhanh chóng trở thành một trong những cán bộ tham gia trực tiếp vào quá trình chuẩn bị khởi nghĩa trên phạm vi toàn tỉnh.

Dấu mốc quan trọng đầu tiên thể hiện rõ vai trò của đồng chí Hoàng Anh là tại Hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh tại đầm Cầu Hai được tổ chức vào ngày 23/5/1945. Hội nghị do đồng chí Nguyễn Sơn, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì với sự tham gia của 28 đại biểu. Trước tình hình chính trị trong nước và quốc tế có những chuyển biến nhanh chóng, Hội nghị xác định phải chuẩn bị sẵn sàng khi thời cơ xuất hiện thì Thừa Thiên Huế cùng cả nước tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Đồng thời, Hội nghị chủ trương đẩy mạnh tuyên truyền đường lối đoàn kết cứu nước của Mặt trận Việt Minh, mở rộng vận động thanh niên, học sinh, công chức, binh lính, thân sĩ và trí thức. Đặc biệt, Hội nghị bầu Ban Chấp hành Việt Minh tỉnh gồm 13 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 5 đồng chí¹ do Nguyễn Sơn làm Bí thư, đồng chí Hoàng Anh là một trong các ủy viên. Cơ quan chỉ đạo phong trào cũng được chuyển từ Phú Lộc về thành phố Huế nhằm trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng tại trung tâm chính trị của tỉnh.

Việc đồng chí Hoàng Anh được lựa chọn vào Ban Thường vụ Việt Minh tỉnh không chỉ phản ánh sự tín nhiệm của tổ chức đối với một cán bộ đã được thử thách qua phong trào và nhà tù thực dân, mà còn cho thấy đồng chí đã được trực tiếp tham gia và tổ chức phong trào cách mạng trên phạm vi toàn tỉnh.

Tiêu biểu nhất cho khả năng vận động chính trị của đồng chí Hoàng Anh là cuộc tiếp

1. Ban thường vụ gồm 5 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Sơn làm Bí thư, cùng các ủy viên: Hoàng Anh, Nguyễn Đình, Lê Tự Đồng, Trần Thanh Từ.

xúc với đồng chí Phan Anh, Bộ trưởng Thanh niên trong Chính phủ Trần Trọng Kim và là nhân vật có ảnh hưởng trong phong trào thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ. Đây là một nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt đối với cuộc khởi nghĩa ở Huế. Chính quyền Trần Trọng Kim tuy là chính quyền thân Nhật nhưng tập hợp những nhân vật có xu hướng chính trị khác nhau, trong đó có người thực sự thân Nhật, có người mang tư tưởng dân tộc, yêu nước nhưng chưa đứng về phía cách mạng. Vì vậy, nếu đối đầu trực diện sẽ có nguy cơ làm phức tạp tình hình, trong khi yêu cầu của cách mạng là phải cô lập những phần tử phản động, tranh thủ những người có tinh thần dân tộc, hạn chế khả năng chống đối và tạo điều kiện để cuộc chuyển giao chính quyền diễn ra nhanh chóng, ít đổ máu.

Để có thể tiếp cận, đồng chí Hoàng Anh nhờ vào Tôn Quang Phiệt và Nguyễn Khánh Khanh. Qua quá trình tìm hiểu được biết Phan Anh là người biết rộng, nói hay, nhiệt tình yêu nước nên đồng chí Hoàng Anh quyết định đến gặp anh để bàn điều lẽ thiệt, nếu đồng chí Phan Anh đồng ý thì với cương vị của anh sẽ đóng góp vào sự nghiệp cách mạng rất lớn, nhưng nếu anh ấy không đồng ý thì cũng lựa lời thoái thác nhằm hạn chế tổn thất cho cách mạng. Dựa trên sự cân nhắc ấy, đồng chí Hoàng Anh quyết định đến gặp đồng chí Phan Anh vào ngày 18/8/1945 cùng với anh Tôn Quang Phiệt.

Phan Anh tiếp khách trong căn phòng làm việc rộng rãi đầy đủ tiện nghi tại toà Khâm Sứ cũ, sau khi nghe Tôn Quang Phiệt giới thiệu. Sau khi đồng chí Hoàng Anh trình bày xong, Phan Anh hỏi: *“Anh ấy đang có trách nhiệm lớn trong cả nước, còn đồng chí Hoàng Anh là đại diện của một tỉnh, liệu cuộc nói chuyện này có thoả đáng không”*, đồng chí Hoàng Anh liền trả lời: *“Giữa lúc nước sôi lửa bỏng này, bất cứ cuộc tiếp xúc nào nếu có lợi cho đất nước đều thoả đáng hết, hơn nữa trong nước ta hiện nay phía ngoài từ Quảng Trị, Quảng Bình trở ra nhiều nơi Việt Minh giành được chính quyền, ngay trong tỉnh Thừa Thiên Huế phong trào Việt Minh trong 6 huyện và thành phố cũng đầy sôi sục. Trước tình hình hiện nay nhân dân ta có thể đoàn kết một lòng cứu nước nhưng nếu không khéo cũng dễ xảy ra cảnh nhồi da nấu thịt, chỉ có lợi cho địch. Nhằm mục đích góp phần cứu nước, cứu dân tránh những điều đau lòng, tôi cho rằng nếu buổi nói chuyện của chúng ta có thể góp phần dù nhỏ vào mục đích thiêng liêng ấy thì không những nó thoả đáng mà còn rất cần thiết”*.

Phan Anh tỏ ý đồng ý và đặt thêm nhiều câu hỏi về chủ trương chính sách của Việt Minh như: Thái độ của Mặt trận Việt Minh đối với Bảo Đại, dòng họ nhà Nguyễn, lăng tẩm, quan lại và công chức cao cấp... Đồng chí Hoàng Anh lần lượt trả lời các câu hỏi theo chính sách đoàn kết cứu nước của mặt trận Việt Minh, cuối cùng Phan Anh hỏi: *“Mặt trận Việt Minh có gì đề nghị cụ thể với anh không”*. Hoàng Anh liền trả lời: *“Với cương vị là Bộ trưởng Thanh niên trong Chính phủ, đồng thời là thủ lĩnh của đoàn Thanh niên Việt Nam trong cả nước, chúng tôi đề nghị ông có thể dùng uy tín của mình vận động các thành viên trong Chính phủ góp phần vào việc giành độc lập cho Tổ Quốc, chỉ thị cho đoàn thanh niên Việt Nam ủng hộ sự nghiệp cứu nước của Mặt trận Việt Minh, tránh mọi hành động có thể gây khó khăn cho phong trào cứu nước. Trước mắt chúng tôi đề nghị ông vận động các vị trong Chính phủ hết sức hạn chế làm việc có hại cho Dân, cho Nước và khi cần thiết thì sẵn sàng từ chức; vận động vua Bảo Đại thoái vị; chỉ thị các thủ lĩnh Thanh niên ở các địa phương hợp tác với Việt Minh”*. Sau khi nghe xong Phan Anh vui vẻ nói: *Những đề nghị đó là rất cần thiết và anh hứa sẽ thực hiện*.

Qua cuộc vận động Phan Anh, có thể thấy rõ khả năng đánh giá con người, nắm bắt tình hình và vận dụng chủ trương đoàn kết dân tộc của đồng chí. Những đề nghị cụ thể mà Hoàng Anh đưa ra không chỉ nhằm làm cho một cá nhân thay đổi thái độ mà còn hướng tới việc tác động đến Chính phủ Trần Trọng Kim, phong trào thanh niên và cả triều đình nhà Nguyễn, qua đó góp phần hạn chế khả năng đối đầu với cách mạng.

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh ngày 15/8/1945, thời cơ cách mạng xuất hiện. Tuy nhiên, Huế lúc bấy giờ là kinh đô, nơi Chính phủ Trần Trọng Kim vẫn tồn tại; quân Nhật có khoảng 4.500 người với vũ khí tương đối đầy đủ, gần 500 lính Pháp có khả năng tìm cách hoạt động trở lại, trong khi mật thám và tay sai vẫn hiện diện. Dân số thành phố khoảng 50.000 người, lực lượng công nhân không đông, trong khi phong trào ở các huyện mạnh hơn và quần chúng nông thôn đông đảo. Vì vậy, chủ trương giành chính quyền ở các huyện trước, sau đó tạo thế và lực hỗ trợ cho thành phố Huế, là một lựa chọn có tính toán nhằm bảo đảm thắng lợi và hạn chế tổn thất. Thực hiện chủ trương đó, ngày 19/8/1945, Phong Điền và Phú Lộc giành chính quyền; tiếp đó các huyện Phú Vang, Hương Thủy, Hương Trà, Quảng Điền lần lượt giành chính quyền trong các ngày 20, 21 và 22/8. Những thắng lợi liên tiếp ở nông thôn tạo thành hậu thuẫn trực tiếp cho cuộc tổng khởi nghĩa tại thành phố Huế. Ngày 23/8/1945 theo kế hoạch, hàng vạn quần chúng từ các huyện cùng lực lượng tại thành phố tiến vào các đường phố, mang theo cờ đỏ sao vàng và các khẩu hiệu đòi độc lập, đả đảo chính quyền bù nhìn thân Nhật. Các lực lượng cách mạng từng bước chiếm lĩnh những vị trí quan trọng. Trong thời khắc quyết định ấy, đồng chí Hoàng Anh giữ cương vị Phó Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa Thừa Thiên Huế, cùng Chủ tịch Tổ Hữu và các thành viên trong Ủy ban trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Việc được giao cương vị Phó Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa cho thấy đồng chí Hoàng Anh không chỉ là một cán bộ tham gia chuẩn bị mà đã trở thành một thành viên trong cơ quan lãnh đạo trực tiếp cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng ở Huế.

Chiều 23/8/1945, tại sân vận động Huế, hàng vạn nhân dân tập trung dưới rừng cờ đỏ sao vàng. Ủy ban Khởi nghĩa tiến vào lễ đài giữa tiếng hoan hô của quần chúng; đồng chí Tổ Hữu đọc diễn văn nêu rõ ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa và tuyên bố chính quyền về tay nhân dân. Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thừa Thiên Huế do đồng chí Tôn Quang Phiệt làm Chủ tịch và đồng chí Hoàng Anh làm Phó Chủ tịch. Đây là sự kiện đánh dấu thắng lợi căn bản của cách mạng ở Huế, đồng thời mở đầu cho quá trình xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng trên địa bàn. Chiều 30/8/1945, lễ thoái vị của vua Bảo Đại được tổ chức tại Ngọ Môn, đánh dấu sự cáo chung của chế độ quân chủ ở Việt Nam.

Sau khi giành được chính quyền, đồng chí Hoàng Anh tiếp tục được giao trọng trách Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thừa Thiên Huế, cùng Chủ tịch Tôn Quang Phiệt tổ chức và điều hành công việc của chính quyền mới. Đồng chí được phân công phụ trách những lĩnh vực quan trọng như dân sinh - kinh tế, tư pháp, thông tin - tuyên truyền và giải quyết công việc chung của chính quyền. Điều này cho thấy vai trò của đồng chí Hoàng Anh không dừng lại ở việc tham gia giành chính quyền mà còn gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ, củng cố và tổ chức chính quyền cách mạng trong những ngày đầu của chế độ mới.

Có thể thấy, vai trò của đồng chí Hoàng Anh nổi bật trên ba phương diện. Trước hết, đồng chí là một cán bộ lãnh đạo tham gia trực tiếp vào quá trình chuẩn bị và hoạch định

chủ trương khởi nghĩa của Việt Minh Thừa Thiên Huế. Thứ hai, đồng chí là một trong những người trực tiếp triển khai mặt trận vận động chính trị, tranh thủ các nhân vật có ảnh hưởng trong chính quyền đương thời, đặc biệt qua cuộc gặp đồng chí Phan Anh ngày 18/8/1945. Thứ ba, đồng chí là thành viên lãnh đạo trực tiếp cuộc khởi nghĩa, giữ cương vị Phó Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa Thừa Thiên Huế và sau đó là Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh.

Hơn tám mươi năm đã trôi qua kể từ mùa Thu lịch sử ấy, những con đường Huế hôm nay đã đổi thay, nhưng những địa danh gắn với Cách mạng Tháng Tám vẫn còn đó như những chứng nhân của lịch sử. Và ở Phò Ninh, Nhà lưu niệm đồng chí Hoàng Anh là một trong những địa chỉ giúp thế hệ hôm nay tìm lại dấu chân của một người con quê hương đã góp phần làm nên thắng lợi của cuộc cách mạng vĩ đại năm 1945.

Nhà lưu niệm được xây dựng trên nền đất gắn với gia đình và tuổi thơ của đồng chí Hoàng Anh. Không gian di tích với ngôi nhà rường truyền thống, nhà ngang, sân vườn cùng hệ thống tư liệu, hình ảnh và hiện vật không chỉ gợi nhớ về một nhân vật lịch sử mà còn tái hiện một phần lịch sử cách mạng của vùng đất Phong Điền và Thừa Thiên Huế. Đó là nơi câu chuyện về người thanh niên Phò Ninh đến với cách mạng, vượt qua tù đày và trở thành một trong những người lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa ở Huế được truyền lại cho các thế hệ sau.

Ngày nay, khi Huế đang tiếp tục khẳng định vị thế của một thành phố di sản, việc bảo tồn và phát huy giá trị những di tích gắn với các nhân vật lịch sử càng có ý nghĩa. Nhà lưu niệm đồng chí Hoàng Anh không chỉ là nơi tưởng niệm một người con ưu tú của quê hương mà còn là một “địa chỉ đỏ”, nơi lịch sử Cách mạng Tháng Tám ở Huế có thể được kể lại bằng những câu chuyện cụ thể, bằng những con người cụ thể. ■

MAI VĂN HOAN

Huyền Không Sơn Thượng

Cùng nhau lên chốn Huyền Không
Vui cùng hoa lá, đôi thông, suối ngàn...
Dịu dàng mấy nhánh phong lan
Sân chùa vài đoá cúc vàng khê lay
Tiếng chuông còn vọng đâu đây
Bóng mây hay cánh hạc bay cuối trời?
Nghe như đá cát thành lời
Thơ Thiền lắng giữa cõi đời chung kiếng
Huyền Không nào khác cõi tiên
Lên chơi vui bất muện phiền trần gian.

KHẢO SÁT SẮC PHONG LÀNG THAI DƯƠNG HẠ (THUẬN AN)

■ VÕ VINH QUANG*

1. Làng Thai Dương Hạ với tín ngưỡng lễ hội đặc trưng (lược khảo)

Làng Thai Dương Hạ tọa lạc ở phía tây - bắc của phường Thuận An, thành phố Huế là một ngôi làng được hình thành từ lâu đời và có truyền thống văn hóa lịch sử độc đáo. Làng có những thiết chế thờ tự và lễ hội văn hóa truyền thống tiêu biểu như Miếu thờ Thai Dương phu nhân, miếu Âm linh, Lễ hội Cầu Ngư, di tích Trần Hải đài... Nơi đây cùng làng Thai Dương Thượng ở xã Hải Dương, thành phố Huế vốn xưa thuộc làng Thai Dương, phụng thờ các vị Khai canh (được sắc phong Bồn thổ Thành Hoàng) là Võ Quý Công, Nguyễn quý công [Thai Dương Thượng] và Trương quý công [Trương Thiều] Thai Dương Hạ; đồng thời kính thờ vị thần Thai Dương phu nhân...

Đền thờ Thai Dương phu nhân 邵陽夫人¹ (gọi là Thai Dương từ 邵陽祠) từng được sách *Ô Châu cận lục* do Dương Văn An nhuận sắc năm 1553 ghi nhận rằng: “Đền [Thai Dương] ở xã Thai Dương, huyện Hương Trà. Tục truyền nàng là phụ nữ Chăm... Nàng ngày ngày ra biển trông ngóng nhưng bóng chồng vẫn biến biệt. Chính sự đợi chờ làm nàng héo hon rồi chết, bào thai kia hóa thành một hòn đá. Có một dân chài đánh cá ở bãi biển ấy, vô tình gỏi đầu lên tảng đá ngủ quên. Y mộng thấy một người đàn bà đang mang thai đến hất đầu mình ra khỏi khối đá và bảo: ‘Đừng có chạm đến thai nhi’. Gã dân chài tỉnh dậy lấy làm kinh dị, liền khẩn: ‘Nếu thần có linh thiêng hãy cho đêm nay đánh được nhiều cá, tôi xin lập đền thờ’. Quả như lời, ngư dân liền lập đền thờ rồi thường tới lui cầu đảo, không có việc gì là không được ứng nghiệm. Mỗi kỳ lễ tiết mùa đông đều đem tế sống một thiếu nữ. Việc ấy gây hao tổn nhân mạng, nên về sau được thay bằng một con bò sắc hồng để hiến tế. Vào dịp đông tế ấy có lên đồng, tục gọi là bà Dàng”²

Về sự linh ứng của vị thần Thai Dương, tác giả Đào Thái Hanh trong bài “Chuyện thánh mẫu Thai Dương phu nhân” (*Bulletin des Amis du Vieux Hué* (BAVH), số 3.1914) cũng ghi nhận qua câu chuyện dân gian rằng: các thuyền buôn người Nhật Bản vì tham lam nên muốn đập vỡ phiến đá trong miếu Thai Dương để lấy báu vật, khiến cho “người đập đá đã dùng phương tiện để làm việc phạm thần linh, bỏ ngã ra đất và đã

* TS. Trung tâm Bảo tồn Di tích cổ đô Huế.

1. Xin lưu ý là THAI DƯƠNG 邵陽 hay THAI DƯƠNG PHU NHÂN 邵陽夫人 chứ không phải là “Thái Dương phu nhân”, “bà Thái Dương” như một số tư liệu đã công bố. Bởi lẽ, chữ Thai 邵 và chữ Thái 太 trong chữ Hán là khác biệt rõ rệt với nhau. Thứ nữa, Thai 邵 ở mỹ tự của thần nữ này có nghĩa là bào thai, nhưng không dùng bộ nhục (胎), mà dùng bộ áp (邵) để thể hiện sự tôn kính, không thô thiển khi kính gọi tên thần.

2. Dương Văn An nhuận sắc (2007), *Ô châu cận lục* (Văn Thanh - Phan Đăng dịch và chú giải), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 100

chết ngất đi, người cứng như xác chết... khi họ trở lại với đồng bào trên thuyền, thì thuyền vỡ ra và chìm tức khắc trong khi biển lặng và các thủy thủ đoàn trên tàu đều bị nhận chìm xuống nước”³.

Cùng đó là sự linh ứng phò trợ của thần khi quân đội của Thần Tôn Hiếu Chiêu Hoàng Đế (Nguyễn Phúc Lan) cầu đảo “*Vua cho cử một đại thần đến Miếu để cầu mong Thánh mẫu, tức thì có gió thuận thổi ngay nên thuyền căng buồm, đưa thuyền đi nhanh và chóng đến vị trí*”⁴; Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng đế (Nguyễn Phúc Tần) cùng quần thần đến cầu mưa chống hạn ở miếu Bà cũng được linh nghiệm. Các đời chúa và vua Nguyễn về sau, nữ thần Thai Dương phu nhân đều rất hiển linh và được nhiều triều đại gia phong mỹ tự cao quý, tôn vinh làm Thượng đẳng thần, hằng năm tổ chức “Quốc tế” (tế lễ cấp nhà nước) và cho đưa vào “tự điền” (điền chế thờ tự của vương triều).

Hiện nay, tại đình làng Thai Dương Hạ (Thuận An) đã và đang lưu giữ hệ thống tư liệu Hán Nôm quý giá của làng như sổ Bộ ruộng đất, và nhất là 20 văn bản sắc phong cho các vị thiên thần, nhân thần hiển linh và có công đức, hộ trì bảo vệ cho làng (như sắc phong cho Thai Dương phu nhân, Quan Thánh đế quân, Nam Hải long vương, Tiến sĩ Tùng Giang Văn Trung, Đại Càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Nam Hải cự tộc Ngọc lân tôn thần...).

Xét thấy đây là nguồn văn bản trân quý, góp phần bổ sung làm phong phú, đặc sắc cho đời sống tín ngưỡng, tâm linh của làng Thai Dương Hạ nói riêng, cho vùng đất Hải Dương - Thuận An nói chung, chúng tôi xin được sơ lược giới thiệu dưới đây.

2. Khảo sát sắc phong làng Thai Dương Hạ

Tại đợt khảo sát tư liệu Hán Nôm tại đình làng Thai Dương Hạ (Thuận An) năm 2015, chúng tôi đã tiếp cận và sao chụp được 20 sắc phong cùng giấy tờ, địa bạ của làng. Hệ thống sắc phong tại đây mặc dù có số lượng không nhiều và thời điểm được ban cấp khá muộn (sắc phong được ban cấp sớm nhất là 2 sắc hợp phong (1) Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thánh nương và Thiên Y A Na; (2) hợp phong Quan Thánh Đế Quân, Nam Hải long vương, Tùng Giang Văn Trung đều vào năm Tự Đức thứ 33 (1880), và đều do Bộ Lễ phụng sao, cấp phát), tuy nhiên, từ thời điểm đó, làng Thai Dương Hạ lại được liên tục ban cấp tặng sắc vào các triều vua tiếp theo. Cụ thể: có 2 sắc phong năm Tự Đức thứ 33 (1880); 3 sắc phong năm Đồng Khánh thứ 2 (1886), 2 sắc phong năm Thành Thái thứ 2 (1890), 1 sắc phong năm Thành Thái thứ 3 (1891), 3 sắc phong năm Duy Tân thứ 3 (1909), 1 sắc phong năm Duy Tân thứ 7 (1913) và nhiều nhất là đợt phong tặng vào năm Khải Định thứ 9 (1924), gồm 8 sắc phong. Dưới đây là bản liệt kê:

SẮC PHONG TẠI LÀNG THAI DƯƠNG HẠ - PHƯỜNG THUẬN AN

STT	Thần được phong tặng	Niên hiệu (năm cấp)	Tình hình văn bản
1	Quan Thánh đế quân, Nam Hải Long vương, Tùng Giang Văn Trung tôn thần	Tự Đức 33 (1880)	Hợp phong, Bộ Lễ sao cấp

3. Đào Thái Hanh (1997), “Chuyện Thánh mẫu Thai Dương phu nhân”, *Những người bạn cố đô Huế* (BAVH), Tập 1 (Số 3/1914) (bản dịch Đặng Như Tùng), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 259
4. “Chuyện Thánh mẫu Thai Dương phu nhân”, Sdd, tr. 260

2	<i>Đại Càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na thượng đẳng thần</i>	Tự Đức 33 (1880)	Hợp phong, Bộ Lễ sao cấp
3	<i>Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na thượng đẳng thần</i>	Đồng Khánh 1 (1886)	Hợp phong, bản chính
4	<i>Nam Hải Long vương, Tùng Giang Văn Trung tôn thần</i>	Đồng Khánh 1 (1886)	Hợp phong, bản chính
5	<i>Quan Thánh đế quân tôn thần</i>	Đồng Khánh 1 (1886)	Sắc phong đơn, bản chính
6	<i>Nam Hải Cự Tộc Nhân Ngư chi thần</i>	Thành Thái 2 [1890]	Sắc phong đơn, bản chính
7	<i>Bốn thổ Thành hoàng Trương quý công</i>	Thành Thái 2 [1890]	Sắc phong đơn, bản chính
8	<i>Thai Dương phu nhân</i>	Thành Thái 3 [1891]	Sắc phong đơn, bản chính
9	<i>Quan Thánh đế quân, Nam Hải long vương, Tùng Giang Văn Trung, Nam Hải cự tộc Ngọc lân tôn thần</i>	Duy Tân 3 [1909]	Hợp phong, bản chính
10	<i>Thành Hoàng Trương quý công</i>	Duy Tân 3 [1909]	Sắc phong đơn, bản chính
11	<i>Đại Càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na, Thai Dương phu nhân</i>	Duy Tân 3 [1909]	Hợp phong, bản chính
12	<i>Khai khẩn Xứ sở Hoàng đại lang</i>	Duy Tân 7 [1913]	Sắc phong đơn, bản chính
13	<i>Nam Hải long vương, Hải Nhục tôn thần, Tùng Giang Văn Trung, Hào quận công, Thổ địa, Xích Lân long mã</i>	Khải Định 9 [1924]	Hợp phong, bản chính
14	<i>Khai khẩn Xứ sở Hoàng đại lang</i>	Khải Định 9 [1924]	Sắc phong đơn, bản chính
15	<i>Nam Hải Cự Tộc Nhân Ngư tôn thần</i>	Khải Định 9 [1924]	Sắc phong đơn, bản chính
16	<i>Quan Thánh đế quân tôn thần</i>	Khải Định 9 [1924]	Sắc phong đơn, bản chính
17	<i>Đại Càn Quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương, Hỏa Đức phu nhân</i>	Khải Định 9 [1924]	Hợp phong, bản chính
18	<i>Thiên Y A Na thượng đẳng thần</i>	Khải Định 9 [1924]	Sắc phong đơn, bản chính
19	<i>Bốn thổ Thành hoàng Trương quý công</i>	Khải Định 9 [1924]	Sắc phong đơn, bản chính
20	<i>Thai Dương phu nhân</i>	Khải Định 9 [1924]	Sắc phong đơn, bản chính

Qua khảo sát, chúng ta thấy rằng hệ thống thần linh được triều đình sắc phong, cho phép thờ phụng tại làng Thai Dương Hạ khá đa dạng, phong phú; Trong đó có những vị thiên thần, nhiên thần linh hiển phổ biến ở cộng đồng làng xã Miền Trung (nhất là vùng sông, biển) như Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na Diễn Ngọc phi, Phi Vận tướng quân Tùng Giang Văn Trung, Nam Hải cự tộc Ngọc lân tôn thần, Nam Hải cự tộc Nhân Ngư tôn thần, Nam Hải long vương, Xích lân Long Mã.. nhưng cũng có một số vị nhiên thần, nhân thần đặc trưng, hiếm thấy ở các làng xã, địa phương khác như Thai Dương phu nhân, Thổ địa tôn thần, Hải Nhục tôn thần, Hào quận công (?).

Điều thú vị hơn nữa là triều đình chỉ ban phong cho làng Thai Dương Hạ phụng thờ một vị thần trong Ngũ hành tiên nương là Hỏa Đức tiên nương (thần lửa, sắc phong phong thứ 17, năm Khải Định 9 -1924) chứ không ban phong cho Ngũ vị tiên nương (hay Ngũ Hành tiên nương).

Một điều đặc trưng tại hệ thống sắc phong này là vị *Bồn thổ Thành Hoàng Trương quý công* được triều đình ban phong cấp sắc vào 3 triều Thành Thái thứ 2 (1890), Duy Tân thứ 3 (1909), Khải Định thứ 9 (1924)⁵; và dân làng truyền tụng công đức, kín ngưỡng và thờ phụng thường niên. Trong khi đó, vị Khai khẩn Xứ sĩ Hoàng đại lang mặc dù cũng được triều đình ban phong 2 lần vào các năm Duy Tân thứ 7 (1913) và Khải Định thứ 9 (1924), chứng tỏ thần Khai khẩn cũng có những dấu ấn và công đức đối với làng, song lại ít được nhắc tới.

Làng Thai Dương Hạ (Thuận An và Hải Dương) có tên gọi mang đậm dấu ấn của vị thần Thai Dương phu nhân đã được sử sách và dân gian truyền tụng từ những thế kỷ thứ 16 đến nay (ghi nhận tại *Ô châu cận lục*, đã giới thiệu ở phần trên), song hiện làng chỉ có 2 sắc phong liên quan đến thần Thai Dương phu nhân⁶. Đó là điều khiến chúng tôi khá thắc mắc và chưa thể tìm ra được lời giải đáp phù hợp. Có thể tạm đoán là qua thời gian trải hơn 500 năm, sau những biến động của thiên tai, chiến tranh thì hệ thống tư liệu, sắc phong giấy tờ văn bản tại làng này dần đã bị hư hại, hỏng hóc. Số lượng sắc phong ở làng Thai Dương Hạ hiện tại xuất hiện sớm nhất vào năm 1880 có thể góp phần lý giải điều ấy.

Dấu sao, với hệ thống sắc phong và tín ngưỡng thờ phụng, lễ hội truyền thống hiện tồn ở làng Thai Dương Hạ hiện nay, chúng ta phần nào đã hình dung được sự phong phú, độc đáo của đời sống tinh thần, tín ngưỡng tâm linh làng Thai Dương Hạ. Đó là nét đẹp văn hóa truyền thống có từ lâu đời, và được dân làng thường xuyên duy trì, tiếp nối, vun bồi cũng như phát huy có hiệu quả giá trị tinh thần đặc sắc của vùng đất “đầu sông ngọn gió” phía đông thành phố Huế.

Dưới đây, chúng tôi xin đơn cử giới thiệu 2 sắc phong tiêu biểu làng Thai Dương Hạ (trong số 20 bản sắc phong của làng, số thứ tự sắc phong theo bảng kê):

Sắc phong Thành hoàng Trương quý công, Thành Thái thứ 2 (1890)



5. Số lượng và thời điểm sắc phong Bồn Thổ Thành Hoàng - Khai Canh Trương Quý Công khá trùng khít với Bồn Thổ Thành Hoàng Võ Quý Công của Làng Thai Dương Thượng, trong khi đó Bồn Thổ Thành Hoàng Nguyễn Quý Công (Thai Dương Thượng) thì chỉ có 1 sắc phong năm Khải Định thứ 9. Vấn đề cụ thể vì sao có hiện tượng này, chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu, nhưng hiện tại vẫn chưa có đáp án cụ thể. Hi vọng sẽ có những gợi mở trong tương lai.

6. Dấu ấn của *Thai Dương phu nhân* in đậm tại làng Thai Dương - Thuận An - Huế. Song chỉ có 2 sắc phong được ban cấp khá muộn, trong khi đó, tại làng Câu Nhi - Điện Bàn - Quảng Nam thì có khá đầy đủ 8 Sắc phong từ đầu triều vua Minh Mạng cho đến triều vua Khải Định, ban phong cho thần Thai Dương phu nhân.

Phiên âm:

Sắc Thừa phủ Hương Trà huyện Thai Dương Hạ xã phụng sự *Bổn thổ Thành hoàng Trương quý công chi thần* năm trứ linh ứng. Hướng lai vị hữu dự phong. Tứ kim phi thừa cảnh mệnh miến niệm thần hưu, trước phong vì *Dực bảo Trung hưng linh phò chi thần*, chuẩn y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai!

Thành Thái nhị niên nhị nguyệt nhị thập nhật [chu ấn: *sắc mệnh chi bảo*]

Dịch nghĩa:

Sắc cho xã Thai Dương Hạ, huyện Hương Trà, phủ Thừa [Thiên] thờ phụng *Bổn thổ Thành hoàng Trương quý công chi thần* linh ứng rõ rệt. Trước nay chưa từng được tặng phong. Nay ta kế thừa nghiệp lớn, luyện nghĩ đến sự che chở của thần, bèn trứ phong [mỹ tự] *Dực bảo trung hưng linh phò chi thần*, chuẩn cho phụng thờ như cũ. Thần hãy cùng phù hộ, bảo vệ dân ta. Khâm tai!

Ngày 20 tháng 02 năm Thành Thái thứ 2 [1890] [ấn son: *sắc mệnh chi bảo*]

Sắc phong Thai Dương Phu nhân, Thành Thái 3 [1891]



Phiên âm:

Sắc *Trình Tĩnh Trạo Thuận Hiệu Linh Linh Ý Tú Khiết Trang Huy Thai Dương phu nhân thượng đẳng thần* hộ quốc tể dân năm trứ linh ứng. Tiết mông ban cấp tặng sắc lưu tự. Tứ kim phi ung cảnh mệnh, miến niệm thần hưu khả gia tặng *Dực bảo Trung hưng thượng đẳng thần*. Nhưng chuẩn hứa Hương Trà huyện Thai Dương Hạ xã nhưng cựu phụng sự, thần kỳ tương hựu bảo ngã bang gia. Khâm tai!

Thành Thái tam niên bát nguyệt sơ ngũ nhật [chu ấn: *sắc mệnh chi bảo*]

Dịch nghĩa:

Sắc cho *Trình Tĩnh Trạo Thuận Hiệu Linh Linh Ý Tú Khiết Trang Huy Thai Dương phu nhân thượng đẳng thần* giúp nước phò dân linh ứng hiển hách. Đã từng ban cấp sắc phong lưu giữ trong chốn thờ tự. Luyện nay ta kế thừa ngôi báu, mến nghĩ đến sự che chở của thần, bèn gia tặng *Dực bảo Trung hưng thượng đẳng thần*. Chuẩn cho xã Thai Dương Hạ, huyện Hương Trà phụng thờ thần như cũ, thần cùng che chở, bảo vệ nước nhà của ta. Khâm tai!

Ngày 05 tháng 8 năm Thành Thái thứ 3 [1891] [Ấn son: *Sắc mệnh chi bảo*]. ■

TRẦN ĐẠO TIỀM

“*Văn chương đức hạnh đáng bậc nho sư*”

■ ĐỖ MINH ĐIỀN

Nơi lưu dấu thuở hàn vi

Trần Đạo Tiềm (陳道潛), hiệu là Quảng Xuyên (廣川), sinh ngày 07 tháng 10 năm 1859, nguyên quán làng Đông Lâm (東林社), tổng Phước Yên, huyện Quảng Điền, nay là xã Đan Điền, thành phố Huế. Trong sách *Lô Giang tiểu sử*, Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại cho biết, ông sinh năm Canh Thân (1860), tuy nhiên Gia phả họ Trần ở làng Đông Lâm và văn bia Văn Miếu Huế đều xác nhận ông sinh vào năm Kỷ Mùi (1859).

Trần công là một trong những tộc họ hiện diện từ rất sớm trên dải đất Đông Lâm. Cũng như nhiều làng quê khác ở phía Nam dãy Đèo Ngang, quá trình hình thành làng xã ở Đông Lâm là kết quả của tiến trình di dân, tụ cư lập nghiệp, mở đất về phương Nam của người Việt. Theo ghi nhận của *Dương Văn An*, vào những năm đầu nửa sau thế kỷ XVI, Đông Lâm là một trong 59 xã thuộc huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong¹. Từ vùng đất đứng chân buổi ban đầu, họ Trần công liên tục khai phá đất đai, mở rộng cương vực và không ngừng gia tăng đỉnh số. Về sau, Trần công biệt xuất thành 2 phái, gồm Trần Đạo 陳道 (đệ nhất phái) và Trần Công 陳公 (đệ nhị phái).

Gia phả họ Trần Đạo cho biết ngài thủy tổ là ông Trần quý công, nguyên là vị Khai canh xứ Trụ Lũy (nay thuộc địa phận làng Thanh Cồn, xã Đan Điền, thành phố Huế). Tổ đời thứ 6 là ông Trần Công Chiêu (陳公昭), sanh hạ 4 người con: Trần Thị Nước, Trần Chí Chánh, Trần Thị Thiềm và Trần Chí Bình. Ngài thân sinh của Trần Đạo Tiềm là ông Trần Chí Chánh (陳志正), sinh ngày 08 tháng 01 năm Quý Tỵ (1832) và mất ngày 21 tháng 9 năm Đinh Mùi (1906). Hai ông bà Trần Chí Chánh và Hồ Thị Cửu 胡氏玖 (bà quê ở Cao Xá, xã Đan Điền, thành phố Huế), sanh hạ tất cả 7 người con (5 gái, hai trai), Trần Đạo Tiềm là con thứ 5 trong gia đình và thuộc đời thứ 8 phái Trần Đạo.

Xuất thân trong gia cảnh nghèo khó, nhưng từ nhỏ ông rất ham học, chuyên tâm theo nghiệp bút nghiên. Tác giả sách *Lô Giang tiểu sử* ghi chép khá kỹ về gia thế Trần Đạo Tiềm: “*Ông vốn nhà nghèo, chăm học. Thân phụ lúc ấy làm thuộc nha bát phẩm. Thân mẫu là Hồ thị, ăn ở tích thiện. Tục trong làng, hễ lúc nông nhàn thì làm cá ở sông là sinh kế. Bà mẹ thì kiêng sát sanh nên không theo tục ấy, chỉ khuyên con chăm học. Ông lúc nhỏ đã thông minh, đọc sách một lần đã nhớ, làm văn thường không nghĩ lâu, hễ đặt bút xuống là văn như nước chảy.*”²

Lận đận con đường khoa cử

Ngày xưa, khoa cử được xem là “chính đồ”, đó là con đường để lập danh, hiển đạt. Cách nói này nhằm để phân biệt với ngoại ngạch/dị lộ, tức chỉ những người ra làm quan, nhưng không qua thi cử chính quy. Người ta thường nói, “thập niên đăng hỏa,

1. Dương Văn An (2001), *Ở châu cận lục*, bản dịch Trần Đại Vinh, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 59.

2. Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại (1947), *Lô Giang tiểu sử*, viết xong năm 1927, bản dịch Nguyễn Hy Xước, in ronéo, lưu hành nội bộ, tr. 217-218.

nhất cử thành danh”, riêng Trần Đạo Tiềm phải 20 năm mới thực sự tự thành, rạng rỡ tông môn. Nếu như con đường hoạn lộ của ông khá hanh thông, thì bước đường khoa cử lại gặp không ít gian truân, nhọc nhằn.

Sau một thời gian dài sớm hôm chăm lo đèn sách, “nấu sủ sôi kinh”, năm lên 19 tuổi, Trần Đạo Tiềm khăn gói lều chõng tham dự kỳ thi Hương ở trường thi Thừa Thiên. Ân khoa năm Mậu Dần, Tự Đức thứ 31 (1878), ông đỗ Cử nhân³. Hai năm sau, ứng thí thi Hội, khoa Canh Thìn (1880) và đỗ Trúng cách, đến kỳ thi Đình, do viết sót chữ đầu bài, phạm lỗi trường quy nên bị truất xuống Cử nhân^{4,5}. Trong sách *Quốc triều Hương khoa lục*, Cao Xuân Dục cho biết, Trần Đạo Tiềm “thi Hội khoa Canh Thìn (1880) trúng cách, vào thi Đình bị truất xuống Cử nhân”⁶. Năm năm sau, vào tháng 4 năm 1885, ông đậu Hội nguyên⁷, đến ngày 15 tháng 5 năm Ất Dậu vào thi Đình. Tuy nhiên, chưa kịp Truyền lô thì xảy ra sự biến Thất thủ Kinh đô (23/5/1885). Về khoa thi này, sách *Đại Nam thực lục* có đoạn chép: “Và khoa này Điện thí vẫn chưa Truyền lô, xin nên đình lại. Duy kỳ thi Hội, đã yết bảng tất cả 14 người (từ Trần Đạo Tiềm đến Đặng Quỹ), vẫn theo như trước, đem làm hạng chánh, phó trúng cách, đợi sang năm chuẩn cho vào thi Điện, sẽ hãy chia ra Chánh bảng, Phó bảng”⁸.

Quốc phá gia vong, bi kịch của Trần Đạo Tiềm cũng chính là nỗi đau vong quốc của hàng triệu người dân Việt bấy giờ. Đọc qua những lời tự thuật của *Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại* mới thấu hiểu hết tâm trạng của tầng lớp sĩ phu chất chứa nỗi đau mất nước, bẽ tắc trước thời cuộc: “Lúc đó ta vào thi Đình xong, cùng với anh Trần Đạo Tiềm, đến Bộ Lễ để chờ kết quả kỳ thi, thì thấy trong thành, từ Trấn Bình Đài cho đến Lục bộ, hai bên đường đều đào hào, lính các trại đều mang gươm súng sẵn sàng, trước các trại lính đều chất đầy những thùng chứa cột chuỗi để phòng bị. Hai bên đường từ Trấn Bình Đài mà ra chất đầy những đồng trái bàng và mù u. Trong thành và ngoài phố, dân gian và quan viên đều lục tục dời vợ con và của cải về quê. Trong thành có lệnh giới nghiêm, người qua đường chỉ nhìn nhau mà không dám nói chi. Anh Trần Đạo Tiềm nói với ta rằng: “Xưa ông Văn Thiên Tường⁹ bá tước, khi thế nước đã đến lúc nguy vong mà thân gánh nặng 300 năm cơ nghiệp nhà Tống. Chúng ta đăng khoa ngày nay cũng là một sự bất hạnh vậy. Nói rồi dặt tay nhau về quê.”¹⁰

3. Cao Xuân Dục (2011), *Quốc triều hương khoa lục*, bản dịch Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm, Nxb Lao Động, Hà Nội, tr. 441.

4. Cao Xuân Dục (2011), *Quốc triều hương khoa lục*, Sdd, tr. 441.

5. Đinh Văn Niêm, *Thi cử, học vị, học hàm dưới các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2014, tr. 668.

6. Cao Xuân Dục (2011), *Quốc triều hương khoa lục*, Sdd, tr. 441.

7. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi (2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam, 1075 - 1919*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 771.

8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục, Tập 9*, bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 179.

9. Văn Thiên Tường (文天祥), sinh năm 1236, mất năm 1283, tên tự là Tống Thụ (宋瑞), hiệu Văn Sơn (文山), ông làm quan thời Nam Tống, nổi tiếng trung nghĩa lâm liệt, chấp nhận chết chứ không chịu đầu hàng quân Mông Cổ. Ông cùng với Lục Tú Phu (陸秀夫) và Trương Thế Kiệt (張世杰) được tôn xưng là *Tống vong tam kiệt* (宋末三杰), tức 3 anh hùng vào cuối triều đại nhà Tống.

10. Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, *Lô Giang tiểu sử*, Sdd, tr. 35.

Sont nommés, pour compter du 1^{er} janvier 1900, dans le personnel indigène du Quôc-hoc à Hué :

GRADES	NOMS	OBSERVATIONS
Professeur de 3 ^e classe.....	Nguyễn-huân-Mân.	
— de 3 ^e classe.....	Trần-đạo-Tiềm.	
— de 4 ^e classe.....	Nguyễn-tân-Cương.	
— de 5 ^e classe.....	Ta-vân-Xuân.	
— de 5 ^e classe.....	Phạm-huân-Nguyễn.	
Professeur auxiliaire de 1 ^{re} cl.	Hoàng-Hoan.	
— de 3 ^e cl.	Hoàng-Thông.	
— de 3 ^e cl.	Nguyễn-khoa-Dam..	
— de 3 ^e cl.	Đào-dăng-Hưng.	
— de 3 ^e cl.	Phạm-xuân-Dương.	
— de 3 ^e cl.	Phạm-tiến-Thành.	

Trích quyết định bổ nhiệm nhân viên bốn xứ tại trường Quốc học Huế. Nguồn: *Bulletin officiel de l'Indochine française*, Annam et Tonkin (Deuxième partie), N^o 3 (01 mars 1900), p. 564.

Năm Thành Thái thứ Nhất, Trần Đạo Tiềm trở lại Kinh đô dự thi. Khoa Kỷ Sửu (1889) năm đó ông tiếp tục đậu Tiến sĩ, bấy giờ vừa tròn 31 tuổi. Hiện nay, tấm văn bia Văn Miếu Huế vẫn còn ghi rõ danh tính, quê quán của Trần Đạo Tiềm cùng các vị Tiến sĩ khác đã đỗ trong kỳ thi năm Kỷ Sửu¹¹: “Bia đề danh Tiến sĩ, khoa thi năm Kỷ Sửu (1889), Thành Thái năm thứ nhất. Ban cho đỗ Đề Tam giáp Đồng Tiến sĩ Xuất thân, 10 người. Trần Đạo Tiềm, sinh năm Kỷ Mùi (1859), 31 tuổi. [Trần Đạo Tiềm] người xã Đông Lâm, tổng Phước Yên, huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên. Nguyên đỗ Cử nhân, đương chức Giáo thụ, lãnh chức Huấn đạo huyện Quảng Điền” (皇朝成泰元年己丑科進士題名碑, 賜第三甲同進士出身, 拾名。陳道潛年度己未, 參拾壹歲。承天府廣田縣福煙總東林社。教授領廣田縣訓導, 舉人出身)。Hai thập niên quyết chí ghi danh bảng vàng, không tính khoa thi Hương năm 1878, Trần Đạo Tiềm hai lần tham gia Hội thí, ba lần dự thi Đình và đều đỗ đại khoa. Có thể nói, ông là một ví dụ điển hình của những nhà Nho lận đận khoa cử.

Gắn bó một đời với sự nghiệp giáo dục

Sau khi đỗ Cử nhân, ông giữ chức Huấn đạo, kế đó là Tri phủ Hoài Nhơn (Bình Định), rồi lại về Kinh làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Ngày 06/3/1900, Trần Đạo Tiềm được quan Khâm sứ Trung Kỳ, ông Boulloche ký quyết định bổ nhiệm nhân viên bốn xứ tại trường Quốc học theo ngạch/cấp bậc giáo sư hạng Ba (professeur de 3^e classe)¹². Đợt bổ dụng này còn có Hoàng Thông, Nguyễn Khoa Dạm, Đào Đăng Hưng, Phạm Xuân Dương¹³... Quốc học Huế là ngôi trường do người Pháp lập nên, được xây dựng vào năm 1896, đây là trường trung học đầu tiên ở Huế và Trung Kỳ. Xuất thân từ tầng lớp quan lại Nho học, nhưng lại được bổ nhiệm vào giảng dạy ở một trường đào tạo theo lối Tây học, phần nào phản ánh được trình độ, sở học của ông. Có thể nói, Trần Đạo Tiềm là một trong số các vị giảng sư người Việt, thuộc thế hệ đầu tiên đứng trên

11. Phạm Đức Thành Dũng, Vĩnh Cao (Chủ biên) (2000), *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 344-347.

12. *Bulletin officiel de l'Indochine française*, Annam et Tonkin (Deuxième partie), N^o 3 (01 mars 1900), p. 564.

13. *Bulletin officiel de l'Annam et du Tonkin*, N^o 5, Imprimerie Coloniale, Saigon, 1900, p. 564.

bục giảng trường Quốc học Huế.

Kỳ thi Đình vào tháng 3 năm Tân Sửu, Thành Thái thứ 13 (1901), lúc này Trần Đạo Tiềm đang giữ chức Quản giáo trường Quốc học được sung làm Duyệt quyền. Đến ngày 01/01/1902, ông được thăng hạng giáo sư hạng 2 của Trường Quốc học Huế¹⁴. Tháng 3 năm Giáp Thìn (1904), “thi Hội Công sĩ, lấy Hiệp biện Đại học sĩ Tổng đốc Thanh Hóa Vương Duy Trinh làm Chủ khảo, Thị lang Sung biện Các vụ Trần Đạo Tiềm làm Phó Chủ khảo”¹⁵.

Theo thông tin từ *Bulletin officiel de l'Indochine française, Annuaire général de l'Indo-Chine, Bulletin officiel de l'Annam et du Tonkin, Bulletin administratif de l'Annam*, vào năm 1903, Trần Đạo Tiềm làm Sung biện Nội các¹⁶, còn Mai Khắc Đôn, Trần Khánh Đồng làm Tham biện. Tiếp đó ông dần thăng bổ làm Thị lang¹⁷, rồi Tham tri Bộ Lại¹⁸. Đến năm 1907, ông đổi bổ sang làm Tham tri Bộ Hộ, vị Thượng thư của bộ thời gian này chính là Huỳnh Côn.¹⁹

Cũng theo ghi chép trong chính sử nhà Nguyễn, tháng 3 năm Bính Ngọ (1906), nhân dịp vua Thành Thái ngự giá Bắc tuần, chuẩn y lời dụ, lấy Tả Tham tri Bộ Hộ Trần Đạo Tiềm sung làm Lưu kinh đại thần, đặc trách luân phiên ngày đêm thân cầm bình đỉnh, canh tuần cẩn mật Kinh thành²⁰. Tiếp đó, năm Đinh Mùi, tức Thành Thái thứ 19 (1907), ông được bổ làm Chánh Chủ khảo kỳ thi Hội.



14. *Bulletin administratif de l'Annam*, Année 1902 - N^o 1 (01 janvier 1902), p. 34.

15. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục, Chính biên đệ lục kỷ phụ biên*, bản dịch Cao Tự Thanh, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, tr. 453.

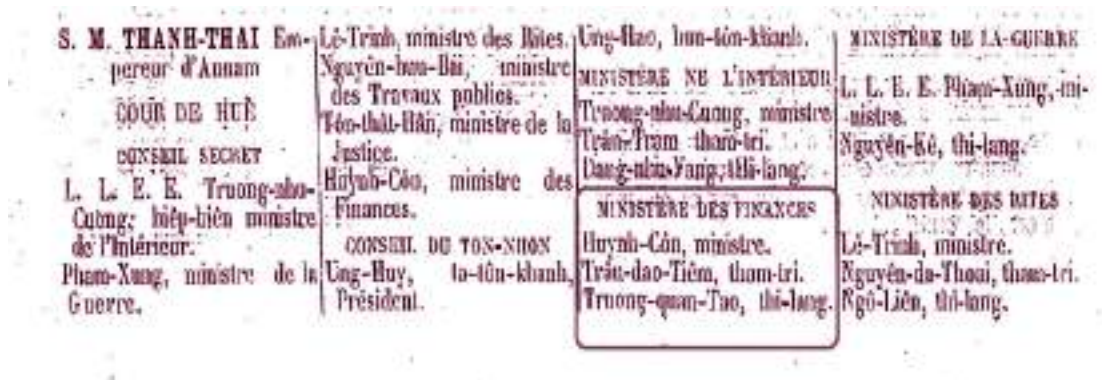
16. *Annuaire général de l'Indo-Chine: 1903*, Imprimerie Typo-Lithographique F-H. Schneider, Hanoi, 1903, p. 542.

17. *Annuaire général de l'Indo-Chine: 1905*, Imprimerie F-H. Schneider, Hanoi, 1905, p. 893.

18. *Annuaire général de l'Indo-Chine: 1906 (Partie commerciale)*, Imprimerie F-H. Schneider, Hanoi, 1906, p. 846.

19. *Annuaire général de l'Indo-Chine: 1907 (Partie commerciale)*, Imprimerie F-H. Schneider, Hanoi, 1907, p. 560.

20. Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục, Chính biên đệ lục kỷ phụ biên*, Sdd, tr. 496.



Danh sách các thành viên Nội các năm 1903. Nguồn: *Annuaire général de l'Indo-Chine: 1903*, Imprimerie Typo-Lithographique F-H. Schneider, Hanoi, 1903, p. 542

Nhân sự của Bộ Hộ theo ghi nhận vào năm 1907. Nguồn: *Annuaire général de l'Indo-Chine: 1907 (Partie commerciale)*, Imprimerie F-H. Schneider, Hanoi, 1907, p. 560

NĂM	CHỨC VỤ
1903	Sung biện Nội các (Secrétariat Royal)
1905	Thị lang Bộ Lại (Ministère de l'Intérieur)
1906	Tham tri Bộ Lại (Ministère de l'Intérieur)
1907	Tham tri Bộ Hộ (Ministère de Finances)

BẢNG LƯỢC KÊ CHỨC VỤ TRẦN ĐẠO TIỀM ĐẢM NHIỆM (1903 - 1907).

(Nguồn: *Annuaire général de l'Indo-Chine*)

Cuộc đời của Trần Đạo Tiềm là tấm gương sáng về lối sống giản dị và tinh thần hiếu học. Nhưng điều khiến cho ông trở nên đặc biệt hơn cả chính là tình yêu sắt son với những trang sách cổ. Trước khi đăng khoa hay những tháng ngày dần thân chốn quan trường, ngoài những lúc bận rộn công vụ, rảnh chút thời giờ ông lại hăng say đọc sách: “*Sinh bình đọc sách, tay mắt không rời quyển. Nhớ hồi ông đi thi đậu hương tiến, bày tiệc đãi khách, ta nhơn bận việc nên đến trễ, khi đến thì thân hữu đã ra về, mà chén đĩa bàn ghế còn ngổn ngang. Người nhà lật đật thu xếp. Mình ông nằm ở chái tây xem sách. Ta liền đến tận chỗ ông nằm hỏi xem là sách gì, lấy ra xem thì là sách Thượng thư, thiên Bàn canh. Ông ham xem sách như thế*”.

Nhưng rồi vận nước liên tục đổi dời. Năm 1907, sau khi các kế hoạch phản kháng Pháp lần lượt thất bại, vua Thành Thái bị truất phế. Buồn chán trước tình cảnh đất nước, ông dâng sớ tâu xin cáo lão hồi hương, nhưng không được chấp thuận. Từ đó, ông tìm đến men rượu, ngõ hầu để vơi đi những u uất, đắng cay của thế cuộc. Ngày 16 tháng 8 năm Đinh Mùi (1907), Duy Tân năm thứ 1, Quảng Xuyên Trần Đạo Tiềm mất khi còn đương chức, hưởng thọ 48 tuổi, triều đình ân chuẩn truy thụ Thượng thư. Về sự kiện này, sử quan nhà Nguyễn có đoạn chép rằng: “Tham tri Bộ Hộ Trần Đạo Tiềm chết, chuẩn truy thụ Thượng thư (Tiềm người Thừa Thiên, thi đỗ Đồng Tiến sĩ, văn chương đức hạnh đều đáng bậc Nho sư, môn hạ nhiều người hiền đạt)”.



Phần mộ Quảng Xuyên Trần Đạo Tiềm. Nguồn: Tác giả, 2018

Hơn 17 năm làm quan, ông được đánh giá là uyên bác, mẫn tiệp, môn đồ cảm phục, bạn đồng liêu vô cùng kính mến. Dù ở cương vị nào đi chăng nữa, ông cũng cố gắng dốc hết sức lực để mưu cầu hạnh phúc cho bá tánh lê dân. Rất nhiều thế hệ môn sinh dưới sự huấn dưỡng của Trần Đạo Tiềm về sau đều hiển đạt, như Phò Ninh nam Trần Đình Bá (người làng Hiền Lương), Nguyễn Viết Thông/Song (Dạ Lê), Hồ Văn Tri (Phổ Lại), Bình Nam Nguyễn Khoa Tân (An Cự), Tôn Thất Tế, Nguyễn Khoa Đạm... Sơ lược hành trạng của Trần Đạo Tiềm, có thể thấy, ông trải qua nhiều chức vụ và liên tục truyền chuyển nhiệm sở: từ Giáo thụ, Huấn đạo, Tri phủ, Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Quản giáo Trường Quốc Học, Thị lang, Tham tri Bộ Lại đến Tham tri Bộ Hộ. Nhưng có lẽ nét nổi bật nhất là các chức vụ mà ông đảm nhận đều ít nhiều gắn liền với sự nghiệp giáo dục, khoa cử nước nhà. Chính vì thế ngay sau khi ông mất, sử quan nhà Nguyễn không tiếc lời khen ngợi rằng, “*văn chương đức hạnh đều đáng bậc Nho sư*”.

Đông Lâm hoài ngã sư

Phần mộ của ông hiện nay tọa lạc tại khu vực cồn mò có tên là Mô Súng xứ Bàu Ba. Tháng 8 năm 1928, tức gần 21 năm sau ngày ông mất, các thế hệ học trò phát nguyện chung tay chỉnh trang lại mộ phần, gom góp một ít tiền mua 3 sào đất để hương hỏa hàng năm, đồng thời dựng bia để ghi nhớ công lao huấn dưỡng của người thầy. Bia *Đông Lâm*



Mặt trước tấm bia *Đông Lâm hoài ngã sư*.
Nguồn: Tác giả, 2018.

hoài ngã sư được đặt trang trọng trước mộ phần của ông. Tấm bia bằng đá Thanh, kiểu dáng bia thuộc dạng vát vai, diềm bia để trơn. Bia tạo tác với hai mặt chữ (hiện nay tấm bia đã bị mờ khá nhiều), tấm bia cao 86cm (riêng phần đế bia cao 16cm), dày 11cm và rộng 39cm.

Nguyên văn:

[前面]

皇朝敕賜三甲禮部尚書東林廣川陳先生之墓

保大三年戊辰秋捌月

門生 [...] 嗣子道添道泮等拜 [...]

[後面]

東林懷我師

尚書胡文池; 協揆阮科濱; 扶寧男陳廷伯; 協揆尊室濟; 尚書阮曰蔥; 侍講學士鄭對; 郎中阮有頡; 參知阮廷薦; 參知阮科淡; 鴻臚胡維藩; 翰林侍講陳絳; 秀才陳隆; 待詔阮誥; 檢籍阮荷; 待詔陳致; 八品陳慶; 學士黎卿; 試生黃達; 試生胡行; 學士阮洵; 正總阮康; 試生阮遜; 試生胡琳。

Tạm dịch:

[Mặt trước bia]

Mộ của Trần tiên sinh, hiệu Quảng Xuyên, người Đông Lâm, Hoàng triều sắc tứ Tam giáp Tiến sĩ, Thượng thư Bộ Lễ (Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân).

Tháng 8 mùa thu năm Mậu Thìn, niên hiệu Bảo Đại năm thứ 3 (1928).

Học trò, cùng con trai là Trần Đạo Thiêm, Trần Đạo Phán bái lập.

[Mặt sau bia]

Đông Lâm tưởng nhớ Thầy.

Thượng thư Hồ Văn Trì; Hiệp quỹ²¹ Nguyễn Khoa Tân, Phù Ninh Nam Trần Đình Bá, Hiệp quỹ Tôn Thất Tế, Thượng thư Nguyễn Viết Thông (Song), Thị giảng Học sĩ Trịnh Đồi, Lang trung Nguyễn Hữu Hiệt, Tham tri Nguyễn Đình Tiến, Tham tri Nguyễn Khoa Đàm, Hồng lô Hồ Duy Phiên, Hàn lâm Thị giảng Trần Giáng, Tú tài Trần Long, Đãi chiếu Nguyễn Cáo, Kiểm tịch Nguyễn Hà, Đãi chiếu Trần Trí, Bát phẩm Trần Khánh, Học sĩ Lê Khanh, Thí sinh Hoàng Đạt, Thí sinh Hồ Hành, Học sĩ Nguyễn Tuấn, Chánh tổng Nguyễn Khang, Thí sinh Nguyễn Tồn, Thí sinh Hồ Lâm.

Văn bia *Đông Lâm hoài ngã sư* là nguồn tư liệu rất quý, có độ chuẩn xác cao, góp phần khẳng định vị thế và dấu ấn của Quảng Xuyên Trần Đạo Tiêm, vị văn thần lỗi lạc dưới thời Nguyễn, giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Bên cạnh việc cung cấp những thông tin về hành trạng của Trần Đạo Tiêm, nội dung văn bia thể hiện tấm lòng chân thành của những môn sinh đối với người thầy quá cố.

21. Dưới thời nhà Thanh Hiệp quỹ (協揆) dùng để gọi thay thế cho vị Tể tướng hay Thượng thư có chức Hiệp biện Đại Học sĩ (協辦大學士), chỉ những mệnh quan hiệp trợ bách quỹ (協助百揆): toan lường trăm việc, tức là chỉ vị Đại học sĩ (大學士) quản lý mọi việc thuộc về chính sự. Tác giả *Lương Chương Cự* (梁章鉅) đời Thanh trong sách *Xưng vị lục* (称谓录), phân giải thích về *Nội các Đại học sĩ* (內閣大學士) có câu rằng: “Án kim dĩ Đại học sĩ Hiệp biện vi cổ chi Tham tri Chính sự. Cổ hữu xưng Tham tri giả, hữu xưng Hiệp quỹ giả” (案今以大學士協辦為古之參知政事。故有称參知者, 有称協揆者), Nghĩa là: xét, nay (đời Thanh) dùng chức Hiệp biện Đại học sĩ chính là chức Tham tri Chính sự thời xưa. Cho nên xưng quan Tham tri, xưng quan Hiệp quỹ.

Ngày 19/7/2013, Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế), khóa VI, kỳ họp thứ 6 ra Nghị quyết về việc *Đặt tên đường tại thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, đợt 1*. Sau đó, ngày 01/8/2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND, trong số 25 tên đường được ban hành đợt này, có một con đường gắn liền với tên tuổi của Quảng Xuyên Trần Đạo Tiềm²². Đây chính là sự tri ân sâu sắc của chính quyền đối với những đóng góp to lớn của Trần Đạo Tiềm, người con ưu tú của quê hương Đan Điền và là người khai khoa làng Đông Lâm. ■

22. Đường Trần Đạo Tiềm quy hoạch với tổng chiều dài là 800m, được đổ bê tông nhựa, khởi đầu từ trụ sở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đến Trường cấp 2-3 Quảng Điền cũ (nay thuộc xã Quảng Điền, thành phố Huế).

VŨ ĐĂNG BÚT

Hương Giang chiều tại

*Hương Giang ơi, dòng nước chảy về đâu?
Mà để lại sắc xanh dài nỗi nhớ
Huế dịu dàng như bài thơ viết dở
Cứ nồng nàn trong mỗi nhịp cầu cong.*

*Ai đã về soi bóng mặt gương trong
Thấy nụ cười nép sau vành nón trắng
Tiếng chuông chùa Thiên Mụ tan vào lặng
Rớt vào lòng một chút tĩnh, bình yên.*

*Nắng chiều rơi trên áo tím dịu hiền
Dòng sông trôi, không chút gì vội vã
Cứ thong dong qua bao mùa sỏi đá
Như tấm lòng người Huế chẳng đổi thay.*

*Em về đây... cho nỗi nhớ đọng đầy
Mùi hoa bưởi thoảng hương thấm tóc nhẹ
Sông vẫn đẹp, vẫn ngàn năm lặng lẽ
Chờ tình người cùng nhịp điệu Huế thương...*



Ảnh: Lê Đình Hoàng

KIẾN TẠO BẢN SẮC VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG TÍN MỘ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở HUẾ: NHÌN TỪ LỄ HỘI ĐIỆN HUỆ NAM

■ NGUYỄN HỮU PHÚC

Bản sắc văn hóa cộng đồng được hình thành và bồi đắp thông qua quá trình lịch sử lâu dài, trong đó các thực hành văn hóa, tín ngưỡng và lễ hội truyền thống giữ vai trò quan trọng trong việc lưu giữ ký ức tập thể, củng cố ý thức cộng đồng và duy trì các giá trị văn hóa đặc trưng của mỗi địa phương. Đối với Huế, bên cạnh hệ thống di sản cung đình được UNESCO ghi danh, các lễ hội truyền thống cũng góp phần quan trọng tạo nên diện mạo văn hóa của vùng đất Cố đô. Trong đó, lễ hội điện Huệ Nam là một lễ hội tiêu biểu, phản ánh sự giao thoa giữa tín ngưỡng thờ Mẫu, văn hóa cung đình triều Nguyễn và quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Chăm - Hoa, qua đó hình thành nên những giá trị văn hóa đặc sắc



Hình ảnh nghi lễ hầu đồng trên các bồng án.

của Huế. Không chỉ là một sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội điện Huệ Nam còn là không gian để các giá trị văn hóa được thực hành, trao truyền và tái tạo thông qua các nghi lễ tế tự, lễ cung nghinh Thánh Mẫu tuần du, thực hành nghi lễ hầu đồng trên thuyền rồng xuôi dòng sông Hương, diễn xướng hầu văn, âm nhạc, trang phục và sự tham gia của đông đảo cộng đồng. Quá trình thực hành lễ hội góp phần củng cố mối liên kết xã hội, tăng cường ý thức về cội nguồn và khẳng định bản sắc văn hóa của cộng đồng cư dân Huế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa và phát triển du lịch, việc nghiên cứu vai trò của lễ hội trong kiến tạo bản sắc văn hóa cộng đồng càng trở nên cần thiết nhằm nhận diện những giá trị cốt lõi cần được bảo tồn và phát huy.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử hình thành, giá trị tín ngưỡng và nghệ thuật của Lễ hội điện Huệ Nam, song các nghiên cứu tiếp cận lễ hội dưới góc độ kiến tạo bản sắc văn hóa cộng đồng vẫn còn hạn chế. Vì vậy, bài viết tập trung phân tích vai trò của Lễ hội điện Huệ Nam trong quá trình hình thành, duy trì và tái tạo bản sắc văn hóa cộng đồng ở Huế thông qua các thực hành nghi lễ, biểu tượng văn hóa và sự tham gia của cộng đồng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận

và thực tiễn cho việc bảo tồn, phát huy giá trị của lễ hội truyền thống trong bối cảnh phát triển bền vững và hội nhập văn hóa hiện nay.

1. Lễ hội điện Huệ Nam - Không gian văn hóa của cộng đồng tín mộ tín ngưỡng thờ Mẫu

Về sự hình thành và phát triển lễ hội

Lễ hội điện Huệ Nam bắt nguồn từ hoạt động phụng thờ nữ thần Thiên Y A Na tại Ngọc Trản Sơn Từ, ngôi đền tọa lạc trên núi Ngọc Trản bên dòng sông Hương. Trong đời sống tín ngưỡng của cư dân địa phương, Thiên Y A Na được tôn kính như vị Thánh Mẫu bảo hộ cộng đồng, che chở cho cuộc sống và ban phúc lành cho con người. Từ nền tảng tín ngưỡng ấy, các nghi thức tế lễ và sinh hoạt cộng đồng từng bước được hình thành, duy trì và phát triển, tạo nên tiền đề cho sự ra đời của Lễ hội điện Huệ Nam [4 tr. 327]. Dưới triều Nguyễn, tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na tiếp tục được củng cố thông qua hoạt động ban tặng sắc phong thần, trùng tu ngôi đền và tổ chức tế lễ. Đặc biệt, dưới thời vua Đồng Khánh, ngôi điện được xây dựng với quy mô lớn hơn, đổi tên thành Huệ Nam Điện và từng bước xác lập vị thế quan trọng trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cư dân kinh đô Huế [2]. Từ đây, lễ hội dần được định hình với hệ thống nghi lễ, không gian thực hành và thành phần tham gia, tạo nên sự kết hợp giữa tín ngưỡng dân gian, yếu tố cung đình và truyền thống văn hóa cộng đồng [3, tr. 222]. Sau khi triều Nguyễn chấm dứt sứ mệnh lịch sử, hoạt động cúng tế tại Điện Huệ Nam được thực hiện bởi Hội Thiên Tiên Thánh giáo. Tuy nhiên đến khi đất nước hoàn toàn độc lập, việc cúng tế Điện Huệ Nam đã không còn được diễn ra và mãi đến năm 1991 khi những người có đức tin theo Mẫu thành lập Ban Bảo trợ di tích Điện Huệ Nam thì mới được khôi phục trở lại và duy trì cho đến nay [7, tr. 63].

Về giá trị lễ hội

Lễ hội điện Huệ Nam là một di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Huế, hội tụ nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, cố kết cộng đồng, hướng về nguồn cội, cân bằng đời sống tâm linh, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa,... Trước hết, lễ hội có giá trị tâm linh sâu sắc bởi đã đáp ứng nhu cầu tâm linh và củng cố niềm tin của cộng đồng. Đồng thời, lễ hội còn mang giá trị lịch sử, phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Chăm [11, tr. 45-46] và sự kết hợp giữa tín ngưỡng dân gian với văn hóa cung đình triều Nguyễn. Những nghi lễ, biểu tượng và không gian thờ tự được bảo tồn qua nhiều thế kỷ đã trở thành những minh chứng sinh động cho tiến trình hình thành và phát triển của văn hóa Huế. Bên cạnh đó, lễ hội điện Huệ Nam còn chứa đựng giá trị nghệ thuật đặc



Cộng đồng tham gia lễ hội

sắc thông qua hệ thống nghi lễ, lễ cung nghinh Thánh Mẫu và Hội đồng Tứ phủ, thực hành nghi lễ hầu đồng, hát văn, trang phục và nghệ thuật trang trí [13, tr. 7-8]. Các yếu tố này tạo nên một chỉnh thể văn hóa giàu tính thẩm mỹ, phản ánh trình độ sáng tạo và đời sống tinh thần phong phú của cộng đồng. Đặc biệt, lễ hội có giá trị xã hội nổi bật khi trở thành không gian kết nối các nhóm cộng đồng, góp phần duy trì mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, giữa quá khứ với hiện tại và giữa truyền thống với đời sống đương đại. Thông qua việc thực hành, trao truyền và tái hiện các giá trị văn hóa, lễ hội Điện Huệ Nam không chỉ bảo tồn bản sắc văn hóa của Huế mà còn góp phần quảng bá hình ảnh vùng đất Cố đô và thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa bền vững.

Về các yếu tố cấu thành Lễ hội điện Huệ Nam

Lễ hội điện Huệ Nam được cấu thành trước hết bởi chủ thể tổ chức và thực hành lễ hội. Chủ thể này bao gồm ban tổ chức, thanh đồng, cung văn, đạo hữu, cư dân địa phương, khách hành hương và du khách. Mỗi lực lượng đảm nhận một vai trò khác nhau trong quá trình chuẩn bị, thực hành nghi lễ, duy trì trật tự, bảo tồn tri thức và truyền dạy các giá trị văn hóa của lễ hội. Chính sự tham gia của nhiều nhóm xã hội đã tạo nên tính cộng đồng rộng mở, đồng thời giúp lễ hội được duy trì liên tục qua nhiều thế hệ.



Nghi lễ cung nghinh Thánh Mẫu.

Đối tượng phụng thờ giữ vị trí trung tâm trong cấu trúc của lễ hội điện Huệ Nam là Thánh Mẫu Thiên Y A Na cùng các vị thánh trong hệ thống thần điện Tam phủ, Tứ phủ [3 tr. 65-70]. Niềm tin vào sự che chở, ban phúc và bảo hộ của Thánh Mẫu tạo nên cơ sở tinh thần cho các hoạt động tế lễ, hành hương và thực hành tín ngưỡng. Từ đối tượng thờ phụng này, lễ hội hình thành hệ thống biểu tượng, nghi thức và quan niệm thiêng liêng, phản ánh đời sống tâm linh phong phú của cộng đồng cư dân Huế.

Không gian và thời gian tổ chức cũng là những yếu tố quan trọng cấu thành lễ hội. Không gian lễ hội gắn với Thánh đường 352 Chi Lăng, điện Huệ Nam, đình làng Hải Cát, núi Ngọc Trản, sông Hương, thuyền rồng (bằng án và châu án). Sự kết hợp giữa kiến trúc thờ tự, cảnh quan núi sông và tuyến hành lễ bằng đường thủy tạo nên một không gian thiêng đặc trưng. Lễ hội thường được tổ chức theo chu kỳ hằng năm, nổi bật là các kỳ Xuân tế vào tháng Ba và Thu tế vào tháng Bảy âm lịch. Chu kỳ này vừa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng, vừa góp phần duy trì nhịp điệu văn hóa truyền thống¹ (Phỏng vấn NNU.T. Lê Văn Ngộ, 2026).

Hệ thống nghi lễ là bộ phận cốt lõi của Lễ hội điện Huệ Nam. Các hoạt động như

1. Phỏng vấn NNU.T. Lê Văn Ngộ tại Thánh đường 352 Chi Lăng, ngày 15/7/2026.



Hình ảnh bằng án tham gia lễ hội

lễ cung nghinh Thánh Mẫu bằng đường thủy và đường bộ, lễ Túc yết, lễ Chánh tế, dâng hương, hầu đồng được tổ chức theo trình tự nhất định, tạo nên tính trang nghiêm và thống nhất cho lễ hội. Trong đó, lễ cung nghinh Thánh Mẫu là điểm nhấn nổi bật, kết nối không gian sông Hương với Điện Huệ Nam và làm nên diện mạo riêng của lễ hội.

Nghi lễ hầu đồng và hát văn cũng góp phần chuyển tải niềm tin tín ngưỡng thông qua âm nhạc, lời ca, động tác, trang phục và màu sắc [12, tr.56]. Bên cạnh đó, hệ thống biểu tượng văn hóa như phụng liễn, cờ ngũ sắc, lọng, nghi trượng, trang phục, thuyền rồng và lễ vật tạo nên sự phong phú về hình thức và ý nghĩa của lễ hội. Các biểu tượng này vừa thể hiện tính thiêng, vừa phản ánh trình độ sáng tạo nghệ thuật và dấu ấn văn hóa cung đình Huế. Sự kết hợp giữa chủ thể tham gia, đối tượng phụng thờ, không gian, thời gian, nghi lễ và biểu tượng đã tạo nên một chỉnh thể văn hóa tương đối hoàn chỉnh, làm cơ sở để Lễ hội điện Huệ Nam duy trì sức sống và vị thế trong đời sống văn hóa cộng đồng ở Huế.

2. Vai trò của lễ hội điện Huệ Nam trong kiến tạo bản sắc văn hóa cộng đồng tín mộ tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng đất Huế

Kiến tạo ký ức cộng đồng

Một trong những vai trò quan trọng của lễ hội điện Huệ Nam là kiến tạo và duy trì ký ức cộng đồng thông qua việc lưu giữ những giá trị lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng của vùng đất Huế. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, lễ hội đã bảo tồn những dấu ấn của tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na, phản ánh sự tiếp biến giữa văn hóa Chăm và văn hóa Việt [5, tr. 208], đồng thời ghi nhận vai trò của triều Nguyễn trong việc chính thức hóa và phát triển lễ hội. Các nghi lễ, tuyến rước, không gian thờ tự và hệ thống biểu tượng không chỉ tái hiện những sự kiện và giá trị của quá khứ mà còn góp phần duy trì ký ức lịch sử của cộng đồng, giúp các thế hệ hôm nay nhận thức rõ hơn về nguồn cội và quá trình hình thành bản sắc văn hóa Huế.²

Thông qua quá trình thực hành lễ hội, các giá trị truyền thống và tri thức dân gian tiếp tục được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những kinh nghiệm về tổ chức nghi lễ, nghệ thuật hát văn, hầu đồng, lễ vật, trang trí bàn thờ, điều hành đoàn rước và các quy tắc ứng xử trong không gian tín ngưỡng được lưu giữ chủ yếu bằng hình thức truyền dạy trực tiếp trong cộng đồng.³ Quá trình này không chỉ bảo tồn vốn tri thức dân

2. Phỏng vấn thanh đồng Nguyễn Đình Thành tại đền Minh An Cảnh, ngày 01/8/2026.

3. Phỏng vấn thanh đồng Nguyễn Thị Thuận tại đền Thiên Sơn Cảnh, ngày 5/8/2026.

gian mà còn góp phần hình thành ký ức văn hóa chung của cộng đồng cư dân Huế. Mỗi mùa lễ hội là dịp để cộng đồng cùng nhau tái hiện những biểu tượng, nghi thức và câu chuyện truyền thống, qua đó củng cố ý thức về sự kế thừa văn hóa, tăng cường sự gắn kết xã hội và làm sâu sắc thêm bản sắc văn hóa cộng đồng.⁴

Củng cố sự gắn kết cộng đồng

Lễ hội điện Huệ Nam là không gian văn hóa cộng đồng, nơi quy tụ sự tham gia của nhiều chủ thể xã hội như Ban Tổ chức lễ hội điện Huệ Nam, Chi hội Di sản Văn hóa tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Thành phố Huế, thanh đồng, cung văn, đạo hữu, cư dân địa phương, khách hành hương và du khách. Mỗi chủ thể đảm nhận những vai trò riêng trong quá trình chuẩn bị, tổ chức và thực hành các nghi lễ, từ việc bài trí không gian thờ tự, chuẩn bị lễ vật, điều hành đoàn rước đến thực hiện các nghi thức tế lễ và diễn xướng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng không chỉ bảo đảm cho lễ hội được diễn ra trang nghiêm, đúng truyền thống mà còn tạo điều kiện để các thành viên trong cộng đồng cùng chia sẻ trách nhiệm, kinh nghiệm và tri thức văn hóa. Thông qua quá trình tham gia trực tiếp, các giá trị văn hóa của lễ hội được trao truyền giữa các thế hệ, góp phần duy trì tính liên tục của đời sống văn hóa cộng đồng.

Bên cạnh sự tham gia của cộng đồng dân cư và các chủ thể tín ngưỡng, chính quyền địa phương cũng giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội thông qua việc bảo đảm an ninh, trật tự, tổ chức giao thông, bảo vệ môi trường và hỗ trợ các hoạt động văn hóa. Sự phối hợp giữa cộng đồng và cơ quan quản lý tạo nên cơ chế đồng quản trị di sản, trong đó mỗi chủ thể đều có trách nhiệm gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống. Đồng thời, sự hiện diện của đông đảo khách hành hương và du khách đã mở rộng phạm vi giao lưu văn hóa, góp phần lan tỏa những giá trị của lễ hội Điện Huệ Nam đến với công chúng. Chính sự tương tác giữa các chủ thể, cùng quá trình tham gia và chia sẻ các thực hành tín ngưỡng, đã tạo nên tính cố kết xã hội, tăng cường ý thức cộng đồng và củng cố bản sắc văn hóa của cư dân Huế.

Tái tạo bản sắc văn hóa Huế

Bản sắc văn hóa không phải là một thực thể bất biến mà luôn được tái tạo và làm giàu thông qua các thực hành văn hóa của cộng đồng [8]. Trong tiến trình đó, lễ hội Điện Huệ Nam đóng vai trò như một không gian văn hóa sống, nơi các giá trị truyền thống của Huế được tái hiện, duy trì và thích ứng với bối cảnh xã hội đương đại. Lễ hội này mang đến một sắc màu mới cho vùng đất Huế, đó là sự nhộn nhịp với hình ảnh những chiếc bồng được trang trí cờ hoa rực rỡ xuôi ngược trên dòng sông Hương giữa lòng thành phố trong ngày vía Mẹ [10, tr. 79]. Quá trình tái tạo bản sắc còn được thể hiện thông qua hệ thống biểu tượng và các hình thức biểu đạt văn hóa đặc trưng của lễ hội. Hình tượng Thánh Mẫu Thiên Y A Na, đoàn thuyền rước trên sông Hương được trang hoàng rực rỡ với cờ hoa, lọng tàn, hòa quyện trong âm thanh trầm hùng của trống chiêng và những lời khấn nguyện vang vọng đã tạo nên một không gian vừa linh thiêng, vừa giàu tính biểu đạt văn hóa. Đó không chỉ là một cuộc rước mà còn là hành trình tái hiện niềm tin tâm linh và truyền thống văn hóa đặc sắc của Huế [1]. Đồng thời, không gian lễ hội với sự kết hợp hài hòa giữa Điện Huệ Nam, núi Ngọc Trản và sông Hương tiếp tục khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa con người với cảnh quan văn hóa của vùng đất Cố đô.

4. Phỏng vấn thanh đồng Nguyễn Đức Tuấn tại đền Thiên Sơn Cảnh, ngày 5/8/2026.

Bảo vệ và truyền trao giá trị văn hóa

Lễ hội điện Huệ Nam không chỉ là không gian thực hành tín ngưỡng mà còn là môi trường quan trọng để bảo vệ và truyền trao các giá trị văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động của lễ hội, thế hệ trẻ có cơ hội tiếp cận, học hỏi và kế thừa những tri thức về lịch sử, tín ngưỡng, nghi lễ, nghệ thuật diễn xướng và các chuẩn mực ứng xử trong đời sống văn hóa truyền thống. Quá trình truyền dạy này chủ yếu diễn ra thông qua hình thức thực hành, quan sát và trải nghiệm, giúp các giá trị văn hóa được tiếp nhận một cách tự nhiên và bền vững. Các bản hội cũng giữ vai trò quan trọng trong việc giáo dục truyền thống, hướng dẫn con nhang đệ tử tham gia lễ hội, từ đó nuôi dưỡng ý thức gìn giữ di sản và trách nhiệm đối với cộng đồng. Theo đó, các nghệ nhân, đồng đền, thủ nhang, thanh đồng và cung văn là những chủ thể trực tiếp lưu giữ và trao truyền vốn tri thức dân gian của lễ hội. Thông qua việc hướng dẫn thực hành nghi lễ, truyền dạy hát văn, kỹ năng tổ chức lễ rước, chuẩn bị lễ vật và sử dụng các nghi lễ, họ góp phần duy trì tính nguyên bản và sự liên tục của các thực hành văn hóa truyền thống.⁵ (Phòng văn thanh đồng Cao An Thành, 2026). Đồng thời, cộng đồng địa phương với vai trò là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng di sản đã tham gia tích cực vào quá trình bảo vệ lễ hội thông qua việc tổ chức, thực hành và gìn giữ các giá trị văn hóa. Sự phối hợp giữa các thế hệ và các chủ thể văn hóa không chỉ bảo đảm tính kế thừa của lễ hội Điện Huệ Nam mà còn tạo điều kiện để các giá trị truyền thống tiếp tục được thích ứng với đời sống đương đại, góp phần duy trì và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng ở Huế.

Quảng bá hình ảnh Huế

Lễ hội điện Huệ Nam không chỉ có ý nghĩa đối với đời sống tín ngưỡng của cộng đồng mà còn góp phần quảng bá hình ảnh và bản sắc văn hóa của Huế đến với du khách trong và ngoài nước. Với không gian lễ hội được kết nối hài hòa từ đất liền ra đến sông nước, lễ hội tạo nên một “sân khấu sống” độc đáo, nơi các nghi thức truyền thống diễn ra trong sự giao hòa với cảnh quan thiên nhiên thơ mộng đặc trưng của vùng đất Huế [9]. Những giá trị văn hóa được tái hiện thông qua lễ rước Mẫu, nghi lễ hầu đồng trên những thuyền rồng di chuyển trên sông Hương, hát văn, phô diễn các bộ trang phục truyền thống và hệ thống biểu tượng tín ngưỡng đã góp phần khẳng định sức hấp dẫn riêng của Huế trong bức tranh văn hóa Việt Nam.

Trong bối cảnh phát triển du lịch hiện nay, lễ hội điện Huệ Nam trở thành một nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch văn hóa và du lịch tâm linh. Hàng năm, lễ hội thu hút đông đảo khách hành hương, du khách và các nhà nghiên cứu đến tham quan, trải nghiệm và tìm hiểu các giá trị văn hóa truyền thống. Thông qua các hoạt động này, hình ảnh Huế không chỉ được biết đến là vùng đất của di sản cung đình mà còn là trung tâm của các giá trị văn hóa dân gian đặc sắc, nơi hội tụ và tiếp biến nhiều dòng chảy văn hóa. Việc bảo vệ và phát huy giá trị của lễ hội điện Huệ Nam vì thế không chỉ góp phần gìn giữ di sản văn hóa mà còn tăng cường thương hiệu văn hóa Huế, nâng cao sức cạnh tranh của du lịch địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

Lễ hội điện Huệ Nam giữ vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa và tín ngưỡng của

5. Phòng văn thanh đồng Cao An Thành tại đền Minh An Cảnh, ngày 01/8/2026.

cộng đồng cư dân Huế, đồng thời là nơi hội tụ nhiều lớp giá trị được hình thành và bồi đắp qua thời gian. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, lễ hội không chỉ lưu giữ các giá trị lịch sử, tín ngưỡng và nghệ thuật truyền thống mà còn trở thành không gian để cộng đồng thực hành, trao truyền và tái tạo các giá trị văn hóa. Thông qua hệ thống nghi lễ, biểu tượng, âm nhạc, diễn xướng, trang phục, không gian thiêng và sự tham gia của nhiều chủ thể xã hội, lễ hội góp phần duy trì ký ức tập thể, củng cố sự gắn kết cộng đồng, truyền trao tri thức dân gian và khẳng định những đặc trưng của bản sắc văn hóa Huế.

Từ góc nhìn kiến tạo, bản sắc văn hóa Huế không phải là một thực thể bất biến mà luôn được hình thành, điều chỉnh và làm giàu trong quá trình cộng đồng thực hành văn hóa. Vì vậy, việc bảo vệ và phát huy giá trị của lễ hội Điện Huệ Nam cần gắn với vai trò chủ thể của cộng đồng, giáo dục di sản cho thế hệ trẻ, truyền dạy tri thức của nghệ nhân, đồng đền, thanh đồng và cung văn, đồng thời ứng dụng công nghệ số trong tư liệu hóa và quảng bá. Sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn giá trị truyền thống với phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh sẽ giúp lễ hội tiếp tục phát huy sức sống, quảng bá hình ảnh Huế và đóng góp vào quá trình kiến tạo bản sắc văn hóa cộng đồng trong bối cảnh đương đại. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Hà, (2026), *Lễ hội điện Huệ Nam: Từ di tích Cố đô đến lễ hội đặc sắc của người Huế*, truy cập ngày 5/8/2026, từ <https://www.vietnamplus.vn/le-hoi-dien-hue-nam-tu-di-tich-co-do-den-le-hoi-dac-sac-cua-nguoi-dan-hue-post1105297.vnp>.
2. Nguyễn Hường, (2026), *Vua Đồng Khánh đặt tên điện Huệ Nam: Từ giai thoại đến sử liệu*, truy cập ngày 5/8/2026, từ <https://archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/vua-dong-khanh-dat-ten-dien-hue-nam-tu-giai-thoai-den-su-lieu.htm>.
3. Nguyễn Hữu Phúc, (2022), “Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Thừa Thiên Huế nhìn từ hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 2 (218), tr. 58-62.
4. Nguyễn Hữu Phúc, (2022), “Đức tin của vua Đồng Khánh về phúc thần Thiên Y A Na nhìn từ di sản Hán Nôm tại điện Huệ Nam”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2022*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Phúc, (2023), *Từ giao lưu văn hóa Việt - Chăm nhận diện về vị thần chủ trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
6. Nguyễn Hữu Phúc, (2024), *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ trong dòng chảy văn hóa Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
7. Nguyễn Hữu Phúc, (2025), “Từ hội Sơn Nam đến hội Thiên Tiên Thánh giáo - bước phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, Số 188, tr. 58-63.
8. Lê Thị Kim Ngân, (2021), *Bản sắc không bất biến mà luôn vận động*, truy cập ngày 1/8/2026, từ <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/ban-sac-khong-bat-bien-ma-luon-van-dong.html>
9. Mai Trang, (2026), *Lễ hội điện Huệ Nam - không gian sinh hoạt văn hóa đặc trưng ở cố đô Huế*, truy cập ngày 1/8/2026, từ <https://www.vietnamplus.vn/le-hoi-dien-hue-nam-khong-gian-sinh-hoat-van-hoa-dac-trung-o-co-do-hue-post1105647.vnp>.
10. Trần Đức Anh Sơn, Phan Thị Diễm Hương, (2016), “Khai thác giá trị của di tích Điện Huệ Nam và lễ hội rước Mẫu để phát triển du lịch văn hóa tâm linh ở Huế”, *Tạp chí Huế xưa và nay*, Số 133, tr. 72-89.
11. Nguyễn Thị Thanh Vân, (2025), *Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Việt ở Trung Bộ*, Nxb Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, Hà Nội.
12. Huỳnh Thị Anh Vân, (2003), “điện Huệ Nam và sự giao lưu văn hóa Chăm - Việt”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, Số 3, tr. 55-57.
13. Trần Đại Vinh, (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Thừa Thiên Huế”. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, Số 1 (135), tr. 3-14.

BÍCH HỌA VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN

ngôn ngữ trang trí

TRONG KIẾN TRÚC CUNG ĐÌNH HUẾ

■ Bài và ảnh: NGUYỄN THỊ HIỀN LÊ*

1. Đặt vấn đề

Trong kiến trúc cung đình Huế, bích họa tuy không xuất hiện thường xuyên như các trang trí bằng chất liệu gỗ, đá, đồng, ... nhưng lại được nhìn nhận như một bộ phận của hệ thống trang trí. Những họa tiết bích họa trên tường, trần, cổ diêm, vòm cửa hay các mảng kiến trúc chuyển tiếp góp phần tạo nên diện mạo thẩm mỹ đặc trưng cho không gian. Tuy nhiên, nếu chỉ xem bích họa là một phương thức trang trí thì chưa thể giải thích đầy đủ giá trị của loại hình nghệ thuật này.

Các bích họa còn lưu giữ tại Quần thể Di tích Cố đô Huế cho thấy một hệ thống hình ảnh phong phú, trong đó nhiều mô típ mang ý nghĩa biểu tượng rõ rệt. Bát bửu, bát quả, tứ thời, bát tiên, ngũ phúc, chữ Thọ, rồng, phượng, hoa sen, cổ đồ... không phải những hình ảnh được lựa chọn ngẫu nhiên. Các họa tiết này gắn với những quan niệm về phúc, thọ, cát tường, quyền lực, phẩm chất, đạo đức và thế giới quan của xã hội truyền thống. Tại nhiều công trình trong Đại Nội, các hình tượng này được tổ chức trong những vị trí trang trọng của kiến trúc, trở thành một phần của ngôn ngữ biểu đạt cung đình.

Bởi vậy, có thể xem bích họa truyền thống trước hết như một hệ thống hình ảnh có khả năng truyền tải ý nghĩa. Hình tượng không chỉ được nhìn mà còn được nhận biết thông qua những quy ước văn hóa sẵn có.

Tuy nhiên, khi khảo sát các bích họa thuộc giai đoạn muộn, đặc biệt tại những không gian như cung An Định và điện Kiến Trung, có thể nhận thấy sự gia tăng đáng kể của các mô típ hoa lá, dây leo, các dải trang trí và những mảng màu có tác dụng tạo không khí cho nội thất. Hệ thống bích họa dường như không còn đặt trọng tâm tuyệt đối vào việc chuyển tải một thông điệp biểu tượng cụ thể mà ngày càng quan tâm đến hiệu quả thị giác và sự hòa nhập với tổng thể kiến trúc. Những biến đổi về sắc độ, chồng lớp màu và tổ chức không gian cũng làm cho bích họa có khả năng tạo chiều sâu và nhịp điệu cho nội thất. Từ đó đặt ra một vấn đề: chức năng của bích họa Huế đã biến đổi như thế nào trong quá trình phát triển?

Bài viết không nhằm xác lập một ranh giới rõ ràng giữa bích họa mang tính biểu tượng và bích họa mang tính trang trí, mà tập trung nhận diện sự thay đổi về chức năng của chúng. Theo đó, bích họa Huế được xem xét trên một phổ liên tục, trong đó chức năng biểu tượng, chức năng trang trí, chức năng tổ chức không gian và chức năng thẩm mỹ có thể cùng tồn tại nhưng có mức độ ưu tiên khác nhau tùy từng công trình, từng vị trí kiến trúc và từng giai đoạn.

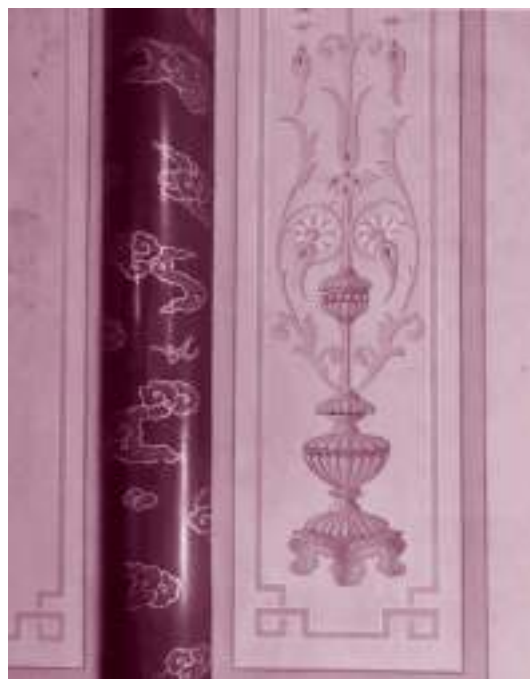
2. Bích họa như một hệ thống biểu tượng trong kiến trúc cung đình

Trong trang trí kiến trúc Huế nói riêng và nghệ thuật truyền thống nói chung, họa

* Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.



Bích họa trang trí tại nội thất Khải Tường lâu, cung An Định, Huế.



Bích họa trang trí trong nội thất

tiết thường không phải chỉ có giá trị làm đẹp đơn thuần mà mang theo ngữ nghĩa văn hóa. Chính vì vậy, việc lựa chọn đề tài trong trang trí cung đình luôn có tính quy phạm nhất định.

Bích họa Huế kế thừa nhiều kiểu thức từ mỹ thuật truyền thống Việt Nam và hệ biểu tượng Đông Á, đồng thời được điều chỉnh trong môi trường thẩm mỹ của triều Nguyễn. Các hình tượng xuất hiện trên kiến trúc vì thế vừa mang tính trang trí, vừa đảm nhận chức năng biểu đạt những giá trị mà triều đình và xã hội đương thời coi trọng.

Có thể nhận thấy rõ điều này qua hệ thống các bát bửu, bát quả, hình tượng rồng, phượng, chữ Thọ, con doi,... Những đồ vật như bút lông, pho sách, tách trà, gậy như ý, quạt, khánh đá, quả bầu hay giỏ hoa khi được đặt trong cùng một hệ thống không còn đơn thuần là hình ảnh của những vật dụng cụ thể. Chúng được chuyển hóa thành những dấu hiệu có tính biểu tượng.

Tại công điện Phụng Tiên, nhiều hình ảnh cổ đồ và bát bửu được sử dụng như các mô típ trang trí chính. Trên cổ diêm Hữu Tùng Tự, bát bửu còn được kết hợp với hoa lá, như quả bầu với hoa đào, cặp sanh với quả phật thủ, hoặc pho sách với hoa cúc. Tại Thế Tổ Miếu, các bích họa còn kết hợp với những cảnh phong cảnh tứ thời; trên trần Hữu Vu xuất hiện các hình tượng như chữ Thọ, ngũ phúc, rồng và phượng.

Những tổ hợp này cho thấy hình ảnh được xây dựng trên cơ sở liên tưởng biểu tượng chứ không đơn thuần mô phỏng vật thể. Do đó, trong giai đoạn này, chức năng biểu tượng và chức năng trang trí chưa tách rời nhau. Trang trí chính là một phương thức để biểu đạt ý nghĩa. Ở đây, chức năng của bích họa có thể được hiểu theo chức năng nhận diện, giúp người xem nhận biết một mô típ hoặc một nhóm biểu tượng quen thuộc; chức năng truyền tải ý nghĩa: gợi đến những quan niệm về phúc, thọ, cát tường, trí tuệ, quyền lực hoặc phẩm chất; chức năng tạo cảm xúc không gian: lựa chọn biểu tượng còn góp phần tạo nên tính trang nghiêm, tôn quý và phù hợp với chức năng của kiến



Bích họa trang trí trên cổ diêm Thệ Tổ Miếu, Đại Nội, Huế.

trúc. Bích họa trong trường hợp này mang trong mình hệ thống ký hiệu thị giác, qua đó người xem không chỉ cảm nhận về đẹp của hình ảnh mà còn có khả năng nhận biết và giải mã lớp nghĩa văn hóa phía sau.

3. Khi biểu tượng trở thành mô típ trang trí

Tuy nhiên, quá trình phát triển của bích họa Huế cho thấy các hình tượng biểu tượng dần được sử dụng với mức độ linh hoạt hơn. Một mô típ ban đầu có thể mang ý nghĩa rõ ràng, nhưng khi được lặp lại, cách điệu, kết hợp và phân bố trên một diện tích lớn, nó đồng thời trở thành một yếu tố tạo hình, như mô-típ hoa sen vừa có ý nghĩa biểu tượng, vừa có thể được khai thác như một hình thức trang trí có khả năng tạo nhịp điệu. Dây hoa, cành lá hay các cụm hoa cũng có thể vừa mang ý nghĩa văn hóa, vừa đóng vai trò lấp đầy, nối kết và phân chia các mảng kiến trúc.

Điều này dẫn đến một hiện tượng đáng chú ý khi hình tượng có thể chuyển từ cái được biểu đạt sang phương tiện biểu đạt. Ở giai đoạn đầu, người xem chú ý đến “hoa sen là gì”, “bát bửu mang nghĩa gì”, “rồng tượng trưng cho điều gì”. Ở giai đoạn sau, người xem có thể đồng thời cảm nhận về đường cong của cành lá, nhịp điệu lặp lại, sự cân bằng giữa các mảng, quan hệ giữa hình và nền, màu sắc, sự chuyển tiếp của các họa tiết trang trí từ tường lên trần hay sự liên tục của mô típ qua các cấu kiện. Khi đó, chức năng trang trí bắt đầu trở nên độc lập hơn với chức năng biểu tượng, tuy nhiên chức năng biểu tượng không bị mất đi mà được đặt trong không gian quan sát và nhận thức rộng hơn.

4. Sự gia tăng chức năng trang trí trong bích họa Huế

Sự thay đổi về cách phân bố hình ảnh tạo nên sự biến đổi chức năng. Ban đầu, các mô típ mang tính truyền thống thường tập trung vào trung tâm của bố cục, là ô học, mảng trang trí. Trong những không gian về sau, đặc biệt ở nội thất, các mô típ có xu

hướng lan tỏa qua nhiều bề mặt. Các hình vẽ có thể trải dài từ trần xuống tường, đi qua các góc cạnh và ô cửa, tạo nên sự liên tục về thị giác. Đây là một thay đổi quan trọng, cho thấy chức năng của mô típ trang trí không còn chỉ mang tính biểu tượng mà bắt đầu tham gia vào việc xây dựng toàn bộ diện mạo của không gian. Các họa tiết bích họa làm mềm các góc cạnh, nối các bề mặt, tạo sự chuyển tiếp giữa tường và trần, đồng thời tạo nhịp điệu cho nội thất.

Sự gia tăng của các mô típ hoa lá tại nội thất điện Kiến Trung là một trong những biểu hiện rõ nhất của quá trình này. Những cành hoa, dây leo, lá và cụm hoa có tính mô phỏng thiên nhiên được tổ chức trải dài qua nhiều vị trí, tạo nên nhịp điệu mềm mại trong không gian. Màu sắc tươi sáng của chúng góp phần làm cho nội thất trở nên nhẹ nhàng và sinh động.

Nếu một bông hoa được đặt đơn lẻ, nó có thể được đọc như một hình tượng. Nhưng khi hàng chục cành hoa nối tiếp nhau thành một dải, chức năng chủ yếu có thể chuyển sang việc tạo nhịp điệu, lấp đầy diện tích, dẫn hướng thị giác, tạo sự liên kết giữa các bộ phận kiến trúc, tạo cảm giác mềm mại cho không gian. Ở đây, hình ảnh không còn đứng độc lập mà trở thành một thành phần của tổng thể kiến trúc. Đó chính là bước chuyển từ biểu tượng sang trang trí.

Nếu ở các bích họa truyền thống, hình tượng biểu tượng thường có vị trí trung tâm thì tại cung An Định, nhiều mô típ được sử dụng để xây dựng một môi trường thị giác tổng thể. Hệ thống trang trí tại đây đa dạng về hình thức, bao gồm những mảng hình học, khung bầu dục và các dải lặp. Bên cạnh những mảng phẳng, một số vị trí xuất hiện chuyển sắc và tranh tường có sử dụng luật viễn cận. Hệ thống hoa lá cũng phong phú với các kiểu thức như lá sồi, hoa hồng, hoa chuông, lá ô rô, dây hoa và bình hoa; đồng thời vẫn có sự hiện diện của các biểu tượng truyền thống như bát bửu, chữ Thọ và chữ Phúc cho thấy đây vẫn không phải một không gian hoàn toàn tách khỏi truyền thống. Sự tồn tại đồng thời của mô típ trang trí truyền thống bên cạnh hoa lá và các mô típ mới cho thấy hai chức năng vẫn đan xen, điều này chính là điểm quan trọng, đó là sự biến đổi chức năng diễn ra theo hướng mở rộng chứ không phải thay thế.

Các trang trí bích họa trong không gian của cung An Định và điện Kiến Trung không nhất thiết phải mang một thông điệp cụ thể. Chúng có thể được sử dụng vì hình dáng đẹp, khả năng lặp lại, khả năng tạo đường dẫn, khả năng kết hợp màu sắc, khả năng tạo sự chuyển tiếp, khả năng làm phong phú bề mặt. Như vậy, bích họa đã tiến gần hơn đến chức năng trang trí nội thất theo nghĩa hiện đại.

Ở điện Kiến Trung, xu hướng này tiếp tục được thể hiện rõ hơn với hệ thống trang trí có các dải viền, hoa văn tuyến tính, dây leo, lá sồi, lá ô rô và hoa cách điệu. Màu sắc được xử lý theo hướng gần gũi tự nhiên hơn, lá màu xanh, hoa màu vàng, hồng, cành màu nâu,... sự chuyển sắc đậm nhạt rõ hơn và giảm dần tính ước lệ. Trong không gian này, bích họa không chỉ là phần trang trí lên kiến trúc mà tham gia tạo nên nội thất, tạo nên sự thay đổi đáng kể trong mối quan hệ giữa bích họa và kiến trúc.

Ở dạng biểu tượng, kiến trúc tồn tại trước, bích họa được đặt vào để bổ sung ý nghĩa và vẻ đẹp. Ở dạng trang trí nội thất, ranh giới giữa kiến trúc và bích họa trở nên khó phân biệt hơn. Màu sắc của tường, các dải hoa văn, đường viền, dây hoa và các mảng hình cùng nhau tạo thành một chỉnh thể. Từ đó, bích họa trở thành một phương tiện để tạo nên cảm xúc, thay đổi cảm nhận về kiến trúc. Không gian không còn chỉ được cảm



Bích họa trang trí trên cổng điện Phụng Tiên, Đại Nội, Huế.

nhận bằng hình dáng kiến trúc thực mà còn bằng lớp hình ảnh phủ lên nó, đây có thể xem là một trong những bước chuyển quan trọng nhất của chức năng bích họa Huế.

Có thể nhìn nhận một cách tổng quát rằng chức năng biểu tượng không mất đi mà được tái cấu trúc, các công trình giai đoạn muộn vẫn duy trì nhiều biểu tượng truyền thống. Bát bửu, chữ Thọ, chữ Phúc và những hình tượng quen thuộc vẫn tồn tại bên cạnh các hệ thống hoa lá và trang trí nội thất. Do đó, điều thay đổi không phải là sự tồn tại của biểu tượng, mà là vị trí của biểu tượng trong tổng thể chức năng của bích họa.

Sự biến đổi chức năng nói trên dẫn đến một thay đổi quan trọng trong cách chúng ta quan sát bích họa Huế. Sự khác biệt này có thể thấy, khi một hình tượng bát bửu nằm trong một ô hộc, người xem có thể tập trung vào chính hình tượng đó. Nhưng khi hoa lá, dây leo và các dải trang trí kéo dài từ trần xuống tường, người xem không còn nhìn một hình ảnh riêng lẻ. Ở đây, chức năng của bích họa đã chuyển từ việc truyền tải một hình ảnh sang tạo dựng một môi trường thẩm mỹ. Đây chính là ý nghĩa quan trọng nhất của sự chuyển biến từ biểu tượng đến trang trí.

5. Sự biến đổi chức năng và đặc trưng của mỹ thuật Huế nhìn từ trường hợp bích họa Huế

Sự chuyển biến từ biểu tượng đến trang trí cần được đặt trong bối cảnh rộng hơn của sự vận động của mỹ thuật Huế. Nghệ thuật bích họa, cũng như nhiều nghệ thuật trang trí khác, không phải một hệ thống trang trí không bao giờ thay đổi. Thời gian tạo nên sự thay đổi theo kiến trúc, thị hiếu, kỹ thuật và môi trường văn hóa. Từ nền phẳng mang tính ước lệ, chú trọng tính trang trí và cân xứng truyền thống, bích họa từng bước mở rộng khả năng biểu đạt thông qua sắc độ, ánh sáng và các lớp màu.

Sự thay đổi đó cho thấy một đặc điểm quan trọng của mỹ thuật Huế với khả năng thích ứng mà không đánh mất hoàn toàn nền tảng truyền thống. Các hình tượng biểu

tượng vẫn tồn tại, nhưng được đặt trong những hệ thống trang trí mới, các mô típ hoa lá mới xuất hiện, nhưng được tổ chức trong không gian kiến trúc Huế, các thủ pháp tạo hình mới được sử dụng, nhưng không hoàn toàn phủ nhận phương thức trang trí truyền thống. Vì vậy, sự biến đổi chức năng của bích họa không phải là thay thế cái cũ bằng cái mới mà là quá trình mở rộng chức năng. Bích họa từ chỗ chủ yếu là phương tiện chuyển tải ý nghĩa đã trở thành một phương tiện tổng hợp, vừa biểu đạt, vừa trang trí, vừa tổ chức không gian và tạo cảm giác thẩm mỹ.

6. Kết luận

Nghệ thuật bích họa trong Quần thể Di tích Cố đô Huế cho thấy một quá trình biến đổi chức năng đáng chú ý. Từ nền tảng của nghệ thuật trang trí truyền thống, bích họa trước hết đảm nhiệm vai trò chuyển tải hệ thống biểu tượng thông qua những hình tượng như bát bửu, bát quả, tứ thời, bát tiên, ngũ phúc, chữ Thọ, rồng, phượng, hoa sen và cô đồ. Những hình ảnh này không chỉ tạo vẻ đẹp cho kiến trúc mà còn góp phần biểu đạt những quan niệm văn hóa, tư tưởng và thẩm mỹ của xã hội đương thời.

Theo thời gian, đặc biệt trong những không gian nội thất giai đoạn muộn, chức năng của bích họa dần được mở rộng. Các mô típ hoa lá, dây leo, các dải trang trí và những hệ thống hình ảnh lặp lại ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc tạo nhịp điệu, màu sắc và không khí cho kiến trúc. Tại cung An Định và điện Kiến Trung, bích họa không còn chỉ là những hình ảnh được đặt lên bề mặt kiến trúc mà ngày càng trở thành một thành phần cấu tạo nên diện mạo nội thất.

Vì vậy, quá trình từ biểu tượng đến trang trí không nên được hiểu là sự mất đi của chức năng biểu tượng. Đó là sự chuyển dịch trọng tâm chức năng: từ việc nhấn mạnh ý nghĩa của từng hình tượng sang việc quan tâm nhiều hơn đến tổng thể thị giác của không gian.

Trong quá trình đó, bích họa ngày càng gắn bó chặt chẽ với kiến trúc. Hình ảnh không còn chỉ nằm trên tường mà tham gia tổ chức bề mặt, tạo nhịp điệu, kết nối các cấu kiện và định hình cảm giác của người xem về không gian. Đây chính là một trong những đặc điểm đáng chú ý của bích họa Huế thông qua khả năng chuyển hóa giữa ý nghĩa và hình thức, giữa biểu tượng và trang trí, giữa hình ảnh độc lập và môi trường kiến trúc.

Nhìn từ góc độ này, giá trị của bích họa Huế không chỉ nằm ở việc bảo lưu một hệ thống hình tượng truyền thống. Quan trọng hơn, bích họa cho thấy sự vận động của tư duy nghệ thuật trong kiến trúc cung đình: từ một nghệ thuật thiên về biểu đạt biểu tượng đến một nghệ thuật ngày càng chú trọng hiệu quả thị giác và trải nghiệm không gian.

Sự biến đổi ấy cũng là cơ sở để nhìn nhận bích họa như một thành tố độc lập trong nghiên cứu nghệ thuật kiến trúc Huế. Bích họa không đơn thuần là phần trang trí thêm vào công trình, mà là một phương tiện tham gia trực tiếp vào việc tạo nên ý nghĩa, hình thức và cảm xúc của không gian kiến trúc. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cadière, L., & Gras, E. (2020), *L'Art à Hué Nghệ thuật Huế*, Nguyễn Thanh Hằng dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Tiên Cảnh (Chủ biên), Nguyễn Du Chi, Trần Lâm Biền, & Chu Quang Trứ (1992), *Mỹ thuật Huế*, Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội.
3. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng: Một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Kemlein, M. (2010), *An Định - Báu vật tiềm ẩn của Huế*, Nxb/Đơn vị xuất bản Dự án bảo tồn Cung An Định.

CỬU ĐỈNH HUẾ VỚI HÀNH TRÌNH NGHỆ THUẬT *từ truyền thống đến hiện đại*

■ Bài và ảnh: TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG

Đồ đồng và trang trí trên đồ đồng thời Nguyễn ở Huế là một di sản văn hóa đặc biệt bởi tính độc bản và giá trị mỹ thuật riêng có của nó. Huế hiện đang sở hữu các bảo vật quốc gia về đồ đồng gồm Bộ vạc đồng thời chúa Nguyễn, Đại hồng chung chùa Thiên Mụ, Cửu đỉnh, Cửu vị thần công và Cặp tượng rồng thời vua Thiệu Trị.

Trong đó, Cửu đỉnh là chín chiếc đỉnh đồng với các tên gọi Cao đỉnh, Nhân đỉnh, Chương đỉnh, Anh đỉnh, Nghị đỉnh, Thuần đỉnh, Tuyên đỉnh, Dụ đỉnh và Huyền đỉnh được vua Minh Mạng cho đúc vào năm 1835 và hoàn thành vào năm 1837. Sau khi đúc xong, chín chiếc đỉnh này được đặt trước sân Thế Miếu từ đó cho đến ngày nay. Và cũng chính từ bộ Cửu đỉnh với giá trị nhiều mặt của nó đã trở thành đề tài cho nhiều sáng tạo nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại như ký họa, tranh vẽ, tranh khắc gỗ và trang trí bìa sách.

1. Cửu đỉnh Huế sản phẩm từ nghệ thuật đúc đồng truyền thống

Hội nghị toàn thể lần thứ 10 của Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO được tổ chức tại thủ đô Ulanbator, Mông Cổ ngày 8/5/2024, các đại biểu của 23 quốc gia thành viên đã bỏ phiếu thông qua 20/20 hồ sơ ghi vào danh mục Di sản Tư liệu châu Á - Thái Bình Dương thuộc các quốc gia Australia và Tuvalu, Bangladesh, Indonesia, Ấn Độ, Malaysia, Mông Cổ, Philippines, Trung Quốc, Uzbekistan, Việt Nam.

Theo đó, hồ sơ “*Những bản đúc nổi trên chín đỉnh đồng ở Hoàng cung Huế*” đã được ghi danh là Di sản Tư liệu của Chương trình Ký ức Thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO. Hồ sơ này nhận được sự đồng thuận, đánh giá cao của Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới và 23/23 quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương tham dự hội nghị này.

Để có được danh hiệu cao quý đó thì những tiêu chí mà Chương trình Ký ức thế giới đưa ra thì bộ Cửu đỉnh ở Hoàng cung Huế đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu về hình thức tư liệu của Di sản Ký ức thế giới là Di sản Tư liệu mang tính độc đáo, độc bản và điển hình về tư duy quản lý lãnh thổ của nước Việt Nam thời quân chủ thịnh đạt. Cửu đỉnh thực sự nổi bật về kiểu dáng, kỹ thuật, mỹ thuật của nghệ đúc đồng truyền thống Việt Nam. Cửu đỉnh là một sản phẩm có giá trị đặc biệt mang tính đỉnh cao quyền lực thời thịnh trị của nhà nước quân chủ Việt Nam so với bộ sưu tập vạc đồng thế kỷ XVII thời các chúa Nguyễn và trống đồng thời các vua Hùng hơn 2000 năm trước. Cửu đỉnh có niên đại 1835 - 1837, đánh dấu sự kiện nổi bật giai đoạn lịch sử cực thịnh của nước Việt

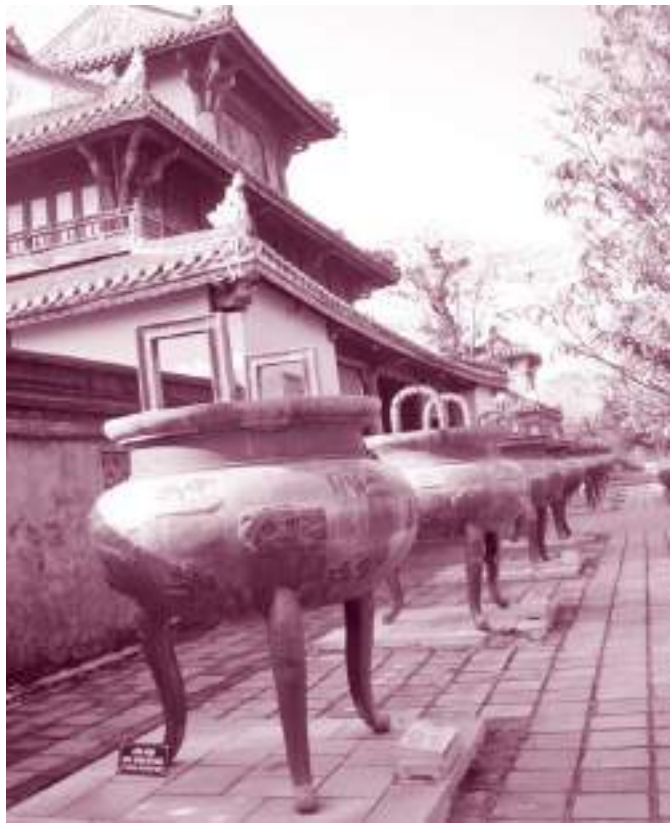
* Hội Khoa học lịch sử thành phố Huế.

Nam thời vua Minh Mạng sau khi triều đình Huế bãi bỏ chức Tổng trấn Bắc thành và Gia Định thành năm 1832, quản lý trực tiếp tất cả các tỉnh trong cả nước và hoàn thành công cuộc xây dựng kinh thành Huế (1805 - 1832).

Cửu đỉnh ra đời vào thời điểm triều đình Huế thành công công cuộc lập địa bạ trên cả nước (1805 - 1836) và khai thác, xác lập vững chắc chủ quyền biển đảo tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (1803 - 1836) đã tác động tích cực đến chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX.

Cửu đỉnh Huế ra đời trong bối cảnh các nước phương đông thời quân chủ, là sản phẩm độc đáo thuần Việt mang giá trị như một bộ Địa chí 9 tập được ghi lại trên sản phẩm bằng đồng có giá trị toàn cầu và truyền lại cho đời sau. Cửu đỉnh Huế là biểu thị thay đổi tư duy văn hóa chính trị của một triều đại quân chủ từ cát cứ, chia cắt qua thống nhất lãnh thổ và chủ quyền trên phạm vi toàn cõi đất nước. Sự ra đời của Cửu đỉnh (1835 - 1837) đánh dấu thời điểm cực thịnh của nước Việt Nam dưới triều Nguyễn để năm sau vua Minh Mạng đổi quốc hiệu Đại Nam (1838) và hoàn thành quốc đồ Đại Nam nhất thống toàn đồ (1838), một dấu ấn quan trọng trong lịch sử thống nhất thiết chế và lãnh thổ của vương triều Nguyễn.

Ngoài giá trị về lịch sử, chính trị, xã hội, văn hóa thì Cửu đỉnh Huế được người đời ngưỡng mộ đó là tuyệt tác của nghệ thuật đúc đồng truyền thống Huế. Cửu đỉnh là tác phẩm đúc đồng nổi



Cửu đỉnh Huế

tiếng dưới triều vua Minh Mạng, vị hoàng đế tiêu biểu của nhà Nguyễn về các chính sách nội trị và ngoại giao có tầm ảnh hưởng đến các nước trong khu vực và thế giới. Cửu đỉnh ra đời tại Huế, nơi có nghề đúc đồng truyền thống nổi tiếng từ thời chúa Nguyễn và được đặt tại Kinh đô Huế - Kinh đô cực thịnh của nước Việt Nam thời quân chủ, quản lý lãnh thổ và lãnh hải toàn vẹn và rộng lớn nhất.

Theo nhà nghiên cứu Mai Khắc Ứng, việc đúc Cửu đỉnh diễn ra theo các quy trình như sau:

1. *Thiết kế tạo dáng, ấn định trọng lượng, kích thước, nội dung từng đỉnh.*
2. *Chuyển các bản vẽ ghi trên giấy qua các bức phù điêu bằng gỗ. Đây là bước liên minh tương hỗ giữa hội họa và điêu khắc. Các bản vẽ ghi hoàn chỉnh trở thành “thức” cho nhà điêu khắc thực hiện theo kích thước đã được quy định.*

3. Xếp 18 bức phù điêu cho mỗi đỉnh và tạc khuôn.

4. Nấu và rót đồng vào khuôn.

5. Phá khuôn, trục đỉnh thành phần lên mặt đất và tiến hành làm nguội. Hàn trám, mài dũa, trau tía, đánh bóng¹.

Cửu đỉnh là tuyệt tác của nghệ thuật đúc đồng thời Nguyễn, bởi vì các đỉnh đều được đúc bằng đồng và có chung dạng thức với thân bầu tròn đặt trên 3 chân, nhưng các chi tiết về cách tạo quai, chân đều có sự khác biệt về kiểu dáng, hình thức trang trí tạo sự phong phú, đa dạng trong mỹ thuật và điêu khắc đồng và “Cửu đỉnh còn là sự hội tụ tinh khí của đất trời, điều này được thể hiện ở hình dạng cổ thắt, phần thân phình rộng để chứa đựng những tinh túy đó, bộ chân quỳ to khỏe vững chãi chắc chắn được xem là bệ đỡ để gánh tất cả các biểu tượng được coi là tinh hoa của đất nước. Nếu như một quốc gia hùng cường được tính bằng chiến thuyền, pháo đài, quan ải thì sự bền vững của thời đại được thể hiện thông qua chín cái đỉnh đồng hoành tráng này”².

Khi quan sát bộ Cửu đỉnh, chúng ta sẽ tiếp cận các thông số của nghệ thuật đúc đồng Huế thể hiện qua: trọng lượng các vật liệu để đúc (đồng, kẽm, thiếc); trọng lượng còn lại sau khi đúc; chu vi miệng từng đỉnh; chu vi thân đỉnh; tai đỉnh (chiều cao); chiều dài từ miệng đến đáy đỉnh; chân đỉnh (tính đến bụng đỉnh); chiều cao tổng cộng của đỉnh³. Và điều quan trọng là “Trên mỗi đỉnh được đúc tạc và khắc nổi những họa tiết hoa văn thể hiện một trình độ rất cao, tay nghề tinh xảo của nghệ nhân đúc đồng nước ta dưới thời Nguyễn”⁴.

Có 162 hình đắp nổi trên Cửu đỉnh nhiều nội dung bao gồm: Tên đỉnh, trời, biển, núi, sông, thiên văn, cây trái, chim muông, rùa cá, xe thuyền, súng đạn, quan ải, cửa biển, gươm giáo... “được chỉ định vùng miền, giống loại... một cách chặt chẽ và có lẽ thật cụ thể sao cho tuy không phải là tất cả nhưng đại diện cho tất cả”⁵.

Cửu đỉnh Huế không những đáp ứng truyền thống nghệ thuật đúc đồng đặc sắc lâu đời của Việt Nam mà còn thể hiện về tập quán sản xuất, định danh cảnh quan và bảo tồn sản vật qua các hình tượng được khắc họa trên Cửu đỉnh mang tính đặc trưng của đất nước, có tầm ảnh hưởng đến các nước khu vực và thế giới, bởi giá trị lớn lao và ý nghĩa của bộ Cửu đỉnh là không chỉ có ý nghĩa trong nước mà còn vươn ra thế giới, đúng như sự đánh giá cho rằng “Cửu đỉnh còn là vật truyền tin, minh chứng cho trình độ đúc đồng tinh xảo của người thợ thủ công ở Việt Nam, với 162 họa tiết đúc nổi (vừa mềm mại uyển chuyển, vừa chắc chắn vững bền) với nhiều chủ đề khác nhau, cùng nhiều giá trị ẩn tàng, vượt ra ngoài tầm vóc của quốc gia lãnh thổ”⁶.

1. Mai Khắc Ứng, Nguyễn Thị Lệ Thủy (2000), *Cửu đỉnh*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 30, 31.

2. Phan Lê Chung (2022), *Nghệ thuật trang trí trên đồ đồng thời Nguyễn tại Huế*, Nxb Đại học Huế, Huế, tr. 30.

3. Lê Phan (1997), “Cửu đỉnh - Thêm một vài thông tin đáng chú ý”. *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế, số 4(18), tr. 123 - 125.

4. Dương Phước Thu (2011), *Đất nước Việt Nam qua Cửu đỉnh Huế* (Biên khảo về Cửu đỉnh - Báu vật bằng đồng vô giá của Việt Nam), Nxb Tri Thức, Hà Nội, tr. 6.

5. Mai Khắc Ứng, Nguyễn Thị Lệ Thủy (2000), *Cửu đỉnh*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 29-30.

6. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (2024), *Những bản đúc nổi trên chín đỉnh đồng ở Hoàng cung Huế*,

Cửu đỉnh Huế là một thành tựu nổi bật về đúc đồng, là một tác phẩm có giá trị đặc sắc về nghệ thuật và công nghệ đúc đồng thời Nguyễn, một thành tựu khoa học, văn hóa, nghệ thuật được thực hiện trong quá trình đúc đồng, xây dựng bố cục, thiết kế họa tiết của tác phẩm để lại giá trị chân thực, sinh động về cuộc sống cung đình và dân dã thể hiện giang sơn gấm vóc của đất nước và tài hoa của người Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX.

Nhà nghiên cứu Lê Quang Thái, trong lời bạt cho công trình nghiên cứu về Cửu đỉnh của tác giả Dương Phước Thu, ông nói *“Quả thực trăm nghe không bằng một thấy, thậm chí có thể dùng tay để gõ hoặc sờ lên thân từng đỉnh mong nghe “tiếng đồng xưa” muốn nói điều gì cho ta được biết rõ hơn”*⁷. Thật đúng như vậy, ngắm nhìn Cửu đỉnh hôm nay mà ít ai biết được rằng *“Nghệ nhân đúc đồng tuân thủ ý chỉ được quyền uyển chuyển trong khi bố trí vào mặt cầu theo hình tròn của từng đỉnh. Những người thợ giỏi có thiên tư, hoa tay thể hiện từng hình tượng nghệ thuật tinh vi, chữ Hán viết theo lối chữ chân pha kiểu chữ lệ và biến thể linh hoạt xếp đặt ở vị trí thích hợp, hài hòa với từng cảnh sắc”*⁸. Đó là điều đáng trân quý tiền nhân và cũng là niềm vinh dự cho Huế đang sở hữu bộ tư liệu quý giá về Giang sơn gấm vóc Việt Nam trên bộ địa chỉ bằng đồng đó là Cửu đỉnh.

2. Sự sáng tạo hình ảnh Cửu đỉnh Huế qua nghệ thuật hiện đại

Hội thi Thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023, bộ sản phẩm *“Họa tiết trên Cửu đỉnh”* của KTS Phạm Đăng Nhật Thái, giảng viên Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đạt giải Nhì của cuộc thi. Bộ sản phẩm *“Họa tiết trên Cửu đỉnh”* được tác giả lấy cảm hứng từ các hình ảnh trên Cửu đỉnh thời Nguyễn, nhằm phát huy giá trị của các hình ảnh trên Cửu đỉnh kết hợp với gam màu ngũ sắc Huế trên nền giấy Dó truyền thống và kỹ thuật đệm màu tranh dân gian làng Sinh đã tạo nên bộ sản phẩm lưu niệm mang đậm dấu ấn Huế. Việc tác giả Phạm Đăng Nhật Thái chọn họa tiết trên Cửu đỉnh để sáng tạo nghệ thuật thì đồng nghĩa với nhận định trước đó rằng *“Họa tiết được khắc họa trên vạc hoặc đỉnh phải có dụng ý sâu xa nhằm tính chuyện giáo hóa quốc dân, giữ vững đất nước bền lâu và hưng vượng”*⁹. Sau khi đạt giải thưởng, bộ sản phẩm *“Họa tiết trên Cửu đỉnh”* đã được tác giả phát huy giá trị bằng nhiều cách gắn liền với giáo dục di sản cho học sinh các cấp học trên địa bàn thành phố Huế. Với việc vẽ tranh và tô màu về hình ảnh trên Cửu đỉnh, tác giả đã tạo được sân chơi lành mạnh, bổ ích cho các em học sinh có năng khiếu mỹ thuật. Đồng thời sáng tạo ra nhiều hình thức quảng bá về giá trị của bộ Cửu đỉnh dưới góc nhìn hội họa và điêu khắc liên tiếp trong năm 2024 và năm 2025.

Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 6.

7. Dương Phước Thu (2011), Đất nước Việt Nam qua Cửu đỉnh Huế (Biên khảo về Cửu đỉnh - Báu vật bằng đồng vô giá của Việt Nam), Nxb Tri Thức, Hà Nội, tr. 300.

8. Dương Phước Thu (2011), Đất nước Việt Nam qua Cửu đỉnh Huế (Biên khảo về Cửu đỉnh - Báu vật bằng đồng vô giá của Việt Nam), Nxb Tri Thức, Hà Nội, tr. 300, 301.

9. Dương Phước Thu (2011), Đất nước Việt Nam qua Cửu đỉnh Huế (Biên khảo về Cửu đỉnh - Báu vật bằng đồng vô giá của Việt Nam), Nxb Tri Thức, Hà Nội, tr. 303.



Họa tiết trên Cửa đình của KTS Phạm Đăng Nhật Thái, tác giả chụp tại tư gia của KTS

Lấy cảm hứng từ những hình nổi trên Cửa đình, một nhóm họa sĩ ở Hà Nội đã thực hiện đề tài Tranh khắc gỗ về Cửa đình, đây là một sự sáng tạo mới trong nghệ thuật hiện đại, như một luồng gió mới thổi hồn vào di sản giữa truyền thống kết hợp với hiện đại.

Được biết, từ năm 2022, với mong muốn tôn vinh và phát huy các giá trị di sản nghệ thuật của tiền nhân, nhóm các giảng viên họa sĩ và sinh viên Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam gồm PGS.TS Trang Thanh Hiền cùng các cộng sự là họa sĩ Trần Mỹ Anh, Vũ Phương Anh, Nguyễn Thị Thu Nga, Trần Quốc Đức, Phạm Ngọc Linh đã nghiên cứu, lập một dự án nhằm thực hiện một bộ tranh khắc gỗ về đất nước Việt Nam trên Cửa đình, đây là một sự sáng tạo mới với nghệ thuật hiện đại. Các bức tranh khắc gỗ mà nhóm họa sĩ thực hiện không chỉ là sự chuyển thể từ các tác phẩm đúc đồng trên Cửa đình, mà còn hướng tới sự tìm tòi về hình thức biểu đạt mới trong cái nhìn đối thoại thẩm mỹ giữa cái cũ ổn định và cái mới tiếp biến, giữa quá khứ và hiện tại. Hình thức này vừa dựa trên ngôn ngữ nghệ thuật điêu khắc gỗ dân gian (như lối cắt mảng, tạo nét), kết hợp với ngôn ngữ của nghệ thuật khắc gỗ hiện đại (như cách tạo không gian bằng chính những nét khắc, tạo mache) để tạo nên sự rung cảm khác biệt ở mỗi bức tranh khắc gỗ.

Dự án này, không chỉ dừng lại ở việc chuyển thể hình mẫu đúc đồng sang thành những bức tranh khắc gỗ, mà còn hướng đến sự sáng tạo phát triển, nhằm tạo nên và gợi ý những giá trị tiếp cận mới. Những tác phẩm tiếp nối mạch nguồn từ Cửa đình cho thấy một cách nhìn khác với di sản. Thay vì xem Cửa đình là một di sản văn hóa gắn với một thời đại đã qua, thông qua nghệ thuật tranh khắc gỗ, những người thực hiện dự án mong muốn quảng bá hình ảnh Cửa đình bằng các hình thức mới, nhằm quảng bá một di sản đặc biệt của dòng chảy lịch sử văn hóa Việt Nam. Đây là một hành trình nghệ thuật hiện đại trên nền đề tài cũ, nhận thức mới với 60 tác phẩm tranh khắc gỗ được chuyển tiếp từ những hình ảnh trên Cửa đình.

Và ngày 19/03/2024, tại Bảo tàng Mỹ thuật Huế, đã khai mạc triển lãm “*Tranh khắc gỗ đất nước Việt Nam trên Cửu đỉnh triều Nguyễn*”. Tại buổi triển lãm này, PGS.TS Trang Thanh Hiền đã phát biểu “*Ai cũng biết đó là bảo vật quốc gia, nhưng để phổ quát nó thì chưa nhiều. Từ ý nghĩ đó, tôi và nhóm cộng sự quyết định tạo ra một bộ tranh khắc gỗ để đưa đi khắp đất nước, cũng như nước ngoài với mong muốn có thể giới thiệu đến với công chúng, giúp mọi người hiểu rõ hơn về di sản vô cùng độc đáo của Việt Nam. Việc chuyển thể từ khắc đồng sang khắc gỗ là hai ngôn ngữ tạo*



hình khác nhau, một là

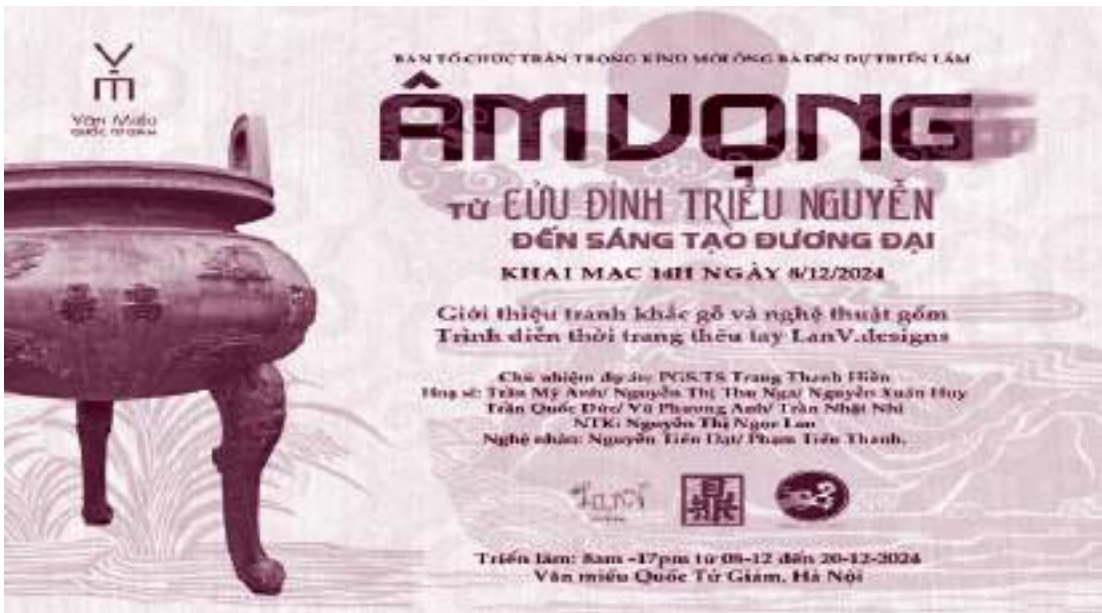
Tranh khắc gỗ về Cửu đỉnh được triển lãm tại Bảo tàng Mỹ thuật Huế

*mảng khối một thuần túy là nét. Vì thế công đoạn khó khăn nhất là chuyển thể làm sao cho hình ảnh nổi bật theo yêu cầu của bức tranh, tạo ra dáng nét mang tính chất nghệ thuật*¹⁰. Ở đó, chúng ta thấy những hình ảnh về các đề tài thiên tượng, linh vật, lãnh hải, sông núi, cầm thú, côn trùng, thảo mộc, kiến trúc, xe kiệu, thuyền bè, vũ khí và Hán tự có trên Cửu đỉnh, được nhóm thực hiện dự án khắc họa một cách sinh động, tỉ mỉ, điêu luyện qua tranh khắc gỗ.

Từ sự thành công trong lần triển lãm tại Bảo tàng Mỹ thuật Huế, nhóm họa sĩ lại tổ chức triển lãm “*Âm vọng - Từ Cửu đỉnh triều Nguyễn đến sáng tạo đương đại*”, tại Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học - Văn Miếu Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội từ ngày 08/12/2024 đến ngày 20/12/2024.

Các tác phẩm triển lãm gồm 81 bức tranh khắc gỗ - in trên giấy Dó kích thước 20x30cm và 30x40cm; 10 - 20 ván khắc gỗ; 21 tác phẩm gốm sứ và 10 tác phẩm trang phục thêu trên chất liệu nhung, lụa.

10. Lời thuyết minh của PGS.TS Trang Thanh Hiền trong buổi khai mạc triển lãm “*Tranh khắc gỗ đất nước Việt Nam trên Cửu đỉnh triều Nguyễn*” ngày 19/03/2024, tại Bảo tàng Mỹ thuật Huế.



Panô trong triển lãm

Các họa sĩ tham gia triển lãm gồm PGS.TS Trang Thanh Hiền - Chủ nhiệm dự án; và các họa sĩ Trần Mỹ Anh, Vũ Phương Anh, Nguyễn Thị Thu Nga, Nguyễn Xuân Huy, Trần Nhật Nhi, Trần Quốc Đức; Nhà thiết kế thời trang thương hiệu LanV.Designs Nguyễn Thị Ngọc Lan; Các nghệ nhân tham gia triển lãm thương hiệu Gốm sứ Phúc Lai Thành có Nguyễn Tiến Đạt, Phạm Tiến Thanh, đây cũng là lần đầu tiên, trên chất liệu gốm sứ - đồ gia dụng và đồ thờ, với những màu men lam, men hỏa đã biến những hình ảnh từ Cửu đỉnh triều Nguyễn lần nữa lại được tôn vinh. Và, đây cũng là lần đầu tiên trên các sản phẩm đồ thêu tay truyền thống các họa văn họa tiết trên Cửu đỉnh đã tạo ra một sắc thái mới. Cùng với những ý tưởng thiết kế độc đáo của nhà thiết kế thời trang Nguyễn Thị Ngọc Lan, thương hiệu thời trang LanV.Designs, những chiếc áo dài, đầm dạ tiệc trên chất liệu nhung lụa truyền thống, được thêu tay chỉ tơ óng ả lung linh sắc màu, sang trọng và quý phái được kế thừa những họa tiết cung đình xưa. Tất cả dường như trở thành một bản hòa tấu rực rỡ đã đem lại cho công chúng những cách nhìn khác về di sản. Những tác phẩm Triển lãm tại Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học - Văn Miếu Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội nhằm ghi dấu nỗ lực nhằm tiếp nối và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hôm nay.

Bên cạnh những sáng tạo về hình vẽ và tranh khắc gỗ thì việc trang trí hình ảnh Cửu đỉnh lên bìa sách là một loại hình nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại, ở đó người làm bìa đã sử dụng nghệ thuật nhiếp ảnh và nghệ thuật hội họa để đưa vào bìa sách. Và hình ảnh Cửu đỉnh được trang trí trên các trang bìa của sách có nội dung liên quan đến Huế và lịch sử triều Nguyễn. Xin đơn cử dưới đây một số đầu sách có sử dụng hình ảnh Cửu đỉnh ở trang bìa mà chúng tôi sưu tập được:

Việc trang trí hình ảnh Cửu đỉnh trên bìa sách là sự kết hợp giữa nghệ thuật nhiếp ảnh và hội họa nhằm tạo ra một trang bìa vừa đẹp về hình ảnh Cửu đỉnh vừa trang nhã về màu sắc hình nền. Và khi nhìn vào bìa sách chúng ta sẽ thấy gần gũi, quen thuộc nhưng lại rất cao quý, trang trọng bởi cái hồn của thể hệ nghệ nhân thuở trước đã đồ biết

Bìa sách được trang trí bìa bằng hình ảnh Cửu đỉnh

Kiến trúc sư Phạm Đăng Nhật Thái trong hành trình sáng tạo của mình, ông đã hoàn thành nên tác phẩm *Tranh rồng trên Cửu đỉnh (Loại hình tác phẩm mỹ thuật) Họa tiết trên Cửu đỉnh Huế*. Và được Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho Tác giả/chủ sở hữu Phạm Đăng Nhật Thái ngày 02/04/2024.

11. Trần Đình Hằng (2015), “Thổi hồn cho mỹ thuật đương đại: Chất Việt truyền thống trên đất mới phương Nam qua huyền thoại, truyền thuyết”. Trong sách: Đại học Văn Lang (Chủ biên), *Mỹ thuật ứng dụng trên đường tìm về bản sắc Việt*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, tr. 129.

Thái đã thực hiện việc trải nghiệm *Họa tiết trên Cửu đỉnh* cho học sinh một số trường trên địa bàn thành phố Huế tron hai năm 2024 - 2025 như trường Tiểu học Quang Trung, trường THCS Nguyễn Chí Diểu, Trường THPT Chuyên Đại học Khoa học - Đại học Huế... Với mỗi chủ đề, mỗi trường đều có những trải nghiệm thú vị liên quan đến bộ Cửu đỉnh, đó là các em học sinh Trường Chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế đã trải nghiệm tô màu nước trên nền chất liệu giấy Dó truyền thống. Những bức tranh được chọn trưng bày cùng dán lên bảng tạo thành một chuỗi danh lam thắng cảnh Việt Nam với muôn màu sắc sáng tạo, thỏa sức tưởng tượng cùng cảnh núi, sông, biển... trên Cửu đỉnh. Có 34 bức tranh được chọn để dán lên bảng thể hiện một cái nhìn tổng thể một bức tranh toàn cảnh của giang sơn Việt Nam thống nhất. Mỗi bức tranh đã được các em kể nên câu chuyện cảm xúc riêng của mình. Hoặc đối với học sinh lớp 9 Trường THCS Nguyễn Chí Diểu trong hoạt động trải nghiệm mỹ thuật thì những hình ảnh trên Cửu đỉnh đã được các em thể hiện qua những gam màu, những góc nhìn mới lạ, mảng màu sống động, bất ngờ qua gam màu hồng đỏ rực rỡ của núi Tản Viên, gam màu vàng rực rỡ của núi Ngự Bình, gam màu sắc cầu vồng của biển Nam Hải.

Hoạt động trải nghiệm vẽ mỹ thuật Giang sơn gấm vóc Việt Nam trên Cửu đỉnh được triển khai cho 30 học sinh lớp vẽ TK studio, có 34 cảnh giang sơn gấm vóc Việt Nam trên Cửu đỉnh được các em đánh bóng bằng bút chì đen, để hiện lên những khối nổi. Học sinh Trường Tiểu học Quang Trung đã trải nghiệm giáo dục mỹ thuật với chủ đề Sắc hoa xuân trên Cửu đỉnh và có 9 loài hoa được bố cục trên mảng giấy hình vuông 25cmx25cm. Các bức tranh được bồi lên những tờ giấy sắc đỏ, vàng, lục, xanh và tím, những gam màu ngũ sắc Huế đã làm nên sự thú vị và tươi mới cho chủ đề sắc hoa.



Tác phẩm Vạt nắng qua Cửu đỉnh, tranh vẽ của họa sĩ Nguyễn Xuân Lược

Tóm lại, Cửu đỉnh Huế đã có một hành trình dài gần 200 năm, được hậu thế nâng niu, trân trọng và gìn giữ quảng bá giá trị của di sản một cách có hiệu quả. Giờ đây, thế hệ trẻ càng thêm yêu Huế hơn bởi đời sống di sản Huế rất phong phú. Những gì mà các nghệ nhân đúc đồng xưa, những kiến trúc sư, những họa sĩ trẻ ở Huế, Hà Nội đã hết lòng vì nghệ thuật di sản cũng đã làm hết sức mình cho Huế, cho nghệ thuật hội họa, điêu khắc Huế thật đáng trân trọng. ■

LỄ HỘI CẦU NGƯ LÀNG AN BẰNG -

từ giá trị di sản, truyền thống đến động lực phát triển bền vững

■ Bài và ảnh: HÀNG MINH

Làng An Bằg thuộc xã Phú Vinh, thành phố Huế (trước đây thuộc xã Vinh An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế). Làng được hình thành cách đây gần 500 năm, tạo nên cộng đồng cư dân đậm phá ven biển với lối sống đặc trưng cùng hệ thống tín ngưỡng, lễ hội gắn với biển, các thần tích, thần phả, tri thức bản địa và kho tàng văn hóa dân gian phong phú. Việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh, củng cố cộng đồng, khơi dậy tình yêu quê hương mà còn góp phần phát triển bền vững theo chủ trương của Đảng, Nhà nước và tinh thần Công ước UNESCO, coi di sản văn hóa phi vật thể là động lực của đa dạng văn hóa và phát triển bền vững.

Về Làng An Bằg

Làng An Bằg là ngôi làng biển có bề dày lịch sử, gắn liền với quá trình định cư, khai hoang, tạo dựng vùng đất Đàng Trong của chúa Tiên Nguyễn Hoàng. Theo tài liệu, văn bản Hán Nôm lưu trữ tại đình làng, thủy tổ khai canh của làng là ba ngài thuộc các họ Nguyễn, Trần, Hoàng những người có công dùng thuyền Trường Đà đưa chúa Nguyễn vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa.

Trong quá trình phát triển, làng nhiều lần thay đổi tên gọi và đơn vị hành chính: từ Phường An Đồi, ấp An Đồi, ấp An Bằg đến phường An Bằg thuộc tổng Diêm Trường; năm 1839 thuộc tổng Kế Mỹ, huyện Phú Vang. Năm 1964 thành lập xã An Bằg; sau năm 1975 sáp nhập thành xã Vinh An và hiện nay thuộc xã Phú Vinh, thành phố Huế. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, cộng đồng cư dân nơi đây đã tạo dựng nên một đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, mang đậm bản sắc của cư dân vùng biển.

Người dân An Bằg chủ yếu sinh sống bằng nghề khai thác hải sản. Trước đây, địa phương nổi tiếng với nghề đánh bắt cá cảm - loại sản vật từng dùng để tiến nạp chúa Nguyễn và được quy định thành một loại thuế phải nộp hàng năm cho chính quyền phong kiến. Từ cuối thập niên 1970, do điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều người dân ra định cư ở nước ngoài, nguồn kiều hối gửi về góp phần cải thiện đời sống kinh tế của địa phương và nổi bật trong số đó khu lăng mộ, thường được gọi là “thành phố lăng mộ” với kiến trúc quy mô, độc đáo ở Huế.

Lễ hội Cầu Ngư làng An Bằg và ý nghĩa trong đời sống cộng đồng

Theo sử liệu và ký ức của người dân địa phương, lễ hội Cầu ngư kết hợp với đua ghe được tổ chức theo chu kỳ ba năm một lần, bắt đầu từ năm 1645 và đã tồn tại đến nay hơn 380 năm. Lễ hội phản ánh tín ngưỡng nghề biển, tri thức dân gian về môi trường sinh kế, đồng thời thể hiện kinh nghiệm ứng xử với biển và ý thức gìn giữ chủ quyền biển đảo của cư dân ven biển của các thế hệ người Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Lễ hội Cầu ngư, một lễ hội đặc trưng của cộng đồng cư dân đậm phá ven biển thành phố Huế gắn với tín ngưỡng thờ cá Ông, vị thần bảo trợ của ngư dân, gắn liền với cuộc sống mưu sinh theo sóng nước, tín ngưỡng thờ cá Voi là tín ngưỡng đặc thù trong đời

sống tâm linh của dân
đầm phá ven biển thành
phố Huế, biết ơn cá Voi,
cư dân đầm phá đã lập
lăng để thờ, cầu xin Ngài
phù hộ được may mắn,
bình an khi ra khơi vào
lộng. Lễ hội cầu ngư là
một môi trường đại diện
xương với nhiều trò chơi
dân gian với các cuộc
đua nghe, đua thuyền
trên biển, những điệu hát
Bả trạo ca ngợi công đức
của các bậc tiền nhân,



Trang trí cho Lễ hội.

những trò diễn tái hiện cảnh bủa lưới đánh bắt cá tôm và buôn bán trên bến dưới bờ... Hòa vào không gian diễn xướng người tham gia với cảm xúc thiêng liêng, những niềm cộng cảm được thăng hoa, giúp cộng đồng tăng thêm tính cố kết và tự hào về văn hóa quê hương mình.

Đây là lễ hội lớn và quan trọng nhất của người dân làng An Bằng. Xuất phát từ truyền thống đánh bắt hải sản và vận tải biển, lễ hội được tổ chức với đầy đủ các nghi thức truyền thống của cư dân làm nghề biển. Điểm đặc biệt là lễ hội Cầu ngư gắn liền với lệ đua thuyền trên biển. Vào 02 ngày 11 và 12 tháng 5 (âm lịch) hàng năm, trên bãi biển ngay trước mặt lăng Ông Ngự, với các nghi lễ chính: Thỉnh Ngài (Nghinh Ông); Hò đưa linh (Hò Chèo cạn); hạ thủy; chánh tế và phân hội đua. Theo truyền thống tam niên đảo lệ (cứ theo chu kỳ 3 năm diễn ra 1 lần), trải qua bao biến thiên lịch sử, lễ hội chưa bao giờ bị ngắt quãng, là minh chứng cho sức sống của lễ hội Cầu ngư và đua ghe làng An Bằng.

Khoảng một tháng trước ngày hội, các đội ghe tập luyện nghiêm túc và tuân thủ nhiều quy định truyền thống như kiêng rượu, hạn chế ra biển; Ban Hương lễ cũng trai tịnh để chuẩn bị nghi thức, cùng với đó, còn là cách thức bảo vệ, giữ kín bí quyết trong chiến thuật đua cũng như những điều chỉnh về mặt kỹ thuật tạo nên chiếc ghe đua. Hiện nay, làng có bốn vạ gồm Bắc Thượng, Trung Hải, Định Hải và An Mỹ, duy trì sáu ghe tham gia theo lệ truyền thống. Mỗi kỳ lễ hội, là dịp để đông đảo người An Bằng đang sinh sống ở nước ngoài trở về quê hương, góp phần gìn giữ mối liên kết cộng đồng và bản sắc văn hóa địa phương, nguồn cội.

Phát huy giá trị Lễ hội Cầu ngư theo hướng bền vững

Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước, phát triển bền vững về văn hóa là quá trình bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Các giá trị di sản văn hóa phi vật thể như tín ngưỡng, lễ hội và tri thức dân gian là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững.

An Bằng sở hữu nhiều di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc như lễ hội Cầu ngư, Nghinh Ông, lễ cầu an, hát Bả trạo, đua ghe cùng các nghề truyền thống như đan lưới, đóng thuyền, làm mắm và chế biến hải sản. Đây là những nguồn tài nguyên văn hóa cần được bảo tồn và khai thác hợp lý, lấy giá trị văn hóa cộng đồng làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội.

Những nguồn tài nguyên văn hóa này cần được lựa chọn, đầu tư và phát huy phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, lấy các giá trị văn hóa cốt lõi của cộng đồng làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, cần nghiên cứu, khảo sát xây dựng lễ hội Cầu ngư trở thành sản phẩm văn hóa du lịch đặc trưng của địa phương hoặc liên vùng, góp phần thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Việc phát huy giá trị văn hóa không chỉ giúp định hình đời sống cộng đồng, củng cố cấu trúc xã hội, nuôi dưỡng niềm tự hào về di sản mà còn tạo nên các sản phẩm văn hóa giàu bản sắc, nâng cao trải nghiệm của du khách, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân, qua đó góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Điều khác biệt ở An Bằng so với các địa phương khác, việc tổ chức các nghi lễ, lễ hội hoàn toàn do Hội đồng làng - Ban Nghi lễ quản lý, tổ chức và thực hành. Chính quyền xã chỉ tham gia với vai trò quản lý nhà nước, ổn định trật tự, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm... Đây là yếu tố rất quan trọng nhằm duy trì và phát huy giá trị, thể hiện sức sống của lễ hội truyền thống khi cộng đồng vẫn giữ vai trò chủ thể, người dân được đặt ở vị trí trung tâm, được kể câu chuyện của chính cộng đồng mình thông qua các hoạt động lễ hội, khi đó di sản không chỉ được “giữ gìn”, mà còn được “sống”, “lan tỏa” và “tạo ra giá trị mới” trong đời sống đương đại.

Tuy nhiên, cùng với quá trình hội nhập, An Bằng cũng giống như nhiều địa phương đang phải đối mặt với những thách thức. Sự biến động của cư dân, di dân ở hải ngoại cùng những tác động của kinh tế thị trường khiến những giá trị cốt lõi của lễ hội đang có nguy cơ bị mai một, thiên về phần hội, sự ăn thua trong các cuộc thi đấu đua ghe, đua thuyền ngày càng được đề cao. Dẫu vậy, trong những năm gần đây, các giá trị văn hóa truyền thống của làng An Bằng đang cho thấy sự phục hồi tích cực, thể hiện rõ nhất trong việc tổ chức, thực hành nghi lễ, lễ hội. Nhận thức của người dân được nâng cao, quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố văn hóa truyền thống.

Phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy nguồn lực nội sinh và lợi thế cạnh tranh từ văn hóa là định hướng quan trọng được đặt ra trong Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tư duy phát triển mới chuyển từ việc xem văn hóa chỉ là một lĩnh vực sang xác lập văn hóa là trụ cột của phát triển; từ không gian văn hóa truyền thống sang kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và sáng tạo nhằm hình thành các sản phẩm văn hóa, thị trường văn hóa và sức mạnh mềm quốc gia. Đây là một công cụ pháp lý quan trọng để các địa phương tăng tốc, bứt phá, biến di sản thành tài sản, biến “ký ức của cộng đồng” thành sản phẩm văn hóa phục vụ đời sống kinh tế văn hóa của chính mình.

Theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW, văn hóa được xác định là trụ cột của phát triển, việc bảo tồn cần gắn với sáng tạo, chuyển đổi số và hình thành thị trường văn hóa. Đối với An Bằng, các tài nguyên văn hóa phi vật thể chính là nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển của địa phương. Định hướng phát triển cần bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản, quyền và lợi ích của cộng đồng, phát triển không gian sáng tạo gắn với du lịch văn hóa, đồng thời từng bước hình thành các sản phẩm công nghiệp văn hóa có giá trị. Khi các chủ thể quản lý, cộng đồng và các thiết chế văn hóa được kết nối hiệu quả, di sản văn hóa phi vật thể không chỉ được bảo vệ, trao truyền bền vững mà còn trở thành động lực thúc đẩy kinh tế biển, nâng cao sức cạnh tranh văn hóa của địa phương và đóng góp thiết thực vào việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. ■

MỸ THUẬT TRONG LÒNG DI SẢN ĐẠI NỘI - HUẾ:

Một vài nhìn nhận từ thực tiễn

■ Bài và ảnh: PHAN THANH BÌNH

Trong khoảng 20 năm qua và đặc biệt từ năm 2000 - 2025, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (TTBTDT) đã phối hợp với một số trường đại học, tổ chức văn hóa trong và ngoài nước, cùng BTC Festival Huế tổ chức được nhiều hoạt động văn hóa, mỹ thuật tại các không gian thuộc Đại Nội - Huế. Điều dễ nhận ra là các hoạt động mỹ thuật này đã đem lại rất nhiều lợi ích cho cộng đồng, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch ở Huế và bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa của Quần thể Di sản văn hóa thế giới đã được UNESCO công nhận (1993). Tuy nhiên, qua thực tế, chúng ta vẫn thấy rằng cần phải có những đánh giá trở lại một cách khách quan về nhiều mặt của các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội, vì đây là điểm “tâm lõi” của di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn, nơi mà truyền thống và yêu cầu xây dựng hình thái văn hóa đương đại luôn đặt ra những vấn đề mới cần giải quyết. Mặt khác, với yêu cầu mới của phát triển công nghiệp văn hóa trong chặng đường phát triển mới của đất nước, đòi hỏi cần có cái nhìn và nhận thức sâu sắc hơn về những gì đã trải qua, đạt được cũng như những dư âm, tồn tại cần khắc phục.

1. Một số hoạt động mỹ thuật nổi bật tại Đại Nội - Huế giai đoạn từ 2000 - 2025

Di sản văn hóa nói chung và mỹ thuật xứ Huế nói riêng trên góc độ cảm quan thị giác luôn gắn với không gian tự nhiên và không thể hình thành, phát triển các giá trị trong sự tách rời với vùng sông Hương, núi Ngự. Bởi vì: “...mọi sự sáng tạo văn hóa đều có mối liên hệ trực tiếp và không ngừng đối với tự nhiên, đặc biệt là môi trường thiên nhiên mà mỗi dân tộc - hay các dân tộc - hình thành, tồn tại và phát triển.”¹ Có khá nhiều hoạt động mỹ thuật được tổ chức ngay trong lòng di sản trung tâm là Đại Nội - Huế với những hình thức hoạt động khá đa dạng như hướng dẫn các nghệ sĩ và sinh viên quốc tế nghiên cứu hoa văn trang trí thời Nguyễn (2000), tổ chức các đợt/ nhóm vẽ phong cảnh ở Đại Nội (2020, 2024, 2025), trải nghiệm tranh in dân gian Huế (2000) tại Phủ Nội Vụ, trình diễn bộ sưu tập (BST) thời trang nghệ thuật của nhà thiết kế (NTK) Nguyễn Trí Long (2024, 2025) tại cổng Chương Đức, triển lãm mỹ thuật theo chủ đề Mỹ thuật & Di sản tại Trường Lang, vườn Thiệu Phương và điện Kiến Trung. Trong năm 2025, chỉ riêng



H 20. Vua Hàm Nghi
Nguồn: Amandine Debat (1)

1. Trương Quốc Bình (2001), “Giáo dục cộng đồng bảo vệ và phát huy các di sản thế giới ở Việt Nam”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 203, tr. 26.



Catalogue triển lãm Cổ vật hội tụ và chiếc ấm bạc trang trí Long vân.

Nguồn: Từ Vựng tập triển lãm

ở điện Kiến Trung đã có 3 cuộc trưng bày quan trọng là triển lãm Cổ vật hội tụ, triển lãm tranh của vua Hàm Nghi và triển lãm Mỹ thuật & Di sản lần thứ 4.

Trải nghiệm tranh in mộc bản tại khuôn viên Phủ Nội vụ năm 2020 do nghệ nhân Kỳ Hữu Phước chủ trì với sự hỗ trợ của các giảng viên, sinh viên Trường Đại học Nghệ thuật - Đại học Huế đã thu hút hàng trăm du khách tham gia trải nghiệm, in ấn. Phát biểu với đài truyền hình địa phương, nghệ nhân Kỳ Hữu Phước mong ước qua trải nghiệm in tranh nhà nước và công chúng sẽ quan tâm hơn đối với các nghệ nhân danh tiếng còn giữ nghề và nguyện truyền lại những kinh nghiệm dân gian nhằm lưu giữ, truyền lại cho thế hệ sau những giá trị quý giá của nghệ thuật này.

Ngày 29/4/2022, triển lãm “Mỹ thuật & Di sản” do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế phối hợp với Trường Đại học Nghệ thuật Huế tổ chức đã được khai mạc tại vườn Thiệu Phụng, Đại Nội. Triển lãm không chỉ là nơi trưng bày những tác phẩm mỹ thuật mà thực sự là một không gian đối thoại giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và tinh thần sáng tạo đương đại. Triển lãm còn khẳng định vai trò của mỹ thuật trong việc bảo tồn và lan tỏa giá trị văn hóa, đồng thời truyền cảm hứng cho cộng đồng về tình yêu và ý thức gìn giữ di sản. Việc tổ chức tại Vườn Thiệu Phụng không gian gắn liền với lịch sử triều Nguyễn - càng làm tăng chiều sâu ý nghĩa, gợi mở nên những cảm nhận tích cực về di sản văn hóa.

Triển lãm Mỹ thuật & Di sản 2 đáng chú ý là tại Trường Lang ngay trung tâm Tử Cấm thành với sự tham gia của các họa sĩ quốc tế như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... cùng các họa sĩ Huế. Đây là lần đầu tiên công chúng Huế và du khách có cơ hội hiểu thêm về không gian “mở” của Trường Lang trong Đại Nội, nơi còn mang ý nghĩa



*Khai mạc triển lãm Mỹ thuật & Di sản 4 tại điện Kiến Trung
Đặng Thị Thu An, Phụng ngũ sắc, sơn mài trên toan*



Tình trạng hạ giải, trùng tu, phục chế và phế tích còn nhiều ở Đại Nội hiện nay là một trong những khó khăn khi tổ chức các hoạt động mỹ thuật. Nguồn: Tác giả

sâu sắc cả về nghệ thuật và văn hóa xưa. Đó cũng là dịp để các nghệ sĩ trong và ngoài nước có cơ hội tìm hiểu, nghiên cứu và tái hiện những biểu tượng mỹ thuật truyền thống bằng góc nhìn sáng tạo đương đại. Các tác phẩm sơn mài, lụa hay khắc gỗ... trở thành những câu chuyện hình sắc kết nối giữa di sản và thẩm mỹ thời đại.

Triển lãm hội họa với chủ đề “Trời, Non, Nước - Allusive Panorama” khai mạc ngày 25/3/2025 tại điện Kiến Trung với 21 tranh sơn dầu của vua Hàm Nghi (1871 - 1944) chứa đựng nhiều ý nghĩa vì lần đầu đưa những tác phẩm hội họa của vị vua yêu nước trở lại Huế như sự kết nối một mạch chảy lịch sử đã từng đứt đoạn. Điều đặc biệt là triển lãm được tổ chức ở một không gian vô cùng ý nghĩa là cung điện nổi tiếng của nhà Nguyễn, công trình do vua Khải Định cho xây dựng từ năm 1921 - 1923 để làm nơi sinh hoạt của vua trong hoàng cung. Tác phẩm hội họa của vua Hàm Nghi với nhiều biểu tượng khác nhau có giá trị nhân văn, triết lý sâu sắc. Man mác trong tranh của nhà vua yêu nước là tâm trạng: “Văn hoá Huế là văn hoá đô thị nhưng tĩnh lặng và thanh bình đến lạ

thường.. và bằng bạc trong xã hội, văn hoá Huế có một sắc thái hoài niệm cổ đô.”²

Chúng ta cùng đồng hành du khách nhận ra điều đó trong những tranh như *Bờ rừng* (1920), *Bình minh trên hồ* (1910), *Cánh đồng lúa mì* (1913)... Trong không gian của hoàng cung xưa, công chúng được chiêm ngưỡng những bức tranh sơn



Lễ Khai mạc triển lãm tại Vườn Thiệu Phương

Nguồn: Nguyễn Vũ Lân

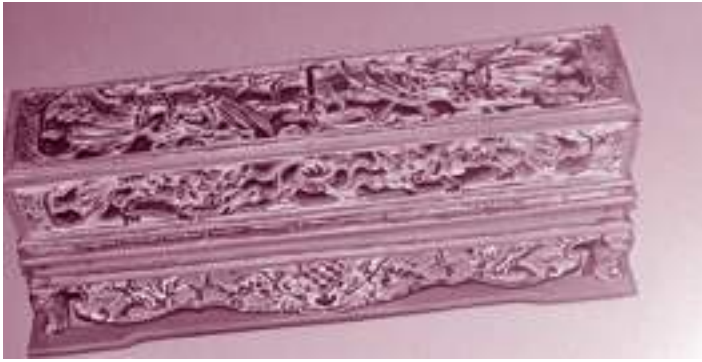
dầu của vị vua nhà Nguyễn - người khởi xướng phong trào Cần Vương và hiểu hơn về tình yêu quê hương của vị vua đáng kính như Nora Taylor đã viết về ông: “...phong cảnh của Algeria trong tranh của Hàm Nghi được xem là sự kết nối đến nguồn cội với tư cách là một người đang khao khát trở về quê hương.”³

Cũng tại tầng 2 của điện Kiến Trung, triển lãm *Cổ vật hội tụ* đã được diễn ra từ 22/6/2025 - 21/7/2025 với sự tham gia của 29 nhà sưu tập cổ vật trong nước, gồm 147 bộ cổ vật được chế tác dưới thời Nguyễn. Đa số các cổ vật trưng bày do các tượng cục của triều đình chế tác cùng một số ít triều đình mua từ nước ngoài về nhưng chúng đều được sử dụng trong hoàng cung và dân gian. Trong không gian sang trọng của điện Kiến Trung, du khách có được không khí thưởng lãm những cổ vật tinh xảo bằng pháp lam, đồ gốm hoàng cung men sứ cao cấp, đồ vật khảm trai và các vật phẩm bằng bạc, vàng như kim khánh, kim bội, thẻ bài, trấn phong, cổ đồ... Bên cạnh tạo dáng, hình thể, màu sắc đa dạng của gốm cổ truyền thống là yếu tố gợi nên sự chú ý và cảm xúc cho người xem, nhất là những du khách, công chúng lần đầu nhìn thấy gốm men ngọc thời Lý, gốm hoa nâu thời Trần hay gốm hoa lam thời Hậu Lê - Nguyễn. Màu sắc gốm còn thể hiện không gian, thời gian, đặc điểm “chất” gốm xưa và không chỉ dừng lại ở ý nghĩa cho từng cảnh sắc hoa văn trang trí mà còn tạo nên một khí nét riêng cho từng cổ vật. Mỗi cổ vật gốm xưa đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải các giá trị thẩm mỹ của mỗi thời đại mang dấu ấn đặc thù của văn hóa Việt Nam và qua mỗi bản thể gốm còn cho thấy nghệ thuật dân gian và cung đình luôn gắn bó mật thiết với đời sống

Với mục tiêu phát huy các nguồn lực di sản văn hoá liên ngành, đóng góp cho phát triển văn hoá, giáo dục và nghệ thuật tại Huế. Trường đại học Nghệ thuật Huế và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế đã cùng phối hợp thực hiện triển lãm Mỹ thuật & Di sản lần thứ 4 với chủ đề *Hình tượng Tứ linh qua nghệ thuật tạo hình* với gần 50 tác phẩm mỹ thuật của nhiều chất liệu. Triển lãm diễn ra từ ngày 1/8 đến 30/8/2025 tại điện Kiến Trung, Đại Nội, Huế với sự tham gia của đông đảo nghệ sĩ, giảng viên và sinh viên qua

2. Trần Quốc Vượng (1994), “Bản sắc văn hoá dân tộc qua sắc thái Huế”, Tạp chí *Sông Hương*, số 5, tr. 44.

3. Nora Taylor (2019), “Lời giới thiệu”, *Hàm Nghi Hoàng đế lưu vong, nghệ sĩ ở Alger*, Nxb Khoa học Xã hội, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 18.



Hiện vật tại triển lãm: Hộp gỗ đựng sắc phong và kim khánh, hộp đựng.

Nguồn: Từ Vựng tập triển lãm

nhiều tác phẩm đa dạng về chất liệu và hình thức thể hiện. Hình tượng Tứ linh gắn liền với biểu tượng văn hoá phương Đông và mang trong mình hệ tư tưởng phong kiến sâu sắc. Triển lãm bao gồm các tác phẩm mới mẻ, đặc sắc của các nghệ sĩ, với những cách tiếp cận riêng biệt, đưa hình tượng Tứ linh gần gũi hơn với đời sống. Điển hình như “Phụng ngũ sắc” của nữ họa sĩ Đặng Thị Thu An, với chất liệu khá độc đáo đang được một số họa sĩ thử nghiệm là sơn mài trên toan. Thu An đã lột tả được vẻ đẹp biểu tượng của các bà hoàng qua hình tượng chim phụng được làm mới bằng kỹ thuật sơn mài “đặc biệt” và thể hiện sự làm chủ chất liệu một cách nhuần nhuyễn.

Một hoạt động khác kết hợp không gian mở của Đại Nội là các buổi trình diễn thời trang áo dài nữ đương đại với trang trí mây sóng thời Nguyễn của NTK Trí Long, giảng viên từ Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, qua 3 đêm diễn ở Huế, anh đã trình diễn bộ sưu tập áo dài mang nét Huế tại không gian trong và ngoài cổng Chương Đức cổ kính phía Tây Đại Nội. Hoạt động này thu hút đông đảo người xem và có nhiều ý kiến phản hồi tích cực, như ý kiến của cô Khánh Vân (Phường Phú Xuân) thể hiện sự ngỡ ngàng trước những bộ áo dài đẹp và mới lạ, tạo ra sự thích thú quan tâm của nhiều người trẻ trong giới nữ. Đây là một minh chứng mạnh mẽ cho tiềm năng sáng tạo và vai trò của nghệ thuật truyền thống Việt Nam, đồng thời là lời nhắc nhở sâu sắc về việc gìn giữ, tôn vinh và tiếp nối những giá trị cốt lõi của dân tộc bằng các ngôn ngữ tạo hình đương đại.

Một “dạng” hoạt động mỹ thuật khác tại Đại Nội đáng chú ý là các nhóm họa sĩ tổ chức vẽ trực họa tại các không gian cung điện, vườn hoa nổi tiếng. Hoạt động này diễn ra khá nhiều theo từng nhóm từ 5 đến 15 họa sĩ, họ chọn và vẽ rải rác ở cung Diên Thọ (nơi ở của Hoàng thái hậu), cổng Chương Đức, Trường lang và hồ nước, bãi cỏ... Những góc các họa sĩ chọn đặt giá vẽ thông thường đều khá vắng khách, nhưng khi có họa sĩ vẽ du khách lại đến xem khá nhiều và tạo được những thiện cảm với các họa sĩ sáng tạo. Nhiều du khách chọn góc nhìn đó để tạo ra một không gian checking khá mới lạ và thú vị. Họa sĩ Nguyễn Vũ Lâm, Trường khoa Mỹ thuật ứng dụng của Đại học Đông Á (Đà Nẵng) tham gia cùng các họa sĩ Huế vẽ ở góc tây của Từ Cấm Thành đã có được một vài bức họa sinh động, man mác sự hoài niệm qua những góc tường cổ rêu phong và những dấu phết tích xưa còn lại. Một số họa sĩ có giao lưu, tương tác, chụp với du khách, đặc biệt với các cháu học sinh đi tham quan ở di tích cùng với thầy cô, tạo được nét mới trong giáo dục di sản địa phương cho khối giáo dục phổ thông...



Hiện vật tại triển lãm: Bộ đồ trà và điều bát.
 Nguồn: Từ Vụng tập triển lãm

2. Đánh giá chung về hiệu quả và tồn tại từ các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội - Huế

2.1. Thành công bước đầu

Những hoạt động mỹ thuật trong lòng của di sản cho thấy các không gian di tích không chỉ là nơi hiện hữu của các giá trị di sản mà còn có thể trở thành trung tâm của hoạt động sáng tạo, giáo dục và đối thoại với nghệ thuật. Nơi không chỉ bảo tồn di sản bằng vật chất mà còn làm giàu ý nghĩa của nó thông qua các tác phẩm nghệ thuật đương đại. Điều này hoàn toàn có thể mở ra một hướng đi mới trong việc kết hợp giữa mỹ thuật và du lịch văn hoá, giúp các du khách tiếp cận nghệ thuật trong một không gian giàu chiều sâu và có bề dày lịch sử. Các tác giả tham dự triển lãm và tổ chức các hoạt động nghệ thuật tự hào vì việc được trưng bày tác phẩm tại các địa điểm danh giá như Điện Kiến Trung, cung Diên Thọ, Phủ Nội Vụ, vườn Thiệu Phương... Điều đó không chỉ nâng tầm giá trị tác phẩm mà còn cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng xã hội, các cấp chính quyền và nỗ lực kết hợp thực hiện giữa các đơn vị nghệ thuật với Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế trong giáo dục về di sản cho giới trẻ.

Nói chung các hoạt động mỹ thuật trong Đại Nội đem lại những lợi ích rất lớn về mặt du lịch, giáo dục cộng đồng về di sản và ý thức bảo tồn di sản. Nhiều hoạt động mỹ thuật trong lòng di sản đã đem lại những cái nhìn rất khác và mở rộng hơn về ngôn ngữ biểu đạt nghệ thuật nói riêng và văn hóa nói chung, đồng thời cũng mở ra những triển vọng khác nhau cho tư tưởng bảo tồn di sản theo quan điểm hiện đại và hòa đồng nhất trong thế giới hiện nay, tạo dựng được những cơ hội cho du khách tham gia tương tác và thẩm thấu được các giá trị di sản văn hóa. Trong một bài viết, tác giả Nguyễn Thị Thanh Hằng cho rằng việc tổ chức được các hoạt động mỹ thuật trong lòng di sản nói chung và ở Đại Nội nói riêng: “...hoàn toàn có thể mở ra một hướng đi mới trong việc kết hợp giữa mỹ thuật và du lịch văn hóa, giúp các du khách tiếp cận nghệ thuật trong một không gian thiêng liêng, giàu chiều sâu và có một bề dày lịch sử lâu đời.”⁴

Từ giá trị của các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội chúng ta nhận ra nhiều giá trị tinh thần khác, nhiều giá trị và phẩm chất văn hóa quý giá khác đã được kết tinh trong tâm thức người Huế. Từ đó bộc lộ qua diện mạo mỹ thuật đương đại được thể hiện khá đậm nét từ

4. Nguyễn Thị Thanh Hằng (2025), “Hình tượng tứ linh qua góc nhìn mỹ thuật đương đại”, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 623, tr. 48.

các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội. Với mật độ các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội khá dày đặc trong trang trí nội ngoại thất các công trình kiến trúc, mỹ thuật quan trọng đã làm bật lên những âm sắc tạo hình độc đáo và quý



Các hoạt động nghiên cứu dành cho sinh viên các trường mỹ thuật trong nước tại Đại Nội

giá. Từ đó việc phản ánh, biểu lộ những giá trị của chúng trong mỹ thuật thời Nguyễn lại càng rõ nét và sâu sắc hơn, các giá trị lịch sử văn hóa luôn hiện hữu vì “... *dur âm của thời kỳ đó như vẫn còn vang vọng tới ngày nay...*”⁵ Sự có mặt của các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội ở nhiều loại thể như tượng tròn, phù điêu, trong trang trí kiến trúc phản ánh sự cần thiết và giá trị tự thân của chúng đối với mỹ thuật đương đại. Chính các hoạt động mỹ thuật tại di tích đã đem lại sự ổn định, bền vững và có giá trị tạo hình, giá trị thẩm mỹ cao tạo nên diện mạo độc đáo, là bộ mặt của nghệ thuật thời Nguyễn, là dấu ấn của nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt Nam. Có thể khẳng định rằng các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội là những giá trị đã được thẩm thấu, đánh giá và tồn tại trong quá khứ, hiện tại và sẽ còn có nhiều giá trị mới tiếp tục được khai thác, phát hiện trong tương lai.

2.2. Một số tồn tại, hạn chế

Nói chung, mọi ý tưởng tổ chức các hoạt động mỹ thuật lớn hay nhỏ dành cho cộng đồng đều phải có “điểm tựa” vững chắc nào đó, mà trước hết phải nhìn thẳng vào sự thật là mọi ý tưởng dù hay đến đâu cũng sẽ vô nghĩa nếu không có được sự hỗ trợ tài chính để triển khai. Đa số các hoạt động triển lãm mỹ thuật về quảng bá di sản đều có sự tài trợ kinh phí của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Ngoài ra các tổ chức như Hội Mỹ thuật địa phương, Ban Tổ chức các Festival Huế, một số doanh nghiệp và cá nhân đã tài trợ cho những hoạt động mỹ thuật trong các dịp lễ hay một số ngày lễ kỷ niệm. Nói chung, các cá nhân và đơn vị, họa sĩ thực hiện còn chưa chủ động xây dựng, tìm kiếm được các nguồn tài trợ từ các tổ chức và doanh nghiệp mà đa số phải thông qua một trung gian nhất định. Do không chủ động được nguồn kinh phí nên họ cũng ít có cơ hội và điều kiện tham gia tổ chức các hoạt động thực hành nghệ thuật trong nước và quốc tế khác ở di tích

Mặt khác, sự vận động của cuộc sống và yêu cầu bảo tồn phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật thời Nguyễn đã làm cho suy nghĩ, tình cảm của người Huế hiện đại phải luôn thay đổi. Tuy nhiên, cần phải trải qua một quá trình vận động lâu dài của nghệ thuật, sự

5. Trần Lâm Biền (2000), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, tr.166.

minh chứng về độ bền và giá trị của các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội người ta mới có thể tiếp nhận và chuyển hóa được các giá trị thẩm mỹ của chúng trong cuộc sống. Trong thực tế nhu cầu tổ chức các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội là khá lớn, nhưng cho đến nay chúng ta vẫn chưa đúc rút được đầy đủ những bài học bổ ích, cần thiết, có ý nghĩa đối với việc lưu giữ và phát huy giá trị của văn hóa truyền thống trong đời sống hôm nay. Ở bình diện không gian, do những yêu cầu cần thiết và nguyên tắc của quy định bảo vệ di tích nên không gian tổ chức các hoạt động mỹ thuật cũng thường hết sức khiêm tốn, một số hoạt động trở nên bó hẹp trong một sân vườn hay một sảnh của một cung điện, cụm di tích khép kín nên đôi lúc chưa được tỏa sáng như mong muốn. Do đặc thù của di sản trong Đại Nội, sau chiến tranh là thiên tai, với nhiều công trình là phế tích hay đang giai đoạn hạ giải trùng tu lâu năm và lại nằm rải rác khắp nơi nên một số hoạt động mỹ thuật cũng gây ra một sự hiểu lầm hay xung đột nhỏ nào đó trong cách nhìn của công chúng và du khách.

Trong thế kỷ của trí tuệ, hòa nhập và sáng tạo, cần nhìn thấy vai trò của nghệ sĩ tạo hình trong thời kỳ hòa nhập quốc tế có chiều sâu hiện nay, vì vậy việc tổ chức được các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội - Huế thể hiện năng lực thích ứng được với thực tiễn cuộc sống của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và nghệ sĩ tạo hình xứ Huế. Các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội phản chiếu bóng dáng của quá khứ, của nghệ thuật truyền thống và hiện đại, trong đó thể hiện rõ quan điểm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phải được đặt trong yêu cầu thực tế và giá trị cuộc sống đương đại. Các hoạt động mỹ thuật đương đại trong lòng di sản cung đình thời Nguyễn là sự tiếp nối từ mỹ thuật các triều đại trước và có cơ hội phát triển, mở rộng ngôn ngữ biểu đạt của đời sống thẩm mỹ đương đại. Đó cũng là quá trình diễn ra sự tiếp nhận hài hòa các thuộc tính, ý nghĩa biểu hiện mới từ văn hóa truyền thống với đương đại, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ đa dạng của người dân hiện nay. Từ những đặc điểm ngôn ngữ tạo hình và hiệu quả nghệ thuật, các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội đã tạo nên một không gian mở sinh động cho sự phát huy giá trị văn hóa cung đình thời Nguyễn trong hiện tại với tầm nhìn xa về tương lai. Các hoạt động mỹ thuật tại Đại Nội không những tạo ra những giá trị nghệ thuật mới, mà còn góp phần giữ gìn được bản sắc mỹ thuật truyền thống Việt Nam nói chung và Huế - miền Trung nói riêng trong dòng chảy của nghệ thuật dân tộc. Thời gian trôi đi sự phán xét, đánh giá về kết quả các hoạt động mỹ thuật trong lòng di sản có thể sẽ khác đi rất nhiều so với cảm quan của chúng ta hôm nay, nhưng điều đó cũng không thể thay đổi quy luật phát triển khách quan của nghệ thuật là phải có những thay đổi để phù hợp hơn với cuộc sống và chúng cần được xã hội quan tâm, tạo điều kiện để sáng tạo và tỏa sáng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amandine Dabat (2019), *Hàm Nghi, Hoàng đế lưu vong, nghệ sĩ ở Alger*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Trần Lâm Biền (2000), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
3. Trương Quốc Bình (2001), “Giáo dục cộng đồng bảo vệ và phát huy các di sản thế giới ở Việt Nam”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 203.
4. Nguyễn Thị Thanh Hằng (2025), “Hình tượng tứ linh qua góc nhìn mỹ thuật **đương đại**”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 623.
5. Trần Quốc Vượng (1994), “Bản sắc văn hoá dân tộc qua sắc thái Huế”, Tạp chí *Sóng Hương*, số 5.

NHÌN LẠI KHOA THI HỘI ĐẦU TIÊN

dưới triều Nguyễn

■ Bài và ảnh: LÊ VĂN QUỐC HUY*

Dưới thời quân chủ, để xây dựng, phát triển một quốc gia hùng mạnh không thể không nhắc đến những đóng góp của các bậc hiền tài, bởi vì họ là nhân tố góp phần quyết định cho sự hưng thịnh hay suy tàn của một triều đại. Chính vì lẽ đó các bậc quân vương luôn xem trọng chính sách giáo dục và đề cao khoa cử. Đông các Đại học sĩ Thân Nhân Trung khi biên soạn bài văn khắc trên bia Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442) đã nhấn mạnh rằng: *“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần kíp”*¹. Bài văn khắc này đã khẳng định tầm quan trọng của giáo dục và nhu cầu tất yếu của cả triều đại trong việc tìm kiếm người tài phục vụ đất nước.

Triều Nguyễn là triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam, nhu cầu tìm kiếm quan lại, nhân tài đứng ra để phục vụ cho đất nước là điều rất cần thiết. Vua Gia Long - vị vua đầu tiên của triều Nguyễn đã có nhiều phương thức tuyển dụng và bổ dụng nhân tài như âm thụ, tiền cử, sử dụng quan lại cũ của nhà Lê vào làm việc trong bộ máy nhà nước. Đặc biệt, vua Gia Long sử dụng phương thức tuyển dụng khác là con đường khoa cử, đây là phương thức quan trọng nhằm tìm kiếm nhân tài một cách hữu hiệu, chính xác, công bằng và khách quan. Đương thời, vua Gia Long cho rằng con đường khoa cử là *“con đường bằng phẳng của học trò, thực không thiếu được”*². Chính vì lẽ đó, năm 1807, vua Gia Long đã ban chiếu định chế phép khoa thi Hương và Hội, chiếu rằng: *“Nhà nước cầu nhân tài, tất do đường khoa mục. Tiên triều ta chế độ khoa cử đời nào cũng có cử hành. Từ khi Tây Sơn nổi loạn, phép cũ huỷ bỏ, sĩ khí vì đó mà bế tắc. Nay thiên hạ cả định. Nam Bắc một nhà, cầu hiền chính là việc cần kíp. Đã từng xuống sắc bàn định phép thi: kỳ đệ nhất thi kinh nghĩa, kỳ đệ nhị thi chiếu, chế biểu; kỳ đệ tam thi thơ, phú; kỳ đệ tứ thi văn sách. Lấy tháng 10 năm nay mở khoa thi Hương, sang năm Mậu thìn mở khoa thi Hội. Bọn học trò các nơi đều nên dùi mài việc học, để đáp lại cái ơn tôn chuộng nghề văn”*³. Tuy nhiên, trong suốt 18 năm trị vì, vua Gia Long chỉ mới tổ chức được 3 khoa thi Hương vào các năm 1807, 1813 và 1819, còn khoa thi Hội vẫn chưa được tổ chức vì lý do *“đất nước mới bình định, văn học còn ít, nên đình việc thi Hội”*⁴. Việc thực hiện khoa thi Hội đến thời kỳ vị vua kế nhiệm là vua Minh Mạng

* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Huế.

1. Ngô Đức Thọ (2002), *Văn Miếu Quốc Tử Giám và 82 bia tiến sĩ*, Nxb Hà Nội, tr. 84.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Hà Nội, tr. 527.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr. 691.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr. 691.

mới tiến hành tổ chức. Trong phạm vi bài viết này, tôi xin làm rõ Khoa thi Hội năm Nhâm Ngọ (1822) dưới triều Nguyễn, nhằm một phần làm rõ khoa thi Hội đầu tiên dưới triều đại nhà Nguyễn.

1. Công tác tổ chức Khoa thi Hội năm Nhâm Ngọ (1822)

Vua Minh Mạng được xem là vị vua anh minh, quyết đoán, đã có nhiều quyết sách quan trọng cho sự phát triển triều Nguyễn nói riêng và lịch sử Việt Nam nói chung; trong đó có quyết sách về trọng dụng, sử dụng người hiền tài vào làm trong bộ máy nhà nước. Nhà vua xem hiền tài là “đồ dùng của quốc gia”⁵. Khi đất nước dần vào ổn định và cùng với kế thừa những thành tựu của vua cha về giáo dục và khoa cử, vua Minh Mạng xem việc tìm kiếm những người hiền tài “tất phải do người khoa mục tạo thành”⁶. Vua Minh Mạng đã xuống chiếu mở khoa thi Hương và thi Hội, chiếu viết rằng: “*Trẫm nghĩ thánh nhân ban ân trạch, không việc gì lớn bằng sự gây dựng nhân tài, vương giả suy ơn, tất phải trọng việc tuyển sĩ tử, cho nên không câu nệ ở lệ thường, chỉ quý chọn chân tài. Lớn thay nhà nước ta, chính trị giáo hoá tốt đẹp, phong khí học nho chấn hưng. Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta mở khoa thi kén sĩ tử, ấn định các năm mao, dậu thì thi Hương, gần đây đã đủ lệ thường. Trẫm noi theo nghiệp lớn, mở mang việc, quan dân trong ngoài, ai cũng thấm nhuần ơn trạch. Nay muốn rộng ban ấn điển cho khắp nho, mong muốn được nhiều sĩ tử kéo đến, vang lừng như sấm như gió, quả mùa thu hoa mùa xuân đều hái được, vàng tốt phương nam, tên thắng phương đông đều thu được, để làm rộng sáng nghiệp chuộng văn của Hoàng khảo ta, nên có dịp may tuyển nhân tài ngay nay. Vậy đặc biệt cho mở ân khoa, mùa thu năm Tân tỵ thi Hương, mùa xuân năm Nhâm ngọ thi Hội. Sĩ tử các nơi đều phải trong sạch mà thừa hưởng phúc tốt này, chăm chỉ học hành, trông hoa hoè mà rảo đến trường thi, nhìn sóng dào mà tranh tiến lên trước, để đáp lại cái ý muốn cất nhắc nhân tài của trẫm*”⁷. Sau đó, vào mùa Xuân, tháng 3, năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Minh Mạng thứ 3 (1822), vua Minh Mạng chính thức cho tổ chức khoa thi Hội đầu tiên, việc trước tiên là nhà vua cho đúc ấn Hội thí và định phép thi Hội với những nội dung cụ thể.

1.1. Về điều kiện để dự thi

Những thí sinh có nhu cầu thi kỳ thi Hội này phải là những Hương cống các khoa trước⁸ và Hương cống triều Lê chưa ra làm quan đều được vào thi do Bộ Lễ làm danh sách đệ tâu lên, bên cạnh thí sinh có học vị Hương cống thì các Giám sinh đã sát hạch được dự thi thì do quan Quốc Tử Giám làm danh sách đệ tâu⁹. Bên cạnh thí sinh đủ tiêu

5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1972), *Minh Mệnh chính yếu*, Tập 1 (bản dịch Hoàng Du Đồng và Hà Ngọc Xuyền), Tủ sách Cổ văn - Ủy ban dịch thuật, tr. 167.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn (1972), *Minh Mệnh chính yếu*, Tập 1, Sdd, tr. 169.

7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Hà Nội, tr. 104.

8. Bao gồm các khoa thi Hương triều Nguyễn đã tổ chức gồm khoa thi năm 1807, 1813, 1819 và 1821.

9. Đây là 1 trong 8 ấn điển trong chiếu của vua Minh Mạng nhân việc lễ Thăng miếu đã ban xong vào tháng 3 năm Minh Mạng thứ 3 [1822] với nội dung: “*Năm nay mỗi huyện cống một người học sinh và từ sau cứ hằng năm mỗi phủ cống một người, do quan Quốc Tử giám phúc hạch, nếu trúng được bốn kỳ thì làm danh sách tâu lên, để cấp cho lương ăn học [ở Quốc Tử Giám]. Khi gặp có khoa thi Hội, thì quan Quốc tử giám lại đem sách hạch rồi tâu xin cho cùng với Hương thi cống vào thi. Người nào văn học không thông thì bắt về và bắt phủ huyện cử người khác điền vào*”. Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 182.

chuẩn học lực đã nêu trên nhưng sẽ không được dự thi nếu các thí sinh dự thi đang chịu tang cha mẹ, chịu tang ông bà nội (nếu là người thừa trọng).

Khoa thi này thí sinh đủ tiêu chuẩn và đăng ký dự thi là 164 người¹⁰. Tuy nhiên, Tiền sĩ Phan Thúc Trực chép trong cuốn *Quốc sử di biên* tổng cộng là 174 người bao gồm 1 Hương cống cũ nhà Lê, 16 hành tầu, 130 người chừa khoa, 27 cống sinh¹¹.

1.2. Về quyền thi

Sau khi sàng lọc danh sách đệ tâu lên những thí sinh đủ điều kiện để thi, thì lệnh cho các Hương cống và giám sinh đến Lễ bộ đóng quyền thi, lần này thi 4 trường dùng giấy quan lệnh và in hồng cách, trường nhất, trường nhì và trường ba mỗi quyền 10 tờ, trường tư mỗi quyền 30 tờ, mỗi trang có đường kẻ dọc màu đỏ phân thành 8 dòng, mỗi dòng 20 chữ, mỗi tờ tổng cộng 16 dòng. Song song với các quyền thi phải đóng Châu quyền (châu là loại đá mài dùng làm son) cũng dùng giấy quan lệnh, mỗi trang gạch 10 dòng, mỗi dòng 22 chữ. Như vậy tổng cộng 4 trường thi đóng 8 quyền¹².

Quyền thi của các thí sinh phải dùng mực đen điền tên họ tuổi tác, quê quán, khai cung ba đời của mình như kỳ thi Hương, riêng phải ghi hoặc là Cử nhân khoa nào, hoặc xuất thân từ Quốc Tử Giám... tức ở dòng đầu tiên tại mặt quyền, quan phụ trách sẽ dùng ấn in số thứ tự trường thi, ở dòng thứ 5 ghi tên họ, tuổi tác, quê quán, dòng thứ 6 khai ba đời như quyền thi Hương.

Thu quyền thi cứ tới ngày là hết hạn. Các quan ngoại trường sau mỗi kỳ thu quyền thi lần lượt giao quyền thi cho các chức di phong soạn hiệu, đăng lục đối đọc. Xong rồi, quyền mực lưu lại ở thí viện, quyền son giao cho đồng khảo chấm. Mỗi quyền hai người hội chấm, chia làm bốn hạng ưu bình thứ liệt. Quan ngoại trường duyệt lại và định lấy hay dở.

1.3. Về trường thi

Địa điểm tổ chức khoa thi Hội diễn ra ở phía Nam trong Kinh thành, chia làm nội trường, ngoại trường và hai vi Giáp Ất¹³. Theo ghi chép của Phan Thúc Trực thì khoa thi này được tổ chức tại cửa điện Thái Hoà¹⁴.

1.4. Về các kỳ thi và thời gian

Kỳ thi thứ nhất: Thi kinh nghĩa, một đề truyện.

Kỳ thi thứ hai: Thi chiếu chế biểu, mỗi thứ đều một đề.

Kỳ thi thứ ba: Thi một đề thơ ngũ ngôn cổ thể và một đề phú 8 vắn.

Kỳ thi thứ tư: Thi một đề văn sách, về cổ văn hoặc 10 đoạn, về kim văn hoặc 3, 4 đoạn.

Riêng kỳ thi thứ nhất, hai, ba, đề thi sẽ đích thân vua ra đề, sau khi đề thi đưa ban ra thì kỳ đài kéo cờ cổ và phát ra ống lệnh; kỳ thi đệ tứ do vua sai quan trường ra đề.

Khoa thi đầu tiên ngày 28 tháng 3 thi trường nhất; mùng sáu tháng 4 thi trường nhì; 14 tháng 4 thi trường ba; 20 tháng thi trường tư, 25 yết bảng¹⁵. Nếu thí sinh trúng trong

10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 197.

11. Phan Thúc Trực (2009), *Quốc sử di biên*, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr. 187.

12. Phạm Đức Thành Dũng, Vĩnh Cao (chủ biên) (2000), *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế, tr. 179.

13. Phạm Đức Thành Dũng, Vĩnh Cao (chủ biên) (2000), Sdd, tr. 179.

14. Phan Thúc Trực (2009), *Quốc sử di biên*, Sdd, tr. 186.

15. Phạm Đức Thành Dũng, Vĩnh Cao (chủ biên) (2000), *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*, Sdd, tr. 78.

ba kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đều đem tâu rồi yết bảng ở bên ngoài cửa Thê Nguyên. Đến kỳ đệ tứ thì dâng những quyển trúng đề kính lấy sớ trúng cách, sau đó làm danh sách đệ tâu và yết bảng ở lầu Phú Văn¹⁶.

1.5. Về quan trường

Khoa thi đầu tiên này xác định quan trường như sau:

Một Chánh chủ khảo: Hiệp biện Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức.

Một Phó chủ khảo: Hữu Tham tri Hình bộ Ngõ Đình Giới.

Hai Tri công gồm: Thị trung Trục học sĩ Đinh Phiên và Tế tửu Quốc Tử Giám Vũ Xuân Biền.

Bên cạnh các quan trường chủ chốt nêu trên, còn có thêm một Chánh Đề điệu, một Phó Đề điệu, sáu Đồng khảo, một Giám di phong¹⁷, một Giám đăng lục¹⁸, một Giám đốc học¹⁹, 24 người chép quyển và viết bảng, một giám thí, một tuần sát, bốn giám thí nội liêm²⁰ và bốn tuần sát ngoại trường²¹. Vua Minh Mạng rất xem trọng khoa thi Hội đầu tiên, nên đã căn dặn, lưu ý Chánh chủ khảo, Phó chủ khảo và Hai tri công với lời dụ rằng: “*Khoa thi Hội này là khoa đầu tiên, là điển lễ quan trọng, các người nên rất mực công bằng, đừng phụ lời khuyên bảo của trẫm*”²².

1.6. Về công tác giữ an ninh, trật tự

Việc giữ an ninh, trật tự không chỉ giúp kỳ thi diễn ra suôn sẻ mà còn khiến cho kỳ thi đảm bảo tính công bằng, khách quan, minh bạch.

Triều đình nhà Nguyễn đã có lệ ngày vào trường thi cấp 600 biên binh và 20 thớt voi đi tuần trong suốt quá trình diễn ra kỳ thi²³. Bên cạnh đó, trong mỗi nhà thi triều Nguyễn còn bố trí một võ sĩ đeo gươm đứng kiểm soát suốt ngày²⁴.

1.7. Nội quy của trường thi

Đối với thí sinh: Các thí sinh dự thi trong quá trình làm bài thi phải viết chữ chân phương, không được viết thảo, không được mang tài liệu hay bất cứ văn tự nào vào trường thi.

Đối với quan trường: Để đảm bảo tính công bằng, khách quan nêu trong quá trình diễn ra kỳ thi quan trường và thí sinh nếu bị phát giác có sự tư thông hay nhờ cậy thì quan trường bị xử biếm chức hay bãi chức, công giám sinh thì xử tội đồ. Những thư lại đăng lục đối đọc mà dụng tình thêm bớt hay thay đổi hay câu dùng những người viết bảng, di phong soạn hiệu mà làm bậy, thì đều xử tội đồ. Những viên giám đăng lục đối đọc, giám di phong soạn hiệu, tuần sát ngoại trường, giám thí nội liêm mà làm bậy thì đều tuy nặng nhẹ mà luận tội²⁵.

16. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 196.

17. Coi việc rọc phách và biên số hiệu.

18. Coi việc chép lại quyển thi.

19. Coi việc đọc soát lại quyển chép.

20. Trường trong, nơi các đồng khảo chấm bài thi.

21. Trường ngoài, nơi các quan trường hội họp quyết định việc lấy đồ.

22. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 197.

23. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 489.

24. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 197.

25. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 197.

2. Quá trình diễn ra kỳ thi Hội

2.1. Nội dung của đề thi

Đề thi Khoa thi Hội được các nhà nghiên cứu tổng hợp trong cuốn “*Văn chương, khoa cử triều Nguyễn (Thi Hội, thi Đình)*”. Sau đây là nội dung của đề thi kỳ thi Hội năm 1822 với những nội dung như sau:

Kỳ thi thứ nhất, đề thi Kinh nghĩa: Không rõ.

Kỳ thi thứ hai:

Đề thi Chế: Phỏng viết bài chế nhà Hán bổ nhiệm Đỗ Thi giữ chức Thái thú Nam Dương²⁶.

Đề thi Chiếu: Phỏng viết bài chiếu đại xá thiên hạ nhân lễ thượng thọ tám mươi tuổi của Hoàng Thái hậu triều ta²⁷.

Đề thi Biểu: Phỏng viết bài biểu của các bề tôi triều ta mừng biên soạn xong Liệt thánh thực lục²⁸.

Kỳ thi thứ ba:

Đề thi Thơ: Thơ về Chính trị buổi ban đầu²⁹

Đề thi Phú: Không rõ.

Kỳ thi thứ tư, đề thi văn sách: Không rõ.

2.2. Kết quả kỳ thi Hội

Kết quả thi được trình bày qua bản tấu của quan trường thi Hội vào ngày 12 tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) về việc duyệt quyền thi, có nội dung như sau: “*Nay đã khảo duyệt xong quyển thi đệ tứ trường, lấy đỗ 5³⁰ quyển, đánh hỏng 27 quyển, sáng sớm mai xin đệ 5 quyển trúng tuyển, tâu lên đợi chỉ. Vua châu phê: sẽ có chỉ*”³¹. Như vậy, qua thông tin của quan trường thi Hội tại bản tấu, cho ta biết những thí sinh đã qua vòng kỳ thi đệ tam là 33 người và đã được yết bảng ở bên ngoài cửa Thê Nguyên³². Đến kỳ thi đệ tứ thì trong số 33 người, quan trường chấm thi lấy 5 người và đánh hỏng 27 người. Khi dâng lên 5 quyển trúng cách đưa lên vua Minh Mạng ngự lãm thì nhà vua không hài lòng, cho là ít, bảo rằng: “*Hoàng khảo xưa chưa mở thi Hội, thực là vì trải qua loạn ly, học trò thất học, phải chờ khi giáo dục thành tài. Nay nước nhà đào tạo nhân tài đã lâu mà khoa thi chỉ trăm người lấy trúng được mười, mười người lấy trúng được một, dự tuyển chỉ được có thể thì sao xứng với ý tốt của trăm kén chọn nhân tài*”

26. Nguyên văn: 擬漢以杜詩爲南陽太守制. Nguồn: Đinh Thanh Hiếu (2021), *Văn chương khoa cử triều Nguyễn (thi Hội, thi Đình)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 477.

27. Nguyên văn: 擬本朝皇太后八十上壽大赦天下詔. Nguồn: Đinh Thanh Hiếu (2021), *Văn chương khoa cử triều Nguyễn (thi Hội, thi Đình)*, Sdd, tr. 478.

28. Nguyên văn: 擬本朝列聖實錄告成群臣賀表. Nguồn: Đinh Thanh Hiếu (2021), *Văn chương khoa cử triều Nguyễn (thi Hội, thi Đình)*, Sdd, tr.

29. Nguyên văn: 初政詩. Nguồn: Đinh Thanh Hiếu (2021), *Văn chương khoa cử triều Nguyễn (thi Hội, thi Đình)*, Sdd, tr. 461.

30. Lúc đầu, quan trường thi Hội chấm thi đã duyệt 3 quyển trúng cách được đưa ra ngoại trường. Nhưng quan Chánh khảo là Hiệp biện đại học sĩ Trịnh Hoài Đức xin duyệt lại và lấy thêm được 2 quyển. Nguồn: Phan Thúc Trực (2009), *Quốc sử di biên*, Sdd, tr. 187.

31. Nguyên văn: 欽差會試場臣等奏: 茲第四場文卷奉已考閱清訖取中五卷黜落二十七卷請於明日清晨奉遞中選五卷進讀候旨, 硃批: 另有旨. Nguồn: Cục văn thư và lưu trữ nhà nước (2010), *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, Tập 1, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 503.

32. Cửa Thê Nguyên là tên gọi ban đầu của một trong những cửa ở Kinh thành Huế, sau đó được đổi thành “Cửa Thê Nhon” và người dân thường gọi là “Cửa Ngăn”.

và ra lệnh cho quan trường thi Hội phải lấy thêm. Sau quá trình cân đo đong đếm, trong số 27 người bị đánh hỏng đó quan trường thi Hội đã lấy thêm 3 người được trúng cách, trình lên vua Minh Mạng thông qua bản tấu của đình thần vào ngày 12 tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) có nêu rõ: “Kỳ thi Hội đệ tứ trường, trong 27 quyển hỏng có phong riêng 5 quyển. Chúng thần duyệt lại 5 quyển ấy, có 3 quyển đáng đậu, còn 2 quyển với 22 quyển quan trường đánh hỏng đều là thích đáng. Vua châu phê: Chuẩn y lời tấu của quan trường. Gia ân lấy thêm 3 quyển, tổng cộng 8 quyển đều cho trúng tuyển³³”. Lấy đỗ trúng cách 8³⁴ người bao gồm: Hà Quyền³⁵, Trần Lê Hiệu³⁶, Nguyễn Ý, Lê Quang³⁷, Phan Hữu Tính, Đinh Văn Phác, Vũ Đức Khuê³⁸, Phan Bá Đạt³⁹ và danh sách 8 vị này được yết bảng tại Phu Văn lâu.

Để xếp hạng thứ bậc tiến sĩ, không lâu sau đó triều Nguyễn đã tổ chức kỳ thi Đình, thi tất cả 8 thí sinh đều trúng cách, trong đó Nguyễn Ý đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, 7 người còn lại đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân⁴⁰.

Vua Minh Mạng rất coi trọng nhân tài, đối với những thí sinh mặc dù không được trúng cách tại kỳ thi Hội nhưng nhà vua đã có chính sách phù hợp nhằm khuyến khích việc học, vua Minh Mạng đã ra lệnh cho Bộ Lễ truyền dụ rằng: “*Hương cống các khoa mà thi Hội không trúng cách, như có tình nguyện ở Giám học tập thì bổ làm Giám sinh, cấp cho lương lẫn; ai muốn về quê cũng cho. Người nào chưa dự thi Hội thì do bộ tư đòi mua thu này đến Kinh xét hạch, đúng thực thì vẫn tuân dụ chỉ cho theo sở nguyện⁴¹*”. Sau đó, Bộ Lễ cho xin 27 người không trúng cách được bổ làm giám sinh vào học tại trường Quốc Tử Giám và cấp cho họ lương tháng (mỗi tháng 3 quan tiền, 2 phương gạo, 5 cân dầu). Vua Minh Mạng chấp thuận và dụ rằng: “Đó là ý trẫm săn sóc văn học, cốt cầu người thực dụng. Tể tửu, Tư nghiệp phải hết trách nhiệm làm thầy, hết lòng dạy bảo. Giám sinh các người cũng phải dùi mài để nên công, ngõ hầu không phụ ý tốt chán hưng [văn học], gây dựng [nhân tài] của trẫm⁴²”.

2.3. Một số vấn đề bất cập trong quá trình diễn ra tại kỳ thi

Là kỳ thi Hội đầu tiên, dĩ nhiên không tránh khỏi những sai sót, sai phạm trong quá trình diễn ra kỳ thi. Không chỉ thí sinh mà ngay cả các quan trường cũng vấp phải những sai phạm trong quá trình diễn ra kỳ thi.

Đối với sự việc sai phạm của thí sinh mang tài liệu vào trường thi được tường thuật

33. Nguyên văn: 廷臣奏：會試第四場黜落二十七卷間有別封五卷臣等覆閱此五卷惟有三卷可取存二卷與黜落二十二卷場官黜落均屬適當，硃批：准依場官所奏五卷再加恩廣取三卷該八卷並准中式。Nguồn: Cục văn thư và lưu trữ nhà nước (2010), *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, Tập 1, Sdd, tr. 504.

34. Theo Tiến sĩ Phan Thúc Trục trong cuốn *Quốc sử di biên* cho ta biết thêm 5 quyển được trúng cách ban đầu là Hà Tông Quyền, Trần Lê Hiệu, Nguyễn Ý, Lê Tông Quang, Phan Hữu Tính, và 3 quyển được gia ân trúng cách là Đinh Văn Phác, Vũ Bá Khuê, Phan Bá Đạt.

35. Tên thật là Hà Tông Quyền, nhưng vì kỵ húy của vua Thiệu Trị nên bỏ lượt tên đi.

36. Quốc sử di biên chép là Phan Trần Hiệu.

37. Tên thật là Lê Tông Quang, nhưng vì kỵ húy của vua Thiệu Trị nên bỏ lượt đi, ngoài ra sách *Quốc sử di biên* chép là Lê Tông Ngoại.

38. Quốc sử di biên chép là Vũ Bá Khuê.

39. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 197.

40. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 208.

41. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 206.

42. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 206.

lại vào mùa tháng xuân, tháng 3, năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) rằng: “*Trước đây thi Hội [1822], kỳ thi đệ tam có Giám sinh tên là Đặng Tế Mỹ đã tự ý mang văn tự vào trường. Sự việc không may bị phát giác, Võ sĩ trông coi đã phát hiện ra và bắt Giám sinh Đặng Tế Mỹ. Kết quả, Tế Mỹ bị đóng gông một tháng, khi hết hạn một tháng thì đánh 100 trượng và bị xóa tên Giám sinh. Võ sĩ phát hiện ra sự việc được thưởng 3 lạng bạc*”⁴³.

Đối với quan trường, trong công tác chấm thi kỳ thi đệ tam, có sự việc quan trường đã bắt cần đề nhằm quyền thi, được đề cập tại bản Tấu ngày 8 tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) của Quan trường thi Hội về việc xử phạt quan lại để nhằm quyền thi, tấu rằng: “*Kỳ thi đệ tam trường viên Giám đẳng lục Nguyễn Thăng và Thư lại Bùi Ngọc Thành ban đêm soạn phong quyển thi thất thố có giao làm 1 quyển chữ mực. Xin phạt Nguyễn Thăng 1 tháng bổng, Lại điển Bùi Ngọc Thành đánh 20 roi. Còn quyển giao làm xin do hội đồng xét tuyển. Vua châu phê: Giao trường quan theo công phép mà làm, chờ xong việc thì sẽ có dụ chỉ sau*”⁴⁴. Tiếp đến, là sự việc của quan trường là cha có con trai đi thi đã được nhắc đến tại bản Tấu ngày 28 tháng 3 năm Minh Mạng thứ 3 (1822) của Quan khâm sai trường thi Hội với nội dung về việc bắt phạt quan viên tội có con đi thi mà không hồi ty⁴⁵, tấu rằng: “*Thư lại ty Thanh Lại bộ Hộ là Nguyễn Thừa Tín nguyên sung Đẳng lục, có con là Hương cống Nguyễn Thừa Giảng vào thi mà không xin hồi ty. Chúng thần đã bắt Nguyễn Thừa Tín giao cho viên Tuần sát ngoài trường giam giữ. Vua châu phê: Nguyễn Thừa Tín giao bộ Lại xét tâu, còn chức vụ huyện khuyết bộ Bộ lập tức chọn người khác tâu lên đưa vào trường làm việc*”⁴⁶. Như vậy, quan Thư lại ty Thanh Lại bộ Hộ là Nguyễn Thừa Tín dù biết có con trai đi thi nhưng không hồi ty, đã vi phạm nội quy của khoa thi Hội này.

Khoa thi Hội này vì một số lý do khách quan nên nên có một số thí sinh ở miền Bắc và miền Nam không thể đến được dự thi: “*Bấy giờ hương cống thành Gia Định vì bị*

43. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr. 490.

44. Nguyên văn: 欽差會試場奏：第三場期監謄錄阮儼書吏裴玉於撰封卷時夜間誤送一墨卷請擬處阮儼罰俸壹月吏典裴玉笞二十存誤送之卷請另會同評閱，硃批：著場官秉公辦理待事竣另降諭旨。Nguồn: Cục văn thư và lưu trữ nhà nước (2010), *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, Tập 1, Sdd, tr. 503.

45. Hồi ty (迴避): nghĩa là tránh đi. Đây là biện pháp nhằm ngăn chặn đồng lõa làm điều sai phạm của các quan thông qua một mối liên hệ nào đó. Nếu vi phạm điều khoản bắt buộc phải hồi ty không xin hồi ty thì khi phát giác, sẽ bị tội, nặng nhẹ tùy trường hợp mà có biện pháp xử phạt khác nhau. Có thể kể vài hồi ty điển hình sau đây:

- Quan lại không được làm quan tại nơi nguyên quán. Nếu được bổ nhiệm về nguyên quán, phải xin hồi ty.
- Giám khảo không được chấm thi ở trường thi có bà con thân thích đi thi. Nếu được bổ nhiệm làm giám khảo ở trường thi thì có bà con thân thích đi thi, phải xin hồi ty.
- Người địa phương không được làm việc tại địa phương.
- Tại các tỉnh hay các Bộ, nếu có các ấn quan (quan lớn) quê quán cùng huyện (ba người trở lên) cùng làm việc một chỗ, thì phải xin hồi ty.
- Cha con, anh em, bà con không được cùng làm việc tại một Nha môn hay tại một địa phương.

46. Nguyên văn: 欽差會試場臣等奏：戶部清司書吏阮承信原充謄錄伊名有子阮承講為鄉貢經入場中應試而伊名不能先事聲明迴避致臣等拿交阮承信與外場巡察員監守，硃批：阮承信著交吏部議奏缺出一名著戶部即選一名明奏送入場辦事。Nguồn: Cục văn thư và lưu trữ nhà nước (2010), *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, Tập 1, Sdd, tr. 500 - 501.

gió trái hướng, không kịp đến thi và bọn Nguyễn Chu ở Bắc Thành cáo vắng mặt”⁴⁷.

3. Dựng bia tiến sĩ vinh danh sĩ tử đỗ đạt

Dựng bia tiến sĩ không chỉ nhằm vinh danh các vị tiến sĩ đỗ đạt, mà còn là hành động của triều đình nhà Nguyễn thể hiện sự tôn vinh đối với Nho học, hệ tư tưởng chính thống của triều đại, đồng thời khuyến khích việc học hành, thi cử, củng cố vị thế của triều đình và thể hiện sự trọng dụng nhân tài. Sau đây là nội dung của văn bia tiến sĩ khoa thi Hội đầu tiên (1822).

皇朝明命貳年壬午會試科進士題名碑
賜第二甲進士出身壹名
阮懿舉人山南鎮常信府青池縣雲羅社人年庚丙辰貳拾柒歲
賜第三甲同進士出身柒名
黎琬舉人山南鎮常信府上福縣平望村人年庚壬戌貳拾壹歲
潘有性舉人乂安鎮濱州府瓊瑤縣完厚社人年庚甲午肆拾玖歲
何權舉人會元山南鎮德和府青威縣葛洞社年庚戊午貳拾五歲
武德奎舉人海陽鎮平江府唐安縣玉堂社人年庚癸丑叁拾歲
潘伯達舉人乂安鎮德壽府羅山縣越安下社人年庚癸卯肆拾歲
陳黎微舉人清省紹化府東山縣甫里社人年庚乙巳叁拾捌歲
岢
明命拾貳年叁月吉日追刻



Bia tiến sĩ Khoa Nhâm Ngọ (1822).

47. Phan Thúc Trục (2009), *Quốc sử di biên*, Sdd, tr. 187.

Dịch nghĩa:

Văn bia đề danh tiến sĩ khoa thi Hội năm Nhâm Ngọ niên hiệu Minh Mạng thứ 3 (1822)

Ban Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, 1 người:

Nguyễn Ý, Cử nhân⁴⁸, người xã Vân La, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam, sinh năm Bính Thìn, đỗ năm 27 tuổi.

Ban Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, 7 người:

Lê [Tông] Quang, Cử nhân, người thôn Bình Vọng, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam, sinh năm Nhâm tuất, thi đỗ năm 21 tuổi.

Phan Hữu Tính, Cử nhân, người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An, sinh năm Giáp Ngọ, thi đỗ năm 49 tuổi.

Hà [Tông] Quyền, Cử nhân. Đỗ đầu thi Hội (Hội nguyên), người xã Cát Động, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hoà, trấn Sơn Nam, sinh năm Mậu Ngọ, thi đỗ năm 25 tuổi.

Vũ Đức Khuê, Cử nhân, người xã Ngọc Đường, huyện Đường An, phủ Bình Giang, trấn Hải Dương, sinh năm Quý Sửu, thi đỗ năm 30 tuổi.

Phan Bá Đạt, Cử nhân, người xã Việt Yên Hạ, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, trấn Nghệ An, sinh năm Quý Mão, thi đỗ năm 40 tuổi.

Trần Lê Hiệu, Cử nhân, người xã Phủ Lý, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá, sinh năm Ất Ty, thi đỗ năm 38 tuổi.

Bia truy khắc vào ngày lành tháng 3 niên hiệu Minh Mạng thứ 12 (1831)⁴⁹.

Triều Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng Việt Nam, tồn tại trong 143 năm (1802 - 1945) đã kế thừa và phát triển những tinh hoa giáo dục, khoa cử của các triều đại xưa. Để xây dựng, quản lý nhà nước, các vua nhà Nguyễn rất đề cao, coi trọng trong công tác tuyển chọn, bổ dụng nhân tài mà khoa cử chính là con đường chính thống diễn ra rất công bằng, minh bạch và khách quan. Dưới triều đại vua Gia Long, mặc dù công tác chuẩn bị cho khoa thi Hội đã có quy định, song vì một số lý do cho nên đến đời vua Minh Mạng (1822) mới tổ chức lần đầu tiên. Mặc dù có nhiều vấn đề sai phạm, bất cập trong quá trình diễn ra thi cử, nhưng khoa thi Hội đầu tiên này, là một khâu quan trọng và đánh dấu bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển giáo dục, khoa cử, giúp triều đình tuyển chọn được tiến sĩ có kiến thức sâu rộng, phẩm chất tốt để bổ dụng vào bộ máy hành chính nhà nước đồng thời việc tổ chức thành công khoa thi Hội giúp triều đình nhà Nguyễn khẳng định sự uy tín, sự quan tâm giáo dục, trọng dụng nhân tài. ■

48. Các tiến sĩ đỗ khoa thi này, trước đó mang học vị là Hương cống, tuy nhiên vào năm 1828 vua Minh Mạng đã cho đổi học vị Hương cống thành Cử nhân. Vì bia tiến sĩ được lập vào năm 1831 cho nên đã cho đổi học vị này.

49. Nội dung thông tin đề danh của tiến sĩ Đinh Văn Phác đã bị xoá tên tại bia tiến sĩ, vì cháu nội ông là tiến sĩ Đinh Văn Cháp không chấp nhận việc chủ hoà của triều đình Nguyễn và đã đứng lên kháng chiến chống Pháp, mặc dù đã có chiếu bãi binh của vua Đồng Khánh, vì tội liên đới, nên Đinh Văn Phác bị đục tên ra khỏi bia tiến sĩ. Tôi căn cứ vào dữ liệu tại *Quốc triều Hương khoa lục* của tiến sĩ Cao Xuân Dục chép để biết rõ về thông tin học vị, quê quán như sau: Đinh Văn Phác, Cử nhân, người xã Kim Khê, huyện Châu Lộc (nay là tỉnh Nghệ An).

PHỦ TÙNG THIỆN VƯƠNG: *Dấu ấn văn hóa quý tộc* TRONG DÒNG CHẢY ĐÔ THỊ DI SẢN HUẾ

■ TRẦN VĂN DŨNG*

1. Lời dẫn

Huế - đô thị di sản đặc trưng của Việt Nam không chỉ được định hình bởi quần thể di tích thành quách, cung điện, đền đài, miếu mạo, lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn, mà còn bởi hệ thống phủ đệ của các hoàng tử, công chúa phân bố dọc hai bờ sông Hương, An Cựu, Như Ý... Những phủ đệ ấy hình thành nên một không gian vệ tinh bao quanh Kinh thành Huế, góp phần tạo dựng diện mạo đặc thù của đô thị di sản này: Vừa mang tính chính trị - hành chính, vừa thấm đượm dấu ấn văn hóa quý tộc. Trong số đó, phủ Tùng Thiện Vương là một trong những phủ đệ tiêu biểu, gắn liền với tên tuổi ông hoàng Miên Thẩm - một nhân vật kiệt xuất trong giới quý tộc triều Nguyễn và là một trong những thi nhân lớn của văn học Việt Nam thế kỷ XIX.



Toàn cảnh phủ Tùng Thiện Vương

Nghiên cứu về phủ Tùng Thiện Vương không chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu một công trình kiến trúc cụ thể, mà còn là quá trình khám phá một không gian văn hóa - lịch sử đặc sắc, nơi hội tụ tinh thần nghệ thuật, tư tưởng thẩm mỹ và nề nếp gia phong của tầng lớp quý tộc triều Nguyễn. Từ góc nhìn đô thị di sản, phủ đệ này phản ánh mối quan hệ

* TS. Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch thành phố Huế.

hữu cơ giữa kiến trúc - con người - cảnh quan, đồng thời minh chứng cho quá trình hòa nhập và lan tỏa của các giá trị văn hóa cung đình trong dòng chảy phát triển của đô thị Huế. Bài viết hướng đến việc nhận diện giá trị của phủ Tùng Thiện Vương như một biểu tượng văn hóa quý tộc tiêu biểu, góp phần khẳng định bản sắc độc đáo của đô thị di sản Huế - nơi quá khứ, hiện tại và tương lai gặp gỡ, giao hòa trong một không gian văn hóa sống động và bền vững.

2. Phủ đệ triều Nguyễn trong cấu trúc đô thị di sản Huế

Huế dưới triều Nguyễn (1802 - 1945) không chỉ là trung tâm chính trị, hành chính của chế độ quân chủ cuối cùng ở Việt Nam, mà còn là một đô thị đặc thù, nơi kết tinh và lan tỏa tinh thần văn hóa cung đình vào không gian đô thị và đời sống dân gian. Từ đầu thế kỷ XIX, khi vua Gia Long chọn Phú Xuân làm kinh đô, rồi vua Minh Mạng tiếp tục hoàn thiện quy hoạch tổng thể, diện mạo đô thị Huế đã được định hình theo mô thức “đô thị hai tầng” - một mô hình hiếm thấy trong lịch sử đô thị Việt Nam.

Tầng trung tâm là Kinh thành Huế, nơi tập trung các thiết chế chính trị, hành chính, nghi lễ và biểu tượng quyền lực tối thượng của triều đại. Đây là không gian được quy hoạch theo nguyên tắc phong thủy, đối xứng nghiêm ngặt, mang tính biểu tượng cao. Bao quanh trung tâm quyền lực đó là vành đai cư trú - văn hóa, trải dài từ những địa danh Kim Long, Phủ Cam, Vĩ Dạ đến Gia Hội, Chợ Dinh - nơi sinh sống của hoàng thân quốc thích, quý tộc, quan lại cùng các tầng lớp dân cư gắn bó với triều đình. Sự phân tầng ấy tạo nên một diện mạo đô thị vừa mang tính cung đình khép kín, vừa mở rộng trong đời sống xã hội, gắn bó hài hòa với sông Hương, núi Ngự và cảnh quan thiên nhiên hiền hòa của mảnh đất Thần kinh.

Trong cấu trúc đặc thù đó, phủ đệ của các hoàng tử, công chúa giữ vai trò vô cùng quan trọng. Chúng không chỉ là không gian cư trú sang trọng của giới quý tộc, mà còn là những “địa chỉ văn hóa” mang chức năng gìn giữ và lan tỏa nếp sống, tính cách “mệ” và tinh thần cung đình. Có thể nói, nếu Kinh thành Huế là trung tâm của quyền lực, thì các phủ đệ là “vệ tinh văn hóa”, nơi văn hóa cung đình được chuyển hóa và thích nghi với đời sống dân gian, tạo nên bản sắc riêng của đô thị Huế.

Về mặt kiến trúc, phủ đệ là sự giao thoa tinh tế giữa mô thức cung đình và kiểu nhà vườn truyền thống xứ Huế. Cấu trúc của một phủ đệ thường bao gồm bốn phủ, cổng ngõ, la thành, bình phong, sân, nhà chính, nhà phụ, vườn cây... được bố cục cân bằng đối xứng, mô phỏng phần nào trật tự của cung đình, nhưng thu nhỏ và mềm mại hơn, thích ứng với quy mô diện tích và điều kiện cảnh quan tự nhiên. Các yếu tố “nhà trong vườn - vườn trong nhà” phản ánh triết lý sống hòa hợp với thiên nhiên, đề cao sự thanh nhàn, yên tĩnh, đồng thời vẫn giữ được sự uy nghi và lễ nghi của bậc vương tôn có danh phận và địa vị cao quý. Không gian kiến trúc ấy không chỉ thể hiện thẩm mỹ và vị thế xã hội của chủ nhân, mà còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, học thuật, giáo dục, gia phong, sáng tác văn chương, âm nhạc, ẩm thực, hội họa... Chính vì vậy, mỗi phủ đệ có thể xem như một không gian văn hóa nghệ thuật, trong đó ẩn chứa triết lý nhân sinh, quan niệm nghệ thuật và giá trị đạo đức của dòng tộc Nguyễn Phúc [Phước].

Từ góc nhìn đô thị học, hệ thống phủ đệ chính là những di sản sống động góp phần cấu thành bản đồ không gian Huế thế xưa và nay. Các phủ đệ phân bố chủ yếu ở bốn khu vực: Kim Long, nơi từng là thủ phủ thời chúa Nguyễn, sau vẫn là vùng cư trú của nhiều hoàng tử, công chúa; Phủ Cam, không gian ven sông Lợi Nông (còn gọi là An

Cự), nơi các phủ đệ hòa vào cảnh sắc thơ mộng; Gia Hội - Chợ Dinh, vừa là trung tâm thương mại vừa là vùng văn hóa sôi động, nơi sinh sống của nhiều vương công, quan lại đại thân và thương nhân giàu có.

Chính sự hiện diện dày đặc của các phủ đệ đã làm nên bản sắc đô thị kép của Huế: Vừa là trung tâm quyền lực của triều đình, vừa là đô thị văn hóa - nghệ thuật, nơi văn hóa quý tộc lan tỏa sâu rộng trong đời sống dân gian. Từ đó có thể hình dung nên khái niệm “văn hóa phủ đệ” - một hợp phần cấu thành bản sắc đô thị di sản Huế. Văn hóa phủ đệ không chỉ gắn với những giá trị vật thể, mà còn bao gồm cả hệ thống giá trị phi vật thể, biểu hiện qua ba tầng không gian: Không gian văn hóa vật thể bao gồm kiến trúc, cảnh quan, quy hoạch, nghệ thuật bài trí, kỹ thuật xây dựng, vật liệu và thủ pháp trang trí mang phong vị cung đình; Không gian phi vật thể biểu hiện qua lối sống, chuẩn mực ứng xử, giáo dục đạo đức, quan hệ tôn ti và cách thức duy trì gia phong trong từng phủ đệ; Không gian sáng tạo là nơi sản sinh và nuôi dưỡng các giá trị văn chương, thi ca, hội họa, âm nhạc, ẩm thực; đồng thời là môi trường giao lưu của giới trí thức, văn nhân thi sĩ nổi danh đương thời.

Văn hóa phủ đệ phản ánh sự lan tỏa của tinh thần quý tộc vào đời sống dân gian, tạo nên một tầng văn hóa trung gian giữa cung đình và dân gian. Trong giới hoàng thân quốc thích, quý tộc, nhiều vị hoàng tử, công chúa không chỉ là người kế thừa huyết thống hoàng tộc triều Nguyễn, mà còn là những trí thức, thi nhân, nghệ sĩ tài hoa. Chính họ đã góp phần truyền bá và bảo tồn tinh thần thẩm mỹ, đạo lý và phong hóa của cung đình Huế, khiến Huế trở thành một “đô thị văn hiến” nơi quyền lực chính trị và giá trị nghệ thuật cùng song hành.

Ngày nay, loại hình kiến trúc phủ đệ chỉ còn tồn tại duy nhất ở Việt Nam, được xem là di sản văn hóa sống động và đã thực sự trở thành nét đặc trưng riêng có trong quỹ kiến trúc đô thị di sản Huế. Phủ đệ còn là nơi giao thoa giữa văn hóa cung đình và văn hóa dân gian, từ đó góp phần hình thành nên tính cách con người xứ Huế, pha lẫn tính cách lịch lãm và đài các của mảnh đất này. Đây chính là cơ sở giúp Huế duy trì được bản sắc văn hóa riêng, khác biệt với các đô thị cùng thời ở Việt Nam. Cho dù diện mạo phủ đệ hiện đã có nhiều biến đổi trong quá trình đô thị hóa, nhưng vẫn còn đó những phủ đệ mang nhiều giá trị về lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật độc đáo cần được nghiên cứu, bảo tồn và phát huy.

Trong bối cảnh đó, phủ Tùng Thiện Vương hiện lên như một trường hợp điển hình cho giá trị văn hóa quý tộc triều Nguyễn trong cấu trúc đô thị di sản Huế. Phủ tọa lạc tại vùng Phủ Cam, vốn là nơi cư trú của nhiều vương công, quan lại đại thân nhà Nguyễn. Nơi đây không chỉ là nơi ăn, chốn ở của tầng lớp hoàng thân quốc thích, mà còn là không gian văn hóa sống động, nơi những cuộc tao đàn, giao lưu văn chương và nghệ thuật diễn ra thường xuyên. Chủ nhân của phủ Tùng Thiện Vương là ông hoàng Miên Thẩm - một trong những đại thi nhân của thế kỷ XIX, người đã góp phần định hình “văn hóa quý tộc” đặc trưng của Kinh đô Huế.

Phủ Tùng Thiện Vương, vì thế, không chỉ có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, văn hóa lịch sử, mà còn là biểu tượng cho một “nền nếp gia phong phủ đệ” tiêu biểu - nơi kết hợp hài hòa giữa quyền quý và nghệ thuật, giữa tinh thần cung đình và đời sống dân gian. Từ góc nhìn đô thị di sản, ngôi phủ đệ này chính là một hạt nhân văn hóa trong tổng thể cấu trúc đô thị di sản Huế, minh chứng cho mối quan hệ mật thiết giữa kiến

trúc, con người và văn hóa - yếu tố quan trọng tạo nên sức sống bền vững của đô thị di sản hôm nay.

3. Phủ Tùng Thiện Vương: Từ không gian cư trú đến biểu tượng văn hóa quý tộc

Tùng Thiện Vương Miên Thắm (1819 - 1870) có tự Thận Minh, Trọng Uyên, hiệu Thương Sơn, biệt hiệu Bạch Hào Tử. Ông sinh ngày 24 tháng 10 năm Kỷ Mão (tức ngày 11/12/1819), là hoàng tử thứ mười của vua Minh Mạng với đức tử Thục tần Nguyễn Khắc Thị Bảo - một người phụ nữ nổi tiếng về học vấn, quê ở Gia Định.

Ngay từ khi chào đời, ông đã được ông nội là vua Gia Long đặc biệt yêu quý và đặt tên là “Nghịen” (sau đọc trại thành “Ngọn” để tránh kỵ húy), mang nghĩa là sắc mặt trời mới mọc¹, đó là hình ảnh tượng trưng cho sự khởi đầu rực rỡ và đầy kỳ vọng. Vua Gia Long không chỉ đặt tên mà còn ban thưởng ngay 10 lạng vàng, như một cách thể hiện niềm tin và sự ưu ái dành cho cháu nội nhỏ tuổi. Đến năm 1832, khi triều đình ban Đế hệ thi để đặt tên cho các hoàng thân, vua Minh Mạng đã đổi tên ông thành Miên Thắm với ý nghĩa xét đoán minh mẫn, thấu suốt. Cái tên mới không chỉ mang giá trị biểu tượng mà còn gửi gắm kỳ vọng lớn lao về một vị hoàng tử có phẩm hạnh, trí tuệ và tư cách mẫu mực trong hoàng tộc.

Từ thuở thiếu thời, Miên Thắm đã bộc lộ tư chất thông minh, mẫn tiệp và một tinh thần ham học hiếm có. Năm lên bảy, ông được đưa vào học tại Dưỡng Chính đường - nơi chuyên đào tạo các hoàng tử, dưới sự chỉ dẫn nghiêm cẩn của quan đại thần Thân Văn Quyền. Đặc biệt, khi mới tám tuổi, ông đã có cơ hội theo hầu vua Minh Mạng dự lễ tế Giao và sáng tác một thi phẩm được nhà vua cùng triều thần hết lời khen ngợi. Tác phẩm ấy chính là minh chứng rõ nét cho tài năng sớm nở và triển vọng rực rỡ của một bậc thi nhân tương lai. Vốn yêu thiên nhiên, đam mê thi ca và luôn tìm tòi học hỏi, Miên Thắm lớn lên trong môi trường đậm đặc tinh thần Nho học và văn hóa cung đình. Ông sớm hình thành phong cách sáng tác riêng, hòa quyện giữa nét phóng khoáng của thi nhân và sự chuẩn mực trong tư tưởng của một người hoàng tộc.

Đến năm 1835, khi cùng vua Minh Mạng lên núi Ngự Bình, ông đã làm một bài thơ vịnh cảnh, trong đó có nhiều câu thơ được vua hết lời khen ngợi. Đó là thời điểm mà dấu ấn văn chương của ông bắt đầu in đậm trong đời sống cung đình. Năm 1839, ông được phong tước Tùng Quốc công và cho mở phủ đệ tại phường Liêm Năng, phía đông khu Lục Bộ trong Kinh thành Huế. Sau đó, vào năm 1842, sau khi hộ giá vua Thiệu Trị ra Bắc trở về, ông xin dời phủ đến làng Dương Phẩm, bên bờ bắc sông Lợi Nông (nay là sông An Cựu) - một vùng đất yên tĩnh, thích hợp với nếp sống thanh nhàn và thi ca mà ông hằng yêu chuộng. Đỉnh cao của đời sống văn hóa và tinh thần của Miên Thắm có thể kể đến năm 1849, khi ông lập nên Ký Thuởng Viên - một khu vườn văn chương nơi các tao nhân mặc khách đất kinh kỳ lui tới xướng họa. Cũng tại đây, ông sáng lập Tùng Vân thi xã, sau đổi thành Mặc Vân thi xã, quy tụ hàng loạt văn nhân tên tuổi trong vùng. Thi xã trở thành trung tâm văn học có ảnh hưởng sâu rộng ở đất Thần kinh, góp phần nâng cao vị thế của Huế trong bản đồ văn hóa nước nhà. Cùng năm đó, ông lập thêm Tiêu Viên - một khu nhà dành riêng để rước mẹ và ba cô em gái là Nguyệt Đình, Mai Am, và Huệ Phố về chăm sóc, phụng dưỡng. Đây không chỉ là một hành động hiếu

1. Ứng Trinh, Bửu Dưỡng (1970), *Tùng Thiện Vương: Tiểu sử và thi văn (1819 - 1870)*, Huế - Sài Gòn, tr. 38.

đạo, mà còn là biểu hiện của một đời sống văn hóa mẫu mực, nơi thi ca, đạo lý và gia đình hòa quyện với nhau, tạo nên một không gian sống đầy ý nghĩa.

Mất mát lớn xảy đến vào năm 1851 khi thân mẫu ông qua đời. Với lòng hiếu thảo, Miên Thắm đã rời phủ đệ, dựng lều tranh bên cạnh phần mộ để cư tang trọn ba năm, như một cách tận hiếu chí thành với đấng sinh thành. Sau thời gian mãn tang, ông trở về Tiêu Viên, cải tạo lại và đổi tên thành Thục Đường, lấy đó làm nơi thờ tự mẹ. Đồng thời, ông cũng chuyển đổi Ký Thường Viên thành một giảng đường văn hóa - nơi ông trực tiếp truyền dạy chữ nghĩa, đạo lý và nếp sống thanh cao cho thế hệ hậu sinh. Những hành động ấy không chỉ là biểu hiện của một tấm lòng hiếu hạnh sâu sắc, mà còn cho thấy lý tưởng sống gắn bó mật thiết giữa học thuật và nhân sinh, giữa đạo lý gia đình và tinh thần khai trí cộng đồng của một vị hoàng thân tài hoa, luôn đặt nghĩa tình và văn hóa dân tộc làm cốt lõi trong hành trình cuộc đời mình.

Năm 1854, ông được vua Tự Đức gia phong tước hiệu Tùng Thiện Công², đặt theo tên huyện Tùng Thiện thuộc phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây xưa (nay là thành phố Hà Nội). Đến năm 1858, ông mua 12 mẫu ruộng tại làng Dương Xuân³ để canh tác và xây dựng Phương Thôn thảo đường - một nếp nhà ẩn dật giữa thiên nhiên. Tuy là một hoàng thân, ông lại chọn cho mình lối sống gần gũi với đất đai, ruộng vườn, điều không nhiều người trong hàng vương thất có thể làm được. Tâm hồn thi sĩ và tư tưởng thoát tục của ông ngày càng được thể hiện rõ qua cách sống này. Tuy nhiên, cuộc đời ông không tránh khỏi những thăng trầm. Năm 1865, trong bối cảnh chính trị triều đình đang nhiều biến động, Miên Thắm được vua Tự Đức giao giữ chức Tả Tôn Nhân ở Phủ Tôn Nhơn. Năm sau, một biến cố nghiêm trọng xảy ra: con rể của ông là Đoàn Hữu Trưng tổ chức âm mưu lật đổ vua Tự Đức trong sự kiện nổi tiếng gọi là “giặc chày vôi”. Dù trước đó, Hữu Trưng đã lấy cớ vợ cư xử trái lễ với mẹ chồng mà trả về để tránh liên lụy cho nhà vợ, nhưng đức ông Miên Thắm vẫn trối con gái cùng cháu ngoại, dâng sớ lên vua xin chịu tội. Vua Tự Đức không kết tội, chỉ nói: “Ông vốn có học, được yêu quý đã lâu, há có lòng nào, nhưng chọn rể không tinh, nên bị kém thành giá, xử phạt bổng 8 năm”⁴. Trong khoảng thời gian đó, Miên Thắm lui về ngôi cỏ tự Từ Lâm ở làng Dương Xuân⁵, sống cuộc đời thanh đạm, lánh xa thế sự. Vợ con ông phải tự tay canh tác, mang sản vật ra chợ bán để duy trì cuộc sống. Dầu cuộc sống thiếu thốn, ông vẫn giữ cốt cách thanh cao. Đó là khoảng thời gian khó khăn nhưng cũng là lúc ông trau dồi thêm tâm hồn thi sĩ, nuôi dưỡng tư tưởng nhân văn, hướng về sự yên tĩnh của nội tâm. Vài năm sau, vua Tự Đức triệu đức ông Tùng Thiện vào triều, buộc ông nhận lại chức Tả Tôn Nhơn như trước. Vì lòng trung quân ái quốc và nỗi ưu tư trước vận mệnh của hoàng tộc, ông đành tuân mệnh, dù trong lòng vẫn mong muốn được ẩn dật nơi thôn dã.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 7, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 301.

3. Làng Dương Xuân 陽春 thuộc tổng Phú Xuân, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên (nay thuộc phường Hương An, thành phố Huế).

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam liệt truyện*, tập 3, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 120-121.

5. Làng Dương Xuân 楊春 thuộc tổng Cư Chánh, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên (nay thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế).



Toàn cảnh phủ thờ Túng Thiện Vương

Ngày 30 tháng 3 năm Canh Ngọ (tức ngày 30/4/1870), ông qua đời, hưởng thọ 51 tuổi. Vua Tự Đức nghe tin, vô cùng thương tiếc, ban chiếu nghỉ chầu ba ngày để tưởng niệm, ban cho quan tài, gấm lụa, ngân tiền, thân chế văn tế và sai Tuy Lý Vương đến tế tang. Sau đó, ông được ban thụy là Văn Nhã và đến năm 1878 được truy phong làm Túng Thiện Quận vương. Mãi đến năm 1936, dưới thời vua Bảo Đại, ông mới chính thức được truy phong tước vị cao quý: Túng Thiện Vương - một sự ghi nhận xứng đáng đối với tài năng và nhân cách vẹn toàn của ông.

Sự nghiệp văn chương của Túng Thiện Vương Miên Thẩm là một di sản quý báu, được người đời xưng tụng là “Thi Bá” và đã để lại dấu ấn sâu đậm trong kho tàng văn hóa dân tộc. Ông sáng tác trên nhiều lĩnh vực, với tổng cộng 14 bộ sách lớn, trải dài từ văn học, triết học đến lịch sử, âm nhạc. Nổi bật nhất là *Thương Sơn thi tập* - bộ thơ đồ sộ được in năm 1872, gồm 54 quyển chia thành 8 tập, tập hợp hơn 2.200 bài thơ⁶, phản ánh trọn vẹn thế giới nội tâm phong phú và tầm nhìn uyên bác của ông. Bên cạnh đó, ông còn để lại nhiều tác phẩm có giá trị khác như: “Thương Sơn từ tập”, “Thương Sơn thi thoại”, “Thương Sơn văn di”, “Nạp bị văn tập”, “Độc ngã thư sao”, “Lão sinh thường đàm”, “Tĩnh y ký”, “Tĩnh kỳ tập”, “Học giá chí”, “Thức cốc biên”, “Nam cầm phổ”, “Lịch đại thi nhân tiêu sử”, “Thi kinh diễn nghĩa ca”... Đặc biệt, tập “Cổ duệ từ” của ông là một trong số rất ít những tập từ hiện còn trong văn học Việt Nam, cho thấy tài năng và sự tinh tế của ông trong việc tiếp biến và phát triển những thể loại văn chương cổ điển. Không chỉ là nhà thơ, ông còn là người hiệu đính, nhuận sắc cho thơ văn của vua Minh Mạng, Tự Đức cùng nhiều thành viên hoàng tộc. Với vai trò này, ông góp phần quan trọng vào việc duy trì, phát triển dòng văn chương hoàng tộc triều Nguyễn. Trong đời sống văn học, ông được xếp vào nhóm “Trường An tứ kiệt” gồm

6. Lương An (1994), *Thơ Túng Thiện Vương Miên Thẩm*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 11.

Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, Tuy Lý Vương Miên Trinh, Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát. Danh tiếng của ông được khẳng định qua hai câu thơ nổi tiếng, tương truyền là của vua Tự Đức:

“Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán;

Thi đáo Tùng, Tuy bất Thịnh Đường.”

Câu thơ này đã trở thành lời đánh giá súc tích nhưng đầy trân trọng, thể hiện sự ngưỡng mộ sâu sắc đối với tài năng văn chương xuất chúng của ông - một trong những thi nhân tài hoa bậc nhất triều Nguyễn. Suốt cuộc đời, ông đã sống trọn vẹn với đạo lý, văn hóa và thi ca, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng hậu thế.

Phủ Tùng Thiện Vương hiện tọa lạc tại số 91 đường Phan Đình Phùng, phường Thuận Hóa, thành phố Huế. Bước qua hệ thống cổng tam và vòng tường thành rêu phong, người ta như đi vào một không gian mang dấu ấn hoàng gia, nơi lưu giữ sự tôn kính và hoài niệm về đức ông Tùng Thiện Vương Miên Thẩm. Ngay sau bức bình phong án ngữ phía trước là hai tòa nhà thờ được xây dựng theo lối kiến trúc nhà rường truyền thống, tạo nên vẻ uy nghi và trang trọng cho toàn bộ khu vực phủ thờ. Đây đồng thời là nơi lưu giữ nhiều cổ vật có giá trị, phản ánh cuộc đời, sự nghiệp và di sản văn chương của đức ông.

4. Phủ Tùng Thiện Vương trong dòng chảy đô thị di sản Huế hiện nay

Trải qua hơn một thế kỷ rưỡi, phủ Tùng Thiện Vương từng là một trong những phủ đệ tiêu biểu của hoàng tộc triều Nguyễn đã đi qua nhiều biến thiên cùng lịch sử đô thị Huế. Từ một không gian quyền quý gắn liền với tên tuổi thi nhân, vương gia Miên Thẩm, phủ đã trải qua quá trình biến đổi mạnh mẽ về kiến trúc, cảnh quan và công năng sử dụng. Những thay đổi này phản ánh phần nào sự vận động của Huế từ một đô thị cung đình sang một đô thị di sản, nơi quá khứ và hiện tại đan xen trong đời sống xã hội đương đại.

Sau khi triều Nguyễn cáo chung (1945), hệ thống phủ đệ của các ông hoàng, bà chúa nói chung và phủ Tùng Thiện Vương nói riêng dần mất đi chức năng, vị thế nguyên gốc. Sự sụp đổ của cơ cấu quyền lực nhà nước quân chủ, chiến tranh kéo dài cùng những tác động của thiên tai và thời gian đã khiến nhiều phủ đệ bị hư hại hoặc biến dạng. Trong giai đoạn giữa thế kỷ XX, không ít công trình kiến trúc thuộc phủ đệ bị tàn phá, một phần diện tích bị thu hẹp hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng. Phủ Tùng Thiện Vương cũng không tránh khỏi quy luật đó: Nhiều hạng mục gốc bị mất, cảnh quan vườn thu hẹp, chỉ còn lại một số kiến trúc chính như bến phủ, cổng, la thành, bình phong, nhà chính, nhà phụ được con cháu hậu duệ bảo tồn bằng nỗ lực tự thân.

Từ góc độ đô thị học, sự biến đổi của phủ Tùng Thiện Vương là một quá trình tất yếu, phản ánh quá trình dân gian hóa trong không gian quý tộc, khi các vùng cư trú mang dấu ấn hoàng tộc như Kim Long, Phủ Cam, Vĩ Dạ, Gia Hội - Chợ Dinh dần hòa nhập vào đời sống dân gian. Tuy mất đi dáng vẻ trọn vẹn của một phủ đệ vương gia vang bóng một thời, nhưng phủ Tùng Thiện Vương vẫn giữ được hồn cốt di sản, thể hiện qua cấu trúc không gian, hệ thống thờ tự và ký ức văn hóa gắn với những nhân vật lịch sử. Chính điều đó khiến ngôi phủ đệ này trở thành một “địa chỉ ký ức”, nơi người dân Huế và du khách có thể hình dung về phong cách sống, tư tưởng thẩm mỹ và tinh thần nhân văn của giới quý tộc triều triều Nguyễn.



Nội thất phủ thờ Tùng Thiện Vương

Hiện nay, phủ Tùng Thiện Vương vẫn luôn được hậu duệ dòng tộc gìn giữ và chăm lo hương khói với sự thành kính và cẩn trọng, với nỗ lực gìn giữ nguyên trạng những yếu tố còn lại. Dù diện tích thu hẹp và một số hạng mục công trình bị xuống cấp nhưng phủ vẫn là một biểu tượng văn hóa đặc trưng, gợi nhắc về “Huế thuở vàng son” - thành phố của những vườn phủ, chất “mệ”, nếp sống thanh lịch, và phong vị thi ca. Phủ Tùng Thiện Vương không chỉ có giá trị kiến trúc, mà còn mang giá trị biểu tượng, bởi nơi đây từng là trung tâm sinh hoạt văn hóa, học thuật và thi ca của nhóm Mặc Vân thi xã - nơi tập hợp nhiều thi nhân nổi tiếng do Tùng Thiện Vương sáng lập, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần Kinh đô Huế dưới thế kỷ XIX.

Trong dòng chảy đô thị Huế hôm nay, phủ Tùng Thiện Vương được xem như một ký ức đô thị sống động, minh chứng cho giai đoạn vàng son của văn hóa quý tộc triều Nguyễn. Sự tồn tại của phủ dù đã bị thu hẹp, biến đổi theo thời gian nhưng vẫn góp phần quan trọng duy trì dấu ấn hoàng tộc triều Nguyễn, giúp người dân và du khách hiểu hơn về không gian văn hóa quý tộc đã làm nên bản sắc Huế. Phủ Tùng Thiện Vương là nơi có thể đọc được những câu chuyện về văn chương, nghệ thuật, gia phong và triết lý nhân sinh của người xưa qua từng hiện vật như hoành phi, câu đối, mộc bản, văn bản Hán Nôm, sách vở còn lưu lại.

Tuy nhiên, phủ Tùng Thiện Vương và nhiều phủ đệ khác đang đối diện với những thách thức nghiêm trọng trong công tác bảo tồn. Một mặt, các giá trị vật thể như cấu kiện gỗ, các đồ tự khí đang bị xuống cấp do thời gian, biến đổi khí hậu và thiếu kinh phí trùng tu. Mặt khác, giá trị phi vật thể gồm ký ức gia tộc, nề nếp gia phong, văn hóa ẩm thực đang dần mai một vì khoảng cách thế hệ và thiếu cơ chế bảo vệ và phát huy. Việc đô thị hóa nhanh chóng ở khu vực Phủ Cam cũng làm gia tăng áp lực cho phủ Tùng Thiện Vương: Không gian cảnh quan, vườn phủ bị biến đổi do xây dựng nhà cao tầng, quy hoạch giao thông, sự yên tĩnh vốn có bị tác động bởi nhịp sống hiện đại. Một

vấn đề khác là sự thiếu liên kết giữa di sản và cộng đồng. Nhiều phủ đệ vẫn là tài sản tư nhân của hậu duệ, nên việc tiếp cận, bảo tồn và khai thác phục vụ phát triển du lịch còn hạn chế. Trong khi đó, các chính sách quản lý, trùng tu di sản của địa phương vẫn thiên về các di tích Đại Nội, đền đài, lăng tẩm... đã được UNESCO ghi danh là di sản thế giới, chưa có cơ chế kết nối mạng lưới phủ đệ - một thành tố không thể thiếu trong cấu trúc văn hóa - lịch sử của đô thị di sản Huế.

Để bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ Tùng Thiện Vương một cách bền vững, cần có chiến lược tổng thể và linh hoạt, kết hợp giữa bảo tồn văn hóa vật thể, phục hồi giá trị văn hóa phi vật thể và gắn kết với cộng đồng. Một số giải pháp khả thi có thể thực hiện được bao gồm:

Thứ nhất, bảo tồn gắn với khai thác du lịch, giáo dục di sản. Phủ Tùng Thiện Vương có thể được phục hồi, trưng bày và giới thiệu như một “bảo tàng sống” về văn hóa quý tộc triều Nguyễn. Những hoạt động trải nghiệm như bình thơ, ngâm thơ Mặc Vân thi xã, trình diễn tuồng, Ca Huế, giới thiệu nghệ thuật ẩm thực, thư pháp, trà đạo hay tổ chức những trò chơi cung đình như đồ xăm hường, thả thơ, đầu hồ... có thể tái hiện tinh thần văn hóa nghệ thuật của phủ trong đời sống xã hội đương đại.

Thứ hai, xây dựng không gian trưng bày chuyên đề về “Văn chương Mặc Vân thi xã” - nơi giới thiệu thân thế, sự nghiệp, tư tưởng và tác phẩm của đức ông Tùng Thiện Vương cùng các thành viên tao đàn. Không gian này có thể kết hợp tư liệu văn bản, hình ảnh, nghệ thuật thị giác và công nghệ số để tạo nên hình thức truyền đạt sinh động, vừa phục vụ nghiên cứu, vừa thu hút công chúng trẻ tham quan thưởng thức.

Thứ ba, lồng ghép kiến trúc phủ đệ vào quy hoạch đô thị di sản Huế nhằm bảo tồn loại hình di sản độc đáo này trong môi trường đương đại. Theo đó, phủ Tùng Thiện Vương không chỉ là một điểm tham quan, mà còn là không gian cộng đồng, nơi cư dân địa phương có thể cùng tham gia vào các hoạt động văn hóa, giáo dục, sinh kế gắn với di sản. Việc phát huy giá trị ngôi phủ đệ này theo mô hình “di sản cộng sinh” sẽ giúp duy trì sức sống của di sản, đồng thời tạo ra nguồn lực kinh tế - xã hội thiết thực cho người quản lý phủ đệ và người dân sở tại.

Cuối cùng, xây dựng mạng lưới bảo tồn và phát huy giá trị phủ đệ xứ Huế, trong đó phủ Tùng Thiện Vương đóng vai trò là điểm nhấn. Phủ Tùng Thiện Vương có thể kết nối các phủ đệ tiêu biểu khác như Kiên Thái Vương, An Hóa Quận vương, Phụng Hóa Công (nay là cung An Định), Mỹ Hóa Công, Kiến Hòa Quận công, Ngọc Lâm Công chúa,... tọa lạc ở hai bên bờ sông An Cựu để tạo thành tuyến tham quan nghiên cứu, trải nghiệm. Khi được liên kết và giới thiệu đồng bộ, hệ thống di sản phủ đệ này sẽ góp phần tái hiện bức tranh toàn cảnh về văn hóa quý tộc triều Nguyễn, qua đó mở rộng nhận thức về đô thị di sản Huế và vai trò của phủ đệ trong lịch sử hình thành, phát triển đô thị Huế.

5. Kết luận

Trong dòng chảy lịch sử của đô thị Huế, phủ Tùng Thiện Vương hiện lên như một minh chứng tiêu biểu cho giá trị văn hóa quý tộc triều Nguyễn - tầng lớp đã góp phần định hình nên bản sắc tinh tế, trang nhã và uyên bác của vùng đất Kinh kỳ. Không chỉ là một công trình kiến trúc mang đậm dấu ấn cung đình, phủ đệ này còn là một không gian văn hóa đặc sắc, nơi hội tụ và lan tỏa các giá trị văn học - nghệ thuật cung đình ra đời sống dân gian, qua đó góp phần tạo nên nền tảng văn hóa đô thị di sản Huế.

Ngày nay, trong bối cảnh thành phố Huế đang chuyển mình theo hướng hiện đại, hệ thống phủ đệ của các hoàng tử, công chúa triều Nguyễn nói chung và phủ Tùng Thiện Vương nói riêng đang đối mặt với nhiều thách thức trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị. Việc nhận diện rõ vị trí và ý nghĩa của phủ Tùng Thiện Vương không chỉ giúp bảo tồn một loại hình di sản kiến trúc - văn hóa quý báu, mà còn góp phần duy trì ký ức văn hóa đô thị, nơi quá khứ tiếp tục song hành cùng hiện tại trong dòng chảy phát triển của Huế.

Hơn cả một công trình kiến trúc, phủ Tùng Thiện Vương là một không gian văn hóa - lịch sử độc đáo, phản ánh sinh động tư tưởng thẩm mỹ và phong cách sống của tầng lớp quý tộc triều Nguyễn. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của ngôi phủ đệ này không chỉ mang ý nghĩa gìn giữ một di sản cụ thể, mà còn là sự tiếp nối dòng chảy văn hóa quý tộc trong cấu trúc đô thị đương đại. Chính điều đó góp phần làm cho Huế mãi mãi là một đô thị di sản sống động, nơi những giá trị truyền thống được tỏa sáng trong đời sống xã hội đương thời, tạo nên bản sắc riêng và sức sống bền vững của thành phố bên dòng sông Hương thơ mộng. ■

*Một mai em về bên kia sông
Thềm cũ vườn xưa thiếu bóng hồng
Trăng buồn vời vợi bên hiên vắng
Mưa bão giăng sầu với gió đông.*

*Một mai em ngồi bên thềm sông
Nhớ đến ngày xưa chưa lấy chồng
Tình nghịch hẳn nhiên thời con gái
Chẳng buồn thương nhớ chẳng ngóng trông.*

*Một mai mưa buồn sâu đêm đông
Gối chiếc đèn khuya xốn xang lòng
Nhớ đến người xưa buồn muốn khóc
Mong ước tan rồi thôi nhớ mong.*

*Một mai mây về trời bão giông
Thuyền cũ lênh đênh trôi giữa dòng
Sóng vô thuyền tình ai tan nát
Em có buồn không, em nhớ không?*

THẢO ANH

Thuyền tình



TỪ “5C” ĐẾN “6C”: BƯỚC CHUYỂN QUAN TRỌNG TRONG TƯ DUY BẢO VỆ DI SẢN THẾ GIỚI

■ NHẬT MINH

Việc Ủy ban Di sản thế giới thông qua Tuyên bố Busan tại Kỳ họp lần thứ 48, tổ chức ở Hàn Quốc từ ngày 19 đến 29/7/2026, có ý nghĩa vượt ra ngoài khuôn khổ một tuyên bố hội nghị. Điểm đáng chú ý nhất là việc bổ sung Collaboration - Hợp tác vào năm mục tiêu chiến lược đã được xác lập trước đó, hình thành cách tiếp cận “6C” trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới. Đây không đơn thuần là thêm một chữ cái vào hệ thống thuật ngữ của UNESCO, mà phản ánh sự điều chỉnh cần thiết trong tư duy quản trị di sản trước những thách thức ngày càng mang tính xuyên biên giới, liên ngành và toàn cầu.

Nền tảng của “6C” được hình thành từ bốn mục tiêu chiến lược nêu trong Tuyên bố Budapest năm 2002: Credibility - Tính tin cậy, nhằm củng cố uy tín, tính đại diện và sự cân bằng của Danh mục Di sản thế giới; Conservation - Bảo tồn, bảo đảm gìn giữ hiệu quả Giá trị nổi bật toàn cầu; Capacity-building - Xây dựng năng lực, nâng cao năng lực chuyên môn, quản trị và thực thi Công ước; Communication - Truyền thông, tăng cường nhận thức, sự tham gia và ủng hộ của xã hội đối với di sản.

Năm 2007, Ủy ban Di sản thế giới bổ sung Communities - Cộng đồng, khẳng định vai trò thiết yếu của cộng đồng bản địa, cộng đồng truyền thống và cư dân địa phương. Sự bổ sung này đánh dấu bước chuyển quan trọng: di sản không còn chỉ là một đối tượng vật chất do Nhà nước và giới chuyên môn quản lý, mà trước hết là một bộ phận của môi trường sống, ký ức và bản sắc cộng đồng. Người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng hay lực lượng hỗ trợ, mà phải trở thành chủ thể tham gia nhận diện, bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị di sản.

Nhìn tổng thể, “5C” đã tạo nên một cấu trúc tương đối toàn diện, bao quát tính chính danh của hệ thống, hiệu quả bảo tồn, năng lực con người và thiết chế, nhận thức xã hội cùng sự tham gia của cộng đồng. Tuy nhiên, thực tiễn hơn hai thập niên qua cho thấy từng mục tiêu, dù đúng đắn, vẫn khó đạt được nếu triển khai riêng rẽ trong phạm vi từng quốc gia, từng ngành hoặc từng khu di sản. Chính giới hạn đó đặt ra yêu cầu về một phương thức kết nối mới.

Tuyên bố Busan bổ sung Collaboration - Hợp tác trong bối cảnh di sản thế giới đang đồng thời chịu tác động của xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, thiên tai, suy giảm đa dạng sinh học, đô thị hóa, du lịch quá mức và chuyển đổi công nghệ, trong đó có trí tuệ nhân tạo. Những thách thức này không dừng lại ở ranh giới hành chính hay biên giới quốc gia. Biến đổi khí hậu tại một lưu vực sông có thể tác động đến di sản của nhiều nước; cháy rừng, bão lũ, nước biển dâng và sa mạc hóa có thể làm biến đổi cả cảnh quan văn hóa lẫn hệ sinh thái tự nhiên. Xung đột vũ trang không chỉ phá hủy công trình mà còn làm đứt gãy ký ức cộng đồng, tri thức truyền thống và sự tiếp nối văn hóa. Công nghệ số mở ra cơ hội lớn cho lưu trữ, nghiên cứu và diễn giải di sản, nhưng đồng thời đặt ra những vấn đề mới về quyền sở hữu dữ liệu, tính xác thực, đạo đức số và nguy cơ xuyên tạc lịch sử.

Những biến động của thế kỷ XXI đã bộc lộ rõ giới hạn của cách tiếp cận bảo tồn truyền thống. Thành cổ Aleppo ở Syria bị hư hại nặng nề sau nhiều năm giao tranh; nhiều khu vực của thành phố cổ Mosul ở Iraq gần như bị san phẳng; các công trình tôn giáo và lịch sử tại Kyiv, Odesa cùng nhiều địa điểm văn hóa ở Ukraine liên tục đứng trước nguy cơ bị phá hủy. Những mất mát ấy không chỉ là sự sụp đổ của kiến trúc, mà còn là sự đứt gãy ký ức lịch sử, bản sắc văn hóa và đời sống cộng đồng được bồi đắp qua nhiều thế kỷ.

Biến đổi khí hậu cũng đang trở thành một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với di sản thế giới. Nước biển dâng và xói lở đe dọa Venice; Rạn san hô Great Barrier liên tục bị tẩy trắng do nhiệt độ đại dương gia tăng; nhiều sông băng tại Bắc Mỹ và châu Âu đang tan chảy nhanh chóng; cháy rừng quy mô lớn ở Australia, Canada và vùng Địa Trung Hải nhiều lần uy hiếp các khu dự trữ sinh quyển, di sản thiên nhiên. Ngay cả những công trình bằng đá tường như bền vững cũng đang chịu tác động của thời tiết cực đoan, mưa axit và những biến đổi của môi trường tự nhiên.

Cùng với đó, áp lực phát triển đô thị và du lịch đại chúng đang làm suy giảm Giá trị nổi bật toàn cầu của nhiều di sản. Venice nhiều năm đối mặt với tình trạng quá tải khách du lịch; Machu Picchu từng phải giới hạn lượng khách tham quan; nhiều thành phố lịch sử buộc phải điều chỉnh quy hoạch để cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn. Những thách thức này vượt quá khả năng giải quyết của một ngành hay một quốc gia đơn lẻ, đòi hỏi sự phối hợp giữa chính quyền, tổ chức quốc tế, giới khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương.

Trong bối cảnh đó, việc bổ sung Collaboration không chỉ mang ý nghĩa biểu tượng, mà là sự thừa nhận rằng bảo vệ di sản thế giới phải trở thành trách nhiệm chung của cộng đồng quốc tế. Một di sản bị chiến tranh tàn phá, một hệ sinh thái bị biến đổi khí hậu làm suy thoái hay một thành phố lịch sử bị phát triển thiếu kiểm soát đều là tổn thất không chỉ của quốc gia sở hữu, mà của toàn nhân loại.

“Collaboration” vì thế có thể được xem là chất kết nối năm mục tiêu còn lại. Tính tin cậy của Danh mục Di sản thế giới cần hợp tác để giảm mất cân đối giữa các khu vực. Bảo tồn cần sự tham gia của nhiều ngành khoa học. Xây dựng năng lực cần mạng lưới trao đổi chuyên gia và chuyển giao công nghệ. Truyền thông cần sự phối hợp giữa cơ quan quản lý, báo chí, giáo dục và nền tảng số. Vai trò cộng đồng chỉ thực chất khi có cơ chế phối hợp bình đẳng giữa chính quyền, chuyên gia, doanh nghiệp và người dân. Nếu “5C” chủ yếu xác định những việc cần làm, thì “C” thứ sáu nhấn mạnh cách thức phải làm: cùng nhau hành động.

Một ý nghĩa sâu sắc khác của “6C” là sự điều chỉnh trọng tâm từ cạnh tranh ghi danh sang hợp tác bảo vệ di sản. Tại không ít quốc gia, việc có thêm một di sản được UNESCO ghi danh thường được coi là thành tích nổi bật, góp phần thu hút du lịch và nâng cao hình ảnh quốc gia. Điều đó có mặt tích cực, nhưng cũng dễ dẫn đến tâm lý chạy theo số lượng hồ sơ, đầu tư mạnh cho đề cử nhưng chưa tương xứng cho quản lý sau ghi danh.

Tinh thần Busan gợi mở rằng uy tín của một quốc gia trong lĩnh vực di sản không chỉ được đo bằng số lượng danh hiệu, mà còn bằng khả năng chia sẻ tri thức, hỗ trợ các quốc gia có năng lực hạn chế, tham gia ứng phó khẩn cấp, bảo vệ di sản xuyên biên giới và cùng xây dựng chuẩn mực quản trị tiến bộ. Đó là sự chuyển dịch từ “sở hữu danh

hiệu” sang “chia sẻ trách nhiệm”, từ việc coi di sản là nguồn lực riêng của mỗi quốc gia sang nhận thức rằng Giá trị nổi bật toàn cầu là tài sản chung của nhân loại.

Tuy nhiên, cần nhìn nhận tỉnh táo rằng tuyên bố Busan trước hết mang ý nghĩa định hướng chính trị và chuyên môn. Để “6C” trở thành khuôn khổ vận hành lâu dài, nội dung hợp tác phải được cụ thể hóa trong các quyết định của Ủy ban, Hướng dẫn thực hiện Công ước, cơ chế tài chính, chương trình xây dựng năng lực và hệ thống báo cáo định kỳ. Nếu thiếu tiêu chí đánh giá, nguồn lực và trách nhiệm cụ thể, “Collaboration” vẫn có nguy cơ chỉ dừng lại ở một lời kêu gọi mang tính biểu tượng.

Đối với Việt Nam, ba định hướng được đề xuất tại Kỳ họp lần thứ 48 gồm tăng cường hợp tác quốc tế và xây dựng năng lực, nhất là đối với các nước đang phát triển; thúc đẩy bảo tồn dựa trên cơ sở khoa học, đặt cộng đồng địa phương ở vị trí trung tâm; tăng cường phối hợp giữa các công ước, chương trình và ứng dụng có trách nhiệm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo. Đây là những định hướng tương đồng với tinh thần “6C”. Vấn đề là phải chuyển chúng thành cơ chế hành động cụ thể.

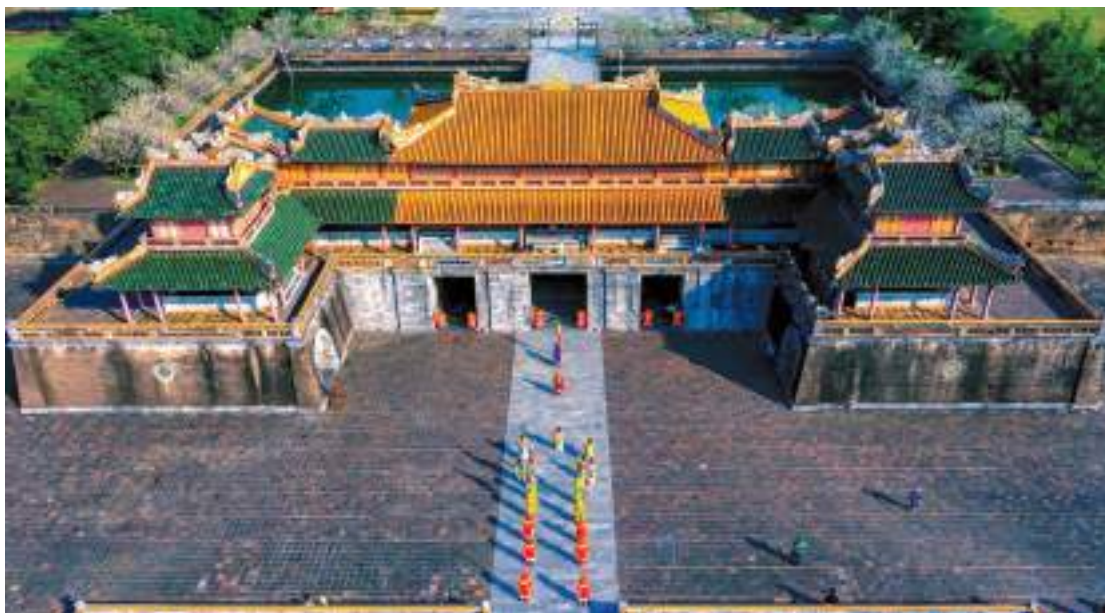
Trước hết, cần khắc phục tình trạng quản lý di sản phân tán theo địa giới và theo ngành. Nhiều di sản văn hóa, thiên nhiên của Việt Nam có không gian ảnh hưởng rộng, gắn đồng thời với văn hóa, xây dựng, môi trường, du lịch, nông nghiệp và sinh kế cộng đồng. Nếu mỗi ngành chỉ thực hiện phần việc của mình thì khó bảo đảm tính toàn vẹn và phát huy đầy đủ giá trị di sản. Hợp tác liên ngành vì thế phải trở thành nguyên tắc xuyên suốt trong quản trị di sản.

Cùng với đó là yêu cầu nâng tầm hợp tác giữa các địa phương có chung không gian văn hóa, lịch sử hoặc sinh thái. Việc bảo tồn di sản liên tỉnh, các tuyến giao thương cổ, lưu vực sông, vùng cảnh quan hay hệ thống di tích có mối liên hệ lịch sử không thể được thực hiện bằng những kế hoạch rời rạc. Chỉ khi vượt qua giới hạn hành chính để xây dựng cơ chế phối hợp ổn định, di sản mới thực sự trở thành nền tảng liên kết vùng và động lực phát triển bền vững.

Ở bình diện quốc tế, hợp tác không nên chỉ dừng lại ở xây dựng hồ sơ đề cử. Việt Nam cần chủ động tham gia các mạng lưới nghiên cứu, đào tạo, cảnh báo rủi ro, cứu hộ di sản, chuyển đổi số và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời chia sẻ kinh nghiệm với các quốc gia khác. Cũng cần hoàn thiện cơ chế hợp tác với cộng đồng và doanh nghiệp. Hợp tác không đồng nghĩa với thương mại hóa di sản hoặc chuyển trách nhiệm bảo tồn cho khu vực tư nhân. Mọi sự tham gia phải đặt dưới nguyên tắc bảo vệ Giá trị nổi bật toàn cầu, bảo đảm lợi ích chính đáng của cộng đồng, giữ gìn tính xác thực và toàn vẹn của di sản.

Đối với Huế, địa phương sở hữu hệ thống di sản phong phú và gắn chặt với đời sống đương đại, tinh thần “6C” càng có ý nghĩa thực tiễn. Quần thể Di tích Cố đô Huế từng chịu tổn thất nặng nề trong chiến tranh, đặc biệt năm 1968, khi nhiều cung điện, điện miếu và công thành bị phá hủy; sau đó tiếp tục chịu tác động của bão lũ miền Trung, trong đó có các trận lũ lịch sử năm 1999 và năm 2025. Những kinh nghiệm ấy cho thấy bảo tồn di sản không chỉ là trùng tu kiến trúc, mà còn phải gắn với quản trị rủi ro, thích ứng biến đổi khí hậu và hợp tác quốc tế trong phục hồi, bảo vệ di sản.

Bảo tồn Quần thể Di tích Cố đô Huế vì thế không thể chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quản lý di tích. Đó phải là quá trình phối hợp giữa quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, bảo vệ cảnh quan, gìn giữ môi trường sông Hương, phát triển du lịch, giáo dục di sản, công nghiệp văn hóa và cộng đồng cư dân trong vùng di sản. Chỉ khi các lĩnh vực này



Ảnh: Lê Đình Hoàng

được kết nối trong một tầm nhìn thống nhất, di sản mới thực sự trở thành nguồn lực cho phát triển.

Huế cũng cần đẩy mạnh hợp tác liên vùng với Đà Nẵng, Quảng Trị và các địa phương miền Trung trong bảo tồn cảnh quan, gìn giữ các tuyến văn hóa – lịch sử, phát triển di sản liên tỉnh và du lịch bền vững. Thực tiễn hợp tác bảo tồn Hải Vân Quan cho thấy khi vượt qua ranh giới hành chính, di sản không chỉ được bảo vệ hiệu quả hơn mà còn trở thành động lực kết nối vùng.

Ở tầm quốc tế, Huế cần từng bước chuyển từ vị thế một địa phương tiếp nhận hỗ trợ sang một trung tâm có khả năng chia sẻ kinh nghiệm về bảo tồn đô thị lịch sử, thích ứng thiên tai, tu bổ kiến trúc gỗ, phục hồi cảnh quan, số hóa tư liệu và phát huy di sản gắn với công nghiệp văn hóa. Quan trọng hơn, tinh thần hợp tác phải được hiện thực hóa ngay trong hệ sinh thái di sản Huế: giữa cơ quan quản lý với giới khoa học; giữa chính quyền với cộng đồng; giữa bảo tồn và sáng tạo; giữa báo chí, giáo dục và du lịch; giữa khu vực công với doanh nghiệp có trách nhiệm.

Việc chuyển từ “5C” sang “6C” cho thấy UNESCO đang tiếp cận di sản như một hệ sinh thái sống, chịu tác động của nhiều yếu tố và chỉ có thể được bảo vệ bằng trách nhiệm chung. Tuy nhiên, hợp tác không tự thân tạo nên hiệu quả. Một cơ chế hợp tác thực chất phải xác định rõ chủ thể, quyền hạn, trách nhiệm, nguồn lực, phương thức chia sẻ dữ liệu và cơ chế phân bổ lợi ích; đồng thời dựa trên khoa học, minh bạch, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và bảo đảm tiếng nói bình đẳng của cộng đồng.

Giá trị lớn nhất của Tuyên bố Busan vì thế không nằm ở việc bổ sung thêm một chữ “C”, mà ở thông điệp mang tính thời đại: trong một thế giới đầy biến động, không một di sản nào có thể được bảo vệ một cách đơn độc. Di sản thuộc về mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng, nhưng đồng thời cũng là ký ức chung của nhân loại. Bảo vệ di sản không chỉ là trách nhiệm của một địa phương hay một thế hệ, mà phải trở thành cam kết hợp tác lâu dài giữa các quốc gia, các ngành, các cộng đồng và các thế hệ, để những giá trị được trao truyền từ quá khứ tiếp tục được gìn giữ, phát huy và lan tỏa trong tương lai. ■

QUẢN TRỊ DI SẢN NGHỀ GỐM PHƯỚC TÍCH

TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI: TỪ BẢO TỒN ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA

■ Bài và ảnh: ĐỖ THỊ KIM LOAN - NAM GIAO

Làng cổ Phước Tích (phường Phong Dinh, thành phố Huế) là một trong số ít ngôi làng ở miền Trung còn bảo tồn tương đối nguyên vẹn không gian cư trú truyền thống cùng nghề gốm có lịch sử hơn năm thế kỷ. Nghề gốm Phước Tích không chỉ tạo ra các sản phẩm phục vụ đời sống mà còn lưu giữ hệ thống tri thức dân gian, kỹ năng chế tác, tập quán xã hội và bản sắc văn hóa của cộng đồng cư dân làng nghề. Tuy nhiên, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, kinh tế thị trường và sự thay đổi nhu cầu tiêu dùng, nghề gốm đang đứng trước nhiều thách thức như thiếu lực lượng kế cận, quy mô sản xuất nhỏ, sức cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế và nguy cơ mai một các tri thức nghề truyền thống.

Trong bối cảnh Chuyển đổi số và Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đang được triển khai, việc nghiên cứu nghề gốm Phước Tích cần được tiếp cận từ góc độ quản trị di sản, coi di sản không chỉ là đối tượng cần bảo tồn mà còn là nguồn lực cho phát triển. Trên cơ sở khảo cứu tư liệu và khảo sát thực địa, bài viết làm rõ giá trị của nghề gốm Phước Tích, đánh giá thực trạng quản trị, bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề; đồng thời đề xuất các định hướng gắn với công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo nhằm phát huy giá trị nghề gốm trong bối cảnh đương đại.

1. Nghề gốm Phước Tích trong tiến trình lịch sử và hệ giá trị di sản

Lịch sử hình thành và phát triển nghề gốm Phước Tích gắn liền với quá trình khai phá vùng đất Thuận Hóa sau khi hai châu Ô và Lý được sáp nhập vào Đại Việt đầu thế kỷ XIV. Đến nửa sau thế kỷ XV, cùng với chính sách mở rộng lãnh thổ và tổ chức các đợt di dân dưới thời vua Lê Thánh Tông, nhiều lưu dân từ vùng Nghệ An, Thanh Hóa đã vào khai khẩn vùng đất mới, từng bước hình thành hệ thống làng xã ổn định ở phía nam Đại Việt. Theo gia phả các dòng họ khai canh và nhiều nguồn tư liệu lịch sử, làng Phước Tích được thành lập vào khoảng những năm 1470 - 1471 bởi ngài Hoàng Minh Hùng cùng các lưu dân đến từ làng Cẩm Quyết (Nghệ An). Trải qua quá trình phát triển, tên làng nhiều lần thay đổi từ Cẩm Quyết, Phước Giang, Hoàng Giang và đến đầu triều vua Gia Long chính thức mang tên Phước Tích, được sử dụng cho đến ngày nay.

Ngay từ khi hình thành, cư dân Phước Tích đã lựa chọn phát triển nghề gốm như một nghề sinh kế chủ đạo. Quyết định này xuất phát từ những điều kiện tự nhiên thuận lợi của địa phương. Khu vực làng nằm bên dòng Ô Lâu, nơi có nguồn đất sét chất lượng tốt, phù hợp với kỹ thuật chế tác gốm thủ công; đồng thời hệ thống giao thông đường thủy kết nối với phá Tam Giang, sông Hương và các tuyến giao thương Bắc - Nam tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu cũng như tiêu thụ sản phẩm. Chính sự kết hợp hài hòa giữa điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và kinh nghiệm sản xuất của cộng đồng cư dân đã tạo tiền đề để nghề gốm Phước Tích phát triển liên tục trong nhiều thế kỷ.



Lò gốm truyền thống ở làng Phước Tích

Trong ký ức cộng đồng, sự ra đời của nghề gốm còn gắn với truyền thuyết về ông Đôộc - người được xem là đã truyền dạy kỹ thuật chế tác gốm cho cư dân địa phương. Dù mang màu sắc huyền thoại, câu chuyện này phản ánh nhận thức của cộng đồng về nguồn gốc nghề nghiệp, đồng thời thể hiện truyền thống tôn vinh người khai sáng nghề, coi nghề gốm không chỉ là phương thức mưu sinh mà còn là một giá trị văn hóa được truyền nối qua nhiều thế hệ. Tên gọi dân gian “Kẻ Đôộc” tồn tại cho đến ngày nay chính là dấu ấn của lớp văn hóa ấy, góp phần tạo nên bản sắc riêng của làng nghề Phước Tích.

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, cùng với sự phát triển của đô thị Phú Xuân - Huế, nghề gốm Phước Tích bước vào giai đoạn hưng thịnh. Sản phẩm của làng không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của cư dân vùng Thuận Hóa mà còn được trao đổi, buôn bán đến nhiều địa phương ở miền Trung. Các mặt hàng chủ yếu gồm nồi, niêu, om, chõ, lu, vại, bình đựng nước, chum, hũ, ngói và gạch phục vụ đời sống dân gian cũng như hoạt động xây dựng. Đặc biệt, một số nghệ nhân có tay nghề cao còn được tuyển vào các đội thợ của triều Nguyễn để tham gia sản xuất vật liệu và chế tác phục vụ xây dựng kinh thành, cung điện, lăng tẩm. Điều đó cho thấy nghề gốm Phước Tích không chỉ có ý nghĩa đối với kinh tế địa phương mà còn góp phần vào quá trình kiến tạo diện mạo văn hóa của kinh đô Huế.

Không giống nhiều trung tâm gốm nổi tiếng khác ở Việt Nam phát triển mạnh theo hướng gốm mỹ nghệ hoặc gốm tráng men, gốm Phước Tích chủ yếu là gốm mộc không tráng men, được nung bằng kỹ thuật truyền thống trong các lò đốt củi. Chính phương pháp nung đặc biệt này tạo nên màu nâu đỏ đặc trưng, bề mặt mịn, độ bền cao và khả năng giữ nhiệt tốt của sản phẩm. Mỗi sản phẩm đều mang những sắc độ và dấu ấn riêng

do chịu tác động trực tiếp của nhiệt độ lò nung, đặc điểm nguyên liệu và kỹ năng xử lý của nghệ nhân. Điều này làm cho gốm Phước Tích vừa có giá trị sử dụng vừa mang tính độc bản, phản ánh trình độ kỹ thuật và cảm quan thẩm mỹ của người thợ thủ công.

Dưới góc độ di sản văn hóa, giá trị của nghề gốm Phước Tích không chỉ nằm ở sản phẩm hữu hình mà còn được thể hiện thông qua hệ thống tri thức dân gian được tích lũy trong quá trình thực hành nghề. Từ kinh nghiệm nhận biết chất lượng đất sét, phối trộn nguyên liệu, tạo hình, phơi gốm, điều chỉnh nhiệt độ lò nung đến các tập quán tổ chức lao động, nghi lễ nghề nghiệp và hệ thống thuật ngữ chuyên môn đều là kết quả của quá trình sáng tạo và tích lũy tri thức qua nhiều thế hệ. Đây là những thành tố quan trọng cấu thành di sản văn hóa phi vật thể, phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong quá trình hình thành làng nghề.

Một giá trị nổi bật khác của nghề gốm Phước Tích là mối quan hệ hữu cơ giữa làng nghề và không gian văn hóa truyền thống. Khác với nhiều làng nghề hiện nay chỉ còn lưu giữ kỹ thuật sản xuất, Phước Tích vẫn bảo tồn tương đối nguyên vẹn hệ thống nhà rường cổ, đình làng, miếu thờ, nhà thờ họ, bến nước, cây cổ thụ, hồ sen và mạng lưới đường làng truyền thống. Không gian cư trú ấy không chỉ là nơi diễn ra hoạt động sản xuất mà còn là môi trường nuôi dưỡng các giá trị văn hóa của nghề gốm. Chính sự gắn kết giữa không gian di sản và di sản nghề thủ công đã tạo nên tính toàn vẹn và tính xác thực của làng cổ Phước Tích, góp phần quan trọng để ngôi làng được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 2009 và nghề gốm được công nhận là làng nghề truyền thống năm 2014.

Bên cạnh các giá trị lịch sử và văn hóa, nghề gốm Phước Tích còn mang giá trị khoa học và kinh tế đáng kể. Các kỹ thuật chế tác truyền thống là nguồn tư liệu quan trọng phục vụ nghiên cứu lịch sử công nghệ, dân tộc học, khảo cổ học, mỹ thuật ứng dụng và văn hóa làng xã Việt Nam. Đồng thời, trong điều kiện phát triển kinh tế hiện nay, nghề gốm còn có khả năng tạo ra các sản phẩm văn hóa, sản phẩm lưu niệm, dịch vụ trải nghiệm và các hoạt động giáo dục di sản, góp phần đa dạng hóa sinh kế của cộng đồng địa phương.

Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển công nghiệp văn hóa, nghề gốm Phước Tích cần được nhìn nhận không chỉ như một nghề thủ công truyền thống mà còn là nguồn tài nguyên văn hóa có khả năng tạo ra giá trị gia tăng thông qua sáng tạo thiết kế, du lịch trải nghiệm, giáo dục di sản và các sản phẩm văn hóa mang bản sắc Huế. Giá trị của nghề gốm vì vậy không chỉ được đo bằng số lượng sản phẩm được tạo ra, mà còn ở khả năng chuyển hóa các giá trị lịch sử, tri thức và bản sắc văn hóa thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đây cũng là hướng tiếp cận phù hợp với quan điểm của UNESCO về phát huy giá trị di sản sống, trong đó cộng đồng vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là chủ thể bảo tồn và hưởng lợi từ di sản.

Có thể khẳng định rằng, sau hơn năm thế kỷ tồn tại, nghề gốm Phước Tích đã vượt ra ngoài ý nghĩa của một nghề thủ công truyền thống để trở thành bộ phận quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa của Huế. Những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và kinh tế mà làng nghề tích lũy qua nhiều thế hệ không chỉ góp phần định hình bản sắc của làng cổ Phước Tích mà còn tạo cơ sở quan trọng cho việc xây dựng các mô hình quản trị di sản theo hướng phát triển bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, việc nhận diện đầy đủ hệ giá trị của nghề gốm chính là tiền đề để đề xuất các giải pháp quản trị phù hợp,

bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn bản sắc truyền thống với đổi mới sáng tạo và phát triển công nghiệp văn hóa.

2. Thực trạng quản trị, bảo tồn và phát huy giá trị nghề gốm Phước Tích hiện nay

Trong những năm gần đây, cùng với chủ trương bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước, nghề gốm Phước Tích đã nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền thông qua nhiều chương trình, dự án và chính sách hỗ trợ. Việc làng cổ Phước Tích được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 2009 và nghề gốm được công nhận là làng nghề truyền thống năm 2014 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai các hoạt động đầu tư, bảo tồn và quảng bá giá trị làng nghề. Đặc biệt, Quy hoạch bảo quản, phục hồi và phát huy giá trị di tích kiến trúc nghệ thuật làng cổ Phước Tích được phê duyệt năm 2020 đã mở ra định hướng mới trong việc gắn bảo tồn không gian làng cổ với phục hồi nghề gốm truyền thống, từng bước đưa làng nghề trở thành điểm đến trong các tuyến du lịch văn hóa của thành phố Huế.

Từ những định hướng trên, nhiều hoạt động bảo tồn đã được triển khai như phục dựng lò nung truyền thống, hỗ trợ nghệ nhân duy trì sản xuất, tổ chức trình diễn nghề tại các kỳ Festival bốn mùa và nhiều sự kiện văn hóa, du lịch khác. Một số sản phẩm gốm truyền thống được cải tiến về kiểu dáng, công năng sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và phục vụ khách du lịch. Nghề gốm cũng từng bước được đưa vào các hoạt động trải nghiệm dành cho học sinh, sinh viên và du khách, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị di sản làng nghề. Đây là những kết quả tích cực, thể hiện sự chuyển biến từ tư duy bảo tồn đơn thuần sang kết hợp giữa bảo tồn với khai thác giá trị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, nếu nhìn dưới góc độ quản trị di sản, những kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và giá trị của nghề gốm Phước Tích. Hoạt động bảo tồn hiện nay chủ yếu vẫn tập trung vào việc hỗ trợ phục hồi sản xuất và tổ chức các hoạt động quảng bá ngắn hạn, trong khi chưa hình thành được một mô hình quản trị tổng thể đối với di sản làng nghề. Việc bảo tồn chưa được tiếp cận như một quá trình quản trị liên tục, trong đó kết nối hài hòa giữa bảo vệ giá trị truyền thống, phát triển cộng đồng, đổi mới sáng tạo và mở rộng thị trường.

Một trong những thách thức lớn nhất hiện nay là nguồn nhân lực thực hành nghề ngày càng suy giảm. Theo số liệu khảo sát, làng cổ Phước Tích hiện chỉ còn khoảng 117 hộ với khoảng 320 nhân khẩu; số lao động trực tiếp làm nghề gốm chỉ còn khoảng 17 người, chủ yếu là những nghệ nhân lớn tuổi. Phần lớn thanh niên trong làng lựa chọn học tập hoặc làm việc tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp và các đô thị lớn thay vì tiếp tục theo nghề truyền thống. Điều này dẫn đến nguy cơ đứt gãy quá trình truyền dạy tri thức nghề, trong khi nhiều bí quyết kỹ thuật vẫn chủ yếu được truyền khẩu hoặc truyền nghề trực tiếp giữa các thế hệ trong gia đình.

Bên cạnh đó, quy mô sản xuất của nghề gốm vẫn mang tính hộ gia đình, phân tán và thiếu tính liên kết. Hầu hết các cơ sở sản xuất hoạt động với quy mô nhỏ, vốn đầu tư hạn chế, thiết bị còn đơn giản và phụ thuộc nhiều vào lao động thủ công. Việc đổi mới mẫu mã sản phẩm tuy đã được quan tâm nhưng chưa tạo được sự khác biệt rõ nét trên thị trường. Phần lớn sản phẩm vẫn tập trung vào các mặt hàng truyền thống hoặc quà lưu niệm có giá trị kinh tế chưa cao, chưa hình thành được các dòng sản phẩm văn hóa có khả năng cạnh tranh ở phân khúc trung và cao cấp.



Các sản phẩm gốm Phước Tích

Một hạn chế khác là chuỗi giá trị của nghề gốm chưa được hình thành đầy đủ. Hiện nay, các hoạt động khai thác nguyên liệu, sản xuất, thiết kế, xây dựng thương hiệu, phân phối và quảng bá sản phẩm vẫn diễn ra tương đối độc lập, thiếu sự liên kết giữa nghệ nhân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Điều này làm cho giá trị gia tăng của sản phẩm gốm chưa cao, khả năng mở rộng thị trường còn hạn chế và chưa khai thác hiệu quả tiềm năng của làng nghề trong phát triển kinh tế địa phương.

Đáng chú ý, trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, quản trị số đối với nghề gốm Phước Tích vẫn còn là khoảng trống. Hiện chưa có cơ sở dữ liệu số đầy đủ về lịch sử làng nghề, nghệ nhân, tri thức chế tác, quy trình sản xuất và hệ thống sản phẩm truyền thống. Hoạt động lưu trữ tư liệu vẫn chủ yếu bằng văn bản hoặc hình ảnh rời rạc, chưa xây dựng được ngân hàng dữ liệu số phục vụ công tác nghiên cứu, quản lý và quảng bá. Phần lớn sản phẩm gốm chưa được gắn mã QR để truy xuất nguồn gốc; chưa ứng dụng hiệu quả các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội hay công nghệ số trong giới thiệu sản phẩm và kết nối với khách hàng. Điều này khiến nghề gốm gặp nhiều bất lợi trong việc tiếp cận thị trường, đặc biệt là thế hệ khách hàng trẻ và thị trường quốc tế.

Từ góc độ công nghiệp văn hóa, nghề gốm Phước Tích cũng chưa phát huy hết tiềm năng vốn có. Trong khi nhiều làng nghề trên thế giới đã chuyển từ sản xuất thủ công

đơn thuần sang phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo dựa trên di sản, thì tại Phước Tích, việc khai thác giá trị văn hóa của nghề gốm vẫn chủ yếu dừng ở sản xuất sản phẩm và phục vụ tham quan du lịch. Những lĩnh vực có khả năng tạo giá trị gia tăng cao như thiết kế sáng tạo, nghệ thuật sắp đặt, giáo dục trải nghiệm, quà tặng văn hóa, thiết kế nội thất, hợp tác với các nhà thiết kế, trường mỹ thuật và doanh nghiệp sáng tạo vẫn chưa được đầu tư tương xứng. Điều đó đồng nghĩa với việc nguồn tài nguyên văn hóa quý giá của làng nghề chưa thực sự được chuyển hóa thành nguồn lực phát triển.

Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Về khách quan, sự thay đổi trong nhu cầu tiêu dùng, sự cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp giá rẻ và tác động của quá trình đô thị hóa đã làm thu hẹp thị trường của các sản phẩm gốm truyền thống. Về chủ quan, nguồn lực đầu tư cho bảo tồn còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới chưa được chú trọng; đồng thời chưa xây dựng được cơ chế khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng vào quá trình phát triển làng nghề.

Như vậy, vấn đề đặt ra đối với nghề gốm Phước Tích hiện nay không chỉ là làm thế nào để giữ được nghề, mà quan trọng hơn là làm thế nào để nghề tiếp tục phát triển trong điều kiện kinh tế - xã hội mới. Điều này đòi hỏi phải chuyển từ tư duy bảo tồn mang tính hỗ trợ sang quản trị di sản, trong đó nghề gốm được nhìn nhận như một di sản sống, có khả năng thích ứng, đổi mới và sáng tạo trên nền tảng các giá trị truyền thống. Chỉ khi xây dựng được cơ chế quản trị phù hợp, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, chuyển đổi số, phát triển công nghiệp văn hóa và sự tham gia chủ động của cộng đồng, nghề gốm Phước Tích mới có thể phát huy đầy đủ giá trị và trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững của thành phố Huế trong tương lai.

3. Định hướng quản trị di sản nghề gốm Phước Tích: Từ bảo tồn đến phát triển công nghiệp văn hóa

Trước yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và kinh tế sáng tạo, công tác quản trị nghề gốm Phước Tích cần được tiếp cận theo hướng toàn diện, vượt ra khỏi phạm vi bảo tồn nghề thủ công truyền thống để hướng tới quản trị một hệ sinh thái di sản. Trong đó, nghề gốm không chỉ được nhìn nhận như một hoạt động sản xuất mà còn là nguồn tài nguyên văn hóa có khả năng tạo ra giá trị kinh tế, xã hội và sáng tạo. Quản trị di sản vì vậy phải bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn giá trị truyền thống với đổi mới sáng tạo, giữa lợi ích của cộng đồng với yêu cầu phát triển và giữ gìn giữ bản sắc với hội nhập quốc tế.

3.1. Hoàn thiện cơ chế quản trị di sản dựa vào cộng đồng

Kinh nghiệm bảo tồn các làng nghề truyền thống trên thế giới cho thấy cộng đồng luôn giữ vai trò trung tâm trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Đối với nghề gốm Phước Tích, cộng đồng nghề nhân và cư dân làng nghề không chỉ là chủ thể lưu giữ tri thức mà còn là người trực tiếp sáng tạo và truyền nối các giá trị văn hóa. Vì vậy, việc quản trị di sản cần chuyển từ mô hình quản lý hành chính sang mô hình quản trị đa chủ thể, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, định hướng phát triển và hỗ trợ nguồn lực; cộng đồng là chủ thể bảo tồn; doanh nghiệp là đối tác phát triển thị trường; các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và tổ chức nghề nghiệp đóng vai trò tư vấn, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Trên cơ sở đó, cần xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa các cơ quan quản lý văn hóa, chính quyền địa phương, nghề nhân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội

nhằm hình thành mạng lưới quản trị làng nghề. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm kê, tư liệu hóa và đánh giá hiện trạng nghề gốm; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý; có chính sách hỗ trợ nghề nhân truyền dạy nghề, khuyến khích thế hệ trẻ tham gia thực hành và sáng tạo trên nền tảng giá trị truyền thống. Đây là điều kiện quan trọng để nghề gốm tiếp tục được lưu truyền trong đời sống cộng đồng thay vì chỉ tồn tại như một giá trị trưng bày.

3.2. *Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và phát huy giá trị nghề gốm*

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ quản lý mà còn trở thành phương thức quan trọng để mở rộng không gian tồn tại của di sản. Đối với nghề gốm Phước Tích, chuyển đổi số cần được triển khai đồng bộ từ khâu quản lý, lưu trữ tư liệu đến quảng bá, giáo dục và phát triển thị trường.

Trước hết, cần xây dựng cơ sở dữ liệu số về nghề gốm Phước Tích, bao gồm lịch sử hình thành, hệ thống di tích, nghề nhân, quy trình chế tác, sản phẩm tiêu biểu, thuật ngữ nghề nghiệp và các tư liệu hình ảnh, phim tư liệu, bản ghi âm liên quan. Đây sẽ là nền tảng phục vụ công tác nghiên cứu, quản lý nhà nước, giáo dục di sản và quảng bá hình ảnh làng nghề.

Song song với đó, cần tiến hành số hóa toàn bộ quy trình chế tác truyền thống thông qua công nghệ quay phim, chụp ảnh độ phân giải cao, quét 3D và trí tuệ nhân tạo nhằm lưu giữ đầy đủ các kỹ thuật tạo hình, nung gốm và bí quyết nghề nghiệp của các nghệ nhân cao tuổi. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về nghề gốm Phước Tích không chỉ góp phần bảo tồn tri thức nghề mà còn tạo điều kiện để công chúng trong và ngoài nước có thể tiếp cận di sản trên môi trường số.

Đối với sản phẩm, cần ứng dụng mã QR để truy xuất nguồn gốc, giới thiệu câu chuyện sản phẩm, nghề nhân chế tác và quy trình sản xuất. Đồng thời, phát triển website chuyên đề, nền tảng thương mại điện tử và các kênh truyền thông số nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt đối với nhóm khách hàng trẻ và khách du lịch quốc tế. Chuyển đổi số vì vậy không chỉ góp phần bảo tồn tri thức nghề mà còn tạo ra phương thức mới để kết nối di sản với thị trường và xã hội.

3.3. *Phát triển nghề gốm theo định hướng công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo*

Trong Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam, thủ công mỹ nghệ được xác định là một trong những ngành có nhiều tiềm năng phát triển dựa trên giá trị di sản. Đối với Phước Tích, đây là cơ hội để chuyển từ mô hình sản xuất thủ công truyền thống sang mô hình phát triển dựa trên sáng tạo và gia tăng giá trị văn hóa.

Điều quan trọng không phải là thay đổi bản chất của nghề gốm mà là chuyển hóa các giá trị truyền thống thành nguồn lực sáng tạo. Những yếu tố cốt lõi như kỹ thuật tạo hình, phương pháp nung, chất liệu đất, màu sắc tự nhiên và tri thức dân gian cần được bảo tồn nguyên vẹn; trong khi hình thức thể hiện, công năng sử dụng, thiết kế bao bì và phương thức tiếp cận thị trường có thể được đổi mới để đáp ứng nhu cầu của đời sống đương đại.

Cần tăng cường hợp tác giữa nghề nhân với các nhà thiết kế, kiến trúc sư, họa sĩ, trường đại học và doanh nghiệp sáng tạo nhằm phát triển các dòng sản phẩm mới mang bản sắc Huế nhưng phù hợp với thị trường hiện đại như quà tặng văn hóa, sản phẩm trang trí nội thất, thiết kế cảnh quan, đồ lưu niệm cao cấp, sản phẩm phục vụ du lịch và giáo dục trải nghiệm. Đồng thời, xây dựng thương hiệu Gốm Phước Tích gắn với

hệ thống nhận diện thống nhất và mở rộng liên kết với các trung tâm sáng tạo trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, cần nghiên cứu hình thành Không gian sáng tạo nghề gốm Phước Tích (Phước Tích Creative Hub) như một trung tâm kết nối giữa bảo tồn di sản, thiết kế sáng tạo, giáo dục trải nghiệm và khởi nghiệp văn hóa. Đây sẽ là nơi tổ chức các chương trình lưu trú sáng tạo (artist residency), workshop, triển lãm, giao lưu nghệ nhân và các hoạt động nghiên cứu, góp phần đưa nghề gốm trở thành một thành tố của hệ sinh thái công nghiệp văn hóa Huế.

3.4. Gắn bảo tồn nghề gốm với phát triển du lịch văn hóa bền vững

Trong bối cảnh hiện nay, nghề gốm Phước Tích cần được đặt trong tổng thể phát triển du lịch văn hóa của địa phương. Tuy nhiên, phát triển du lịch không nên chỉ dừng ở việc đưa khách đến tham quan làng nghề mà cần tạo ra những trải nghiệm có chiều sâu, giúp du khách trực tiếp tham gia vào quá trình thực hành và cảm nhận giá trị của di sản.

Theo đó, cần xây dựng các chương trình trải nghiệm như “Một ngày làm nghệ nhân gốm Phước Tích”, các lớp học ngắn hạn về tạo hình gốm, tour giáo dục di sản dành cho học sinh, sinh viên; kết hợp tham quan nhà rường, đình làng, cảnh quan sông Ô Lâu và các giá trị văn hóa khác của làng cổ. Đồng thời, tăng cường liên kết giữa Phước Tích với các điểm đến như làng cổ Phước Tích - phá Tam Giang - nhà vườn Huế - các làng nghề truyền thống để hình thành chuỗi sản phẩm du lịch đặc trưng.

Việc phát triển du lịch cần bảo đảm nguyên tắc tôn trọng không gian sống của cộng đồng, hạn chế thương mại hóa quá mức và gìn giữ tính xác thực của di sản. Chỉ khi cộng đồng thực sự được hưởng lợi từ hoạt động du lịch thì quá trình bảo tồn mới có thể diễn ra bền vững.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Con người luôn là nhân tố quyết định đối với sự tồn tại của mọi di sản văn hóa phi vật thể. Vì vậy, cùng với việc tôn vinh các nghệ nhân, cần xây dựng các chương trình truyền dạy nghề cho thanh thiếu niên địa phương; đưa nội dung tìm hiểu nghề gốm vào các hoạt động giáo dục di sản; hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp trên nền tảng các giá trị truyền thống; đồng thời có cơ chế thu hút đội ngũ thiết kế, chuyên gia marketing, chuyên gia chuyển đổi số và doanh nghiệp đồng hành với cộng đồng làng nghề.

Xa hơn, cần xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực thủ công truyền thống, trong đó nghề gốm Phước Tích giữ vai trò là trung tâm kết nối giữa di sản, giáo dục, công nghệ, thiết kế và du lịch. Đây không chỉ là giải pháp phát triển kinh tế mà còn là phương thức để di sản tiếp tục được tái tạo trong đời sống đương đại, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển bền vững.

Nghề gốm Phước Tích là một bộ phận quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa của thành phố Huế, kết tinh những giá trị lịch sử, kỹ thuật thủ công, tri thức dân gian và bản sắc văn hóa được bồi đắp qua hơn năm thế kỷ. Trong bối cảnh phát triển hiện nay, nghề gốm không chỉ đối mặt với nguy cơ mai một về lực lượng thực hành, thị trường tiêu thụ và không gian văn hóa truyền thống mà còn đứng trước yêu cầu phải thích ứng với những xu thế mới của chuyển đổi số, kinh tế sáng tạo và hội nhập quốc tế. Vì vậy,

bảo tồn nghề gốm không nên chỉ dừng lại ở việc gìn giữ các kỹ thuật chế tác hay phục hồi một số sản phẩm truyền thống, mà cần được tiếp cận từ góc độ quản trị di sản, coi cộng đồng là chủ thể, công nghệ số là phương thức hỗ trợ và công nghiệp văn hóa là động lực phát triển.

Trên cơ sở nhận diện đầy đủ hệ giá trị của nghề gốm Phước Tích, bài viết đã phân tích thực trạng quản trị, bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề; đồng thời đề xuất các định hướng nhằm hoàn thiện cơ chế quản trị dựa vào cộng đồng, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển công nghiệp văn hóa và tăng cường liên kết giữa bảo tồn di sản với du lịch bền vững. Đây không chỉ là những giải pháp dành riêng cho nghề gốm Phước Tích mà còn có thể gợi mở cách tiếp cận đối với nhiều làng nghề truyền thống khác ở Việt Nam, góp phần đưa di sản văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh phục vụ phát triển bền vững trong bối cảnh đương đại. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Sở Văn hóa Thông tin Thừa Thiên Huế (2004), *Làng di sản Phước Tích*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Huế.
2. Nguyễn Hữu Thông (1994), *Nghề và làng nghề thủ công truyền thống Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Quang Trung Tiến (1994), “Về nguồn gốc nghề gốm ở Phước Tích”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Thông & Nhóm tác giả (2011), *Từ kẻ Độc đến Phước Tích - Chân dung ngôi làng gốm cổ bên dòng Ô Lâu*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
5. UBND huyện Phong Điền (2005), *Địa chí Phong Điền*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

ĐƯỜNG LÃNG DU

Vẽ nắng



Cũng có lúc khát khao vẽ nắng
Ngỡ như gặp lại chốn yêu thương
Bàn chân trần tung tăng trên cỏ
Tuổi hồn nhiên đuổi bắt cơn chuồn
Ngày bình yên trôi ngang qua ngõ
Những sớm chiều sợi nắng trong veo
Khi lúng liếng phía trên cành lá
Khi đổ dài bám náu theo ai
Quê nhỏ luôn hiền hòa gần gũi,
Như lòng rau lòng đậu sau hè
Những hàng tre hay vài bụi chuối
Cho trẻ thơ chơi cát nhà chòi
Thương lắm từng lối mòn quen thuộc
Gió chuyển mùa thời tiết giao thoa
Bao ảnh hình xưa như hiện hữu
Lòng muốn vẽ lên sợi nắng mềm.

VAI TRÒ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA HUẾ *gắn với phát triển kinh tế xanh*

■ ĐỖ QUỲNH HƯƠNG

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh là yêu cầu tất yếu trong quá trình phát triển bền vững của thành phố Huế. Với hệ thống di sản văn hóa đặc sắc và lợi thế của một đô thị di sản, chính quyền địa phương giữ vai trò trung tâm trong việc hoạch định chiến lược, hoàn thiện cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện và giám sát quá trình bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa theo hướng bền vững. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian qua, thành phố Huế đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong bảo tồn di sản, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch xanh, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về cơ chế phối hợp, huy động nguồn lực, chuyển đổi số và hệ thống giám sát cần tiếp tục được hoàn thiện.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vai trò của chính quyền địa phương, bao gồm hoàn thiện chiến lược và chính sách, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát huy vai trò của cộng đồng và doanh nghiệp, đồng thời tăng cường công tác giám sát, đánh giá theo hướng phát triển bền vững. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa Huế, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh và hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Huế trở thành đô thị di sản, văn hóa, sinh thái và thông minh, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

1. Tổng quan

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và yêu cầu phát triển bền vững ngày càng trở nên cấp thiết, văn hóa được nhìn nhận không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội mà còn là nguồn lực nội sinh quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng xanh, bao trùm và bền vững. Trên thế giới, nhiều quốc gia đã chuyển từ tư duy bảo tồn di sản đơn thuần sang khai thác giá trị văn hóa như một động lực phát triển thông qua các ngành công nghiệp văn hóa, du lịch di sản, kinh tế sáng tạo và kinh tế tuần hoàn. Xu hướng này phù hợp với các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc, đồng thời góp phần hiện thực hóa Chiến lược tăng trưởng xanh và mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050 mà Việt Nam đã cam kết.

Việt Nam sở hữu hệ thống di sản văn hóa phong phú với hàng nghìn di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, lễ hội truyền thống, làng nghề và nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) ghi danh. Đảng và Nhà nước xác định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát huy giá trị văn hóa để tạo nguồn lực cho phát triển đất nước. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng

yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến 2045; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và nhiều chủ trương, chính sách khác đã tạo hành lang quan trọng để gắn kết bảo tồn văn hóa với phát triển kinh tế xanh, kinh tế sáng tạo và phát triển bền vững.

Trong bức tranh chung đó, thành phố Huế có vị thế đặc biệt với hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc, là địa phương duy nhất ở Việt Nam hiện nay sở hữu nhiều danh hiệu di sản được UNESCO ghi danh như Quần thể Di tích Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Việt Nam, Mộc bản triều Nguyễn, Châu bản triều Nguyễn, Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế và Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ, những bản đúc nổi trên chín đỉnh đồng ở Hoàng cung Huế, thực hành tính ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ... Bên cạnh đó là hệ thống lễ hội truyền thống, làng nghề, văn hóa ẩm thực, áo dài Huế, Ca Huế trên sông Hương,... và cảnh quan thiên nhiên đặc trưng, tạo nên một không gian văn hóa đa dạng và giàu bản sắc. Huế là một trong những địa phương còn lưu giữ hệ thống đô thị cổ có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, kiến trúc và thương mại, tiêu biểu như phố cổ Bao Vinh và khu phố cổ Gia Hội - Chợ Dinh. Bên cạnh đó, với hàng trăm nhà vườn, phủ đệ mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống, Huế được biết đến như một “thành phố vườn” đặc trưng của Việt Nam. Trong những năm qua, chính quyền địa phương đã triển khai nhiều cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ trùng tu, bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống nhà vườn Huế thông qua nguồn ngân sách nhà nước kết hợp với các nguồn lực

xã hội hóa. Những nỗ lực này không chỉ góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa đặc trưng của Cố đô mà còn tạo động lực cho phát triển du lịch văn hóa và kinh tế xanh. Mặt khác, các thương hiệu văn hóa - du lịch của Huế tiếp tục được khẳng



Nhã nhạc Cung đình Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới (nguồn: Thế giới Di sản)

định như “Thành phố Festival Việt Nam”, “Thành phố Văn hóa ASEAN”, “Huế - Kinh đô Âm thực” - góp phần nâng cao vị thế của ẩm thực Huế, trở thành nguồn động lực văn hóa quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội nói chung, phát triển du lịch Huế nói riêng.¹

Đây là những nguồn lực quan trọng để phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch xanh, kinh tế đêm và các ngành kinh tế sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng của địa phương.

1. Nguyễn Đình Trung - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Huế (2026), *Thành phố Huế xây dựng đô thị di sản, trung tâm văn hóa - du lịch đặc sắc tầm cỡ quốc tế*, nguồn link truy cập: <https://baochinhphu.vn/thanh-pho-hue-xay-dung-do-thi-di-san-trung-tam-van-hoa-du-lich-dac-sac-tam-co-quoc-te-102260122093248686.htm>.



Du khách thưởng thức ẩm thực Huế

Đặc biệt, việc thành phố Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đã mở ra yêu cầu mới đối với công tác quản trị phát triển. Trong bối cảnh đó, chính quyền địa phương không chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa

mà còn đóng vai trò kiến tạo phát triển thông qua việc hoạch định chiến lược, hoàn thiện cơ chế chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực, thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường hợp tác công - tư, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch xanh và giám sát quá trình khai thác di sản theo hướng bền vững. Hiệu quả thực hiện các vai trò này có ý nghĩa quyết định đối với việc chuyển hóa nguồn lực văn hóa thành động lực phát triển kinh tế xanh, nâng cao chất lượng sống của người dân và xây dựng thương hiệu Huế - đô thị di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về bảo tồn di sản văn hóa Huế, phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và kinh tế xanh, song các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ quản trị công, đặc biệt về vai trò của chính quyền địa phương trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh, vẫn còn hạn chế. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào từng lĩnh vực riêng lẻ, chưa làm rõ mối quan hệ giữa quản trị địa phương, bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế xanh, cũng như chưa đề xuất các giải pháp quản trị phù hợp trong bối cảnh mới.

Xuất phát từ đó, bài viết tập trung vào việc đánh giá thực trạng vai trò của chính quyền địa phương thành phố Huế trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, khai thác bền vững các giá trị văn hóa, góp phần xây dựng Huế trở thành đô thị di sản đặc trưng, trung tâm văn hóa, du lịch và đổi mới sáng tạo của khu vực miền Trung và cả nước.

2. Vai trò của chính quyền địa phương trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Huế gắn với phát triển kinh tế xanh

2.1. Vai trò hoạch định chiến lược và quy hoạch

Hoạch định chiến lược và quy hoạch là chức năng cốt lõi của chính quyền địa phương, định hướng phát triển dài hạn và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Đối với thành phố Huế - địa phương sở hữu hệ thống di sản văn hóa phong phú, vai trò này có ý nghĩa đặc biệt trong việc hài hòa giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân. Theo đó, chính quyền cần xác định văn hóa không chỉ là đối tượng bảo tồn mà còn là nguồn lực nội sinh, tạo động lực thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế sáng tạo và phát triển du lịch bền vững.

Thứ nhất, xây dựng tầm nhìn phát triển Huế trở thành đô thị di sản, văn hóa và xanh



*Thành phố Huế - thành phố trực thuộc Trung ương thứ 6 của Việt Nam
(nguồn: Báo điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

Vai trò hoạch định chiến lược của chính quyền địa phương được thể hiện trước hết ở việc xác lập tầm nhìn phát triển dài hạn cho thành phố Huế. Trong những năm qua, Trung ương đã ban hành nhiều chủ trương quan trọng, đặc biệt là Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị, xác định mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng là đô thị di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh². Đây là định hướng chiến lược mang tính nền tảng, khẳng định văn hóa và di sản không chỉ là giá trị cần gìn giữ mà còn là động lực phát triển của địa phương.

Trên cơ sở định hướng của Bộ Chính trị, thành phố Huế đã cụ thể hóa tầm nhìn phát triển thông qua Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050³ (nay được tiếp tục triển khai trong phạm vi thành phố Huế sau khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể tại Quyết định 756/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).⁴ Quy hoạch xác định văn hóa là một trong những trụ cột phát triển, cùng với khoa học - công nghệ, du lịch và kinh tế xanh, hướng tới xây dựng Huế trở thành trung tâm lớn của cả nước về văn hóa, du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ, cụ thể, đến năm 2030, là đô thị di sản đặc trưng của Việt Nam; một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao,...

Việc xác lập tầm nhìn chiến lược này có ý nghĩa quan trọng vì tạo cơ sở để lồng ghép các mục tiêu bảo tồn di sản, phát triển công nghiệp văn hóa, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số

2. Ban Chấp hành trung ương (2019), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ngày 10/12/2019.

3. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, ngày 30/12/2023.

4. UBND thành phố Huế (2026), *Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, ngày 28/02/2026.

và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ hai, hoạch định quy hoạch phát triển dựa trên giá trị di sản và cảnh quan

Một trong những nội dung cốt lõi của vai trò hoạch định chiến lược là xây dựng quy hoạch phát triển theo hướng bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Khác với nhiều địa phương lấy công nghiệp hoặc đô thị hóa làm động lực chính, Huế lựa chọn mô hình phát triển dựa trên nền tảng văn hóa và di sản.

Trong quá trình lập quy hoạch, chính quyền địa phương đã ưu tiên bảo tồn không gian kiến trúc Cổ đô, cảnh quan sông Hương, núi Ngự Bình, hệ thống lăng tẩm triều Nguyễn, các làng cổ, làng nghề truyền thống và vùng đệm di sản. Đồng thời, quy hoạch cũng dành không gian cho phát triển các khu dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp văn hóa, kinh tế ban đêm và các hoạt động sáng tạo, nhằm khai thác hiệu quả giá trị của di sản nhưng vẫn bảo đảm tính nguyên vẹn của các yếu tố văn hóa và môi trường.

Thứ ba, tích hợp mục tiêu phát triển kinh tế xanh vào chiến lược phát triển văn hóa

Điểm mới trong vai trò hoạch định chiến lược của chính quyền địa phương là chuyển từ tư duy bảo tồn đơn thuần sang phát triển văn hóa theo hướng kinh tế xanh và phát triển bền vững. Thành phố Huế đã ban hành nhiều chương trình và kế hoạch triển khai *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh*⁵, thúc đẩy chuyển đổi năng lượng trong giao thông⁶, phát triển đô thị xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính. Các chính sách này tạo điều kiện để các hoạt động bảo tồn di sản gắn với sử dụng năng lượng sạch, vật liệu thân thiện môi trường, giao thông xanh và phát triển du lịch có trách nhiệm.

Việc tích hợp các mục tiêu xanh vào chiến lược phát triển văn hóa giúp nâng cao giá trị của di sản, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động du lịch và đô thị hóa đến môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa.

Thứ tư, định hướng phát triển công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và toàn cầu hóa, chính quyền địa phương giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên lợi thế di sản.

Huế có nhiều tiềm năng phát triển các lĩnh vực như biểu diễn nghệ thuật, Festival



Ảnh minh họa. Nguồn: Lê Đình Hoàng

5. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

6. UBND thành phố Huế (2025), Kế hoạch ngày 16/7/2025 về chuyển đổi sang sử dụng ô tô điện đối với các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và xe khách nội tỉnh trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025-2030.

Huế, thời trang áo dài, mỹ thuật, điện ảnh, thủ công mỹ nghệ, thiết kế sáng tạo, xuất bản, quảng cáo và ẩm thực. Việc hoạch định chiến lược phát triển các ngành này không chỉ góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế mà còn tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và tăng sức hấp dẫn của điểm đến.

Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030 cũng xác định việc phát huy giá trị di sản văn hóa là một trong những giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.⁷

Thứ năm, tăng cường khả năng thích ứng và phát triển bền vững

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai và áp lực đô thị hóa ngày càng gia tăng, hoạch định chiến lược của chính quyền địa phương cần hướng tới nâng cao khả năng chống chịu của di sản và hệ sinh thái văn hóa. Điều này đòi hỏi việc lồng ghép các nội dung về quản lý rủi ro thiên tai, bảo vệ môi trường, giảm phát thải, chuyển đổi số và quản trị thông minh vào các chiến lược bảo tồn di sản.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với các chỉ tiêu phát triển kinh tế xanh, như tỷ lệ đóng góp của công nghiệp văn hóa vào GRDP, lượng khách du lịch xanh, tỷ lệ di sản được số hóa, diện tích không gian xanh trong khu vực di sản, mức giảm phát thải trong hoạt động du lịch và mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương.

2.2. Vai trò hoàn thiện cơ chế, chính sách

Chính quyền địa phương giữ vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương thành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh. Thành phố Huế đã ban hành và triển khai nhiều chương trình, kế hoạch về bảo tồn Quần thể Di tích Cố đô Huế⁸, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa, chuyển đổi xanh⁹ và phát triển bền vững. Đồng thời, địa phương thực hiện các chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác bảo tồn, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng¹⁰, công nghiệp văn hóa và các mô hình kinh tế xanh; ban hành các quy định về quản lý xây dựng trong khu vực di sản, bảo vệ cảnh quan và kiểm soát tác động môi trường đối với hoạt động khai thác du lịch.

Thông qua việc hoàn thiện thể chế và chính sách, chính quyền địa phương tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia bảo tồn, khai thác hợp lý các giá trị di sản văn hóa, đồng thời thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế dựa trên văn hóa theo hướng xanh, bền vững. Cơ sở pháp lý cho việc triển khai các nhiệm vụ này bao gồm Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Luật số 45/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025)¹¹, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

7. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 1755/QĐ-TTg về việc *Phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.

8. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2025), Quyết định số 4585/QĐ-BVHTTDL ngày 04/12/2025 về việc thành lập *Hội đồng khoa học thẩm định Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể Di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2050*.

9. UBND thành phố Huế (2026), *Quyết định Ban hành Bộ tiêu chí du lịch xanh thành phố Huế*, ngày 04/5/2026.

10. UBND thành phố Huế (2026), Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 02/4/2026 về việc *phát triển du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng giai đoạn 2026 - 2027*.

11. Quốc Hội (2024), Luật số 45/2024/QH15 *Di sản văn hóa*, ngày 23/11/2024.

(Luật số 72/2020/QH14)¹² và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (Luật số 72/2025/QH15)¹³, cùng với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và thành phố Huế.

2.3. Vai trò huy động, phân bổ nguồn lực và hợp tác

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Huế gắn với phát triển kinh tế xanh đòi hỏi nguồn lực tài chính, nhân lực và công nghệ lớn. Vì vậy, chính quyền địa phương giữ vai trò trung tâm trong việc điều phối, huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP) và hợp tác quốc tế nhằm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và phát triển bền vững theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Luật số 45/2024/QH15) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

Đối với thành phố Huế, bên cạnh việc bố trí ngân sách cho công tác trùng tu Quần thể Di tích Cố đô Huế, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và phát triển các thiết chế văn hóa, chính quyền còn đẩy mạnh huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và cộng đồng để đầu tư phát triển du lịch văn hóa, công nghiệp văn hóa, làng nghề truyền thống và các ngành kinh tế sáng tạo. Đồng thời, Huế tích cực mở rộng hợp tác với UNESCO trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể Di tích Cố đô Huế - Di sản Văn hóa Thế giới¹⁴, hợp tác với Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA Việt Nam) trong các chương trình bảo tồn di sản, phát triển đô thị và nâng cao năng lực quản lý¹⁵, cũng như phối hợp với Văn phòng đại diện tại Việt Nam của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP Việt Nam) triển khai các sáng kiến về phát triển đô thị xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững¹⁶. Việc đa dạng hóa nguồn lực góp phần giảm áp lực ngân sách, đồng thời nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát triển bền vững.

Bên cạnh việc huy động nguồn lực tài chính, chính quyền địa phương còn ưu tiên phân bổ nguồn lực cho đầu tư hạ tầng xanh như giao thông thân thiện với môi trường, không gian đi bộ, chỉnh trang cảnh quan ven sông Hương, công viên văn hóa và hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái. Việc phân bổ nguồn lực hợp lý không chỉ góp phần bảo tồn bền vững các giá trị văn hóa Huế mà còn tạo động lực phát triển du lịch xanh, công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng xanh của thành phố.

2.4. Vai trò tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước

Chính quyền địa phương giữ vai trò trực tiếp tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị văn hóa Huế thông qua việc xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn di sản. Theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Luật số 45/2024/QH15), UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn; đồng thời bố trí nguồn lực, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý các hành vi vi

12. Quốc Hội (2020), Luật số 72/2020/QH14 *Bảo vệ môi trường*, ngày 17/11/2020.

13. Quốc Hội (2025), Luật số 72/2025/QH15 *Tổ chức chính quyền địa phương*, ngày 16/6/2025.

14. UNESCO (2026), *Complex of Huế Monuments* - tạm dịch: Quần thể di tích Huế, đường link truy cập: <https://whc.unesco.org/en/list/678/>

15. JICA (2026), *Viet Nam*, đường link truy cập: <https://www.jica.go.jp/english/overseas/vietnam/index.html>.

16. UNDP (2026), *UNDP tại Việt Nam*, đường link truy cập: <https://www.undp.org/vi/vietnam>.

phạm trong hoạt động bảo vệ di sản.

Đối với thành phố Huế, chính quyền địa phương đã giao Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế¹⁷ trực tiếp quản lý Quần thể Di tích Cố đô Huế và phối hợp với các sở, ngành triển khai nhiều chương trình bảo tồn, tu bổ và phục hồi các công trình di tích, bảo tồn Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Việt Nam, các lễ hội truyền thống, nghề thủ công và di sản văn hóa phi vật thể. Đồng thời, địa phương chú trọng xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng như Festival Huế, chương trình biểu diễn Nhã nhạc tại Đại Nội, tham quan di sản ban đêm, không gian văn hóa sông Hương và các tuyến du lịch gắn với làng nghề truyền thống, qua đó nâng cao giá trị kinh tế của di sản trên cơ sở bảo tồn bền vững¹⁸.



Du thuyền ngắm cảnh trên sông Hương

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương

thực hiện chức năng quản lý nhà nước thông qua việc cấp phép, hướng dẫn và kiểm soát các hoạt động khai thác di sản; quản lý quy hoạch, xây dựng trong khu vực bảo vệ di tích; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ di sản và môi trường; đồng thời tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng nhằm bảo đảm cân bằng giữa bảo tồn và phát triển. Việc thực hiện nghiêm các quy định quản lý góp phần hạn chế nguy cơ thương mại hóa di sản, xâm hại cảnh quan và khai thác quá mức tài nguyên văn hóa.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, chính quyền thành phố Huế cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phát huy giá trị di sản thông qua việc số hóa hồ sơ di tích, xây dựng cơ sở dữ liệu số, ứng dụng công nghệ 3D, thực tế ảo (VR), mã QR và các nền tảng số phục vụ quảng bá, giới thiệu di sản đến du khách trong và ngoài nước. Đây là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mở rộng khả năng tiếp cận di sản, đồng thời thúc đẩy phát triển du lịch thông minh và kinh tế xanh trên nền tảng giá trị văn hóa.

Thông qua việc tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo tồn và quản lý di sản, chính quyền địa phương không chỉ bảo đảm gìn giữ lâu dài các giá trị văn hóa Huế mà còn tạo nền tảng phát triển du lịch xanh, công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của thành phố Huế.

17. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (2026), đường link truy cập: <https://hueworldheritage.org.vn/>

18. UNESCO (2026), *Complex of Huế Monuments* - tạm dịch: Quần thể di tích Huế, đường link truy cập: <https://whc.unesco.org/en/list/678/?>

2.5. Vai trò giám sát, đánh giá và bảo đảm phát triển bền vững

Chính quyền địa phương giữ vai trò giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nhằm bảo đảm các hoạt động khai thác di sản phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xanh và phát triển bền vững. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Luật số 72/2020/QH14), các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và kiểm soát các tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

Đối với thành phố Huế, chính quyền địa phương thực hiện chức năng giám sát thông qua việc thanh tra, kiểm tra định kỳ đối với các hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích; quản lý hoạt động xây dựng trong khu vực bảo vệ di sản; giám sát việc tổ chức lễ hội, khai thác du lịch, sử dụng không gian văn hóa và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, đặc biệt tại Quần thể Di tích Cố đô Huế và khu vực sông Hương. Đồng thời, chính quyền theo dõi việc thực hiện các quy hoạch, chương trình và dự án phát triển nhằm bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn di sản, phát triển du lịch, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường theo các nguyên tắc của UNESCO về quản lý Di sản Thế giới¹⁹.

Bên cạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chính quyền địa phương còn xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các chỉ tiêu về bảo tồn di sản, chất lượng môi trường, phát triển du lịch bền vững và mức độ tham gia của cộng đồng. Việc ứng dụng công nghệ số, hệ thống cơ sở dữ liệu di sản, GIS, camera giám sát và các nền tảng quản lý thông minh giúp nâng cao hiệu quả quản lý, kịp thời phát hiện các hành vi xâm hại di sản, ô nhiễm môi trường hoặc khai thác tài nguyên văn hóa không bền vững. Đây là cơ sở quan trọng để chính quyền điều chỉnh chính sách, phân bổ nguồn lực hợp lý và nâng cao hiệu quả quản trị địa phương.

Ngoài ra, chính quyền địa phương còn thực hiện vai trò giám sát xã hội thông qua việc công khai thông tin, tăng cường sự tham gia của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, các tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức quốc tế trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng không chỉ góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình mà còn bảo đảm việc khai thác các giá trị văn hóa Huế luôn gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển du lịch xanh, công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo, hướng tới phát triển bền vững.

2.6. Đánh giá chung

Qua phân tích có thể thấy, trong thời gian qua, chính quyền địa phương thành phố Huế đã từng bước khẳng định vai trò trung tâm trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh thông qua việc hoạch định chiến lược, hoàn thiện cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện, quản lý nhà nước và tăng cường công tác giám sát, đánh giá. Nhiều chủ trương, quy hoạch và chương trình phát triển đã xác định văn hóa là nền tảng, là nguồn lực nội sinh quan trọng để xây dựng Huế trở thành đô thị di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan và thân thiện với môi trường. Việc triển khai các hoạt động bảo tồn di sản, phát triển du lịch xanh, công nghiệp văn hóa, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa và mở rộng hợp tác quốc tế đã góp phần từng

19. UNESCO (2026), *Complex of Huế Monuments* - tạm dịch: Quần thể di tích Huế, đường link truy cập: <https://whc.unesco.org/en/list/678/>

bước chuyển hóa giá trị văn hóa thành động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Đặc biệt, việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã tạo nền tảng quan trọng để địa phương định hướng phát triển theo mô hình đô thị di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh. Bên cạnh đó, việc triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030²⁰, cùng nhiều chương trình chuyển đổi số, phát triển giao thông xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển du lịch bền vững đã góp phần chuyển hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực phục vụ tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện vai trò của chính quyền địa phương vẫn còn một số hạn chế. Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong bảo tồn và khai thác giá trị di sản chưa thật sự đồng bộ; cơ chế huy động nguồn lực xã hội và hợp tác công - tư còn chưa tương xứng với tiềm năng; nhiều sản phẩm công nghiệp văn hóa và du lịch xanh còn thiếu tính sáng tạo, giá trị gia tăng chưa cao. Chuyển đổi số trong quản lý, bảo tồn và quảng bá di sản mặc dù đã được triển khai nhưng chưa đồng đều, cơ sở dữ liệu văn hóa còn phân tán và chưa kết nối hiệu quả. Bên cạnh đó, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả bảo tồn văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh chưa được xây dựng đầy đủ; việc giám sát tác động môi trường, sức chịu tải của di sản và mức độ tham gia của cộng đồng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện.

Trong bối cảnh thành phố Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm lớn, đặc sắc về văn hóa, du lịch của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, việc tiếp tục nâng cao vai trò của chính quyền địa phương là yêu cầu cấp thiết. Điều này đòi hỏi chính quyền không chỉ thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước mà còn đóng vai trò kiến tạo phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, tăng cường hợp tác quốc tế và ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Trên cơ sở đó, cần nghiên cứu và đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị địa phương, khai thác bền vững nguồn lực văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh trong giai đoạn tới.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả vai trò của chính quyền địa phương trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Huế gắn với phát triển kinh tế xanh

4.1. Nâng cao chất lượng công tác hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển

Chính quyền địa phương cần tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển thành phố Huế theo định hướng “đô thị di sản, văn hóa, sinh thái và thông minh”, trong đó xác định văn hóa là nguồn lực nội sinh và là động lực quan trọng của tăng trưởng xanh. Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch du lịch và quy hoạch bảo tồn di sản cần được tích hợp đồng bộ nhằm bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

Đồng thời, cần xây dựng các quy hoạch chuyên đề về không gian văn hóa sông Hương, hệ thống làng nghề truyền thống, các khu vực di sản và các tuyến du lịch văn

20. Thủ tướng Chính phủ (2025), Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 về *Phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

hóa theo hướng phát triển xanh, hạn chế bê tông hóa, bảo vệ cảnh quan tự nhiên và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc lồng ghép các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng trong các hoạt động văn hóa, du lịch sẽ góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng xanh của thành phố.

4.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo tồn văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh

Chính quyền địa phương cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phù hợp với Luật Di sản văn hóa năm 2024, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

Bên cạnh đó, cần ban hành các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp văn hóa, du lịch xanh, bảo tồn làng nghề truyền thống, phát triển sản phẩm OCOP gắn với di sản và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP), cơ chế chia sẻ lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng trong khai thác di sản sẽ góp phần huy động hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển bền vững.

4.3. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư và tăng cường hợp tác quốc tế

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Huế đòi hỏi nguồn lực lớn và lâu dài. Do đó, chính quyền địa phương cần đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư thông qua việc huy động ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công – tư, nguồn viện trợ quốc tế và các quỹ bảo tồn di sản.

Thành phố cần tiếp tục mở rộng hợp tác với UNESCO, JICA, UNDP và các tổ chức quốc tế,... nhằm tiếp cận nguồn lực tài chính, kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại trong bảo tồn di sản, chuyển đổi số và phát triển đô thị xanh. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các sản phẩm công nghiệp văn hóa, không gian sáng tạo, bảo tàng tư nhân, trung tâm biểu diễn nghệ thuật và các dịch vụ du lịch chất lượng cao theo hướng thân thiện với môi trường.

4.4. Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về văn hóa

Chính quyền địa phương cần tiếp tục đổi mới phương thức quản lý theo hướng hiện đại, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm. Cần tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa, quy hoạch, du lịch và môi trường; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và các đơn vị quản lý di sản.

Song song đó, cần đẩy mạnh xây dựng các sản phẩm văn hóa đặc trưng có giá trị gia tăng cao như Festival Huế, Ca Huế trên sông Hương, nghệ thuật cung đình, lễ hội truyền thống, không gian áo dài, ẩm thực Huế, du lịch đường thủy và kinh tế ban đêm,... Việc phát triển các sản phẩm này cần gắn với bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương.

4.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa

Chuyển đổi số cần trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền địa phương trong giai đoạn tới. Thành phố cần xây dựng cơ sở dữ liệu số thống nhất về di sản văn hóa, tích hợp dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhằm phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và quảng bá.

Đồng thời, cần mở rộng việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data),

GIS, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), công nghệ 3D, mã QR và các nền tảng số trong bảo tồn, giới thiệu và khai thác di sản. Việc phát triển bảo tàng số, tham quan trực tuyến và hệ thống du lịch thông minh sẽ góp phần nâng cao trải nghiệm của du khách, mở rộng khả năng tiếp cận di sản và gia tăng giá trị kinh tế từ các tài nguyên văn hóa.

4.6. Phát huy vai trò của cộng đồng và doanh nghiệp trong bảo tồn văn hóa

Người dân và doanh nghiệp cần được xác định là chủ thể đồng hành cùng chính quyền trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Chính quyền địa phương cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ di sản, phát triển du lịch có trách nhiệm và lối sống xanh.

Đồng thời, cần khuyến khích các nghệ nhân, làng nghề, hợp tác xã, doanh nghiệp văn hóa và doanh nghiệp du lịch tham gia phát triển các sản phẩm sáng tạo dựa trên giá trị di sản; xây dựng cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa và phát triển kinh tế sáng tạo, qua đó tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng đời sống của người dân.

4.7. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá và bảo đảm phát triển bền vững

Chính quyền địa phương cần xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế xanh trên cơ sở các chỉ tiêu định lượng và định tính. Hệ thống đánh giá cần phản ánh đầy đủ hiệu quả bảo tồn di sản, mức độ đóng góp của công nghiệp văn hóa vào GRDP, tỷ lệ số hóa di sản, lượng khách du lịch xanh, mức giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động du lịch và mức độ hài lòng của cộng đồng.

Bên cạnh đó, cần tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ di sản và môi trường; ứng dụng công nghệ số, GIS, camera giám sát và các nền tảng quản trị thông minh để theo dõi hiện trạng di sản, cảnh báo sớm các nguy cơ xâm hại và hỗ trợ ra quyết định. Đồng thời, đẩy mạnh công khai thông tin, thực hiện trách nhiệm giải trình và mở rộng sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và các đối tác quốc tế trong quá trình giám sát, phân biện và đánh giá chính sách, qua đó bảo đảm việc khai thác các giá trị văn hóa Huế luôn gắn với phát triển kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế xanh là yêu cầu tất yếu trong quá trình phát triển bền vững của các địa phương, đặc biệt đối với thành phố Huế - địa phương có hệ thống di sản văn hóa đặc sắc và lợi thế nổi bật về phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch và kinh tế sáng tạo. Trong bối cảnh Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, việc phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa không chỉ góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc mà còn tạo động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sống của người dân.

Trong thời gian tới, để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Huế trở thành đô thị di sản đặc trưng, trung tâm lớn về văn hóa, du lịch, công nghiệp văn hóa và đổi mới sáng tạo của cả nước, chính quyền địa phương cần tiếp tục đổi mới tư duy quản trị theo hướng chuyển từ “quản lý di sản” sang “quản trị giá trị di sản”, tăng cường phối hợp đa ngành, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đồng thời phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng và doanh nghiệp trong bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa. ■

Phát huy Ca Huế – TRÁCH NHIỆM KHÔNG CHỈ RIÊNG AI

■ THIÊN BÌNH

Ca Huế là một trong những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng đất Cố đô, đồng thời đã trở thành sản phẩm văn hóa - du lịch mang dấu ấn riêng của Huế. Tuy nhiên, để Ca Huế thực sự được bảo tồn đúng giá trị, phát huy đúng hướng và trở thành một sản phẩm có sức sống lâu dài, trách nhiệm ấy không thể chỉ đặt lên vai ngành văn hóa. Đó phải là trách nhiệm chung của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, nghệ nhân, nghệ sĩ, người dân và cả những người đang trực tiếp làm du lịch - những người trực tiếp tham gia vào chuỗi hoạt động này.

Khi những chiếc thuyền rồng chậm chậm rời bến, sông Hương với ánh đèn phản chiếu xuống mặt nước, tiếng đàn nguyệt, đàn tranh, tiếng phách hòa cùng những câu ca ngân lên giữa không gian trầm mặc của thành phố di sản. Với nhiều du khách, đó là một trải nghiệm khó quên về Huế.

Nhưng đằng sau một chương trình Ca Huế tưởng như chỉ diễn ra trong vài giờ là cả một chuỗi hoạt động liên quan đến nhiều chủ thể. Đó là chất lượng nghệ thuật, đội ngũ nghệ sĩ, nhạc công; là phương tiện đường thủy, bến bãi, an toàn giao thông; là an ninh trật tự, môi trường đô thị; là doanh nghiệp lữ hành, hướng dẫn viên, cơ sở lưu trú; là công tác quảng bá, bán vé, ứng dụng công nghệ và quản lý du lịch. Bởi vậy, nếu vẫn còn quan niệm rằng “Ca Huế là việc của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch” thì đó là cách nhìn chưa đầy đủ.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có vai trò nòng cốt trong quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Ca Huế. Nhưng để một chương trình Ca Huế có chất lượng, an toàn, văn minh và tạo được ấn tượng đẹp trong lòng du khách, cần sự tham gia của cả hệ thống quản lý và toàn bộ chuỗi cung ứng dịch vụ. Đây cũng là vấn đề cần được nhìn nhận rõ hơn khi Huế bước vào giai đoạn phát triển mới, trong đó di sản không chỉ được bảo tồn mà còn được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với du lịch, công nghiệp văn hóa, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

Ca Huế không chỉ là câu chuyện của ngành văn hóa

Ca Huế đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 1877/QĐ-BVHTTDL ngày 08/6/2015. Trên nền tảng đó, tỉnh Thừa Thiên Huế trước đây và nay là thành phố Huế đã từng bước xây dựng các cơ chế, chính sách và chương trình nhằm bảo vệ, phát huy giá trị di sản. Đáng chú ý, Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 đã phê duyệt Đề án “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế đến năm 2030”.

Đề án đặt Ca Huế trong mối quan hệ giữa bảo tồn di sản, phát huy giá trị văn hóa và phát triển du lịch. Điều đó cho thấy ngay từ chính sách, Ca Huế đã được nhìn nhận như một nguồn lực văn hóa cần được khai thác có trách nhiệm.

Thực tế những năm qua cho thấy hướng tiếp cận này đã tạo ra nhiều chuyển biến. Công tác tuyên truyền, quảng bá được triển khai; nhiều ấn phẩm về Ca Huế được xuất bản; các chương trình biểu diễn mẫu được xây dựng; đội ngũ nghệ nhân, nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công được tập huấn; các hoạt động liên hoan, giao lưu được tổ chức; hạ tầng bến thuyền từng bước được đầu tư, chỉnh trang.

Ca Huế trên sông Hương vì vậy đã trở thành một sản phẩm văn hóa - du lịch có sức hấp dẫn riêng. Không chỉ phục vụ nhu cầu thưởng thức nghệ thuật, Ca Huế còn góp phần tạo nên không gian văn hóa về đêm, làm phong phú trải nghiệm của du khách và góp phần quảng bá hình ảnh Huế. Tuy nhiên, chính sự phát triển của Ca Huế cũng đặt ra yêu cầu phải đổi mới tư duy quản lý.

Khi Ca Huế được đưa vào hoạt động du lịch, nó không còn chỉ là câu chuyện giữa nghệ sĩ và người thưởng thức. Một suất diễn trên thuyền đồng thời là hoạt động nghệ thuật, hoạt động vận tải hành khách đường thủy, hoạt động dịch vụ du lịch và một hoạt động diễn ra trong không gian công cộng của đô thị. Chỉ cần một mắt xích không bảo đảm, chất lượng toàn bộ sản phẩm có thể bị ảnh hưởng. Một chương trình hay nhưng thuyền không bảo đảm an toàn sẽ không thể gọi là một sản phẩm du lịch tốt. Một con thuyền an toàn nhưng chương trình nghệ thuật bị cắt xén, rút ngắn hoặc biểu diễn không đúng nội dung đã được chấp thuận cũng không thể tạo nên giá trị bền vững. Một chương trình nghệ thuật và phương tiện đều đạt yêu cầu nhưng du khách bị cò mồi, chèo kéo, mua phải vé không đúng quy định thì trải nghiệm về Huế “vẫn bị tổn thương”.

Vì thế, bảo vệ Ca Huế không chỉ là bảo vệ bài bản, làn điệu và đội ngũ nghệ sĩ; mà còn là bảo vệ toàn bộ không gian và môi trường để giá trị ấy được trao truyền đến công chúng một cách văn minh, an toàn và đúng bản sắc. Đó chính là lý do trách nhiệm phát huy Ca Huế cần được mở rộng từ một ngành sang nhiều ngành.

Một chương trình Ca Huế - nhiều mắt xích trách nhiệm

Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động biểu diễn Ca Huế hiện hành của thành phố Huế được ban hành theo Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 14/10/2025. Quy chế không chỉ điều chỉnh hoạt động biểu diễn mà còn xác định đối tượng áp dụng gồm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, tổ chức dịch vụ biểu diễn và biểu diễn Ca Huế. Quyết định cũng giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành, UBND cấp phường, xã và các tổ chức, cá nhân liên quan. Điều này cho thấy một nguyên tắc rất quan trọng “Quản lý Ca Huế vốn đã là trách nhiệm liên ngành, chứ không phải trách nhiệm đơn ngành”.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn. Ngành văn hóa có trách nhiệm thẩm định, quản lý nội dung chương trình, hướng dẫn hoạt động biểu diễn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, bảo tồn các bài bản, làn điệu và tham mưu hoàn thiện cơ chế quản lý.

Nhưng khi thuyền rời bến, trách nhiệm không dừng ở đó. Công tác bảo đảm an toàn giao thông đường thủy, điều kiện phương tiện, người điều khiển, số lượng khách, thiết bị cứu sinh và cứu hộ thuộc trách nhiệm của các lực lượng chức năng liên quan. Công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa các hành vi chèo kéo, cò mồi, xử lý vi phạm

cũng cần sự tham gia của lực lượng công an và chính quyền địa phương.

Bến thuyền, điểm đón trả khách, giao thông, trật tự đô thị, cảnh quan, vệ sinh môi trường lại cần sự vào cuộc của các cơ quan quản lý hạ tầng và chính quyền cơ sở.

Trong khi đó, ngành du lịch giữ vai trò quan trọng trong việc đưa Ca Huế vào các tour, tuyến, sản phẩm trải nghiệm; hướng dẫn doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú và đội ngũ hướng dẫn viên giới thiệu, khai thác Ca Huế đúng quy định, đúng giá trị. Tài liệu thực tiễn của ngành cũng đã xác định hướng dẫn viên có thể trở thành những “đại sứ văn hóa”, góp phần lan tỏa giá trị Ca Huế đến du khách. Một hướng dẫn viên có kiến thức tốt về Ca Huế có thể giúp du khách hiểu vì sao một làn điệu được hát như vậy, vì sao tiếng đàn, tiếng phách có vai trò như vậy, vì sao không gian sông Hương lại trở thành một phần của trải nghiệm Ca Huế.

Ngược lại, nếu hướng dẫn viên chỉ xem Ca Huế như một dịch vụ để bán thêm cho khách, hoặc tự thỏa thuận với chủ thuyền để tổ chức dịch vụ không đúng quy định, thì chính hoạt động du lịch có thể trở thành yếu tố làm suy giảm giá trị và trật tự của sản phẩm.

Thực tế kiểm tra trong tháng 6 và 7 năm 2026 đã cho thấy vấn đề này không phải là lý thuyết. Tình trạng cò mồi, chèo kéo khách, bán vé không đúng quy định và việc một số hướng dẫn viên tự liên hệ với chủ thuyền để tổ chức Ca Huế không thông qua đơn vị đủ điều kiện đã được ngành văn hóa ghi nhận và đề nghị ngành du lịch phối hợp chấn chỉnh.

Điều đó cho thấy muốn nâng cao chất lượng Ca Huế, không thể chỉ kiểm tra người biểu diễn trên thuyền. Cần quản lý cả “hành trình” mà du khách trải qua từ lúc tìm hiểu thông tin, mua vé, đến bến, lên thuyền, thưởng thức chương trình và trở về.

Tổ Liên ngành kiểm tra Ca Huế không chỉ ở việc phát hiện và xử lý vi phạm, mà còn ở việc tạo ra sự kết nối giữa các ngành. Trong tháng 7 năm 2026, Tổ Liên ngành phối hợp với các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương tổ chức 40 buổi kiểm tra với khoảng 1.200 suất diễn Ca Huế trên sông Hương. Nội dung kiểm tra bao quát từ hoạt động biểu diễn, vận tải thủy, kiểm soát xuất bến, số lượng khách đến bán vé và trật tự đô thị.

Kết quả xử lý cũng cho thấy tính liên ngành rất rõ: 4 thuyền bị đề nghị không cấp lệnh xuất bến trong thời hạn 15 ngày, một trường hợp diễn viên bị xử phạt, 3 thuyền bị xử lý vì chờ quá số người quy định, một số phương tiện vi phạm trật tự đô thị bị xử lý, cảnh cáo.

Nhìn từ những con số đó, có thể thấy một điều tưởng đơn giản nhưng rất quan trọng: để bảo vệ một chương trình Ca Huế, đôi khi cần đến cả một hệ thống cùng hành động.

Điều cần đặt ra cho giai đoạn 2026 - 2030 không chỉ là “tăng cường kiểm tra” mà quan trọng hơn là xây dựng một cơ chế để các chủ thể cùng kiến tạo chất lượng Ca Huế.

Trước hết, cần tiếp tục xác định Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan nòng cốt về chuyên môn và đầu mối tham mưu quản lý hoạt động Ca Huế. Nhưng vai trò nòng cốt không đồng nghĩa với việc ngành văn hóa phải “gánh” toàn bộ trách nhiệm. Ngược lại, cần làm rõ trách nhiệm của từng ngành, từng địa phương và từng chủ thể trong chuỗi hoạt động. Trong đó:

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm bảo vệ giá trị cốt lõi của nghệ thuật Ca Huế, chất lượng chương trình và đội ngũ thực hành. Chịu trách nhiệm đưa Ca Huế vào hệ sinh thái sản phẩm du lịch một cách có trách nhiệm, chuẩn hóa việc giới thiệu, khai thác và quảng bá.

Lực lượng công an và cơ quan quản lý giao thông bảo đảm an toàn phương tiện, an ninh trật tự, cứu hộ cứu nạn và an toàn cho du khách.

Cơ quan quản lý hạ tầng và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về bến bãi, giao thông, cảnh quan, môi trường, trật tự đô thị và không gian công cộng.

Ngành khoa học và công nghệ đồng hành trong chuyển đổi số, giám sát, vé điện tử, dữ liệu và các nền tảng phục vụ quản lý, quảng bá.

Doanh nghiệp phải xem chất lượng Ca Huế là trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, không chạy theo cạnh tranh bằng cách hạ giá, cắt giảm chất lượng hoặc làm sai lệch giá trị di sản.

Nghệ nhân, nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công là những người trực tiếp truyền tải hồn cốt của Ca Huế, vì vậy mỗi người phải ý thức rằng phong cách biểu diễn và ứng xử của mình cũng chính là một phần hình ảnh của Huế.

Bên cạnh đó, *người dân, cộng đồng địa phương* cũng không đứng ngoài quá trình ấy. Một không gian văn hóa đẹp không chỉ được tạo nên bằng những quy định của cơ quan quản lý mà còn bằng ý thức của cộng đồng.

Đặc biệt, giai đoạn 2026 - 2030 cần tăng cường ứng dụng công nghệ để chuyển từ phương thức quản lý thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu. Việc kết nối camera giám sát tại các thuyền đã được triển khai bước đầu và đang được nghiên cứu để kết nối với Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh là hướng đi đáng khuyến khích.

Lời kết: Cần tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế đến năm 2030, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, chuẩn hóa chất lượng biểu diễn, đầu tư không gian và hạ tầng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh số hóa, phát triển sản phẩm du lịch có chiều sâu; đồng thời, xây dựng cơ chế để doanh nghiệp và cộng đồng cùng tham gia vào quá trình bảo tồn, phát huy di sản.

Quan trọng hơn, cần hình thành một nhận thức chung trong toàn hệ thống: Ca Huế không chỉ là một loại hình nghệ thuật cần được bảo tồn; đó còn là một phần thương hiệu văn hóa của thành phố Huế. Khi một du khách rời Huế và nhớ đến tiếng đàn, câu hát trên sông Hương, họ không chỉ nhớ một chương trình nghệ thuật. Họ nhớ về Huế. Vì vậy, giữ gìn chất lượng Ca Huế cũng chính là giữ gìn cách Huế được nhìn nhận. Và phát huy Ca Huế cũng chính là góp phần phát huy hình ảnh, văn hóa, con người Huế trong hành trình hội nhập và phát triển. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thể là cơ quan nòng cốt, nhưng không thể là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm.

Bởi một di sản chỉ có thể sống lâu khi nó được cộng đồng cùng gìn giữ; một sản phẩm văn hóa chỉ có thể phát triển bền vững khi nhiều ngành cùng đồng hành; và một thương hiệu chỉ có thể được tạo dựng khi mỗi người trong chuỗi giá trị đều ý thức rằng mình đang góp phần làm nên thương hiệu ấy.

Phát huy Ca Huế - vì thế, không phải là trách nhiệm riêng của một ngành. Đó là trách nhiệm chung đối với di sản, đối với Huế và đối với những thế hệ mai sau. ■

TU SỬA CẤP THIẾT DI TÍCH

KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH VĂN XÁ

Khi lòng dân hòa cùng nhịp di sản

■ Bài và ảnh: HƯƠNG TRÀ

Xứ Huế ngàn năm văn hiến vốn là vùng đất kết tinh sâu sắc giữa nét uy nghi của văn hóa cung đình và sự mộc mạc, chan hòa của văn hóa làng xã. Trong không gian lắng đọng ấy, những ngôi đình làng như nhịp cầu nối liền quá khứ với hiện tại - vừa là chốn đi về tâm linh sâu lắng của bao thế hệ, vừa là tấm gương phản chiếu tinh hoa kiến trúc qua từng thời kỳ lịch sử. Tọa lạc tại phường Hương Trà, đình Văn Xá chính là một biểu tượng như thế: trầm mặc, cổ kính nhưng chứa đựng biết bao nghĩa tình của người dân quê hương.

1. Dấu ấn lịch sử và nét đẹp kiến trúc lắng đọng cùng thời gian

Được khởi dựng từ năm Ất Sửu (1865) dưới thời vua Tự Đức, đình Văn Xá mang trong mình niềm tự hào đặc biệt khi gắn liền với dòng tộc quê ngoại vua Minh Mạng. Vị thế đặc biệt ấy đã tạo nên một không gian kiến trúc hài hòa giữa nét phóng khoáng dân gian và sự chắt chiu, đăng đối của mỹ thuật cung đình.

Đình được xây dựng trong khuôn viên rộng khoảng 1.700m² có la thành bao quanh. Mặt tiền trở công tam quan, hai bên Tả, Hữu có hai cửa đơn ra vào khiến đình mang dáng dấp như phủ đệ của các ông hoàng, bà chúa triều Nguyễn. Đối diện với cổng tam quan qua con đường làng là hồ bán nguyệt trồng sen, làm tăng thêm sự thanh cao, tôn nghiêm cho nơi thờ cúng thần linh.

Không gian kiến trúc đi từ ngoài vào trong gồm: cổng tam quan, bình phong, nhà bia, sân đình và tòa đình chính. Khác với cổng tam quan truyền thống ở nhiều làng xã, cổng tam quan đình Văn Xá mở ba lối đi dạng vòm cuốn, tầng mái đúc giả ngói âm dương. Chính giữa cổng trang trí hình con dơi ngậm vòng cân khôn - hoa văn đặc trưng của kiến trúc triều Nguyễn. Tiếp đến là bức bình phong xây kiểu tổ ong, phía sau dựng nhà bia đá khắc nội dung xây dựng và trùng tu đình do Vũ Phạm Khải - một vị quan triều Tự Đức biên soạn.

Tòa đình chính là ngôi nhà rường truyền thống 3 gian 2 chái kép dựng trên nền đất rộng 400m², gồm 54 cột: 8 cột hàng nhất (cột cái) cao 5,2m; 16 cột hàng nhì (cột quân) cao 3,6m; 24 cột hàng ba (cột bên) cao 2,5m và 6 cột hàng tư (cột hiên) cao 1,5m. Các cột hàng hiên đỡ đoạn cò điều kéo dài mái trước ra nền hiên 1,6m. Nhờ đặc điểm kiến trúc này, khi quan sát từ bên ngoài, đình có vẻ thấp nhỏ nhưng bước vào bên trong mới cảm nhận trọn vẹn sự hoành tráng, rộng rãi.

Mặt trước hai bên Tả, Hữu đắp nổi hình long mã; tầng cấp của đình xây bằng đá thanh. Mặt trước không làm hệ thống cửa bao che nên không gian vô cùng thoáng đãng. Hệ thống vì, kèo được chạm trổ tinh vi với đề tài chủ đạo là rồng và cá chép vượt sóng hóa rồng. Mái lợp ngói liệt; bờ nóc đắp cao uốn cong như hình con thuyền, chia thành 13 ô trang trí các học mai điều, chính giữa chạm 3 chữ “Vạn hồi văn”. Đình bờ nóc đắp nổi biểu tượng “Lưỡng long châu nguyệt”, bờ giải thể hiện hình tượng tứ linh. Có thể nói,



Tu sửa cấp thiết di tích đình Văn Xá năm 2026

kiến trúc đình Văn Xá chính là gạch nối sinh động giữa kiến trúc dân gian và kiến trúc cung đình nửa cuối thế kỷ XIX.

Không chỉ là công trình nghệ thuật độc đáo được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia (theo Quyết định số 61/1999/QĐ-BVHTT ngày 13 tháng 9 năm 1999 của Bộ Văn hóa - Thông tin, nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), đình Văn Xá còn là nơi thờ vọng Thành hoàng cùng 5 vị tiền hiền khai canh các họ Lê, Trần, Cao và hai vị nhân thần có công đức lớn với làng xã: Bô chính dinh ký lục Trần Mậu Quế (1688 - 1762) và Hữu Tham tri Bộ Lễ Trần Hưng Đạt (1746 - 1810).

2. Sự chung sức đồng lòng cho đợt tu sửa cấp thiết

Trải qua hơn 160 năm dạn dày cùng nắng mưa miền Trung và những biến thiên lịch sử, đình Văn Xá đã nhiều lần được che chở bởi tình yêu di sản của chính quyền và người dân địa phương. Sau các đợt trùng tu vào năm 1961 và 1995, đợt bão lũ khốc liệt cuối năm 2025 lại một lần nữa thử thách sự bền bỉ của ngôi đình: mái ngói dột nát, nền đình sụt lún, hệ thống cột gỗ bị nghiêng lệch và mối mọt đe dọa cấu trúc nguyên gốc.

Thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng tha thiết của bà con làng Văn Xá, Ủy ban nhân dân phường Hương Trà đã khẩn trương triển khai phương án tu sửa cấp thiết với tổng kinh phí 1.357.075.000 đồng.

Điểm sáng âm áp nhất trong đợt tu bổ này chính là sự kết hợp hài hòa giữa nguồn lực Nhà nước và Nhân dân: ngân sách Nhà nước hỗ trợ 857.075.000 đồng và nguồn xã hội hóa huy động từ sự đóng góp của người dân, các nhà hảo tâm cùng Hội đồng hương làng Văn Xá là 500.000.000 đồng.

Số tiền 500.000.000 đồng từ nguồn xã hội hóa không chỉ mang giá trị vật chất, mà còn là minh chứng sống động cho tinh thần chung sức đồng lòng của bà con phường Hương Trà cũng như những người con xa quê luôn hướng về cội nguồn.

Trong quá trình thi công, từng viên ngói liệt được cẩn thận hạ giải, từng đòn tay, rui mục được tỉ mỉ nối vá bằng gỗ tốt, từng chi tiết đắp nổi hay họa tiết con giống cổ kính được phục hồi tỉ mỉ... Tất cả đều được thực hiện bằng kỹ thuật bảo tồn nghiêm ngặt và bằng cả tấm lòng biết ơn sâu sắc đối với các bậc tiền nhân.

3. Trùng tu kịp thời nhân Lễ Đại Tế năm Bính Ngọ 2026

Ý nghĩa thiết thực nhất của đợt tu sửa chính là trả lại cho cộng đồng một không gian tâm linh trang nghiêm, an toàn. Niềm vui ấy nhân lên gấp bội khi công trình hoàn thành vừa kịp lúc để Hội đồng Tộc biểu và con dân làng Văn Xá long trọng tổ chức Lễ Đại Tế năm Bính Ngọ (2026) kết hợp Lễ Sám tạ công trình trùng tu Tổ Đình.

Trong hai ngày 16 và 17 tháng 6 năm Bính Ngọ (tức ngày 29 và 30 tháng 7 năm 2026), không khí tại ngôi đình làng rộn ràng hơn bao giờ hết. Mái đình vừa được thay mới kiên cố, các hoa văn con giống bùng sáng chào đón con dân làng Văn Xá trở về tham dự các nghi lễ cổ truyền.

Chiều ngày 16 tháng 6 năm Bính Ngọ: Nghi lễ Nghênh sắc, lễ Túc yết và lễ Thí thực cô hồn diễn ra trang nghiêm, kính cẩn.

Sáng ngày 17 tháng 6 năm Bính Ngọ: Lễ Chánh tế linh thiêng bái tạ tổ tiên, thần linh. Đặc biệt, làng còn trang trọng tổ chức Lễ tuyên dương Tân cử nhân của làng - nét đẹp hiếu học tiếp nối truyền thống quê hương - trước khi cử hành lễ Hoàn sắc và nâng chén rượu thân mật chúc mừng sự kiện trọn vẹn.

Nhìn mái đình được tu bổ khang trang, mỗi người dân Văn Xá, từ các bậc cao niên đến thế hệ trẻ đều cảm nhận rõ sự ấm áp của tình làng nghĩa xóm và niềm tự hào khi công sức của mình đã góp phần làm nên một kỳ Đại Tế và Sám tạ viên mãn.

4. Tiếp nối nguồn lực cộng đồng cho di sản bền vững

Để mái đình Văn Xá mãi là chốn bình yên che chở cho tâm hồn người dân, công tác bảo tồn trong giai đoạn mới cần tiếp tục phát huy sức mạnh cộng đồng:

Phát huy vai trò tự quản: Nâng cao vai trò của Ban Khánh tiết, Hội đồng Tộc biểu và dân làng trong việc trực tiếp trông nom, chăm sóc cảnh quan và duy trì các nghi lễ tế lễ truyền thống.

Mở rộng nguồn lực xã hội hóa: Tiếp tục kết nối, kêu gọi sự chung tay từ các doanh nghiệp, nhà tài trợ và tấm lòng của những người con xa quê. Nguồn quỹ này sẽ là “nội lực” dồi dào hỗ trợ bảo dưỡng, chống mối mọt và tôn tạo định kỳ.

Ứng dụng công nghệ và gắn kết du lịch: Đưa hình ảnh đình Văn Xá đến gần hơn với thế hệ trẻ qua giải pháp số hóa (mã QR thông tin, tour 3D), đồng thời kết nối di tích vào các tuyến du lịch trải nghiệm làng cổ của Huế, vừa lan tỏa giá trị văn hóa vừa tạo nguồn lực tái đầu tư bền vững.

Đình Văn Xá không chỉ là một kiệt tác kiến trúc bằng gỗ và đá, mà còn là “linh hồn”, là nơi gắn kết tình làng nghĩa xóm của bao thế hệ. Sự đồng lòng giữa chính quyền và nhân dân trong việc tu sửa đình kịp thời cho mùa Lễ Đại tế Bính Ngọ 2026 chính là nét đẹp văn hóa truyền thống vô giá. Với sự kết hợp hài hòa giữa nguồn vốn Nhà nước và tinh thần xã hội hóa mạnh mẽ, đình Văn Xá sẽ tiếp tục đứng vững trước thời gian, mãi là niềm tự hào và là điểm sáng trong bức tranh di sản văn hóa Huế. ■



Đại diện Văn phòng UNESCO khảo sát di tích đình Văn Xá sau mùa bão lụt năm 2025

Đề hương ước, quy ước TRỞ THÀNH “BỘ LUẬT MỀM” TRONG QUẢN TRỊ CỘNG ĐỒNG

■ Bài và ảnh: DƯƠNG HỒNG LAM

Từ xa xưa, hương ước không đơn thuần là những điều khoản quy định về việc cưới, việc tang, bảo vệ mùa màng, thiết chế cộng đồng... Đó còn là bản cam kết về trách nhiệm cộng đồng, là sợi dây liên kết các thành viên trong cùng một không gian văn hóa, góp phần hình thành nên những giá trị bền vững của làng xã Việt Nam. Chính vì vậy, dù trải qua nhiều biến động lịch sử, nhiều nội dung của hương ước vẫn tiếp tục được kế thừa dưới những hình thức mới, phù hợp với hệ thống pháp luật và yêu cầu quản lý của từng giai đoạn phát triển.

Nhận thức được giá trị đó, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng việc phát huy vai trò của hương ước, quy ước trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Từ chủ trương của Hội nghị Trung ương 5 khóa VII về khuyến khích xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước ở thôn, xã đến Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg và đặc biệt là Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư đã tạo nên hành lang pháp lý đầy đủ hơn để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật với các quy phạm xã hội ở cơ sở.

Trong bối cảnh cả nước đang triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu đổi mới phương thức quản trị ở cơ sở càng đặt ra rõ nét hơn bao giờ hết. Việc tinh gọn bộ máy hành chính không chỉ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà còn hướng tới xây dựng một nền quản trị hiện đại, lấy người dân làm trung tâm và phát huy mạnh mẽ vai trò tự quản của cộng đồng. Khi đó, hương ước, quy ước không còn chỉ được nhìn nhận như một nét đẹp văn hóa truyền thống mà còn trở thành công cụ hỗ trợ chính quyền cơ sở trong quản trị xã hội, góp phần củng cố sự đồng thuận, tăng cường trách nhiệm cộng đồng và xây dựng môi trường sống văn minh, ổn định.

Điều đáng chú ý là, trong mô hình tổ chức mới, mặc dù phạm vi quản lý của cấp xã ngày càng mở rộng, song thôn, bản, tổ dân phố vẫn là nơi trực tiếp diễn ra các hoạt động xã hội hằng ngày của người dân. Đây chính là “tế bào” của đời sống cộng đồng, nơi mọi chủ trương, chính sách cuối cùng đều được hiện thực hóa thông qua sự tham gia của Nhân dân. Hiệu quả quản trị ở cấp xã vì thế phụ thuộc rất lớn vào mức độ đồng thuận, tính tự giác và năng lực tự quản của từng cộng đồng dân cư.

Trong bối cảnh ấy, việc phát huy giá trị của hương ước, quy ước không đơn thuần là gìn giữ một thiết chế văn hóa truyền thống mà còn là giải pháp để nâng cao chất lượng quản trị xã hội ngay từ cơ sở. Khi những quy định được xây dựng trên cơ sở đồng thuận, phản ánh đúng nhu cầu và đặc điểm của từng cộng đồng, chúng sẽ tạo nên sức mạnh mềm mà pháp luật khó có thể thay thế.



Hương ước làng Bàn Môn (thành phố Huế) - Năm 1926 (Bảo Đại nguyên bản).

Dịch nghĩa:

Toàn thể làng Bàn Môn, tổng An Nông, huyện Phú Lộc xin lập lệ thuần đình hương ước. Làng ta xưa nay tập nhậm thói cũ, ganh đua chuộng xa hoa, cho nên cái ngày công làm, sinh kế ngày càng khó khăn, nếu không theo thời dân dân cái lương, bỏ phần lấy giá thì sẽ kiệt quệ, lấy gì để sinh sống. Vừa qua được thông báo sao lục chỉ dụ sai bản định quy chế điều lệ phân việc quan hôn tang tế của phải kiểm ước. Nay tuân theo mỹ ý của Nhà nước, trước hết xin nêu một, hai điều khoản rất quan hệ và chấm dứt sự đình đốn thế hành, xin có xin liệt kê như sau:

Điều 1: Tế lễ

1. Việc tế lễ của bản làng cần phải giảm lương. Năm Báo Đại thứ 3, bản làng đình rằng sẽ ruy về sau, lễ Xuân thì kết hợp với lễ Nguyên đán đất từ điển 5 sao. Còn lễ Thu tế theo lệ cũ thi hành.

2. Kỳ giỗ. Ngày kỵ giỗ của tư gia thì ngày hôm trước gia chủ sắp đặt lễ Yết cáo, đến sớm hôm sau làm lễ Chánh kỵ, lễ con rể ngoài còn tế tư hầu lễ. Gia chủ không được làm mâm cao cỗ đầy khốn đốn khách bàn. Nếu nhà lễ làng, bị phạt 1 gói trà, 5 hào bạc sung vào công quỹ.

Điều 2: Tang lễ

3. Sau khi cáo phó thì hạn trong một tuần phải làm lễ An táng, không được quản lâu ngày (trừ trường hợp có lý do). Khi làm lễ Đền, thì phải vật tùy gia phong kiện, cốt cho đơn giản, không xa hoa phiền phức.

4. Tang chủ chọn đình ngày đưa tang, việc phải trình trước chủ lý trưởng hoặc giáp trưởng, chủ giữ có trách nhiệm bản làng đưa tang, nếu 30 dân phụ trợ lên thì lệ nạp tiền mỗi tía 2 hào, nếu cùng đến tang 100 tang 2 đồng, chức dịch đương hành của 5 giáp nên 2 đồng 5 hào, nếu 100 dân phụ trợ lên thì nạp tiền 3 hào, tiền cùng đến tang 3 đồng, chức dịch đương hành của 5 giáp, tiền 3 đồng, nếu 80 dân phụ trợ lên thì nạp tiền 4 hào, tiền cùng đến tang 4 đồng, chức dịch đương hành 5 giáp, 5 đồng. Nếu 100 dân phụ trợ lên thì lệ nạp tiền 5 hào, tiền cùng đến tang 5 đồng, chức dịch đương hành 5 giáp 5 đồng. Nếu không một dân làng mà một dân giáp cùng chịu

1. Hương ước - “bộ luật mềm” của cộng đồng

Nếu pháp luật là hệ thống quy phạm mang tính bắt buộc, áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước thì hương ước, quy ước lại mang bản chất của một “bộ luật mềm”, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội bằng sự đồng thuận, tự giác và uy tín cộng đồng.

Khái niệm “bộ luật mềm” được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng để lý giải bản chất của hương ước. Đó là hệ thống các quy tắc ứng xử do chính cộng đồng dân cư bàn bạc, thống nhất và tự nguyện cam kết thực hiện nhằm điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh và hỗ trợ quản lý xã hội ở cơ sở trên cơ sở không trái với Hiến pháp và pháp luật.

Giá trị lớn nhất của hương ước không nằm ở chế tài cưỡng chế mà nằm ở sức mạnh của sự đồng thuận xã hội. Một quy định do chính người dân cùng bàn bạc, thống nhất và cam kết thực hiện luôn tạo ra sự tự giác cao hơn nhiều so với những mệnh lệnh hành chính đơn thuần. Chính điều đó làm nên sức sống lâu bền của hương ước trong lịch sử làng xã Việt Nam.

Có thể thấy, nhiều vấn đề của đời sống cộng đồng rất khó hoặc không cần thiết phải điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật nhưng lại hoàn toàn phù hợp để đưa vào hương ước. Đó có thể là việc giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm; bảo vệ cảnh quan môi trường; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; giữ gìn tình làng nghĩa xóm; khuyến học, khuyến tài; bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; phát huy vai trò của người cao tuổi, người có uy tín; hòa giải các mâu thuẫn trong cộng đồng... Đây đều là những lĩnh vực mà sự tự giác, tinh thần cộng đồng và

sức mạnh của dư luận xã hội thường mang lại hiệu quả bền vững hơn các biện pháp cưỡng chế.

Chính vì vậy, trong tiến trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và hiện nay là quá trình đổi mới mô hình chính quyền địa phương, hương ước ngày càng thể hiện rõ vai trò là cầu nối giữa pháp luật với đời sống xã hội. Pháp luật tạo ra khuôn khổ chung; còn hương ước cụ thể hóa thành những quy tắc gần gũi, phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa và phong tục của từng cộng đồng dân cư.

Đó cũng là lý do vì sao, sau nhiều lần điều chỉnh chính sách, Nhà nước không loại bỏ hương ước mà từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý để thiết chế này phát huy đúng chức năng của mình. Một cộng đồng có hương ước được xây dựng bài bản, sát thực tiễn và được người dân tự giác thực hiện sẽ tạo nên nền tảng quan trọng cho quản trị xã hội hiện đại: giám áp lực cho chính quyền cơ sở, tăng cường sự đồng thuận xã hội và khơi dậy tinh thần trách nhiệm của mỗi người dân đối với cộng đồng nơi mình sinh sống.

2. Từ “lệ làng” đến quản trị cộng đồng hiện đại: Những khoảng trống cần bổ sung

Thực tiễn tại nhiều địa phương cho thấy, sau khi Nghị định số 61/2023/NĐ-CP có hiệu lực, hầu hết các thôn, bản, tổ dân phố đều đã rà soát, sửa đổi hoặc xây dựng mới hương ước, quy ước. Đây là tín hiệu tích cực, thể hiện sự quan tâm của các cấp chính quyền đối với việc phát huy quyền tự quản của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, nhìn sâu vào nội dung của không ít bản hương ước hiện nay có thể nhận thấy một thực tế đáng suy nghĩ: nhiều văn bản được xây dựng đúng quy trình nhưng chưa thực sự phản ánh hơi thở của cộng đồng nơi nó được áp dụng.

Một trong những hạn chế phổ biến là tình trạng rập khuôn, sao chép. Không khó để bắt gặp những bản hương ước của nhiều thôn, tổ dân phố có kết cấu gần như giống hệt nhau, từ bố cục đến nội dung, chỉ khác tên địa danh. Có những quy định được sao chép nguyên văn từ văn bản mẫu hoặc từ địa phương khác mà không tính đến điều kiện lịch sử, văn hóa, tập quán hay đặc điểm dân cư của chính cộng đồng mình. Hệ quả là hương ước trở thành một loại “văn bản hành chính thu nhỏ”, thiếu bản sắc, thiếu tính gắn kết với đời sống thực tế, nên khó tạo được sự đồng thuận và tự giác trong quá trình thực hiện.

Điều này đi ngược lại bản chất vốn có của hương ước. Bởi lẽ, sức sống của hương ước chưa bao giờ nằm ở hình thức văn bản mà nằm ở việc nó phản ánh được những giá trị riêng của từng cộng đồng. Mỗi làng quê, mỗi bản làng hay mỗi tổ dân phố đều có một lịch sử hình thành, một không gian văn hóa và những mối quan hệ xã hội khác nhau. Chính sự khác biệt ấy mới làm nên bản sắc của hương ước. Khi mọi bản hương ước đều giống nhau, cũng đồng nghĩa với việc những giá trị đặc thù của từng cộng đồng dần bị làm mờ.

Một hạn chế khác là sự trùng lặp với các quy định của pháp luật. Trong không ít bản hương ước, phần lớn nội dung chỉ là sự chép lại các quy định đã được luật, nghị định hoặc các văn bản hành chính quy định rất cụ thể. Có nơi dành nhiều điều khoản để nhắc lại các quy định về xử phạt hành chính, nghĩa vụ công dân hay các quy định vốn đã được pháp luật điều chỉnh đầy đủ. Điều này không chỉ làm giảm ý nghĩa của hương ước mà còn khiến người dân khó phân biệt đâu là quy phạm pháp luật mang tính bắt buộc, đâu là quy tắc ứng xử do cộng đồng tự thống nhất xây dựng.

Tinh thần của Nghị định số 61/2023/NĐ-CP là không đưa vào hương ước những nội

dung đã được pháp luật quy định đầy đủ, không đặt ra các khoản thu, các hình thức xử phạt bằng tiền hoặc các biện pháp trái pháp luật. Hương ước không phải là “bản sao” của luật pháp, mà là sự bổ trợ cho pháp luật bằng những quy tắc ứng xử phù hợp với đời sống cộng đồng. Chính vì vậy, điều cần được quan tâm là lựa chọn những nội dung thật sự gần gũi với người dân, có khả năng tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức và hành vi, thay vì chỉ lặp lại các quy định đã có.

Một vấn đề đáng lưu tâm khác là vai trò của người dân trong quá trình xây dựng hương ước chưa được phát huy đầy đủ. Trên thực tế, ở một số nơi, việc xây dựng hương ước vẫn mang tính “làm thay”, chủ yếu do cán bộ hoặc một nhóm nhỏ biên soạn rồi đưa ra lấy ý kiến theo thủ tục. Người dân ít có điều kiện tham gia thảo luận thực chất về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của mình. Khi thiếu quá trình đối thoại và thống nhất từ cộng đồng, hương ước dễ trở thành sản phẩm của cơ quan quản lý hơn là cam kết tự nguyện của người dân.

Trong khi đó, giá trị cốt lõi của hương ước lại chính là tính cộng đồng. Một quy định chỉ thật sự có sức sống khi được hình thành từ ý chí chung của cộng đồng, phản ánh lợi ích chung và được đa số người dân đồng thuận. Quá trình cùng nhau bàn bạc, tranh luận và thống nhất các quy tắc ứng xử cũng chính là quá trình thực hành dân chủ ở cơ sở, góp phần hiện thực hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Khi người dân được tham gia từ đầu, họ không chỉ hiểu rõ nội dung của hương ước mà còn ý thức được trách nhiệm của mình trong việc thực hiện và giám sát thực hiện.

Bên cạnh đó, nhiều bản hương ước hiện nay vẫn còn thiếu cơ chế khuyến khích và biểu dương. Không ít văn bản chỉ dừng lại ở việc quy định những điều “không được làm” mà chưa chú trọng tôn vinh các hành vi tích cực, các điển hình tiên tiến hay những đóng góp vì lợi ích cộng đồng. Trong khi đó, một cộng đồng phát triển bền vững không chỉ cần những quy định để ngăn ngừa vi phạm mà còn cần cơ chế khơi dậy động lực, tạo sự lan tỏa của các giá trị tốt đẹp. Những hình thức biểu dương công khai, ghi nhận tại các cuộc họp dân cư hay gắn với phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa sẽ có tác động tích cực hơn nhiều so với các biện pháp mang tính răn đe đơn thuần.

Ở góc độ quản trị, những hạn chế nói trên cũng phản ánh một yêu cầu lớn hơn: đổi mới tư duy xây dựng hương ước. Nếu trước đây hương ước chủ yếu hướng đến việc duy trì trật tự trong phạm vi một làng xã truyền thống thì hiện nay, trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, chuyển đổi số và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình mới, hương ước cần trở thành công cụ kiến tạo sự đồng thuận, nâng cao năng lực tự quản và hỗ trợ chính quyền cấp xã trong quản lý cộng đồng. Muốn vậy, mỗi bản hương ước phải thực sự được “đo ni đóng giày” cho từng địa bàn, vừa kế thừa những giá trị truyền thống, vừa phản ánh những yêu cầu mới của đời sống hiện đại.

Đó cũng chính là khoảng trống cần được lấp đầy trong giai đoạn hiện nay. Khi mỗi cộng đồng đều có một bản hương ước mang đậm bản sắc riêng, được xây dựng bằng trí tuệ tập thể và được người dân tự giác thực hiện, hương ước sẽ không chỉ là một văn bản được lưu giữ trong hồ sơ hành chính mà sẽ trở thành một «khế ước xã hội» sống động, góp phần củng cố sự gắn kết cộng đồng và nâng cao chất lượng quản trị ở cơ sở. Đó là tiền đề quan trọng để mô hình chính quyền địa phương hai cấp vận hành hiệu quả, gần dân hơn và phát huy đầy đủ sức mạnh của nhân dân trong xây dựng cộng đồng văn minh, phát triển bền vững.

3. Để hương ước thực sự “sống” trong cộng đồng: Từ giá trị truyền thống đến quản trị hiện đại

Nếu coi hương ước, quy ước là “bộ luật mềm” của cộng đồng thì điều quyết định hiệu quả của thiết chế này không phải là số lượng điều khoản hay hình thức trình bày, mà chính là khả năng đi vào đời sống. Một bản hương ước chỉ thực sự có giá trị khi người dân xem đó là những nguyên tắc ứng xử của chính mình, tự giác thực hiện và cùng nhau gìn giữ. Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu ấy càng trở nên cấp thiết hơn, bởi quản trị hiện đại không chỉ dựa vào quyền lực hành chính mà còn dựa trên sự đồng thuận xã hội và năng lực tự quản của cộng đồng dân cư.

Mỗi cộng đồng cần một bản hương ước mang bản sắc riêng

Điều đầu tiên cần thay đổi là tư duy xây dựng hương ước. Không nên xem đây là một thủ tục hành chính phải hoàn thành, càng không nên coi văn bản mẫu là khuôn mẫu bắt buộc để tất cả các địa phương áp dụng giống nhau. Bản chất của hương ước là phản ánh những giá trị đặc trưng của từng cộng đồng; vì vậy, càng mang đậm bản sắc địa phương thì sức sống của hương ước càng bền vững.

Mỗi làng quê, mỗi thôn, bản hay tổ dân phố đều mang trong mình những dấu ấn riêng về lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên, nghề nghiệp truyền thống, tín ngưỡng, phong tục tập quán và các mối quan hệ cộng đồng. Những yếu tố ấy chính là “chất liệu” để hình thành các quy tắc ứng xử phù hợp với đời sống thực tiễn. Một cộng đồng ven biển sẽ có những quy định khác với một bản làng miền núi; một khu dân cư đô thị mới cũng không thể có cùng những chuẩn mực với một làng cổ có bề dày văn hóa hàng trăm năm.

Bởi vậy, quá trình xây dựng hương ước cần bắt đầu bằng việc khảo sát thực trạng đời sống cộng đồng, nhận diện những vấn đề nổi cộm, những giá trị truyền thống cần bảo tồn và những yêu cầu mới đặt ra trong quá trình phát triển. Chỉ khi xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của người dân, hương ước mới tránh được tình trạng chung chung, hình thức và thực sự trở thành “bản cam kết văn hóa” của cộng đồng. Đây cũng là tinh thần xuyên suốt được nhấn mạnh trong bản dự thảo: hương ước phải phản ánh đặc điểm địa lý, lịch sử, văn hóa của từng địa bàn, tránh sao chép máy móc và bảo đảm tính cụ thể, tính cộng đồng, tính văn hóa trong từng điều khoản.

Phát huy dân chủ ở cơ sở - nền tảng của một hương ước bền vững

Một bản hương ước sẽ khó tạo được sức lan tỏa nếu chỉ được soạn thảo bởi một vài cá nhân rồi đưa ra lấy ý kiến mang tính thủ tục. Giá trị cốt lõi của hương ước nằm ở chỗ đó là sản phẩm của sự đồng thuận cộng đồng.

Việc tổ chức các cuộc họp dân cư để cùng trao đổi, tranh luận, đề xuất và thống nhất từng nội dung không chỉ nhằm hoàn thiện văn bản mà còn là quá trình thực hành dân chủ ở cơ sở. Mỗi ý kiến đóng góp đều giúp hương ước phản ánh đầy đủ hơn nguyện vọng của người dân, đồng thời tạo sự gắn kết và trách nhiệm trong quá trình thực hiện.

Trong điều kiện chính quyền địa phương hai cấp, nguyên tắc “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” cần được cụ thể hóa ngay trong quy trình xây dựng và sửa đổi hương ước. Khi người dân được tham gia từ đầu, họ sẽ không coi hương ước là quy định của chính quyền mà là cam kết do chính mình cùng xây dựng. Đây cũng chính là cách để chuyển từ tư duy “quản lý người dân” sang

“người dân cùng tham gia quản trị cộng đồng” - một yêu cầu quan trọng của nền quản trị hiện đại.

Khơi dậy sức mạnh tự quản - giá trị cốt lõi của văn hóa cộng đồng

Trong lịch sử làng xã Việt Nam, tự quản luôn là yếu tố làm nên sức sống của hương ước. Trước khi có nhiều thiết chế quản lý hiện đại, chính tinh thần tự giác và trách nhiệm cộng đồng đã góp phần duy trì trật tự xã hội, bảo vệ các giá trị văn hóa và giải quyết nhiều vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày.

Ngày nay, khi quá trình đô thị hóa, di cư và biến đổi xã hội diễn ra nhanh chóng, tinh thần tự quản ấy càng cần được khơi dậy bằng những nội dung thiết thực hơn. Hương ước cần hướng đến việc xây dựng văn hóa ứng xử trong không gian công cộng; bảo vệ môi trường; phân loại rác tại nguồn; gìn giữ cảnh quan; xây dựng gia đình văn hóa; khuyến học, khuyến tài; hỗ trợ người yếu thế; bảo vệ trẻ em; giữ gìn an ninh, trật tự; hòa giải các mâu thuẫn ngay từ cơ sở; phát huy vai trò của người cao tuổi, người có uy tín và các tổ chức đoàn thể trong cộng đồng.

Đây đều là những lĩnh vực mà sự tham gia tự nguyện của người dân có ý nghĩa quyết định. Một cộng đồng biết cùng nhau bàn bạc, cùng nhau thực hiện và cùng nhau giám sát sẽ tạo nên sức mạnh xã hội to lớn, góp phần giảm áp lực cho bộ máy chính quyền cơ sở trong quá trình quản lý.

Đổi mới cơ chế thực hiện: lấy động viên làm trọng tâm

Một trong những hạn chế của nhiều bản hương ước hiện nay là còn thiên về quy định các hành vi cần ngăn chặn, trong khi chưa quan tâm đúng mức đến việc khuyến khích và lan tỏa những hành động tích cực.

Thực tế cho thấy, những giá trị tốt đẹp thường được nhân lên bằng sự ghi nhận hơn là bằng sự răn đe. Vì vậy, bên cạnh việc nhắc nhở, phê bình những trường hợp chưa thực hiện tốt, hương ước cần dành dung lượng thích đáng để quy định về biểu dương, khen thưởng các cá nhân, gia đình và tập thể có nhiều đóng góp cho cộng đồng. Việc biểu dương có thể được thực hiện thông qua các cuộc họp khu dân cư, Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, các phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa hoặc các hình thức tôn vinh phù hợp khác. Đây là cách tạo động lực tích cực, góp phần xây dựng văn hóa tự giác thay vì chỉ dựa vào sự nhắc nhở.

Tuy nhiên, việc biểu dương và phê bình cần được thực hiện trên tinh thần động viên, giáo dục và phù hợp với quy định của pháp luật. Như Nghị định số 61/2023/NĐ-CP đã xác định, hương ước không được đặt ra các khoản thu, hình thức phạt tiền hay các biện pháp xử lý trái pháp luật; chế tài của hương ước chủ yếu mang tính xã hội và đạo đức, dựa trên sự đồng thuận của cộng đồng.

Hương ước trong kỷ nguyên số: giữ giá trị cũ bằng phương thức mới

Một điểm cần được quan tâm trong giai đoạn hiện nay là đưa hương ước thích ứng với quá trình chuyển đổi số ở cơ sở. Chuyển đổi số không làm thay đổi bản chất của hương ước nhưng mở ra nhiều phương thức mới để phổ biến và thực hiện hiệu quả hơn.

Các địa phương có thể số hóa toàn bộ hương ước, công khai trên cổng thông tin điện tử của xã, trên nền tảng số của thôn, tổ dân phố hoặc thông qua mã QR đặt tại nhà sinh hoạt cộng đồng để người dân dễ dàng tiếp cận. Các nội dung của hương ước cũng có thể được tuyên truyền bằng infographic, video ngắn, mạng xã hội hoặc hệ thống truyền thanh cơ sở nhằm tăng tính trực quan và khả năng tiếp cận, đặc biệt đối với thế hệ trẻ.

Quan trọng hơn, việc ứng dụng công nghệ số cần hướng đến mục tiêu tăng cường sự tham gia của người dân. Những kênh góp ý trực tuyến, lấy ý kiến cộng đồng hoặc phản ánh việc thực hiện hương ước sẽ giúp chính quyền cấp xã và ban công tác mặt trận nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, từ đó thường xuyên rà soát, điều chỉnh nội dung hương ước cho phù hợp với sự phát triển của cộng đồng.

Trong tiến trình đổi mới đất nước, hương ước, quy ước không chỉ giữ nguyên giá trị truyền thống mà còn được trao thêm sứ mệnh mới trong quản trị xã hội ở cơ sở. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hương ước, quy ước ngày càng khẳng định vai trò là cầu nối giữa “phép nước” và “lệ làng”, giữa quản lý nhà nước với sức mạnh tự quản của cộng đồng.

Sức sống của hương ước không nằm ở những quy định mang tính cưỡng chế mà ở sự đồng thuận của người dân. Một bản hương ước chỉ thực sự phát huy giá trị khi được xây dựng từ thực tiễn, phản ánh bản sắc của từng cộng đồng và trở thành cam kết tự nguyện của mỗi thành viên. Đây cũng là “nguồn lực mềm” góp phần xây dựng nếp sống văn minh, củng cố đoàn kết, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền với Nhân dân.

Trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng và thực hiện hương ước cần được đổi mới theo hướng phát huy quyền làm chủ của người dân, kế thừa có chọn lọc các giá trị truyền thống, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển và chuyển đổi số. Thành công của mô hình chính quyền địa phương hai cấp không chỉ được đo bằng hiệu quả tổ chức bộ máy mà còn ở khả năng xây dựng những cộng đồng đoàn kết, văn minh và tự quản. Khi đó, hương ước, quy ước sẽ thực sự trở thành nền tảng văn hóa - xã hội quan trọng, góp phần xây dựng nền quản trị địa phương hiện đại, gần dân, vì dân và phát triển bền vững. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2022), *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, Luật số 10/2022/QH15.
2. Chính phủ (2023), *Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước*.
4. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Đào Trí Úc (chủ biên) (2003), *Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Vũ Duy Mẫn (2010), *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đinh Khắc Thuân (chủ biên) (2006), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Phan Đại Doãn (1992), *Làng Việt Nam - một số vấn đề kinh tế - xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Phan Đại Doãn (2006), *Làng Việt Nam đa nguyên và chặt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
11. Lê Đức Tiết (1998), *Về hương ước, lệ làng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Trương Vĩnh Khang (2023), “Vai trò của hương ước đối với quản lý nhà nước ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 334, tr. 27-31.
13. Sở VH TT (2025), *Hương ước các làng ở thành phố Huế*, Nxb Thuận Hóa Huế.

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DÂN CA

TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC PA HY CỦA CÂU LẠC BỘ DÂN CA XÃ BÌNH ĐIỀN

■ Bài và ảnh: HỮU UY

Năm 2023, từ sự hỗ trợ của Sở Văn hoá và Thể thao về trang phục truyền thống, nhạc cụ dân tộc và kinh phí tập huấn nghiệp vụ, truyền dạy, UBND xã Bình Điền đã triển khai mô hình Câu lạc bộ Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy trên địa bàn.

Mô hình đã được chính quyền địa phương và người dân hết sức ủng hộ bởi đã kịp thời giải quyết nhu cầu chính đáng, phù hợp mong muốn bấy lâu trong tình hình các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương có nguy cơ mai một.

Qua khảo sát của cơ quan chức năng, trên địa bàn xã Bình Điền có 7 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Pa Hy chiếm khoảng 15% dân số với 220 hộ gia đình, chủ yếu sinh sống tại thôn 1, thôn 2 và thôn 3. Tuy nhiên, trên địa bàn xã những giá trị văn hóa độc đáo như dân ca, dân vũ và nghệ thuật trình diễn dân gian đang dần bị mai một. Đặc biệt, dân ca truyền thống của người Pa Hy là một loại hình hình văn hoá dân gian đặc trưng, có giá trị nhưng chưa được phục hồi và phát huy. *Các làn điệu dân ca chứa đựng luật tục, kinh nghiệm lao động sản xuất, lịch sử tộc người và truyền thống uống nước nhớ nguồn. Thông qua lời ca và tiếng hát phản ánh các sinh hoạt văn hóa về một lễ hội, sinh hoạt trong lao động, sản xuất giúp gắn kết tình làng nghĩa xóm và các dòng họ với nhau. Hình thức của các bài hát không chỉ thể hiện tình yêu đôi lứa mà còn là cách ví von với thiên nhiên, núi rừng, phản ánh tâm hồn phong phú của người lao động. Đặc biệt giai điệu dân ca Pa Hy thường kết hợp hài hòa với thanh âm của các loại nhạc cụ bản địa như khèn, sáo, chiêng, trống và đàn xar, tạo nên nhịp điệu trầm bổng, linh thiêng và gắn liền với vũ điệu truyền thống.*

Thực trạng bảo tồn và phát huy Câu lạc bộ (CLB) Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy xã Bình Điền

Bằng sự nhiệt tình và khấn trương của xã Bình Điền, buổi đầu hình thành CLB đã quy tụ được 25 thành viên nòng cốt là những hạt nhân văn nghệ, người yêu mến và mong muốn gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc Pa Hy tại địa phương. Đó là những già làng, người cao tuổi, những anh, chị nông dân, phụ nữ hay một em học sinh.

Đến nay nhờ làm tốt công tác tuyên truyền và tạo được sức lan tỏa, câu lạc bộ đã thu hút thêm người tham gia, nâng tổng số thành viên lên 30 thành viên. Thành viên lớn tuổi nhất 84 tuổi là các nghệ nhân, già làng giàu kinh nghiệm như già Đế, già Vân, trong đó già Uối giữ vai trò cố vấn, trực tiếp truyền dạy. Thành viên nhỏ tuổi nhất (15 tuổi) là lớp trẻ kế cận tại địa phương. Qua đây cho thấy việc hình thành và phát triển của CLB đã có tính kế thừa và trao truyền bền vững giữa thế hệ đi trước và thế hệ trẻ, những người tiếp nhận và phát huy văn hóa truyền thống.

Dưới sự hướng dẫn, truyền dạy trực tiếp và tâm huyết của các nghệ nhân, già làng, toàn bộ 30 thành viên của CLB đến nay đã sử dụng một cách thuần thục, sinh động các

nhạc cụ truyền thống như cồng, chiêng, trống; thể hiện sinh động các bài hát giao duyên, hát cha chấp và các làn điệu dân ca truyền thống của dân tộc Pa Hy.

Câu lạc bộ đã đặt ra mục tiêu nghiêm túc và duy trì đều đặn hoạt

động công diễn từ một đến hai lần trong tháng. Các buổi sinh hoạt, biểu diễn được tổ chức chu đáo, nề nếp thu hút đông đảo người dân tham gia. Hoạt động của CLB không chỉ dừng lại ở việc lưu giữ và lan tỏa các giá trị dân ca truyền thống mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Góp phần tích cực vào việc bài trừ, loại bỏ các hủ tục lạc hậu; thắt chặt tinh đoàn kết cộng đồng và thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa” tại cơ sở.

Hiện nay tổ chức sinh hoạt của Câu lạc bộ Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy xã Bình Điền duy trì việc tập luyện một buổi/ngày gồm các nội dung kỹ năng biểu diễn, hát dân ca, hát cha chấp, hát giao duyên, múa dân gian, đánh trống. Ngoài việc duy trì tập luyện, các thành viên của CLB đã lồng ghép truyền dạy cho 10 cháu trong độ tuổi từ 6 tuổi đến 13 tuổi. Việc truyền dạy cho các em hát dân ca từ sớm góp phần khơi dậy tình yêu văn hoá dân gian trong thế hệ trẻ cũng như lưu giữ nét đẹp văn hóa này một cách tự nhiên trong bối cảnh văn hoá truyền thống tốt đẹp đang bị mai một theo thời gian tại địa phương.

Theo đánh giá của UBND xã Bình Điền, việc tổ chức, duy trì sinh hoạt của Câu lạc bộ Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy của xã đã mang lại một số lợi ích quan trọng trong bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Thông qua việc khai thác các giá trị văn hóa sau khi được phục dựng, CLB đã trở thành hạt nhân cốt lõi giúp hình thành và tổ chức hoạt động có hiệu quả mô hình du lịch cộng đồng tại thôn Hồng Tiến 1. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa kinh doanh ẩm thực truyền thống và sinh hoạt văn hóa dân gian. Cùng với sự ra đời của CLB Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy, địa phương đã hình thành được điểm du lịch cộng đồng Hồng Tiến 1. Nơi đây trở thành không gian giao lưu văn hóa sống động và thưởng thức ẩm thực của du khách và người dân. Du khách được thưởng thức những món truyền thống của người Pa Hy như: Cheo (món ăn nổi tiếng nhất của người Pa Hy gồm cá suối hoặc ếch được nướng chín, giã nhuyễn cùng ớt nướng, tỏi, muối và các loại lá rừng cho đến khi hơi xốp, thường dùng để ăn kèm cơm lam hoặc rau rừng); Thịt xông khói (A cút - thịt lợn, thịt trâu được tẩm ướp mắc khén, muối rồi gác bếp hun khói); Cơm nếp lam (Đooi chot/Đoop - gạo nếp than hoặc nếp dẻo bản địa nấu trong ống nứa, mang mùi thơm



của tre và lá rừng); Thịt, cá gói lá rừng nướng... Du khách đến đây không chỉ thưởng thức ẩm thực mà còn được thưởng thức, hòa mình vào những làn điệu dân ca, điệu múa truyền thống, tiếng cồng chiêng của đồng bào Pa Hy.

Việc gắn kết bảo tồn văn hóa với du lịch đã tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Qua đó, thúc đẩy hiệu quả quá trình xóa đói, giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã nói chung và đồng bào dân tộc Pa Hy nói riêng; đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo tồn văn hóa truyền thống trong tình hình mới.

Bên cạnh những kết quả rất đáng khích lệ trong việc khôi phục, bảo tồn dân ca truyền thống và bước đầu truyền dạy thành công cho lớp trẻ, CLB Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy tại xã Bình Điền vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn.

Các nhạc cụ truyền thống của người Pa Hy như kèn, khèn, đàn ta lư, hiện người dân địa phương chưa tự sản xuất ra được, việc mua sắm tốn kém, khó khăn.

Do kinh phí eo hẹp, CLB thường gặp khó khăn trong việc chuẩn bị đầy đủ lễ phục đúng chuẩn cho các buổi biểu diễn lớn hoặc khi có thành viên mới tham gia.

Do gặp khó khăn về nguồn lực dẫn tới sự bị động trong công tác sưu tầm các làn điệu cổ và truyền dạy cho thế hệ trẻ tại địa phương. Phần nào đó trong khó khăn bảo tồn, phát huy đến từ nguyên nhân một bộ phận thế hệ trẻ hiện nay ít mặn mà với văn hoá truyền thống, dân ca địa phương.

CLB hoạt động chủ yếu dựa trên tinh thần tự nguyện, xã hội hóa và một phần hỗ trợ ban đầu từ các chương trình bảo tồn văn hóa của Nhà nước. Kinh phí để duy trì sinh hoạt định kỳ, đi lại biểu diễn giao lưu, hay bồi dưỡng cho các nghệ nhân truyền dạy hầu như rất hạn chế.

Giải pháp bảo tồn và phát huy dân ca Pa Hy thông qua CLB Dân ca truyền thống của địa phương

Mở các lớp truyền dạy trực tiếp từ nghệ nhân cho thanh thiếu niên; đưa dân ca vào sinh hoạt ngoại khóa tại trường học. Việc truyền dạy trực tiếp từ nghệ nhân cho thanh thiếu niên hiện nay địa phương đang triển khai, thuận lợi là từ nguồn hỗ trợ hàng năm của nhà nước (thông qua Sở Văn hoá và Thể thao) việc truyền dạy dân ca Pa Hy đã được CLB chủ động phối hợp thực hiện. Đối với hoạt động đưa dân ca vào sinh hoạt ngoại khóa tại trường học, UBND xã Bình Điền cần có kế hoạch hàng năm phối hợp các trường học trên địa bàn để thực hiện.

Gắn hoạt động của CLB với phát triển du lịch cộng đồng tại Bình Điền để tạo



nguồn thu và quảng bá văn hóa. Nội dung này đã được địa phương tổ chức thực hiện tuy nhiên còn thụ động, đơn lẻ và chưa thật hiệu quả. Ngành Du lịch của thành phố cần đứng ra đề kêu gọi, hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương tạo sự kết nối để “điểm du lịch cộng đồng Hồng Tiến 1” trở thành điểm đến có trong bản đồ du lịch thành phố thu hút du khách và người dân. Ngoài ra, địa phương cần có kế hoạch đầu tư nâng cấp điểm du lịch cộng đồng Hồng Tiến 1 bảo đảm về cơ sở, hạ tầng liên quan phục vụ du lịch.



Đổi mới phương thức sinh hoạt, khuyến khích sáng tác thêm các tác phẩm mới trên nền điệu cũ, hỗ trợ kinh phí, trang phục và nhạc cụ cho CLB. Nội dung này cần nguồn lực tài chính để hỗ trợ nghệ nhân, trả tiền bản quyền cho người sáng tác, mua trang phục, nhạc cụ,... Đối với CLB Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy xã Bình Điền mọi hoạt động phân lớn cần sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và ngành chức năng do đó UBND xã cần có chính sách hỗ trợ cho CLB hàng năm. Trong nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030, cần ưu tiên hỗ trợ hàng năm để CLB Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy duy trì và phát triển.

Một số định hướng nhằm tiếp tục phát huy vai trò CLB Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của địa phương

Khẳng định vai trò quan trọng và cần thiết của CLB Dân ca truyền thống dân tộc Pa Hy trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của địa phương gắn với phát triển du lịch, UBND xã Bình Điền đã chỉ đạo phòng chuyên môn tham mưu tiếp tục giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm duy trì, bảo tồn bền vững các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Pa Hy. Tổ chức thêm các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao và các buổi giao lưu văn hóa nghệ thuật.

Đối với CLB, UBND xã tạo mọi điều kiện để phát huy tối đa vai trò cố vấn, dẫn dắt của các nghệ nhân, già làng uy tín trong việc truyền dạy kỹ năng sử dụng nhạc cụ và hát các làn điệu dân ca cho thế hệ trẻ.

Tiếp tục rà soát, vận động và thu hút thêm các nhân tố trẻ, học sinh trên địa bàn tham gia vào CLB nhằm tạo nguồn nhân lực kế cận. Tập trung nghiên cứu các phương án, đề án phát triển toàn diện để đưa điểm du lịch cộng đồng tại Hồng Tiến 1 trở thành điểm đến ngày càng chuyên nghiệp, có sức hấp dẫn cao đối với du khách. Chuẩn hóa các chương trình biểu diễn giao lưu nghệ thuật của CLB, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động biểu diễn dân ca, nhạc cụ truyền thống với việc giới thiệu văn hóa ẩm thực đặc trưng và trải nghiệm thực tế đời sống của người Pa Hy. Tổ chức các buổi tập huấn về kỹ năng giao tiếp, đón tiếp khách du lịch cho các thành viên trong câu lạc bộ, chuyển từ hình thức biểu diễn phong trào sang sản phẩm du lịch cộng đồng có tính chuyên nghiệp và đem lại giá trị kinh tế bền vững. ■

Đưa ca Huế vào học đường: **BỒI ĐÁP TÌNH YÊU DI SẢN CHO THẾ HỆ TRẺ**

■ Bài và ảnh: PHÒNG QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA

Chiều ngày 31 tháng 7 năm 2026, Sở Văn hóa và Thể thao (nay là Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thành phố Huế) phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức lễ bế mạc lớp tập huấn Ca Huế dành cho giáo viên âm nhạc các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố. Sau một tháng triển khai với 50 giờ học, 181 giáo viên đã hoàn thành chương trình, trở thành lực lượng quan trọng góp phần đưa Ca Huế đến gần hơn với học sinh, bồi đắp tình yêu và ý thức gìn giữ di sản văn hóa Huế cho thế hệ trẻ.

Đưa di sản Ca Huế vào môi trường học đường

Cùng với Ca trù ở miền Bắc và Đờn ca tài tử Nam Bộ, Ca Huế là một trong những loại hình âm nhạc truyền thống tiêu biểu của Việt Nam, vừa mang tính bác học, chuyên nghiệp, vừa gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa cộng đồng. Được hình thành và phát triển trên vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế, trải qua nhiều thế hệ, Ca Huế đã trở thành một thành tố quan trọng góp phần làm nên bản sắc văn hóa của vùng đất Cố đô.

Với hệ thống bài bản phong phú, giai điệu sâu lắng, tinh tế và giàu sức biểu cảm, Ca Huế không chỉ mang giá trị nghệ thuật mà còn hàm chứa những tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực hành được các thế hệ nghệ nhân, nghệ sĩ gìn giữ và trao truyền. Ca Huế đã được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể. Hiện nay, thành phố Huế đang tích cực triển khai các nhiệm vụ bảo vệ, phát huy giá trị và xây dựng hồ sơ trình UNESCO xem xét ghi danh Ca Huế vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Trong tiến trình đó, bên cạnh công tác nghiên cứu, kiểm kê, tư liệu hóa, duy trì không gian thực hành và phát huy vai trò của các nghệ nhân, nghệ sĩ, việc trao truyền Ca Huế cho thế hệ trẻ được xác định là nhiệm vụ có ý nghĩa lâu dài. Sức sống của một di sản văn hóa phi vật thể không chỉ nằm ở những giá trị được lưu giữ mà quan trọng hơn là di sản tiếp tục được cộng đồng thực hành, trao truyền và tiếp nhận qua các thế hệ.

Thực hiện Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Huế phê duyệt Đề án “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế đến năm 2030”, trong đó xác định đưa Ca Huế vào trường học là một trong những nhiệm vụ quan trọng, Sở Văn hóa và Thể thao đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức lớp tập huấn Ca Huế dành cho giáo viên âm nhạc các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố.

Việc lựa chọn giáo viên âm nhạc làm lực lượng nòng cốt có ý nghĩa thiết thực, bởi đây là đội ngũ trực tiếp tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường. Thông qua giáo viên, những kiến thức và kỹ năng cơ bản về Ca Huế có thể được chuyển

tải đến học sinh bằng nhiều hình thức phù hợp với lứa tuổi, từ tiết học âm nhạc, hoạt động ngoại khóa đến sinh hoạt câu lạc bộ và các chương trình trải nghiệm văn hóa. Qua đó, Ca Huế từng bước trở nên gần gũi hơn với học sinh ngay từ những năm đầu của quá trình giáo dục.



Từ lớp tập huấn đến trải nghiệm thực hành di sản

Lớp tập huấn được triển khai trong thời gian một tháng, với tổng thời lượng 50 giờ học và sự tham gia của 181 giáo viên âm nhạc các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Huế. Chương trình được xây dựng theo hướng kết hợp giữa trang bị kiến thức, hướng dẫn thực hành và tạo điều kiện để học viên trực tiếp tiếp cận, trải nghiệm Ca Huế.

Trong quá trình tập huấn, các học viên được đội ngũ nghệ nhân, nghệ sĩ và giảng viên giới thiệu những kiến thức tổng quan về lịch sử hình thành và phát triển của Ca Huế; đặc trưng nghệ thuật; hệ thống làn điệu, bài bản; giá trị văn hóa, nghệ thuật cũng như những nội dung cơ bản về bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

Bên cạnh kiến thức lý thuyết, chương trình đặc biệt chú trọng thực hành. Các giáo viên được hướng dẫn một số làn điệu dân ca Huế, bài bản Ca Huế và những kỹ năng biểu diễn cơ bản. Qua từng buổi học, giáo viên không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn trực tiếp tham gia thực hành, từ đó cảm nhận sâu sắc hơn những nét tinh tế trong giai điệu, lời ca và phong cách thể hiện của Ca Huế.

Một trong những điểm nổi bật của chương trình là hoạt động giao lưu, thực hành cùng các nghệ nhân, nghệ sĩ của Câu lạc bộ Ca Huế thính phòng. Việc tiếp xúc trực tiếp với những người đang nắm giữ và thực hành di sản giúp các giáo viên hiểu rõ hơn về kỹ thuật ca hát, cách thể hiện sắc thái, tình cảm, phong cách trình diễn cũng như những đặc trưng của môi trường diễn xướng Ca Huế.

Sự tham gia tâm huyết của đội ngũ giảng viên, nghệ sĩ, nghệ nhân thuộc Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật thành phố Huế và Câu lạc bộ Ca Huế thính phòng đã góp phần quan trọng vào kết quả của lớp tập huấn. Không chỉ truyền đạt kiến thức và kỹ năng, các giảng viên, nghệ nhân, nghệ sĩ còn chia sẻ kinh nghiệm thực hành, truyền cảm hứng và giúp đội ngũ giáo viên nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của mình trong việc đưa di sản đến với thế hệ trẻ.

Lễ bế mạc lớp tập huấn được tổ chức đã đánh dấu kết thúc một tháng học tập và thực hành Ca Huế của 181 giáo viên. Tại buổi bế mạc, các học viên đã trình diễn một số tiết mục được học và thực hành trong chương trình. Những lời ca, làn điệu được thể hiện cho thấy kết quả tích cực của quá trình tập huấn, đồng thời thể hiện tinh thần nghiêm túc, sự nỗ lực và niềm yêu thích Ca Huế của đội ngũ giáo viên.

Dịp này, Ban Tổ chức đã trao Giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn cho 181

giáo viên, ghi nhận quá trình học tập, thực hành và rèn luyện của các học viên. Kết quả của khóa học cũng tạo cơ sở để đội ngũ giáo viên tiếp tục vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được trang bị vào hoạt động giáo dục nghệ thuật tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố.

Đề Ca Huế được tiếp nối trong thế hệ trẻ

Ý nghĩa của lớp tập huấn không chỉ được thể hiện qua những kiến thức và kỹ năng mà 181 giáo viên tiếp nhận sau 50 giờ học, mà quan trọng hơn là từng bước hình thành đội ngũ có khả năng giới thiệu, hướng dẫn và lan tỏa giá trị Ca Huế trong môi trường giáo dục.

Từ những kiến thức và kỹ năng được trang bị, giáo viên có thể vận dụng linh hoạt vào hoạt động giảng dạy âm nhạc, chương trình giáo dục địa phương, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt câu lạc bộ và các chương trình trải nghiệm văn hóa - nghệ thuật phù hợp với điều kiện của từng trường. Qua đó, học sinh không chỉ tìm hiểu Ca Huế qua sách vở mà còn có cơ hội được nghe, tìm hiểu, trải nghiệm và từng bước thực hành những làn điệu, bài bản phù hợp với lứa tuổi.

Đưa Ca Huế vào trường học không đơn thuần là bổ sung một nội dung giáo dục nghệ thuật mà còn là một phương thức trao truyền di sản trong bối



cảnh đương đại. Việc tạo điều kiện để học sinh tiếp xúc với Ca Huế từ sớm sẽ góp phần bồi đắp tình yêu quê hương, niềm tự hào về văn hóa Huế, qua đó từng bước hình thành ý thức và trách nhiệm gìn giữ di sản văn hóa trong thế hệ trẻ.

Lớp tập huấn cũng góp phần tăng cường sự kết nối giữa ngành văn hóa và ngành giáo dục, giữa nhà trường với các cơ sở đào tạo, nghệ nhân và nghệ sĩ đang trực tiếp thực hành Ca Huế. Đây là cơ sở quan trọng để trong thời gian tới tiếp tục nghiên cứu xây dựng học liệu Ca Huế phù hợp; tổ chức các chương trình giao lưu, trải nghiệm; từng bước hình thành và duy trì các câu lạc bộ Ca Huế trong trường học; đồng thời tạo điều kiện để nghệ nhân, nghệ sĩ tham gia trực tiếp vào quá trình trao truyền di sản cho giáo viên và học sinh.

Từ 181 giáo viên được tập huấn, những kiến thức, kỹ năng và tình yêu đối với Ca Huế sẽ tiếp tục được lan tỏa đến nhiều thế hệ học sinh. Mỗi tiết học, mỗi hoạt động trải nghiệm hay câu lạc bộ Ca Huế trong trường học sẽ góp phần tạo nên những không gian để di sản được giới thiệu, thực hành và trao truyền một cách tự nhiên, sinh động.

Đưa Ca Huế vào học đường chính là đưa di sản đến gần hơn với thế hệ tương lai. Từ những nền tảng được tạo dựng hôm nay, tình yêu và sự hiểu biết về Ca Huế sẽ từng bước được bồi đắp trong mỗi học sinh, góp phần để những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng đất Cố đô tiếp tục được gìn giữ, trao truyền và phát huy bền vững trong đời sống đương đại. ■

BẢN SẮC ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý CHÍ CỘNG ĐỒNG

qua việc đặt tên một chiếc cầu

■ YÊN CHI

Nằm trong dự án tuyến đường bộ ven biển và cầu qua cửa biển Thuận An với tổng mức đầu tư giai đoạn hoàn thiện 3.496 tỷ đồng, cây cầu dài 2,36km, có quy mô kiến trúc và kỹ thuật nổi bật, nối từ Cồn Châu đến đường Hoàng Sa. Công trình đã hợp long ngày 30/4/2025 và thông xe kỹ thuật ngày 30/4/2026. Với quy mô đặc biệt, đây không chỉ là một cây cầu lớn của Huế mà còn là một công trình vượt cửa biển có vị thế nổi bật ở khu vực miền Trung.

Nhưng điều quan trọng hơn chiều dài hay giá trị đầu tư chính là những gì cây cầu có thể tạo ra sau khi đi vào cuộc sống. Bởi một cây cầu, trước hết, là một công trình giao thông, nhưng có những cây cầu, từ khi xuất hiện, đã vượt ra khỏi ý nghĩa thuần túy của bê tông, cốt thép và những nhịp nối hai bờ, mà thực sự trở thành một dấu mốc địa lý, một biểu tượng của sự thay đổi, thậm chí là nơi kết tinh ký ức, bản sắc và khát vọng phát triển của cả một vùng đất. Cầu vượt cửa biển Thuận An hoàn toàn có thể trở thành một công trình như thế.

Trong một thời gian dài, cửa biển Thuận An vừa là nơi giao hòa giữa sông, phá và biển, vừa tạo nên một sự phân cách tự nhiên giữa những khu vực dân cư, không gian kinh tế và những tuyến giao thông ven biển. Vì vậy, cây cầu vượt cửa biển Thuận An chắc chắn không đơn giản chỉ là rút ngắn quãng đường, mà còn có khả năng nối lại những không gian vốn bị chia cắt, mở thông trục phát triển ven biển và tạo ra một cấu trúc phát triển mới cho toàn khu vực phía đông thành phố. Nếu được khai thác đúng hướng, cây cầu sẽ trở thành một hạ tầng nền quan trọng cho phát triển đô thị, kinh tế biển, dịch vụ, du lịch và khai thác tổng hợp tiềm năng vùng đầm phá - ven biển. Nó có thể tạo sức bật mới cho Thuận An, kết nối khu vực này sâu hơn với trung tâm đô thị Huế và với những không gian phát triển mới của thành phố.

Chính vì vậy, câu chuyện đặt tên cho cây cầu không nên được nhìn như một thủ tục hành chính cuối cùng sau khi công trình hoàn thành, mà đó là một việc làm mang ý nghĩa văn hóa sâu sắc.

Một cái tên được lựa chọn hôm nay có thể tồn tại hàng trăm năm sau. Qua thời gian, tên cầu sẽ đi vào bản đồ, vào địa chỉ, vào giao tiếp hằng ngày, rồi đi vào ký ức của các thế hệ. Vì vậy, một cái tên phù hợp không chỉ phải “đúng” về pháp lý mà còn phải “trúng” về văn hóa, lịch sử và tình cảm cộng đồng.

Dự thảo đề án đặt tên cầu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đưa ra một nguyên tắc đáng chú ý: tên gọi phải bảo đảm tính đại diện, định danh, định vị, dễ tiếp nhận; phải thể hiện bản sắc văn hóa, hài hòa với truyền thống địa phương và nhận được sự đồng thuận của Nhân dân.

Đó là những nguyên tắc rất cần thiết. Bởi Thuận An không phải là một vùng đất vô danh.

Cửa biển Thuận An đã có một lịch sử lâu dài với nhiều tên gọi khác nhau như Cửa Eo, Yêu Hải Môn, Noãn Hải Môn, Nhuyễn Hải Môn hay Nộn Môn. Năm 1813, vua



Ảnh: Lê Đình Hoàng

Gia Long đặt tên là Thuận An, với ý nghĩa về sự thuận lợi, bình an cho giao thông, giao thương và đời sống cư dân vùng biển. Thời Minh Mạng, cửa biển Thuận An với tên gọi “Thuận An hải khẩu” đã được khắc trên Nghị Đình trong Cửu Đình của triều Nguyễn. Thời Thiệu Trị, cửa Thuận An được nhà vua bình chọn là một trong 20 cảnh đẹp Thần Kinh với cảnh “Thuận hải quy phàm” (Thuyền về cửa Thuận). Thuận An cũng là nơi từng chứng kiến những trận đánh oai hùng của quan quân nhà Nguyễn chống lại quân xâm lược Pháp cuối thế kỷ XIX...

Vì vậy, đằng sau một địa danh là cả một tầng sâu lịch sử. Nhưng lịch sử của vùng đất không chỉ nằm trong những danh xưng được ghi trong chính sử, mà còn sống trong những tên làng, tên xóm, trong ký ức dân gian và trong sự gắn bó của cộng đồng cư dân qua nhiều thế hệ.

Đó cũng chính là ý nghĩa đáng chú ý của phương án đặt tên cầu là “Thai Dương”.

Thai Dương là tên gọi gắn với các thôn làng lâu đời của khu vực gồm Thai Dương Thượng, Thai Dương Hạ và những cộng đồng cư dân nay cùng thuộc không gian phường Thuận An. Đây là một địa danh có chiều sâu bản địa, gắn trực tiếp với đời sống của cộng đồng cư dân ven biển, với nữ thần Thai Dương và lễ hội Cầu ngư nổi tiếng...

Nhưng điều đáng suy nghĩ hơn cả là nguyện vọng của chính cộng đồng.

Trong đợt lấy ý kiến tại 28 tổ dân phố của phường Thuận An vừa qua, có 11.534 đại diện hộ gia đình tham gia và toàn bộ số người được ghi nhận đã kiến nghị lựa chọn tên cầu Thai Dương. Trong khi đó, ở vòng lấy ý kiến đầu tiên, 11/12 thành viên Hội đồng Tư vấn lại lựa chọn phương án Cửa Thuận. Sau khi xem xét ý kiến Nhân dân và tiến hành lấy ý kiến lần thứ hai, kết quả đảo chiều: 11/12 thành viên Hội đồng Tư vấn thống nhất phương án Thai Dương.

Diễn biến ấy chứa đựng một ý nghĩa lớn hơn bản thân việc lựa chọn tên cầu, bởi nó cho thấy một công trình công cộng, dù được đầu tư bởi Nhà nước và được quyết định qua các thiết chế quản lý, cuối cùng vẫn phải trở thành một phần đời sống của Nhân

dân. Vì thế, tiếng nói của cộng đồng địa phương là một yếu tố cần được tôn trọng. Cũng chính vì vậy, ngày 06/8/2026, UBND thành phố đã có văn bản số 11831/UBND-CN đề nghị các cơ quan liên quan tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi của Nhân dân về tên gọi để đặt cho cầu qua cửa biển Thuận An.

Cộng đồng là người giữ ký ức lâu dài nhất của một vùng đất. Các nhà quản lý có thể thay đổi, quy hoạch có thể điều chỉnh, địa giới hành chính có thể được sắp xếp lại, nhưng những tên làng, tên đất vẫn có một sức sống đặc biệt. Chúng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, tồn tại trong gia phả, đình làng, lễ hội, tín ngưỡng, trong những câu chuyện gia đình và trong cách người dân định vị quê hương mình.

Bởi vậy, lựa chọn một địa danh truyền thống cho một công trình hiện đại cũng có thể được xem như một cách nối quá khứ với tương lai.

Tất nhiên, trong trường hợp cây cầu vượt ngay cửa biển Thuận An, câu hỏi “vì sao không gọi là cầu Thuận An?” là hoàn toàn tự nhiên.

Thuận An là một danh xưng đẹp, lâu đời, có sức nhận diện rất lớn. Tuy nhiên, tên “cầu Thuận An” đã được sử dụng cho cây cầu qua phá Tam Giang từ năm 2007 và đã quen thuộc trong đời sống người dân. Việc dùng lại cùng một tên cho hai cây cầu trong cùng một khu vực sẽ tạo nguy cơ nhầm lẫn trong định danh, giao thông, địa chỉ và quản lý đô thị.

Phương án “Cửa Thuận” có ưu điểm là dễ nhận biết, gắn trực tiếp với vị trí cửa biển. Nhưng so với một địa danh đã sống lâu trong cộng đồng, “Cửa Thuận” vẫn mang dáng dấp của một danh xưng được cấu tạo mới.

Trong tương quan ấy, “Thai Dương” có một lợi thế riêng: đó là một tên gọi bản địa, không trùng lặp, có ký ức cộng đồng và có khả năng tạo ra một nhận diện mới.

Vấn đề còn lại là phải làm cho tên gọi ấy thực sự có sức sống.

Nếu cây cầu mang tên Thai Dương, việc đặt tên không nên kết thúc ở một tấm biển gắn hai đầu cầu, mà thành phố cần tiếp tục kể câu chuyện về địa danh Thai Dương, về lịch sử vùng cửa biển Thuận An, về cộng đồng cư dân biển, về quá trình hình thành và phát triển của vùng đất này. Bởi một cây cầu lớn cần một câu chuyện lớn.

Có thể trong tương lai, Thai Dương không chỉ là tên cầu mà còn trở thành một điểm nhận diện của khu vực phía đông Huế; là nơi du khách dừng lại ngắm cửa biển, đầm phá và biển Đông; là một biểu tượng cho sự chuyển mình của Thuận An từ một không gian ven biển còn nhiều hạn chế về kết nối thành một cực phát triển mới của thành phố.

Khi ấy, tên cầu vừa phải nhìn về quá khứ, vừa phải hướng đến tương lai.

Đó cũng chính là ý nghĩa sâu xa của việc đặt tên cho những công trình công cộng lớn. Không phải để tìm một cái tên thật kêu, càng không phải để đáp ứng một thủ tục quản lý, mà là tìm ra một danh xưng có khả năng dung hòa ba yếu tố: lịch sử của vùng đất, tình cảm của cộng đồng và khát vọng của thời đại.

Cầu vượt cửa biển Thuận An đang nối hai bờ của một cửa biển. Nhưng điều người ta kỳ vọng ở công trình hơn 3.000 tỷ đồng này còn lớn hơn thế: chiếc cầu phải nối những không gian phát triển từng bị chia cắt, nối đô thị với biển, nối di sản với tương lai và tạo nền tảng cho sự bứt phá của toàn khu vực Thuận An.

Nếu cái tên “Thai Dương” được lựa chọn trên nền tảng ấy, thì nó không chỉ là sự trở lại của một địa danh truyền thống, mà còn có thể mang một ý nghĩa rất đẹp: đưa ký ức của cộng đồng bước lên một công trình của tương lai. ■

BÓNG ĐÁ HUẾ,

trở lại hạng Nhất, hướng tới tương lai

■ Bài và ảnh: KIM PHỤNG

Sau những nỗ lực không ngừng, bóng đá Huế đã trở lại Giải bóng đá hạng Nhất quốc gia - một dấu mốc đáng tự hào, mang ý nghĩa đặc biệt đối với đội bóng và đông đảo người hâm mộ Cố đô. Đây không chỉ là thành quả của một mùa giải mà còn là kết quả của quá trình kiên trì xây dựng, vượt qua nhiều khó khăn và nỗ lực của các cầu thủ, ban huấn luyện cùng những người làm bóng đá Huế. Trở lại hạng Nhất cũng



Hội Cổ động viên luôn "cháy" hết mình cùng đội bóng

mở ra một chặng đường mới, đặt ra yêu cầu cao hơn trong việc củng cố lực lượng, nâng cao chất lượng chuyên môn và xây dựng nền bóng đá phát triển ổn định, bền vững trong tương lai.

Từ tình yêu đến khát vọng phát triển

Bóng đá từ lâu đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân Cố đô. Qua nhiều thế hệ, bóng đá Huế không đơn thuần là một đội bóng thi đấu tại các giải quốc gia mà còn là niềm tự hào, là ký ức và là tình yêu của đông đảo người dân địa phương cũng như những người con xa quê. Từ những ngày sân vận động Tự Do luôn chật kín khán giả cho đến những giai đoạn khó khăn nhất, tình cảm của người hâm mộ dành cho đội bóng quê hương vẫn luôn được gìn giữ và tiếp nối qua nhiều thế hệ.

Không phải ngẫu nhiên mà bóng đá luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của xã hội. Đây là môn thể thao có sức lan tỏa mạnh mẽ, có khả năng kết nối cộng đồng,

khơi dậy tinh thần đoàn kết, niềm tự hào quê hương và truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ. Đối với người dân Huế, bóng đá không chỉ là thắng thua trên sân cỏ mà còn là cảm xúc, là niềm vui cuối tuần, là nơi gửi gắm niềm tin và hy vọng. Hình ảnh lá cờ, tiếng trống, tiếng hò reo trên khán đài sân Tự Do đã trở thành kỷ ức đẹp của biết bao thế hệ người dân xứ Huế.

Trong nhiều năm qua, bóng đá Huế luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo địa phương và đông đảo người dân. Đây không chỉ là lĩnh vực thể thao đơn thuần mà còn gắn liền với đời sống tinh thần và tình cảm của người hâm mộ Cố đô. Mỗi bước phát triển hay khó khăn của đội bóng đều tác động trực tiếp đến sự quan tâm và kỳ vọng của nhân dân. Chính vì vậy, việc xây dựng định hướng phát triển bóng đá Huế cần được nhìn nhận bằng tầm nhìn dài hạn, phù hợp với xu thế bóng đá chuyên nghiệp hiện nay.

Khác với nhiều môn thể thao khác, bóng đá chuyên nghiệp đòi hỏi một hệ thống quản lý riêng biệt, có chiến lược đào tạo bài bản, vận hành liên tục và mang tính chuyên môn cao. Công tác quản lý bóng đá không chỉ dừng lại ở việc tổ chức tập luyện, thi đấu mà còn bao gồm đào tạo trẻ, xây dựng lực lượng kế thừa, kết nối với các câu lạc bộ trong cả nước, huy động nguồn lực xã hội hóa và xây dựng thương hiệu đội bóng lâu dài.

Muốn bóng đá phát triển bền vững thì phải có tính hệ thống và đặc biệt phải bảo đảm nguồn kinh phí ổn định. Từ đào tạo trẻ, đội một, huấn luyện, cơ sở vật chất đến thi đấu đều cần được đầu tư đồng bộ. Trong đó, nguồn xã hội hóa, trước mắt là tài trợ từ doanh nghiệp, tổ chức... có vai trò



Niềm vui ngày trở lại sân chơi chuyên nghiệp của CLB Bóng đá Huế

rất quan trọng để bổ sung nguồn lực cho đội bóng. Chỉ khi được vận hành đúng định hướng, bóng đá Huế mới có điều kiện phát triển ổn định và lâu dài.

Dấu mốc trở lại giải hạng Nhất

Sau những nỗ lực không ngừng, bóng đá Huế đã đạt được một dấu mốc quan trọng khi giành quyền thăng hạng Nhất quốc gia mùa giải 2026/2027. Đây là thành quả có ý nghĩa đặc biệt đối với tập thể ban huấn luyện, các cầu thủ, những người làm bóng đá và đông đảo người hâm mộ Cố đô. Tấm vé trở lại sân chơi hạng Nhất không chỉ là kết quả của một mùa giải mà còn là sự ghi nhận cho quá trình nỗ lực, vượt qua khó khăn và kiên trì xây dựng bóng đá Huế trong thời gian qua.

Thăng hạng là một cột mốc mới trên hành trình phát triển. Sân chơi hạng Nhất quốc gia có tính cạnh tranh cao hơn, yêu cầu về chuyên môn, lực lượng, cơ sở vật chất, tài



*Cầu thủ Nguyễn Lương Tuấn Khải
trong màu áo U23 Việt Nam*

chính, công tác tổ chức và quản trị đội bóng cũng ngày càng cao. Vì vậy, bóng đá Huế cần tiếp tục có những bước đi căn cơ, chủ động chuẩn bị về mọi mặt để có thể duy trì vị trí, nâng cao chất lượng thi đấu và hướng đến những mục tiêu cao hơn trong tương lai.

Đào tạo trẻ - nền tảng cho tương lai

Một dấu ấn đáng ghi nhận của bóng đá Huế trong những năm gần đây là công tác đào tạo trẻ ngày càng khẳng định được chất lượng, từng bước tạo nguồn cầu thủ cho các đội tuyển trẻ quốc gia. Nhiều cầu thủ trưởng thành từ bóng đá Huế đã được triệu tập vào các đội tuyển trẻ Việt Nam, qua đó cho thấy công tác đào tạo, huấn luyện trẻ của bóng đá Huế đang có những bước tiến tích cực.

Đặc biệt, trong năm 2026, bóng đá Huế có 4 cầu thủ được triệu tập vào các đội tuyển quốc gia ở các lứa tuổi, gồm Phạm Minh Cương (U17), Đào Quốc Long (U19), Nguyễn Lương Tuấn Khải và Hoàng Quang Dũng (U23). Đây không chỉ là niềm tự hào của các cầu thủ và gia đình, mà còn là sự ghi nhận đối với những nỗ lực của đội ngũ huấn luyện viên và những người làm công tác đào tạo trẻ bóng đá Huế.

Từ những sân bóng, những buổi tập đầu tiên của các cầu thủ trẻ đến khi khoác lên mình màu áo đội tuyển quốc gia là cả một quá trình dài đòi hỏi sự kiên trì, tâm huyết và trách nhiệm của nhiều thế hệ những người làm bóng đá. Mỗi cầu thủ được triệu tập vào đội tuyển không chỉ là niềm vui của cá nhân mà còn là thành quả chung của cả một hệ thống đào tạo.

Vì vậy, bên cạnh mục tiêu xây dựng đội một thi đấu ổn định tại giải hạng Nhất quốc gia và xa hơn là hướng tới giấc mơ V-League, bóng đá Huế cần tiếp tục quan tâm, đầu tư cho công tác đào tạo trẻ, xây dựng hệ thống các tuyến kế cận và tạo điều kiện để những tài năng trẻ có môi trường phát triển tốt nhất.

4 cái tên được triệu tập vào các đội tuyển trong năm 2026 không chỉ là những con số về thành tích, mà còn là tín hiệu tích cực cho một thế hệ mới của bóng đá Huế. Nếu được quan tâm đúng mức, có môi trường tập luyện, thi đấu và phát triển phù hợp, những cầu thủ này sẽ là lực lượng quan trọng đóng góp cho đội bóng Huế trong tương lai, đồng thời tiếp tục góp phần khẳng định vị thế của bóng đá Huế trên bản đồ bóng đá Việt Nam.

Giữ bản sắc, xây dựng nền bóng đá bền vững

Thực tiễn tại nhiều địa phương cho thấy, khi bóng đá được quản lý theo mô hình chung, thiếu cơ chế vận hành chuyên biệt và định hướng phát triển dài hạn thì rất khó duy trì sự ổn định cũng như phát triển bền vững. Có những địa phương từng sở hữu đội bóng thi đấu ở các giải chuyên nghiệp nhưng sau những thay đổi về mô hình và nguồn

lực, đội bóng không còn duy trì được vị trí vốn có, thậm chí có nơi phải dừng hoạt động chuyên nghiệp.

Đó là bài học rất đáng suy ngẫm đối với bóng đá Huế. Việc giành quyền trở lại giải hạng Nhất là thành quả đáng tự hào, nhưng để giữ được thành quả đó và phát triển xa hơn lại là một nhiệm vụ lâu dài. Nếu không có định hướng đúng đắn, cơ chế phù hợp và sự đầu tư tương xứng, nguy cơ mất ổn định hoặc tụt hậu vẫn có thể xảy ra.

Trong khi đó, Huế là vùng đất có truyền thống bóng đá lâu đời, có lực lượng người hâm mộ trung thành, có nền tảng đào tạo trẻ và có bản sắc riêng mà không phải địa phương nào cũng có được. Đây chính là những giá trị quý báu cần được gìn giữ và phát huy.

Phát triển bóng đá Huế vì thế không chỉ là câu chuyện của một đội bóng hay một mùa giải. Đó phải là chiến lược lâu dài, trong đó đào tạo trẻ là nền móng, đội một là hình ảnh đại diện, cơ sở vật chất là điều kiện bảo đảm, nguồn lực xã hội hóa là động lực và người hâm mộ là một phần không thể thiếu trong hành trình phát triển.

Đội bóng tồn tại không chỉ để thi đấu mà còn để phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân, kết nối cộng đồng và nuôi dưỡng niềm tự hào quê hương. Vì vậy, mọi định hướng phát triển cần đặt lợi ích lâu dài của bóng đá Huế và tình cảm, kỳ vọng của người hâm mộ lên hàng đầu.

Người hâm mộ - nguồn sức mạnh của bóng đá Huế

Người hâm mộ Huế luôn dành cho đội bóng một tình cảm đặc biệt. Ngay trong những giai đoạn khó khăn, khán giả vẫn đến sân, dõi theo từng trận đấu và dành cho các cầu thủ sự động viên chân thành. Chính tình cảm bền bỉ và sự đồng hành ấy đã trở thành nguồn động lực lớn để bóng đá Huế vượt qua thử thách, tiếp tục duy trì và phát triển.



Niềm vui chiến thắng của các cầu thủ Huế

Với người dân Cố đô, mỗi trận đấu của đội bóng không đơn thuần là một cuộc tranh tài. Đó còn là dịp để gặp gỡ, chia sẻ cảm xúc và thể hiện tình yêu với quê hương. Một chiến thắng của đội bóng có thể mang đến niềm vui cho hàng nghìn người; một cầu thủ trẻ trưởng thành từ bóng đá Huế và được khoác áo đội tuyển quốc gia cũng có thể trở thành niềm tự hào chung của cả cộng đồng.

Bởi vậy, việc bóng đá Huế trở lại giải hạng Nhất không chỉ là niềm vui của những người trực tiếp làm bóng đá mà còn là món quà ý nghĩa dành cho những người đã luôn tin tưởng, đồng hành và chờ đợi đội bóng trở lại sân chơi có vị trí cao hơn.

Hướng tới tương lai

Chặng đường phía trước còn nhiều khó khăn. Bóng đá hiện đại đòi hỏi nguồn lực lớn, tính chuyên nghiệp cao và khả năng thích ứng nhanh. Vì vậy, nguồn kinh phí là điều kiện quan trọng để bóng đá Huế duy trì và phát triển ổn định. Trước mắt, bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước theo quy định, cần



Với người dân Huế, bóng đá luôn là món ăn tinh thần...

đặc biệt quan tâm huy động nguồn lực xã hội hóa, nhất là nguồn tài trợ từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và những người yêu bóng đá Huế. Đây là nguồn lực thiết thực để phục vụ đào tạo, huấn luyện, thi đấu, chăm lo đời sống cầu thủ và nâng cao chất lượng hoạt động của đội bóng.

Đồng thời, cần xây dựng hình ảnh bóng đá Huế theo hướng chuyên nghiệp, văn minh và gần gũi với người hâm mộ. Công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh đội bóng, kết nối với doanh nghiệp, cộng đồng và người hâm mộ cũng cần được quan tâm đúng mức. Khi đội bóng có bản sắc, có hình ảnh và có sự gắn kết với cộng đồng, bóng đá sẽ không chỉ phát triển trên sân cỏ mà còn tạo ra những giá trị tích cực ngoài sân cỏ.

Đặc biệt, cần tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống đào tạo trẻ. Những cầu thủ như Phạm Minh Cường, Đào Quốc Long, Nguyễn Lương Tuấn Khải và Hoàng Quang Dũng là những tín hiệu đáng mừng cho tương lai. Thành công của các em hôm nay cần được xem là động lực để bóng đá Huế tiếp tục tìm kiếm, đào tạo và trao cơ hội cho nhiều tài năng trẻ hơn nữa.

Có thể tin rằng, với sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, sự đồng hành của doanh nghiệp, sự tâm huyết của những người làm bóng đá, sự nỗ lực của các cầu thủ và đặc biệt là tình yêu của người hâm mộ, bóng đá Huế sẽ tiếp tục được duy trì, củng cố và phát triển theo hướng chuyên nghiệp, ổn định và bền vững.

Tám vé trở lại giải hạng Nhất hôm nay là một dấu mốc đáng tự hào, nhưng hành trình phía trước còn dài. Đó là hành trình xây dựng một nền bóng đá Huế có chiều sâu, có bản sắc, có lực lượng kế thừa và đủ sức cạnh tranh trong môi trường bóng đá chuyên nghiệp.

Giữ bóng đá Huế không chỉ là giữ một đội bóng. Đó còn là giữ gìn một phần ký ức, tình yêu, niềm tự hào và đời sống tinh thần của người dân Cố đô. Trở lại hạng Nhất là niềm vui của hôm nay; xây dựng một nền bóng đá Huế vững mạnh, có sức sống lâu dài mới là mục tiêu của ngày mai. ■

DÂN CA 3 MIỀN -

Giữ gìn và lan tỏa mạch nguồn dân ca

■ Bài và ảnh: HẰNG NGUYỄN*

Nằm trong chuỗi hoạt động của Lễ hội mùa Hạ - Festival Huế 2026, Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) thành phố Huế tổ chức Hội diễn Dân, Hát dân ca ba miền năm 2026. Đây là hoạt động văn hóa có quy mô toàn quốc, là dịp để các địa phương giới thiệu, quảng bá, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống của các làn điệu dân ca, nhạc cụ dân tộc gắn với đời sống và lao động sản xuất của từng vùng miền; đồng thời tạo không gian giao lưu, hội tụ và lan tỏa tinh hoa văn hóa Bắc - Trung - Nam, khơi dậy niềm tự hào và ý thức gìn giữ, trao truyền các làn điệu dân ca trong đời sống hôm nay.

Khẳng định sức sống của dân ca trong thời kỳ hội nhập

Trong đời sống tinh thần của người Việt Nam, dân ca là một mạch nguồn văn hóa vô giá, âm thầm chảy qua bao thế hệ. Trên dải đất hình chữ S thân thương, mỗi miền quê, mỗi dòng sông, mỗi vùng đất đều lưu giữ những sắc màu văn hóa riêng, góp phần tạo nên bản sắc Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Từ những câu quan họ đầm thắm nơi miền Kinh Bắc, những điệu



Tiết mục tham gia của đoàn Nghệ thuật quần chúng thành phố Huế

hò sâu lắng trên khúc ruột miền Trung đến những làn điệu ngọt ngào giữa miền sông nước phương Nam, dân ca đã trở thành tiếng nói của tâm hồn dân tộc, lưu giữ ký ức quê hương và tình yêu đất nước qua bao thế hệ.

Những làn điệu quan họ, ví giặm, hát xoan, bài chòi, hò Huế, đờn ca tài tử... được hình thành từ lao động sản xuất, từ bến nước, con đò, phiên chợ, hội làng; gửi gắm đạo lý ứng xử, tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình và khát vọng sống của cộng đồng. Mỗi làn điệu mang đậm dấu ấn của một vùng văn hóa, gắn bó với phong tục, tín ngưỡng, ngôn ngữ và lối sống của cư dân bản địa. Vì thế, dân ca không chỉ là di sản nghệ thuật mà còn là chứng nhân lịch sử của quá trình dựng nước và giữ nước, góp phần khẳng định căn cước văn hóa Việt Nam qua những biến thiên của thời gian.

* Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố Huế.

Hệ thống nhạc cụ dân tộc được trình diễn qua nhiều loại hình như đệm hát, độc tấu, hòa tấu, múa... với sứ mệnh chuyên chở những ký ức văn hóa xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Tiếng đàn bầu gợi nhớ cội nguồn, tiếng khèn mở ra không gian núi rừng, âm vang công chiêng biểu trưng cho sự kết nối giữa con người với thần linh, còn những điệu hò, điệu lý đưa con người xích lại gần nhau giữa mệnh mang sông nước... Tất cả



Trao Huy chương Vàng cho các tiết mục tại Lễ Bể mạc

đã tạo nên bản hòa ca của thanh âm nguồn cội, của tình yêu quê hương đất nước. Nhiều nhạc cụ truyền thống hiện diện trong các loại hình Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO ghi danh như Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên hay Đờn ca tài tử Nam Bộ, Nhã nhạc cung đình Huế.

Xuyên suốt Hội diễn là những đêm nghệ thuật hòa quyện giữa âm thanh và ánh sáng, thể hiện sức sáng tạo không giới hạn của các nghệ nhân, nghệ sĩ trên nền tảng các giá trị cốt lõi của di sản dân ca. Thông qua các chương trình nghệ thuật, khán giả và du khách có dịp cảm nhận một diện mạo mới của dân ca hôm nay - vẫn giữ trọn giá trị truyền thống nhưng mang sức sống bền bỉ, mãnh liệt, bắt nguồn từ lao động, lắng lẽ thấm sâu và lan tỏa trong đời sống đương đại. Đây không chỉ là sự hội tụ của những giá trị di sản mà còn là sự kết tinh của sức sống văn hóa dân tộc, nơi mỗi giai điệu trở thành sứ giả kết nối quá khứ với hiện tại.

Ông Nguyễn Quốc Huy, Phó Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Hội diễn nhấn mạnh: Đảng và Nhà nước luôn xác định bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có dân ca, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển văn hóa.

Đặc biệt, việc tổ chức Hội diễn là hoạt động thiết thực nhằm triển khai các chủ trương lớn của Đảng về phát triển văn hóa, nhất là Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; phát huy sức mạnh con người Việt Nam và khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Không gian gặp gỡ của các vùng miền

Với thông điệp phát huy vai trò chủ thể sáng tạo và chủ thể thụ hưởng văn hóa của nhân dân, Hội diễn thể hiện sự tôn trọng, bảo vệ tính đa dạng trong biểu đạt văn hóa của các cộng đồng dân cư và các dân tộc Việt Nam; góp phần phát triển phong trào văn hóa cơ sở, nâng cao đời sống tinh thần và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Đồng thời, Hội diễn khơi dậy niềm tự hào dân tộc, ý thức gìn giữ và trao truyền các giá trị văn hóa phi vật thể, để dân ca và nhạc cụ truyền thống tiếp tục ngân vang, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa, âm nhạc dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Đây cũng là cơ hội để các nghệ sĩ, diễn viên ba miền gặp gỡ, giao lưu, học hỏi kinh

nghiệm lẫn nhau; qua đó phát hiện thêm những tài năng nghệ thuật mới, góp phần để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng những định hướng, chiến lược phát triển phù hợp trong thời gian tới.

Các đơn vị tham gia Hội diễn đã mang đến những thông điệp nhân văn sâu sắc, ca ngợi Đảng, Bác Hồ kính yêu, tình yêu quê hương đất nước, tình yêu đôi lứa, truyền thống đoàn kết giữa cộng đồng các dân tộc; đồng thời phản ánh những đổi thay và thành tựu nổi bật của đất nước trên con đường xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tại Hội diễn, 26 chương trình nghệ thuật được đầu tư công phu, giàu bản sắc và đọng đầy cảm xúc đã tạo nên bức tranh đa sắc màu về dòng chảy dân ca Việt Nam. Thông qua tài năng và sự sáng tạo của các nghệ sĩ, nghệ nhân, diễn viên, mỗi tiết mục đều được trình diễn bằng cả trái tim, thể hiện tình yêu cháy bỏng dành cho dân ca và di sản văn hóa dân tộc. Các đoàn nghệ thuật đầu tư nghiêm túc từ âm nhạc, trang phục đến đạo cụ; nhiều tiết mục độc tấu và hòa tấu dàn nhạc dân tộc mang tính nghệ thuật cao đã để lại dấu ấn sâu sắc như: Hòa tấu Âm vang ba miền (Đoàn Nghệ thuật quần chúng Thành phố Hồ Chí Minh), Âm thanh ngày mới (Đoàn Nghệ thuật quần chúng thành phố Cần Thơ), Khúc tương phùng Lý Ngựa Ô (Đoàn Nghệ thuật quần chúng tỉnh Tây Ninh)...

Bên cạnh đó, nhiều nghệ sĩ độc tấu tài năng với sáo trúc, đàn nguyệt... đã khẳng định sức sống bền vững của âm nhạc dân tộc. Sự phối hợp ăn ý giữa nghệ nhân và nhạc sĩ trong quá trình tìm tòi, sáng tạo các tác phẩm mới trên nền tảng vốn dân ca truyền thống, kết hợp bút pháp chuyên nghiệp, đã góp phần làm phong phú thêm đời sống nghệ thuật. Nhiều đơn vị chú trọng công tác sưu tầm, mang đến Hội diễn những tác phẩm đặc sắc vẫn lưu giữ nguyên vẹn cốt cách và tinh hoa văn hóa dân tộc, gắn với hơi thở của từng vùng miền.

Những loại hình nghệ thuật diễn xướng độc đáo như kèn môi, sáo mũi, không gian cồng chiêng, kể khan, hát nói... tiếp tục được giới thiệu, khẳng định sự trân trọng đối với di sản và truyền thống cha ông. Trải qua bao thế hệ, những làn điệu dân ca vẫn được gìn giữ, trao truyền, trở thành ký ức văn hóa bền bỉ của mỗi vùng đất và mỗi cộng đồng dân tộc.

Qua mỗi kỳ Hội diễn, sự xuất hiện ngày càng đông lớp diễn viên trẻ là tín hiệu đáng mừng. Họ không chỉ tiếp nối truyền thống mà còn mang đến những cách thể hiện mới mẻ, gần gũi với hơi thở cuộc sống hiện đại. Kết quả của Hội diễn cũng đặt ra những yêu cầu đối với các nhà quản lý, cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở, nghệ sĩ, diễn viên và lực lượng văn nghệ quần chúng ở mỗi địa phương trong việc kiến tạo những không gian văn hóa sống động dành cho thế hệ trẻ. Bảo tồn và phát huy giá trị dân ca không chỉ dừng lại ở việc trình diễn mà cần được nhìn nhận trong mối quan hệ hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, từng bước đưa nghệ thuật dân gian trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo mới, phù hợp với xu thế phát triển văn hóa hiện đại nhưng vẫn giữ gìn cốt cách truyền thống.

Có thể khẳng định, khi di sản được đặt đúng vị thế, nó sẽ trở thành nguồn nội lực mạnh mẽ để dân tộc khẳng định bản sắc văn hóa trong dòng chảy văn hóa nhân loại. Việc phát huy giá trị dân ca gắn với chiến lược phát triển văn hóa bền vững sẽ giúp tiếng nói của các miền dân ca mãi ngân vang trong đời sống. Đó cũng chính là thông điệp về lòng thủy chung với cội nguồn và ý chí gìn giữ bản sắc mà thế hệ hôm nay cần kế thừa, phát huy, để những giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục lan tỏa và đồng hành cùng dân tộc qua mọi chặng đường phát triển. ■

ĐẦU TƯ CHO THƯ VIỆN CẤP XÃ TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

■ Bài và ảnh: THIÊN NGÂN

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, thành phố Huế đang từng bước sắp xếp, kiện toàn hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở. Trong quá trình đó, mô hình tổ chức và hoạt động của thư viện cấp xã cũng có nhiều thay đổi. Nếu trước đây mỗi



huyện, thị xã đều có thư viện công cộng độc lập hoạt động tại trung tâm địa phương thì hiện nay, sau khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính, nhiều thư viện được chuyển giao về cấp xã quản lý. Tuy nhiên, ở một số địa phương, hoạt động thư viện chưa được tổ chức lại đồng bộ, thậm chí có nơi chưa duy trì được hoạt động thường xuyên, ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiếp cận thông tin và tri thức của người dân.

Theo thống kê sơ bộ, trên địa bàn thành phố Huế hiện có khoảng 28 điểm đọc, gồm 6 thư viện công cộng cấp xã, 5 tủ sách tư nhân, 7 tủ sách pháp luật và 10 phòng đọc, không gian đọc cơ sở với hơn 91.000 bản tài nguyên thông tin phục vụ cộng đồng. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển văn hóa đọc tại cơ sở, song cũng cho thấy mạng lưới thư viện vẫn còn khiêm tốn so với nhu cầu của người dân trong bối cảnh mới.

Những năm gần đây, nhiều địa phương đã có cách làm sáng tạo trong phát triển văn hóa đọc. Các hoạt động như Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam, triển lãm sách, giới thiệu sách, Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc, xây dựng thư viện xanh, thư viện thân thiện, tủ sách cộng đồng... được tổ chức ngày càng phong phú, góp phần đưa sách đến gần hơn với người dân. Không chỉ học sinh, sinh viên mà nhiều đối tượng khác như thanh niên, người lao động và người cao tuổi cũng có thêm cơ hội tiếp cận tri thức thông qua các hoạt động của thư viện cơ sở.

Trụ sở Thư viện công cộng phường Phú Bài được đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân trên địa bàn

Tuy nhiên, những kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với vai trò của thư viện cấp xã trong giai đoạn hiện nay. Không ít thư viện vẫn hoạt động trong điều kiện cơ sở vật chất chật hẹp, trang thiết bị xuống cấp, nguồn tài nguyên thông tin chưa được bổ sung thường xuyên. Đội ngũ phụ trách thư viện chủ yếu làm việc kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ thư viện - thông tin. Trong khi đó, việc ứng dụng công

nghe thông tin, xây dựng thư viện số và kết nối dữ liệu với Thư viện thành phố Huế còn nhiều hạn chế. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động thư viện cũng chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, khiến nhiều đơn vị gặp khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động khuyến đọc và nâng cao chất lượng phục vụ.



Khánh thành mô hình thư viện thông minh tại trường THPT Nguyễn Chí Thanh

Điều đáng quan tâm là trong khi các ngành, các lĩnh vực đang đẩy mạnh chuyển đổi số thì nhiều thư viện cơ sở vẫn chủ yếu phục vụ theo phương thức truyền thống. Khoảng cách này nếu không sớm được thu hẹp sẽ khiến thư viện ngày càng khó thu hút bạn đọc, đặc biệt là thế hệ trẻ - những người đã quen với môi trường số và các phương thức tiếp cận thông tin hiện đại. Nếu thư viện không thay đổi, khoảng cách giữa nhu cầu của người dân với khả năng đáp ứng của thư viện sẽ ngày càng lớn.

Thực tiễn đó cho thấy, đầu tư cho thư viện cấp xã không chỉ là bổ sung thêm sách hay cải tạo phòng đọc mà cần được nhìn nhận như đầu tư cho một thiết chế văn hóa hiện đại, có khả năng kết nối tri thức và phục vụ cộng đồng trong môi trường số. Một thư viện cơ sở muốn phát huy hiệu quả phải được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn tài nguyên thông tin, nhân lực và phương thức phục vụ; đồng thời phải có khả năng kết nối với hệ thống thư viện cấp thành phố để hình thành mạng lưới chia sẻ tài nguyên và phục vụ người dân cả trực tiếp lẫn trực tuyến.

Để thực hiện mục tiêu đó, trước hết cần có sự quan tâm mạnh mẽ hơn từ cấp ủy, chính quyền địa phương. Thư viện cần được xác định là một bộ phận quan trọng trong quy hoạch phát triển văn hóa ở cơ sở, được bố trí nguồn lực phù hợp để đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung tài nguyên thông tin, nâng cấp không gian đọc và duy trì thường xuyên các hoạt động phát triển văn hóa đọc. Đồng thời, cần bố trí đội ngũ làm công tác thư viện theo hướng ổn định, được đào tạo chuyên môn và thường xuyên cập nhật kỹ năng trong môi trường số.

Cùng với đó, việc xây dựng mạng lưới thư viện liên thông trên phạm vi toàn thành phố là hướng đi phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Khi các thư viện cấp xã được kết nối với Thư viện thành phố Huế thông qua phần mềm quản lý dùng chung và cơ sở dữ liệu số, người dân ở bất kỳ địa phương nào cũng có điều kiện tiếp cận nguồn tài nguyên thông tin phong phú hơn. Đây là giải pháp vừa tiết kiệm nguồn lực đầu tư, vừa nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên thông tin, từng bước hình thành hệ sinh thái thư viện số phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước, cần tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thư viện. Sự đồng hành của doanh nghiệp, tổ chức xã hội, nhà xuất bản, các câu lạc bộ đọc sách và các quỹ thiện nguyện trong việc tặng sách, hỗ trợ trang thiết bị, xây dựng thư viện thân thiện đã mang lại nhiều kết quả tích cực trong thời gian qua. Những

mô hình như “Tủ sách cộng đồng”, “Góc đọc thân thiện”, “Không gian vui đọc cho trẻ em” cần được nhân rộng để mỗi khu dân cư đều có những điểm đọc gần gũi, tạo điều kiện cho mọi người dân tiếp cận tri thức một cách thuận lợi.

Trong bối cảnh triển khai Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cùng với Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới đã đặt ra yêu cầu cần thiết trong việc đầu tư cho thư viện cấp xã để đáp ứng yêu cầu mới. Đây không chỉ là đầu tư cho một thiết chế văn hóa mà còn là đầu tư cho chất lượng nguồn nhân lực, cho việc xây dựng xã hội học tập và tạo động lực phát triển bền vững của địa phương.

Tăng cường đầu tư cho thư viện cấp xã vì thế không chỉ góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân mà còn tạo nền tảng vững chắc để lan tỏa văn hóa đọc trong cộng đồng. Văn hóa đọc không thể phát triển nếu thiếu những không gian đọc gần gũi, thân thiện và hiện đại. Một thư viện cấp xã được đầu tư đúng hướng sẽ không chỉ là nơi lưu giữ sách mà còn trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, địa chỉ kết nối thông tin, khơi dậy tinh thần học tập suốt đời và nuôi dưỡng khát vọng vươn lên của mỗi người dân. Đó cũng chính là nền tảng quan trọng để xây dựng xã hội học tập, xây dựng thành phố Huế trở thành đô thị văn hóa đặc sắc, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên số. ■

KIM ĐÔNG

Đêm Hương Giang

Trầm hùng chút Huế rứa thôi
Hương Giang say đắm bao người ngán ngại
Cây xanh hoa lá trở hoa
Thành phố di sản bên bờ biển Đông
Huế đô trực thuộc trung ương
Hạ tầng mở rộng cầu đường thênh thang
Cầu nối biển phá Tam Giang
Công trình thế kỷ danh vang ghi đời
Sông Hương núi Ngự gọi mời
Câu hò điệu hát vọng lời cổ Kinh
Đêm về hoa nến lung linh
Trôi theo con sóng đậm tình miên man.



DƯƠNG NỔ

vững bước tương lai

■ Bài và ảnh: VÕ VĂN DÀN

Trong những năm qua, cán bộ và người dân phường Dương Nổ, thành phố Huế đã đoàn kết, cùng nhau chung sức đồng lòng để xây dựng đô thị văn minh. Việc xây dựng đô thị văn minh tại phường Dương Nổ được triển khai gắn liền với định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cấp cơ sở hạ tầng và bảo tồn các giá trị di sản, di tích lịch sử văn hóa đặc trưng của địa phương nhằm hướng tới dựng xây nền “Văn minh đô thị”. Phường Dương Nổ là một phường mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã Phú Mậu, Phú Thanh và Phú Dương (cũ), có diện tích 20,63 km², tổng dân số 31.418 người và 19 Tổ dân phố. Dương Nổ là vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa lâu đời, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân xưa. Đặc biệt, làng Dương Nổ là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống, học tập trong thời niên thiếu; mang ý nghĩa lịch sử và cách mạng sâu sắc. Trong các giai đoạn kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, người dân Dương Nổ luôn phát huy tinh thần đoàn kết, truyền thống yêu nước nồng nàn, tích cực tham gia đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và xây dựng quê hương ngày càng mạnh giàu. Hiện nay, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn phường đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để góp phần xây dựng đô thị văn minh.

Công tác Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phát huy tối đa thế mạnh, tiềm năng du lịch sinh thái và văn hóa lịch sử, kết nối các điểm đến nổi bật trên địa bàn phường như Nhà lưu niệm Bác Hồ tại làng Dương Nổ, Bến Đá, nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Chí Diểu ở Thanh Tiên, đình làng Dương Nổ, miếu thờ Đặng Tất và các làng nghề lân cận như làng nghề hoa giấy Thanh Tiên, tranh dân gian làng Sinh, làng hoa tươi chất lượng cao Thanh Vinh. Mới đây, trong 03 ngày (14, 15, 16/5/2026) tại phường Dương Nổ đã diễn ra nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT sôi nổi và ngập tràn niềm cảm xúc hân hoan. Lễ hội làng Dương Nổ với chủ đề: “Dương Nổ - Hành trình tháng Năm”. Đây là hoạt động văn hóa ý nghĩa chào mừng kỷ niệm 136 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2026), lễ hội làng Dương Nổ đã để lại trong lòng người dân và du khách gần xa những khoảnh khắc tuyệt đẹp về một mùa lễ hội mang đậm bản sắc quê hương. Từ đêm khai mạc hoành tráng, rực rỡ sắc màu cho đến giải đua trải truyền thống đầy khí thế trên sông Phô Lợi, lễ rước kiệu Bác Hồ đậm âm trang nghiêm, không gian nghệ thuật Bài Chòi Huế gây ấn tượng, đến những hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng diễn ra khắp các làng quê, Tổ dân phố... Tất cả các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT nói trên đã tạo nên âm hưởng hào hùng, sức sôi khí thế của những ngày tháng Năm lịch sử. Có thể nói, một mùa lễ hội giàu bản sắc, gắn kết cộng đồng và lan tỏa tình yêu với vùng đất Dương Nổ anh hùng.



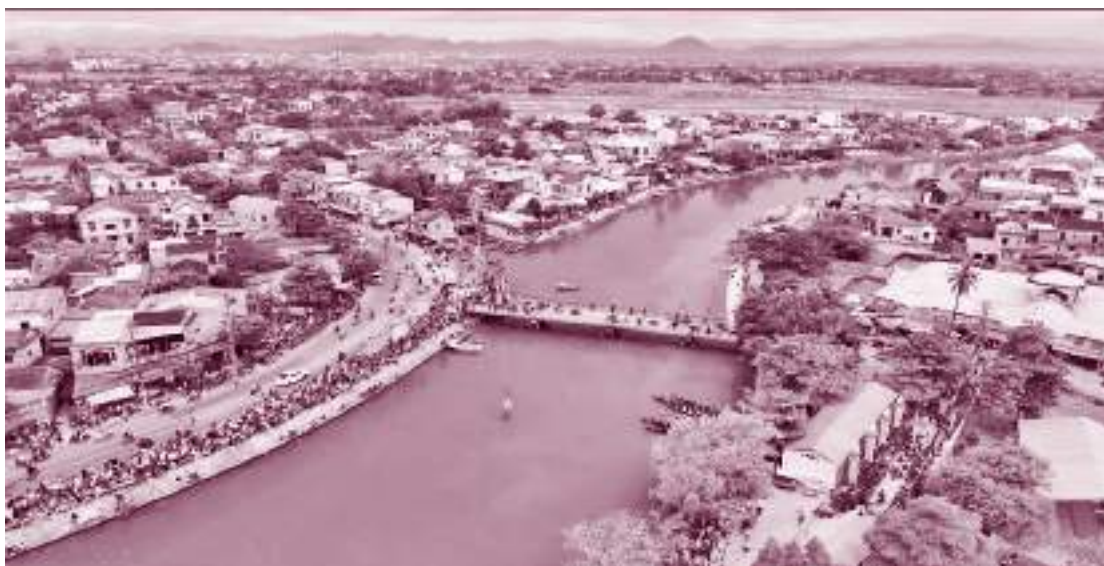
Trang nghiêm lễ hội Rước kiệu Bác Hồ từ đình làng Dương Nỗ về nhà lưu niệm Bác Hồ ở làng Dương Nỗ

Công tác bảo đảm an ninh trật tự

UBND và Công an phường Dương Nỗ thường xuyên tổ chức các đợt ra quân nhằm tấn công trấn áp tội phạm, tuần tra kiểm soát và xử lý nghiêm các trường hợp gây rối trật tự công cộng, vi phạm an toàn giao thông trên địa bàn phường. Các hoạt động chính thường bao gồm: Tấn công tội phạm, mở các đợt cao điểm phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo cuộc sống bình yên ở các khu dân cư (đến nay phường Dương Nỗ là địa bàn sạch về ma túy, các tội phạm khác như trộm cắp, đánh nhau, cờ bạc lô đề... giảm rõ rệt). Quản lý thanh thiếu niên, Công an phường Dương Nỗ thường xuyên phối hợp cùng Công an thành phố. Huế tăng cường tuần tra, xử lý nghiêm tình trạng thanh thiếu niên tụ tập, chạy xe lạng lách đánh võng, gây rối trật tự công cộng; thanh niên đến độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự lên đường nhập ngũ đạt tỷ lệ 100%; công an phường thường xuyên kết hợp với Ban giám hiệu các trường học trên địa bàn tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền phổ biến pháp luật cho học sinh về an toàn giao thông, bạo lực học đường, sử dụng trái phép các chất ma túy... Bảo đảm an toàn giao thông, định kỳ hàng tuần, các lực lượng chức năng tổ chức đi tuần tra kiểm soát tại các tuyến đường trọng điểm, nhằm lập lại trật tự đô thị, trả lại vỉa hè thông thoáng cho bà con sinh hoạt, đảm bảo đời sống văn minh đô thị. Bảo vệ lễ hội, tăng cường an ninh, an toàn lễ hội, giữ gìn trật tự và bản sắc văn hóa trong các dịp lễ hội truyền thống lớn tại địa phương, như: Lễ hội vật làng Sinh (ngày mùng 10 tháng Giêng âm lịch), lễ hội đua trâu làng Dương Nỗ (vào dịp 19/5); lễ hội về các làng nghề truyền thống của phường...

Về kinh tế - hạ tầng & đô thị

Lồng ghép các nguồn vốn để dần hoàn thiện, từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng quan trọng thiết yếu: giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước (100% hộ gia đình sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh), mạng điện lưới quốc gia (tính đến cuối tháng 4/2026 đã có 19 Tổ dân phố (tỷ lệ 100%) trên địa bàn phường có mạng lưới điện đến tận từng kiệt, thôn xóm), nâng cấp mạng wifi tốc độ cao (đến nay phường Dương Nỗ người dân có kết nối internet chiếm tỷ lệ hơn 98 %, chỉ còn khoảng 02% hộ gia đình không có wifi là các hộ già cả, neo đơn)... nhằm giúp cải thiện trực tiếp điều kiện sản xuất, kinh



Dương Nổ vững bước tương lai, phấn đấu trở thành một trong những địa phương đi đầu của thành phố Huế trong phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

doanh và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Trong nuôi trồng thủy sản, địa phương đã chuyển đổi khoảng gần 12 ha đất nông nghiệp trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn, mặt khác cũng đã tăng cường chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi, đẩy mạnh thâm canh phòng trừ sâu bệnh, ứng dụng máy móc cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản phẩm và giảm chi phí đầu tư, chi phí sản xuất, thu hút thị trường với giá cả hợp lý, cạnh tranh.

Những năm gần đây, nền nông nghiệp phường Dương Nổ tiếp tục khẳng định vị thế, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mặc dù phải đối diện với nhiều rủi ro, thách thức từ thời tiết cực đoan, dịch bệnh hoành hành phức tạp và biến động bất lợi của thị trường. Đang chuyển đổi từ mô hình sản xuất khép kín, nhỏ lẻ, sản xuất truyền thống sang làm trang trại, gia trại. Hàng năm, phường Dương Nổ hứng chịu tác động trực tiếp và khá nặng nề của thiên tai như hạn hán, bão, lũ và các loại dịch bệnh nguy hiểm như dịch tả lợn châu Phi hay ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tuy vậy, nhờ đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và tái cơ cấu sản xuất hợp lý nên địa phương đã thực hiện tốt phương châm “Bốn tại chỗ” (giống tại chỗ, phòng ngừa dịch bệnh tại chỗ, kết nối thị trường tại chỗ, tiêu thụ sản phẩm tại chỗ), “mục tiêu kép” đó là vừa duy trì sản xuất nông nghiệp, vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả. Trong các loại cây trồng, vật nuôi thì cây lúa vẫn tiếp tục giữ vai trò chủ lực, nhiều loại cây lương thực có hạt, cây lương thực truyền thống có giá trị kinh tế thấp cũng có xu hướng giảm mạnh về diện tích.

Ngoài ra, phường Dương Nổ còn đặc biệt chú trọng việc ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi nhằm tăng sức cạnh tranh, phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững trước các tác động của thời tiết cực đoan, thiên tai khốc liệt và thị trường khó đoán. Bằng nhiều chính sách, cơ chế phù hợp để chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh nhằm giữ ổn định sản xuất; đồng thời, chú trọng đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế khác trong chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ để tạo sự liên

kết bền vững. Trong thời gian tới, phường Dương Nỗ cũng đã xác định nhiều biện pháp, giải pháp mang tính đột phá, các nhiệm vụ quan trọng cần triển khai thực hiện ngay và mang tính đồng bộ, như: Rà soát và điều chỉnh quy hoạch đất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo lợi thế của từng vùng miền; Nâng cao chất lượng quy hoạch sản xuất; Hỗ trợ bà con nông dân tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục tìm kiếm mở rộng thị trường, kết nối chuỗi cung ứng và nâng cao giá trị hàng hóa nông sản; Phát triển các mô hình liên kết sản xuất, liên kết nông dân - hợp tác xã với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển theo mô hình gia trại, trang trại; Đầu tư thêm cơ sở hạ tầng cho “Tam nông” (nông nghiệp, nông thôn, nông dân), đặc biệt là chú trọng xây dựng kiên cố hệ thống giao thông nội đồng, kênh mương thủy lợi, hệ thống tưới tiêu đê điều và cấp thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản; Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nông nghiệp của các hợp tác xã trên địa bàn.

Công tác xây dựng cảnh quan và môi trường

Tiếp tục duy trì phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” ngày “Chủ nhật cộng đồng”, xây dựng các tuyến đường hoa, cây cảnh, tuyến đường cây xanh kiểu mẫu, đảm bảo cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - sáng - đẹp. Có 19 Tổ dân phố (đạt tỷ lệ 100%) trên địa bàn phường đều thường xuyên tổ chức ra quân ngày “Chủ nhật xanh” với nhiều hoạt động thiết thực như làm cỏ, trồng hoa ở các tuyến đường, phát quang bụi rậm, hướng dẫn bà con bỏ rác đúng nơi quy định... Việc người dân cùng nhau chung sức đồng lòng xây dựng cảnh quan môi trường sạch đẹp tại phường Dương Nỗ đang hướng tới sự phát triển bền vững với phương châm: “Xây dựng đô thị văn minh” “Nông thôn trong đô thị”, chủ yếu tập trung vào các yếu tố xanh, thông minh và chuyển đổi số để không ngừng cải thiện, nâng cao thu nhập cũng như chú trọng hơn đời sống văn hóa tinh thần cho người dân.

Để thực hiện thành công những định hướng lâu dài, chủ trương quan trọng đòi hỏi phải có sự quyết tâm cao và nỗ lực mạnh mẽ hơn nữa của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể, các Hợp tác xã Dịch vụ - Nông nghiệp và mỗi người nông dân. Trung tâm dịch vụ công của phường đã thường xuyên tuyên truyền các quyết sách, chủ trương, đường lối, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương nhằm nâng cao nhận thức cho mỗi cán bộ và bà con nhân dân. UBND phường đã tổ chức tập huấn (định kỳ 2 lần/năm) về việc ứng dụng công nghệ máy móc vào lĩnh vực sản xuất và đời sống. Đến nay, đã có hơn 90% trang trại, gia trại trên địa bàn đã biết ứng dụng máy móc, đưa thành tựu khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất lao động, từ đó đã có cải thiện rõ rệt về đời sống và thu nhập của bà con nhân dân. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học công nghệ, khuyến khích các doanh nghiệp, các hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình đầu tư vào chế biến, bảo quản nông sản, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh lành mạnh.

Dương Nỗ đang từng bước đổi mới cách nghĩ cách làm, đã thông về tư tưởng, quyết liệt về hành động, đổi mới tư duy trong quản lý và làm ăn, phường Dương Nỗ đang vững bước tương lai, phấn đấu trở thành một trong những địa phương dẫn đầu của thành phố Huế trong phong trào xây dựng đô thị văn minh vào năm 2045. Những nỗ lực trên không chỉ giúp giữ vững ổn định đời sống cho người dân mà còn góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo hướng bền vững, hiện đại, văn minh và thích ứng với biến đổi khí hậu, hòa hợp với thiên nhiên. Âu đó cũng là phù hợp với định hướng phát triển chung của thành phố Huế trong giai đoạn hiện nay. ■

KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY GIA ĐÌNH VIỆT NAM: PHÁT HUY HỆ GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

■ Bài và ảnh: MỸ DUNG

Ngày 28 tháng 6 hằng năm được Thủ tướng Chính phủ chọn là Ngày Gia đình Việt Nam theo Quyết định số 72/2001/QĐ-TTg ngày 04/5/2001. Kỷ niệm 25 năm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2001 - 28/6/2026) là dịp để các cấp, các ngành, cộng đồng và toàn xã hội nhìn nhận đầy đủ hơn vai trò của gia đình trong quá trình phát triển đất nước. Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang tập trung triển khai xây dựng đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, việc tiếp tục củng cố các giá trị gia đình có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Những kết quả nổi bật trong công tác gia đình thành phố Huế

Xác định công tác gia đình là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong những năm qua, thành phố Huế đã tập trung triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách về xây dựng gia đình Việt Nam trong tình hình mới, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phát triển



con người. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về gia đình được tăng cường với nhiều hình thức đa dạng. Các cấp, các ngành đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, các hội nghị, hội thi, hội thảo, biểu dương cán bộ tiêu biểu xuất sắc, tuyên dương gia đình văn hóa... góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò của gia đình trong xây dựng xã hội. Các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3), Ngày Gia đình Việt Nam (28/6), Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình được nhân dân hưởng ứng



mạnh mẽ, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về gia đình như Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030, Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình, Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình đã được các cấp ủy đảng, chính quyền cụ thể hóa trong kế hoạch công tác hằng năm. Công tác xây dựng gia đình văn hóa được triển khai đồng bộ từ thành phố đến cơ sở, nâng cao chất lượng, phát huy các giá trị đạo đức, lối sống tốt đẹp trong gia đình. Hiện nay, tỷ lệ gia đình văn hóa trên địa bàn thành phố đạt 94,4%. Công tác phòng, chống bạo lực gia đình có nhiều chuyển biến tích cực. Số vụ bạo lực gia đình được phát hiện giảm dần qua từng năm. Các trường hợp phát hiện đều được tư vấn, hòa giải, hỗ trợ theo quy định; các biện pháp xử lý, giáo dục tại cộng đồng, xử phạt hành chính, xử lý hình sự được triển khai phù hợp nhằm nâng cao tính răn đe, phòng ngừa. Thành phố hiện duy trì mạng lưới hỗ trợ công tác phòng, chống bạo lực gia đình tại cơ sở với hơn 200 mô hình phòng, chống bạo lực gia đình, 480 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững tại các thôn, tổ nhằm góp phần phát hiện sớm, can thiệp kịp thời, hỗ trợ khi có vụ việc bạo lực gia đình xảy ra.

Việc triển khai Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình được các địa phương quan tâm thực hiện gắn với phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Nhiều xã, phường đã tích cực tổ chức Lễ phát động triển khai, tiêu biểu như phường An Cựu, phường Võ Dạ, phường Thuận Hóa,... Nội dung thực hiện Bộ tiêu chí được lồng ghép trong hoạt động của các tổ dân phố, thôn, các câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, góp phần đưa các chuẩn mực ứng xử như yêu thương, tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, trở thành những giá trị thường xuyên được thực hành trong đời sống gia đình. Bên cạnh đó, các giá trị gia đình cũng được lồng ghép vào quy ước, hương ước của cộng đồng dân cư. Việc phát huy vai trò của cộng đồng trong xây dựng đời sống văn hóa đã góp phần giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp, đồng thời hình thành các chuẩn mực ứng xử phù hợp với yêu cầu phát triển hiện nay.

Phát huy hệ giá trị gia đình trong giai đoạn mới

Gia đình không chỉ là nơi thực hiện các chính sách về an sinh xã hội mà còn là môi trường trực tiếp hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống và ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với cộng đồng. Bên cạnh việc giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp như tình yêu thương, sự gắn kết giữa các thế hệ, đạo hiếu, tinh thần trách nhiệm, gia đình ngày nay cần tiếp tục xây dựng những chuẩn mực phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại như bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm và ứng xử văn minh.

Từ yêu cầu thực tiễn đó, việc xây dựng và phát huy hệ giá trị gia đình Việt Nam được xác định là một nội dung quan trọng trong phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam. Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam xác định nhiệm vụ xây dựng đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, nhằm tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước. Ngày 02/7/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1189/QĐ-TTg về triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Quyết định đã đặt ra yêu cầu các địa phương cụ thể hóa những định hướng chung thành nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Đối với thành phố Huế, việc cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương được thể hiện trong Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 07/5/2026 của Thành ủy Huế thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Chương trình xác định phát triển văn hóa, xây dựng con người và phát huy các giá trị văn hóa là nhiệm vụ quan trọng, gắn với mục tiêu xây dựng thành phố Huế phát triển trên nền tảng di sản, văn hóa và con người xứ Huế. Trong định hướng đó, xây dựng hệ giá trị gia đình được xem là một nội dung quan trọng. Hệ giá trị gia đình Việt Nam với bốn giá trị cốt lõi: Âm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh. Đây chính là môi trường đầu tiên hình thành và nuôi dưỡng nhân cách con người, vun đắp tình yêu thương, sự tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, trách nhiệm, hiếu thảo, thủy chung và sự gắn kết giữa các thành viên.

Gia đình “âm no” là gia đình có điều kiện kinh tế ổn định, biết lao động sáng tạo, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng cuộc sống. Âm no không chỉ được đo bằng thu nhập mà còn thể hiện ở sự chia sẻ, đồng lòng vượt qua khó khăn và tạo dựng môi trường sống lành mạnh cho mọi thành viên. Trong gia đình, mỗi thành viên đều có quyền được yêu thương, được bảo vệ và được phát triển toàn diện. Gia đình “hạnh phúc” không phải là trạng thái không có khó khăn mà là khả năng cùng nhau vượt qua thử thách bằng tình yêu thương và trách nhiệm. Gia đình “tiến bộ” là gia đình thực hiện bình đẳng giới, tôn trọng quyền con người, quan tâm giáo dục, khuyến khích học tập suốt đời và xây dựng nếp sống văn minh. Trong gia đình tiến bộ, vai trò của người phụ nữ được phát huy, trẻ em được chăm sóc và bảo vệ, người cao tuổi được kính trọng và phát huy kinh nghiệm sống. Gia đình “văn minh” là gia đình thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc; ứng xử có văn hóa trong gia đình và cộng đồng; chủ động tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại, đồng thời biết sàng lọc những tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Xây dựng và thực hành hệ giá trị gia đình không phải là việc áp đặt những tiêu chí, mục tiêu cứng nhắc mà là nuôi dưỡng những giá trị tốt đẹp phù hợp với thời đại. Trong kỷ nguyên số, mỗi gia đình cần dành nhiều thời gian hơn cho sự kết nối trực tiếp giữa



các thành viên; quan tâm giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân cho thế hệ trẻ; xây dựng văn hóa đọc, văn hóa ứng xử trên môi trường mạng; đồng thời giữ gìn những sinh hoạt truyền thống như bữa cơm gia đình, các dịp sum họp và hoạt động cộng đồng.

Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Để phát huy hệ giá trị gia đình trong giai đoạn mới, trước hết cần tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò của gia đình trong phát triển văn hóa và xây dựng con người. Công tác gia đình cần được triển khai với cách tiếp cận toàn diện hơn, gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa và bảo đảm an sinh xã hội.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về công tác gia đình. Các hoạt động truyền thông cần hướng nhiều hơn đến việc cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành trong đời sống gia đình; chú trọng các nhóm đối tượng cụ thể như cha mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên, người cao tuổi; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số trong tuyên truyền, phổ biến kiến thức về xây dựng gia đình.

Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, người có uy tín trong cộng đồng trong việc vận động, hướng dẫn các gia đình thực hiện tốt các chuẩn mực ứng xử, xây dựng mối quan hệ gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Việc xây dựng gia đình văn hóa cần tiếp tục nâng cao chất lượng, tránh chạy theo số lượng, bảo đảm các danh hiệu phản ánh đúng thực chất đời sống văn hóa tại cộng đồng.

Đối với thành phố Huế, phát huy hệ giá trị gia đình vừa là yêu cầu, vừa là nhiệm vụ, để giữ gìn và phát huy những giá trị đặc trưng của vùng đất cố đô trong quá trình phát triển. Khi mỗi gia đình trở thành một môi trường văn hóa lành mạnh, nơi yêu thương, trách nhiệm, tôn trọng và nghĩa tình được thực hành thường xuyên, đó sẽ là nền tảng quan trọng để góp phần xây dựng con người Huế phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển thành phố trong giai đoạn mới. ■

Mở rộng không gian phối hợp, phát huy sức mạnh văn hóa du lịch NƠI BIÊN GIỚI, BIỂN, ĐẢO

■ Bài và ảnh: AN NHIÊN

Nhìn lại giai đoạn 2021 - 2025, chương trình phối hợp giữa ngành Văn hóa và Thể thao với Bộ đội Biên phòng thành phố Huế đã tạo được nhiều dấu ấn thiết thực trong công tác thông tin, tuyên truyền, phát huy giá trị văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân khu vực biên giới, biển, đảo. Bước vào giai đoạn 2026 - 2030, chương trình phối hợp hướng tới khai thác hiệu quả hơn các giá trị văn hóa, tài nguyên du lịch, chuyển đổi số và thông tin đối ngoại, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Từ những kết quả thiết thực trong giai đoạn 2021 - 2025

Trong giai đoạn 2021 - 2025, việc triển khai các chương trình phối hợp giữa thành phố Huế với Bộ đội Biên phòng đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và từng bước đi vào chiều sâu. UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan đưa nội dung phối hợp vào kế hoạch công tác thông tin đối ngoại hằng năm, đồng thời bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ. Các cơ quan, đơn vị thường xuyên trao đổi, thống nhất nội dung và phối hợp chặt chẽ trong quá trình tổ chức thực hiện.



Một trong những kết quả nổi bật là việc từng bước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thông tin, truyền thông và thông tin đối ngoại tại các đồn biên phòng trên tuyến biên giới, biển, đảo. Nhiều đơn vị như Đồn Biên phòng cửa khẩu A Đốt, Đồn Biên phòng cửa khẩu Hồng Vân, Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Chân Mây - Lăng Cô và Đồn Biên phòng Nhâm đã được đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại. Cùng với đó, các cụm pano tuyên truyền đối ngoại tại Lăng Cô - Phú Lộc và Cửa khẩu A Đốt được xây dựng, thường xuyên tôn tạo, góp phần tạo diện mạo trực quan và nâng cao hiệu quả tuyên truyền tại các địa bàn trọng điểm.

Công tác xây dựng tủ sách, cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân vùng biên giới, ven biển, vùng khó khăn cũng được triển khai với nhiều hình thức. Hàng nghìn đầu sách pháp luật và sách phục vụ đời sống, sản xuất, văn hóa, khoa học được trao tặng, luân chuyển đến các địa phương, đồn biên phòng. Thư viện thành phố Huế duy trì hoạt động luân chuyển, trưng bày và phục vụ đọc sách tại các thôn, bản

vùng sâu, vùng xa, biên giới, bãi ngang, qua đó góp phần đưa tri thức và thông tin thiết yếu đến gần hơn với người dân.

Cùng với hệ thống thông tin cơ sở, công tác tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền lưu động và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được chú trọng. Nội dung tuyên truyền ngày càng phong phú, từ phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia đến phòng, chống tội phạm, phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ tài nguyên, môi trường và quảng bá tiềm năng kinh tế, văn hóa, du lịch của địa phương.



Đặc biệt, các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở và các kênh thông tin điện tử đã trở thành lực lượng quan trọng trong tuyên truyền về biển, đảo, biên giới và thông tin đối ngoại. Việc phối hợp cung cấp nguồn tin chính thống cho báo chí giúp thông tin được truyền tải kịp thời, chính xác; đồng thời góp phần chủ động cung cấp thông tin, làm rõ và chấn chỉnh những thông tin sai lệch, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và tuyên truyền lưu động cũng tạo được nhiều dấu ấn. Các cuộc triển lãm về Hoàng Sa, Trường Sa; những chương trình nghệ thuật, chiếu phim phục vụ đồng bào miền núi; các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao; chương trình “Xuân biên phòng ấm lòng dân bản”; các hoạt động kỷ niệm quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào... đã góp phần tăng cường sự gắn bó quân dân, xây dựng đời sống văn hóa và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Những kết quả trên cho thấy, chương trình phối hợp không chỉ dừng ở công tác tuyên truyền mà đã từng bước trở thành cầu nối giữa nhiệm vụ phát triển văn hóa, thông tin, du lịch với nhiệm vụ xây dựng thể trận lòng dân, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, biển, đảo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai chương trình phối hợp giai đoạn 2021 - 2025 vẫn còn một số khó khăn. Nguồn lực dành cho thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu; cơ sở vật chất, trang thiết bị truyền thanh và phương tiện tuyên truyền tại một số địa bàn biên giới còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở phần lớn là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi và chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ kịp thời.

Trong khi đó, yêu cầu quảng bá hình ảnh Huế, các sản phẩm du lịch và tiềm năng kinh tế ra bên ngoài vẫn còn nhiều dư địa để phát huy. Sự phát triển nhanh của Internet, mạng xã hội xuyên biên giới cũng đặt ra yêu cầu mới đối với công tác cung cấp thông tin chính thống, nắm bắt dư luận xã hội và đấu tranh, phản bác thông tin sai lệch. Cơ chế phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị có lúc chưa thật sự nhịp nhàng, còn tình trạng chồng chéo trong báo cáo và tổ chức thực hiện.

Thực tiễn đó cho thấy giai đoạn mới cần chuyển mạnh từ phương thức phối hợp chủ yếu theo từng hoạt động sang phối hợp có trọng tâm, có kế hoạch, có sản phẩm cụ thể

và có khả năng đo lường hiệu quả. Đặc biệt, văn hóa, thông tin và du lịch cần được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, giữ vững an ninh, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới, biển.

Mở rộng không gian phối hợp, hướng đến giai đoạn 2026 - 2030

Trên cơ sở những kết quả đạt được và yêu cầu thực tiễn, Chương trình phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030 được định hướng theo hướng toàn diện, thiết thực và hiện đại hơn. Mục tiêu xuyên suốt là phát huy vai trò của văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại trong xây dựng khu vực biên giới, biển, đảo vững mạnh; góp phần bảo vệ chủ quyền, giữ vững quốc phòng, an ninh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trước hết, công tác tuyên truyền, giáo dục sẽ tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Nội dung tuyên truyền tập trung vào chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, thể thao, du lịch, biên giới, biển đảo; phòng, chống khai thác IUU; truyền thống yêu nước, truyền thống Bộ đội Biên phòng và xây dựng nền biên phòng toàn dân. Các hình thức tuyên truyền lưu động, triển lãm, chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật tại địa bàn ven biển, cửa khẩu cảng và các đơn vị Biên phòng tiếp tục được phát huy.

Văn hóa, văn nghệ và thể thao sẽ trở thành những hoạt động thường xuyên để tăng cường giao lưu quân dân. Các ngày hội, liên hoan, hội thi, hội diễn, hoạt động thể thao, tuyên truyền lưu động và chương trình nghệ thuật phục vụ Nhân dân vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới, vùng biển và vùng đồng bào dân tộc thiểu số sẽ được tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế. Việc gắn các hoạt động này với Ngày Biên phòng toàn dân, Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam, Ngày Di sản văn hóa Việt Nam, Ngày Du lịch Việt Nam... sẽ tạo thành chuỗi hoạt động có sức lan tỏa.

Một hướng đi mới cần được chú trọng là phát triển văn hóa đọc và chuyển đổi số trong hoạt động thư viện. Các mô hình “Tủ sách Biên phòng”, “Tủ sách pháp luật”, “Không gian đọc sách”, “Thư viện chuyên đề Hồ Chí Minh”, “Thư viện lưu động” sẽ được tiếp tục xây dựng và phát huy, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ số để người dân, cán bộ, chiến sĩ có thể tiếp cận nguồn tài nguyên thông tin phong phú, thuận tiện hơn.



Đặc biệt, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch cần trở thành điểm nhấn trong giai đoạn mới. Các giá trị di sản vật thể, phi vật thể và tư liệu gắn với vùng Đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, khu vực biên giới, biển được khai thác theo hướng bền vững; đồng thời tăng cường giáo dục di sản, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực cho cán bộ, chiến sĩ trong bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn.

Hình ảnh, văn hóa và con người Huế sẽ được quảng bá gắn với các sản phẩm du lịch biển, đầm phá, cộng đồng và sinh thái; đồng thời nghiên cứu các giải pháp phát triển du lịch bền vững gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Việc xây dựng và quảng bá các sản phẩm du lịch trên nền tảng số, nhất là những sản phẩm gắn với di sản văn hóa vùng

Đầm phá Tam Giang - Cầu Hai và khu vực biên giới, biển sẽ góp phần biến các giá trị văn hóa và cảnh quan thành nguồn lực phát triển.

Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại cần được đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung, phương thức và công nghệ. Hai đơn vị sẽ tăng cường chia sẻ thông tin, chủ động trao đổi về tình hình biên giới biển, an ninh trên biển, cửa khẩu cảng; phối hợp xử lý thông tin sai sự thật liên quan đến chủ quyền biển đảo, an ninh biên giới; đồng thời xây dựng các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, ấn phẩm, triển lãm và nội dung số quảng bá hình ảnh Huế, văn hóa Huế và chủ quyền biển đảo.

Cùng với đó, chương trình mới đặt trọng tâm vào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, hình thành các mô hình “Điểm sáng văn hóa trên biên giới”, “Không gian văn hóa đọc”, “Điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng”, “Câu lạc bộ văn hóa dân gian”; đẩy mạnh thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đồng thời bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp.

Đề những định hướng trên đi vào thực chất, một trong những nhiệm vụ then chốt là đào tạo, tập huấn và chuyển đổi số. Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về văn



hóa, du lịch, thư viện, thông tin đối ngoại và kỹ năng truyền thông; ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động văn hóa, thư viện, quảng bá du lịch; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung sẽ góp phần khắc phục tình trạng cán bộ kiêm nhiệm, thiếu đồng đều về nghiệp vụ, đồng thời nâng cao năng lực phối hợp giữa các lực lượng.

Một yêu cầu xuyên suốt của giai đoạn 2026 - 2030 là huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, cần tăng cường lồng ghép các chương trình, đề án, dự án; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ hoạt động văn hóa, du lịch, thư viện và thông tin đối ngoại, bảo đảm các nguồn lực được quản lý công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

Từ những kết quả của giai đoạn 2021 - 2025 đến những định hướng mới của giai đoạn 2026 - 2030, chương trình phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Huế sẽ hình thành một không gian phối hợp liên ngành rộng hơn, trong đó văn hóa là nền tảng, thông tin là phương tiện, du lịch là động lực và quốc phòng, an ninh là điều kiện bảo đảm.

Phát huy tốt những giá trị văn hóa, cảnh quan, con người và truyền thống tại các địa bàn biên giới, biển, đảo không chỉ góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, cán bộ, chiến sĩ mà còn tạo thêm nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Quan trọng hơn, thông qua những hoạt động cụ thể, thiết thực và gần dân, chương trình sẽ góp phần củng cố “thể trận lòng dân”, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; góp phần xây dựng thành phố Huế ngày càng giàu bản sắc, năng động và bền vững. ■

PHÁT TRIỂN THỂ THAO QUẦN CHÚNG GẮN VỚI XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ HUẾ: *Từ chủ trương đến hành động*

■ Bài và ảnh: SƠN THANH

Trong tiến trình xây dựng thành phố Huế trở thành đô thị di sản, văn hóa, sinh thái và thông minh, việc phát triển thể dục thể thao quần chúng không chỉ đơn thuần là nâng cao sức khỏe Nhân dân mà còn là một trụ cột quan trọng trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và sự tham mưu, tổ chức thực hiện của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) thành phố Huế, phong trào thể dục thể thao quần chúng đã có những bước phát triển tích cực, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Thể dục thể thao quần chúng là một bộ phận không thể tách rời của đời sống văn hóa. Việc người dân tham gia rèn luyện thể chất thường xuyên không



chỉ giúp nâng cao thể lực mà còn hình thành lối sống lành mạnh, kỷ luật và tinh thần đoàn kết. Ở Huế, vùng đất giàu truyền thống văn hóa, việc phát triển thể thao quần chúng càng mang ý nghĩa sâu sắc khi góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của cộng đồng.

Những năm qua, các phong trào như “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, các giải thể thao cơ sở, hội thao truyền thống đã được triển khai rộng khắp từ thành thị đến nông thôn. Nhiều môn thể thao phù hợp với điều kiện địa phương như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, võ thuật, thể dục dưỡng sinh thu hút đông đảo người dân tham gia, tạo nên không khí sôi nổi, gắn kết cộng đồng.

Là cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND thành phố Huế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giữ vai trò nòng cốt trong việc hoạch định chính sách, tổ chức triển khai và kiểm tra, đánh giá các hoạt động thể dục thể thao. Không chỉ dừng lại ở việc tổ chức các giải thi đấu, ngành còn chú trọng xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận và tham gia luyện tập.

Bên cạnh đó, công tác xã hội hóa thể thao được đẩy mạnh, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và cộng đồng để đầu tư cơ sở vật chất, tổ chức sự kiện và phát triển các câu lạc bộ thể thao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tuyên truyền và

tổ chức hoạt động cũng góp phần nâng cao hiệu quả công tác.

Một trong những điểm đáng chú ý là việc gắn kết chặt chẽ giữa phong trào thể thao quần chúng với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống



văn hóa”. Thông qua các hoạt động thể thao, các giá trị văn hóa như tinh thần fair-play, ý thức kỷ luật, sự tôn trọng và đoàn kết được lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Các khu dân cư, thôn, tổ dân phố có phong trào thể thao phát triển thường cũng là những nơi có đời sống văn hóa phong phú, an ninh trật tự được giữ vững, tình làng nghĩa xóm được củng cố. Điều này cho thấy thể thao không chỉ là hoạt động thể chất mà còn là phương tiện hiệu quả để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển thể thao quần chúng ở Huế vẫn còn một số hạn chế. Cơ sở vật chất ở một số địa bàn còn thiếu và chưa đồng bộ; đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên thể thao cơ sở còn mỏng; việc duy trì phong trào ở một số nơi chưa thực sự bền vững.

Ngoài ra, trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và sự phát triển của công nghệ, lối sống tĩnh, ít vận động có xu hướng gia tăng, đặc biệt trong giới trẻ. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức tổ chức hoạt động thể thao, tạo ra những hình thức hấp dẫn, phù hợp với nhu cầu và sở thích của từng nhóm đối tượng.

Để phát triển thể thao quần chúng gắn với xây dựng đời sống văn hóa một cách bền vững, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Trước hết, tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia luyện tập thể thao. Đồng thời, đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, ưu tiên các thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở.

Công tác tuyên truyền cần được đổi mới theo hướng đa dạng, sáng tạo, tận dụng các nền tảng số để lan tỏa phong trào. Bên cạnh đó, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên thể thao cơ sở, nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động.

Đặc biệt, việc gắn kết thể thao với du lịch, lễ hội và các hoạt động văn hóa đặc trưng của Huế sẽ tạo ra những sản phẩm độc đáo, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tóm lại, phát triển thể thao quần chúng gắn với xây dựng đời sống văn hóa ở thành phố Huế là một hướng đi đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, vai trò nòng cốt của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng sự hưởng ứng tích cực của Nhân dân, phong trào thể dục thể thao quần chúng chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần xây dựng Huế trở thành thành phố đáng sống, giàu bản sắc và tràn đầy sức sống. ■

VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH SỨ MỆNH TRONG “CHIẾN DỊCH 500 NGÀY ĐÊM”

■ Bài và ảnh: XUÂN TRƯỜNG - QUANG ĐẠO

“Chiến dịch 500 ngày đêm về đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ” không chỉ là trách nhiệm mà đang trở thành mệnh lệnh không lời đối với những người lính thời bình. Xác định rõ sứ mệnh thiêng liêng cao cả đó trong thời gian qua cán bộ, nhân viên Đội quy tập 192 - Bộ chỉ huy Quân sự thành phố Huế đã không quản gian khổ, hiểm nguy vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành sứ mệnh “kép” để sớm đưa các anh trở về với quê hương, đất mẹ và trả lại tên cho những liệt sĩ vẫn còn chưa xác định thông tin.



Thượng tá Ngô Trí Hùng - Đội trưởng Đội 192 quán triệt, giao nhiệm vụ cho các lượng trước khi thực hành lấy mẫu sinh phẩm các hài cốt liệt sĩ

Những ngày tháng 7 khi cả dân tộc Việt Nam đang dành tất cả sự tri ân và lòng biết ơn sâu sắc đối với các anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống vì độc lập, tự do cho Tổ quốc thì đối với những người lính Đội quy tập 192, hành trình đi tìm đồng đội và trả lại tên cho các liệt sĩ vẫn đang được các anh tranh thủ từng ngày từng giờ.

Theo Thượng tá Ngô Trí Hùng - Đội trưởng Đội quy tập 192 cho biết: “Ngay sau khi hoàn thành việc tìm kiếm, cất bốc và quy tập hài cốt các liệt sĩ và chuyên gia Việt Nam hy sinh trên chiến trường Lào về nước trong mùa khô 2025 - 2026 thì Đội 192 được Bộ CHQS thành phố Huế giao nhiệm vụ tập trung vào Chiến dịch 500 ngày đêm, tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính các hài cốt liệt sĩ chưa xác định thông tin. Xác định đây là nhiệm vụ thiêng liêng cao cả vì vậy 100% cán bộ, nhân viên Đội đã nhanh chóng bắt tay vào nhiệm vụ mới”.

Cũng theo thông tin từ đồng chí Đội trưởng Đội 192 thì để hoàn thành sứ mệnh trong chiến dịch 500 ngày đêm, đơn vị được Bộ CHQS thành phố Huế tăng cường thêm 9 đồng chí và được giao nhiệm vụ là lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong thực hiện chiến dịch. Trước những khó khăn thách thức từ việc tìm kiếm hài cốt liệt sĩ địa bàn trong nước cũng như yêu cầu chi viện cho các địa phương để tham gia lấy mẫu hài cốt liệt sĩ đối với 42 nghĩa trang trong toàn thành phố Đội đã chia đơn vị thành 03 bộ phận để thực hiện nhiệm vụ gồm: Bộ phận trực tiếp đi khảo sát, nắm thông tin và tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ, Bộ phận thứ 2 là cùng với các địa phương tham gia việc lấy mẫu hài cốt liệt sĩ để phục vụ cho việc giám định ADN tại các nghĩa trang liệt sĩ và bộ phận còn lại lực lượng dự bị cơ động và trông coi doanh trại, bộ phận này được xem như là kênh thông tin

để kết nối thông tin của các nhân chứng về thông tin liệt sĩ, đồng thời sẵn sàng hỗ trợ các nhiệm vụ đột xuất.

Thiếu tá Nguyễn Phi Cảnh - Nhân viên quy tập Đội 192 cho biết: “Bản thân cùng với 5 cán bộ của Đội được giao nhiệm vụ phối hợp cùng với các lực lượng chuyên trách tại Phường An Cựu để tham gia lấy



Cán bộ, nhân viên Đội 192 tiến hành lấy mẫu sinh phẩm đối với các hải cốt liệt sĩ hy sinh tại Lào vừa quy tập được trong mùa khô 2025 - 2026

mẫu sinh phẩm hải cốt các liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ Thành phố Huế. Đây là nghĩa trang có số lượng lớn với 1.456 phần mộ cần được lấy mẫu sinh phẩm để phục vụ cho việc giám định ADN do đó mặc dù khối lượng công việc rất lớn, điều kiện thời tiết nắng nóng khắc nghiệt, song anh em chúng tôi xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng, một sứ mệnh thiêng liêng, cao cả đối để thế hệ hôm nay bày tỏ sự tri ân và lòng biết ơn đối với các liệt sĩ đã anh dũng hy sinh vì độc lập dân tộc do đó chúng tôi tranh thủ từng ngày, từng giờ để bảo đảm đúng tiến độ đề ra”.

Với quyết tâm chính trị cao nhất và với tinh thần chỉ cần còn một nguồn thông tin cũng phải tìm bằng được để sớm đưa các liệt sĩ được trở về với quê hương đất mẹ, với gia đình người thân vẫn đang ngày đêm mong, ngóng đặc biệt là đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chiến dịch 500 ngày đêm đến nay các cán bộ, nhân viên Đội đã tổ chức khai quật hàng ngàn phần mộ liệt sĩ chưa có thông tin tại các nghĩa trang để lấy mẫu sinh phẩm phục vụ cho việc giám định ADN để sớm trả lại tên tuổi cho các liệt sĩ cùng với đó đã tổ chức tiếp nhận 6 thông tin mộ liệt sĩ tập thể và 18 thông tin về các mộ lẻ trên địa bàn, các thông tin vẫn đang tiếp tục được xác minh một cách chặt chẽ, chu đáo.

Đại tá Lê Văn Lĩnh - Chủ nhiệm chính trị Bộ CHQS thành phố Huế cho biết: Để thực hiện hiệu quả “Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và các định danh tính hài cốt liệt sĩ” với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị thì đến nay đã đạt được những kết quả tích cực trong đó với vai trò là Đội chuyên trách trong việc thực hiện chiến dịch, trong thời gian qua Đội 192 đã luôn tích cực, chủ động và 100% cán bộ, nhân viên đã luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ từ đó đã góp phần rất quan trọng để cùng với Thành phố đẩy nhanh và hiệu quả chiến dịch 500 ngày đêm. Trong thời gian tới nhiệm vụ của Lực lượng vũ trang thành phố nói chung và Đội 192 nói riêng sẽ còn rất khó khăn và vất vả mặc dù vậy tin tưởng rằng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực quyết tâm cao của cán bộ, chiến sĩ trong toàn Lực lượng vũ trang “chiến dịch 500 ngày đêm về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ” sẽ đạt kết quả tốt và hoàn thành đúng tiến độ, yêu cầu đặt ra”. ■

SỬ DỤNG AI TRONG NGÀNH VĂN HÓA: ĐỪNG ĐỂ SỰ TIỆN LỢI LẤN ÁT SỰ THẬT

■ NGÔ AN NHIÊN

*T*rí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra một không gian sáng tạo chưa từng có. Chỉ với một vài câu lệnh, con người có thể tạo ra một bài viết, một bức ảnh, một video hay một sản phẩm truyền thông chỉ trong vài phút. Với ngành Văn hóa, đây là cơ hội lớn để đổi mới cách giới thiệu di sản, quảng bá hình ảnh địa phương và đưa các giá trị văn hóa đến gần hơn với du khách trong nước và quốc tế. Nhưng cũng chính từ sự tiện lợi ấy đang xuất hiện một nguy cơ đáng lưu ý: nội dung do AI tạo ra được sử dụng quá dễ dàng, trong khi khâu kiểm chứng lại bị xem nhẹ. Một thông tin sai, một hình ảnh không đúng, nếu xuất hiện trên mạng xã hội có thể nhanh chóng bị quên đi, nhưng nếu được đưa vào một nội dung của Văn hóa, nó có thể trở thành một “thông tin có vẻ chính thống”, tác động trực tiếp đến nhận thức của công chúng về lịch sử, di sản và bản sắc văn hóa.

Đối với lĩnh vực văn hóa, những khả năng đó đặc biệt có ý nghĩa. Một di tích có thể được giới thiệu bằng nhiều ngôn ngữ, một hiện vật có thể được thuyết minh bằng hình thức trực quan, những tư liệu lịch sử có thể được số hóa, tìm kiếm và khai thác thuận tiện hơn, những câu chuyện văn hóa tưởng như khó tiếp cận với giới trẻ có thể được chuyển tải bằng hình ảnh, đồ họa, video ngắn hoặc các sản phẩm tương tác.

UNESCO nhìn nhận AI có khả năng góp phần mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, thúc đẩy sáng tạo và hỗ trợ bảo vệ, phát huy đa dạng văn hóa. Tuy nhiên, tổ chức này đồng thời nhấn mạnh các vấn đề về quyền con người, minh bạch, trách nhiệm giải trình, quyền riêng tư, công bằng, đa dạng văn hóa và sự giám sát của con người trong quá trình phát triển, triển khai AI.

Điều đó cho thấy, câu hỏi quan trọng hiện nay không còn là “có nên sử dụng AI hay không”, mà là sử dụng AI như thế nào để công nghệ phục vụ con người mà không làm suy giảm tính chính xác, tính chân thực và trách nhiệm xã hội của sản phẩm văn hóa.

Trước hết, AI giúp tiết kiệm đáng kể thời gian trong quá trình sản xuất nội dung. Một cán bộ truyền thông có thể sử dụng AI để gợi ý cấu trúc bài viết, xây dựng tiêu đề, biên tập ngôn ngữ, chuyển một nội dung dài thành nhiều định dạng khác nhau hoặc hỗ trợ xây dựng kịch bản video. Những công việc mang tính kỹ thuật, lặp lại có thể được xử lý nhanh hơn, để con người tập trung nhiều hơn vào nội dung và ý tưởng.

Thứ hai, AI mở rộng khả năng tiếp cận di sản. Những tư liệu vốn chỉ nằm trong kho lưu trữ, sách, báo hoặc hồ sơ chuyên môn có thể được chuyển hóa thành các sản phẩm truyền thông dễ tiếp cận hơn. Công nghệ nhận dạng ký tự, dịch thuật, tổng hợp giọng nói, tạo phụ đề hay trợ lý hỏi - đáp có thể giúp công chúng tiếp cận thông tin văn hóa

theo nhiều cách khác nhau.

Thứ ba, AI mở ra những phương thức kể chuyện mới. Một câu chuyện về một nhân vật lịch sử có thể được xây dựng thành video; một không gian di tích có thể được mô phỏng bằng công nghệ 3D, một hiện vật có thể được giới thiệu bằng hình ảnh tương tác, một nội dung nghiên cứu có thể được chuyển thành infographic hoặc sản phẩm truyền thông dành cho học sinh, sinh viên.

Đối với thành phố Huế, tiềm năng này càng rõ nét. Quần thể Di tích Cố đô Huế là Di sản Thế giới được UNESCO ghi danh, giá trị của di sản không chỉ nằm ở từng công trình riêng lẻ mà còn ở tổng thể không gian, lịch sử, kiến trúc, cảnh quan và những lớp trầm tích văn hóa gắn với vùng đất Cố đô. AI có thể giúp kể những câu chuyện ấy bằng một ngôn ngữ hiện đại hơn. Nhưng cần đặc biệt lưu ý: AI chỉ nên là công cụ hỗ trợ kể câu chuyện về di sản, không được trở thành “người quyết định” di sản là gì. Bởi lịch sử, kiến trúc, hiện vật và ký ức văn hóa không phải là những dữ liệu có thể tùy ý “sáng tác lại”.

Một trong những đặc điểm đáng lưu ý nhất của AI tạo sinh là khả năng tạo ra câu trả lời rất trôi chảy, tự tin và có vẻ thuyết phục ngay cả khi nội dung không chính xác.

NIST - Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia Hoa Kỳ sử dụng thuật ngữ “confabulation” để chỉ hiện tượng các hệ thống AI tạo sinh tạo ra và trình bày một cách tự tin những nội dung sai hoặc không đúng sự thật. Hiện tượng này thường được gọi phổ biến là “hallucination” - ảo giác AI. NIST lưu ý rằng nội dung sai có thể trở nên nguy hiểm khi người sử dụng tin tưởng và tiếp tục phổ biến nó. Thậm chí AI có thể tạo ra những lập luận hoặc trích dẫn tưởng như hợp lý để củng cố cho một câu trả lời vốn đã sai - đây chính là điểm mà người làm công tác văn hóa cần đặc biệt cảnh giác.



Một bản tin nắng nóng về Huế, nhưng sử dụng hình ảnh Đại Nội do AI tạo ra không đúng với hình ảnh Đại Nội hiện thực

Hãy hình dung một người yêu cầu AI: “Viết cho tôi một đoạn giới thiệu về một công trình trong Quần thể Di tích Cố đô Huế”. AI có thể tạo ra một đoạn văn rất đẹp, sử dụng hàng loạt thuật ngữ lịch sử, kiến trúc và mỹ từ. Người đọc bình thường có thể khó nhận ra điểm sai. Nhưng chỉ một chi tiết sai về niên đại xây dựng, tên gọi một công trình,

chức năng của một khu vực, vật liệu kiến trúc, nhân vật lịch sử hoặc sự kiện liên quan cũng có thể làm sai lệch nhận thức về di sản. Đáng nói hơn, khi đoạn văn đó được đưa vào một tờ rơi, một cuốn sách, một bài viết trên cổng thông tin điện tử hay một ấn phẩm của cơ quan quản lý văn hóa, mức độ ảnh hưởng của thông tin sai sẽ lớn hơn rất nhiều. Khi ấy, vấn đề không còn là “AI trả lời sai”, mà trở thành trách nhiệm của con người đã sử dụng và công bố nội dung đó.

UNESCO cũng đặt nguyên tắc giám sát của con người và trách nhiệm giải trình ở vị trí quan trọng trong đạo đức AI, nhấn mạnh rằng AI không được làm mất đi trách nhiệm cuối cùng của con người. Vì vậy, một nguyên tắc cần được xác lập trong hoạt động truyền thông văn hóa là: AI có thể viết bản nháp, nhưng không thể thay con người xác nhận sự thật. AI có thể tạo hình ảnh, nhưng không thể thay chuyên gia xác định hình ảnh đó có phản ánh đúng di sản hay không. AI có thể gợi ý, nhưng không thể là nguồn duy nhất để khẳng định một thông tin lịch sử.

Những biểu hiện dễ nhận thấy nhất hiện nay là việc sử dụng hình ảnh AI để minh họa cho các bài viết về văn hóa, du lịch và di sản đặc biệt là sử dụng hình ảnh mô tả các công trình, cung điện của Quần thể Di tích Cố đô Huế nhưng AI tạo ra.

AI có thể tạo ra một “Huế” với bầu trời tuyệt đẹp, ánh sáng hoàn hảo, kiến trúc cổ kính, cây cối xanh tươi và cảnh quan gần như lý tưởng. Hình ảnh có thể đẹp hơn ảnh chụp thực tế.

Nhưng đẹp không đồng nghĩa với đúng. AI có thể tạo ra một công trình mang dáng dấp Ngọ Môn nhưng có những chi tiết kiến trúc không tồn tại. Có thể tạo ra một Điện Thái Hòa với tỷ lệ, màu sắc, hoa văn hoặc kết cấu khác thực tế. Có thể ghép các yếu tố của nhiều công trình khác nhau thành một hình ảnh tưởng như hoàn chỉnh. Có thể “phục dựng” một cảnh quan lịch sử theo trí tưởng tượng của thuật toán mà không có căn cứ tư liệu. Nếu hình ảnh đó được chú thích rõ là “hình ảnh minh họa được tạo bằng AI”, nó có thể có giá trị sáng tạo. Nhưng nếu sử dụng hình ảnh ấy như ảnh tư liệu, ảnh hiện trạng hoặc ảnh giới thiệu chính thức về di tích, người xem rất dễ bị đánh lừa - đây là ranh giới cần được nhận diện rõ ràng.

Đặc biệt đối với Huế - nơi giá trị di sản gắn chặt với tính xác thực của không gian, kiến trúc và cảnh quan, việc tùy tiện tạo hoặc chỉnh sửa hình ảnh có thể dẫn đến những cách hiểu sai về di sản.

Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 1/7/2025, quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đồng thời xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong lĩnh vực này. Vì vậy, trong truyền thông về di sản, cần phân biệt tối thiểu ba loại hình ảnh:

Một là, ảnh tư liệu hoặc ảnh chụp thực tế. Đây phải là hình ảnh phản ánh đúng đối tượng, thời điểm, địa điểm; đồng thời cần xác định rõ nguồn ảnh, tác giả và quyền sử dụng.

Hai là, ảnh phục dựng hoặc mô phỏng. Hình ảnh có thể được xây dựng trên cơ sở tư liệu lịch sử nhằm phục vụ nghiên cứu, giáo dục hoặc truyền thông, nhưng phải ghi rõ tính chất phục dựng, mô phỏng và căn cứ tư liệu.

Ba là, hình ảnh sáng tạo bằng AI. Có thể sử dụng để minh họa, quảng bá, sáng tạo nghệ thuật, nhưng phải ghi rõ đây là hình ảnh được tạo hoặc chỉnh sửa bằng AI nếu việc không ghi chú có thể khiến người xem hiểu đó là hình ảnh thật.

Đây không chỉ là câu chuyện về kỹ thuật truyền thông mà còn là câu chuyện về đạo



Một phiên bản của Lầu Ngũ Phụng, Đại Nội - Huế được làm từ AI

đức nghề nghiệp và sự tôn trọng đối với di sản. Một hình ảnh trên mạng có thể được chia sẻ hàng nghìn lần trong vài giờ. Một khi hình ảnh sai đã được sao chép sang nhiều trang khác, việc sửa chữa nhận thức sai lệch trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

Không chỉ sai nội dung, AI còn đặt ra vấn đề về nguồn ảnh và bản quyền. Một thói quen khác cũng cần thay đổi là suy nghĩ “ảnh trên mạng thì có thể lấy”. Thực tế, một hình ảnh về Huế xuất hiện trên Internet không đồng nghĩa với việc mọi người đều có quyền sử dụng hình ảnh đó cho sách, báo, tạp chí, áp phích, triển lãm hoặc các sản phẩm truyền thông. Điều này cho thấy một nguyên tắc rất đơn giản nhưng quan trọng: tìm thấy trên Internet không có nghĩa là được tự do sử dụng.

Với AI, vấn đề càng phức tạp hơn. Người sử dụng có thể lấy một bức ảnh thật về di tích, đưa vào công cụ AI để chỉnh sửa, mở rộng, thay đổi bầu trời, thêm nhân vật hoặc thay đổi kiến trúc. Khi đó, sản phẩm cuối cùng vừa có yếu tố AI, vừa có thể liên quan đến quyền đối với hình ảnh gốc. Do đó, quy trình sản xuất một sản phẩm truyền thông văn hóa trong môi trường số cần quan tâm cần đặt ra những câu hỏi: *Thông tin có đúng không? Hình ảnh có đúng không? Hình ảnh và nội dung có được phép sử dụng không?* - Có câu trả lời rõ ràng, sản phẩm mới thực sự an toàn.

AI không đáng sợ - điều đáng sợ là sử dụng AI mà không kiểm chứng

UNESCO trong Khuyến nghị về Đạo đức AI năm 2021 nhấn mạnh các nguyên tắc về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, quyền riêng tư, công bằng, an toàn, nâng cao nhận thức và đặc biệt là sự giám sát của con người. UNESCO cũng coi năng lực hiểu biết về AI, kỹ năng số và năng lực thông tin, truyền thông là một phần quan trọng để xã hội có thể sử dụng AI có trách nhiệm.

Từ góc độ ngành Văn hóa, có thể chuyển những nguyên tắc đó thành một yêu cầu rất thực tế: Không đăng ngay những gì AI tạo ra. Nội dung AI tạo ra phải trải qua ít nhất một vòng kiểm chứng của con người trước khi xuất bản. Với các nội dung chuyên sâu về lịch sử, di sản, bảo tàng, nghệ thuật, phong tục, lễ hội, kiến trúc..., cần có người có chuyên môn hoặc đơn vị có thẩm quyền kiểm tra.

Đối với thông tin lịch sử, cần đối chiếu với tài liệu gốc, hồ sơ di tích, công trình nghiên cứu hoặc nguồn chính thống. Đối với hình ảnh, cần xác định đó là ảnh thật, ảnh chỉnh sửa, ảnh phục dựng hay ảnh tạo sinh bằng AI. Đối với những nội dung có khả năng gây tranh luận hoặc ảnh hưởng đến nhận thức xã hội, càng phải tăng mức độ kiểm chứng. Nói cách khác, AI càng tạo ra nội dung nhanh thì con người càng phải dành thời gian để kiểm chứng kỹ hơn.

Để hạn chế rủi ro, các cơ quan, đơn vị và người làm truyền thông văn hóa có thể xây dựng một quy trình kiểm soát đơn giản:

- Xác định mục đích sử dụng AI: AI được dùng để tìm ý tưởng, biên tập, hỗ trợ dịch thuật, tạo hình ảnh minh họa hay tạo sản phẩm hoàn chỉnh? Mục đích càng gần với nội dung chính thức thì yêu cầu kiểm soát càng cao.

- Kiểm chứng thông tin: Không coi câu trả lời của AI là nguồn tài liệu gốc. Những thông tin về lịch sử, pháp luật, di tích, nhân vật, sự kiện phải được đối chiếu với nguồn chính thống.

- Kiểm chứng hình ảnh: Xác định hình ảnh có phải ảnh thực tế hay ảnh tạo sinh. Đối với hình ảnh di tích, cần đặc biệt kiểm tra kiến trúc, màu sắc, vị trí, cảnh quan và các chi tiết đặc trưng.

- Kiểm tra nguồn và quyền sử dụng: Xác định tác giả, chủ sở hữu, giấy phép hoặc điều kiện sử dụng. Không nên lấy một hình ảnh từ mạng xã hội rồi mặc nhiên đưa vào ấn phẩm.

- Chịu trách nhiệm trước khi xuất bản: Phải có người chịu trách nhiệm biên tập và duyệt cuối cùng. AI không thể ký thay con người. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng quản trị AI có trách nhiệm trên thế giới.

Chuyển đổi số trong ngành Văn hóa là xu thế tất yếu. AI cũng sẽ ngày càng trở thành một phần của hoạt động quản lý, nghiên cứu, bảo tồn và truyền thông văn hóa. Nhưng chuyển đổi số không có nghĩa là trao toàn bộ quyền quyết định nội dung cho máy móc. Một trong những giá trị quan trọng nhất của ngành Văn hóa chính là tính xác thực. Một hiện vật có giá trị vì nó là hiện vật thật. Một di tích có giá trị vì nó gắn với lịch sử thật. Một lễ hội có ý nghĩa vì nó chứa đựng ký ức, phong tục và đời sống tinh thần thật của cộng đồng.

Nếu công nghệ giúp đưa những giá trị ấy đến gần hơn với công chúng thì đó là điều đáng khuyến khích. Nhưng nếu công nghệ tạo ra một phiên bản “đẹp hơn”, “hoàn hảo hơn” nhưng không đúng với thực tế rồi được sử dụng như sự thật, thì công nghệ lúc đó không còn là công cụ bảo tồn và phát huy văn hóa mà vô tình trở thành công cụ làm sai lệch văn hóa.

Đối với những người làm công tác văn hóa, trách nhiệm vì thế càng lớn. Cần khuyến khích cán bộ sử dụng AI, nhưng đồng thời phải nâng cao năng lực hiểu biết về AI. Đặc biệt, đối với các ấn phẩm chính thức của ngành Văn hóa, có thể xem xét xây dựng một nguyên tắc biên tập: nội dung do AI hỗ trợ phải được con người kiểm chứng, hình ảnh AI tạo ra phải được nhận diện rõ, thông tin về di sản phải ưu tiên nguồn chính thống và mọi sản phẩm xuất bản đều phải có chủ thể chịu trách nhiệm cuối cùng. Đó chính là cách biến AI từ một công cụ tạo nội dung nhanh thành một công cụ phục vụ sự phát triển văn hóa một cách có trách nhiệm.

Với ngành Văn hóa, đây có thể là một trong những công cụ mạnh mẽ nhất để số hóa, quảng bá và đưa di sản đến gần hơn với công chúng trong nước và quốc tế.

Trong không gian số ngày càng tràn ngập những nội dung được tạo ra chỉ bằng một cú nhấp chuột, có lẽ nguyên tắc quan trọng nhất đối với người làm văn hóa vẫn rất giản dị: Nhanh không quan trọng hơn đúng. Đẹp không quan trọng hơn thật. Và công nghệ không bao giờ quan trọng hơn trách nhiệm của con người. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.
2. Đạo đức Trí tuệ nhân tạo: Thực trạng, thách thức và giải pháp về an toàn thông tin - TS. Ngô Hải Anh (Viện Công nghệ thông tin - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)
3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực thi nhiệm vụ, công vụ; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và đạo đức sử dụng trí tuệ nhân tạo –Ths Nguyễn Đình Nghĩa –Trưởng khoa an ninh mạng - Học viện Cảnh sát nhân dân Hà Nội

HỒ NGỌC DIỆP

Ngát hương đưa

*Đời thường đếm mùa thu bằng chiếc lá
Tôi đếm từng nỗi nhớ bóng thu xưa
Tìm vẫn nở ngôi sao vàng năm cánh
Bước vững vàng không sớm nắng chiều mưa.*

*Hừng giọt nhớ thả vào trăng tháng Tám
Giữa Ba Đình tiếng Bác dạy tương lai
Đường vào ca sớm chiều vui nhà máy
Trên đồng làng thơm ngát vừng ngàn tay.*

*Năm bảy mùa vườn quê vang tiếng hát
Rớt vào bồn hoa bút nét bằng khuôn
Trời yên lặng gió nhiều chiều có thổi
Cả bốn mùa đất vẫn nở màu xanh.*

*Bác mở lối vui chung mùa thức dậy
Đặt môi hôn trái chín buổi giao thừa
Đẩy thời gian lăn theo bờ sông mộng
Nắng thu về mằm sóng ngát hương đưa.*



Một số nhà thơ tiêu biểu từng dạy và học ở Trường Quốc Học Huế

■ MAI VĂN HOAN

Trường Quốc Học Huế là cái nôi nuôi dưỡng nhân tài, đặc biệt là ở lĩnh vực thi ca. Thế hệ 1930 - 1945 có các nhà thơ: Huy Cận, Xuân Diệu, Tố Hữu, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư... Thế hệ 1955 - 1975 có các nhà thơ: Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Trần Vàng Sao, Ngô Kha, Trần Quang Long, Võ Quê... Thế hệ 1975 - 2025 có các nhà thơ: Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Mường Mán, Trần Hữu Lục, Tàn Hoài Dạ Vũ, Trần Phương Trà...

Nhà thơ nổi tiếng nguyên học sinh Quốc Học Huế mà tôi được gặp đầu tiên là Xuân Diệu. Hồi đó (1967 - 1970), tôi đang là sinh viên Văn khoa, Đại học sư phạm Vinh. Mặc dù sinh ra và lớn lên ở miền quê ven biển miền trung nhưng do có lòng yêu thích văn chương nên tôi đã tìm đọc thơ tình Xuân Diệu khi đang còn là học sinh trung học. Hôm ấy, Xuân Diệu nói về vẻ đẹp của thơ ca cổ điển. Tôi chưa thấy ai nói một cách hấp dẫn, nhiệt tình như Xuân Diệu. Nhà thơ hết lời ca ngợi tài dùng chữ của cụ Nguyễn Du. Ông bình một cách say sưa từ “loại thôi” trong câu “Loại thôi bờ liễu mấy cảnh dương quan”: “Loại thôi bờ liễu”, chứ không phải loại thôi; loại thôi là lá liễu so le không đều, là bờ liễu quanh co không thẳng, là tấm lòng nữa, nó xộc xệch, buồn buồn, thương nhớ, loại thôi...”. Ông nói trong Truyện Kiều có những câu thơ “giáp hạt” giữa chiều lặn với trăng lên, chẳng hạn như câu “Chim hôm thoi thót về rừng/ Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành”. Chim hôm thoi thót: nó vừa lura thưa lẻ tẻ về núi, lại vừa thoi thót như ánh chiều; có một cái gì lo sợ dẫu đây! Sở dĩ Nguyễn Du nghe được cả hơi thở thoi thót của chim đang bay về rừng, nghe được cả hơi thở thoi thót của buổi chiều hôm, nghe được cả hơi thở thoi thót của cả vũ trụ là vì ông nghe được nhịp đập trái tim bất an của nàng Kiều trước giờ phút nhắm mắt đưa chân phó mặc cả mạng sống của mình cho một kẻ hoàn toàn xa lạ.

Nhà thơ nổi tiếng từng học trường Quốc Học Huế tôi gặp sau Xuân Diệu là Lưu Trọng Lư. Thời đang dạy ở Trường sư phạm 10 + 3 Quảng Bình (nay là Đại học Quảng Bình), tôi được gặp nhà thơ trong dịp ông về quê nhà lấy tư liệu viết trường ca Người con gái sông Gianh. Lưu Trọng Lư xuất thân trong một gia đình nhà nho. Thân sinh nhà thơ từng làm quan. Lúc cáo quan về quê cụ mở trường dạy học. Tôi may mắn được học trong khuôn viên dinh thự họ Lưu ở Cao Lao hạ trong 2 năm (lớp 5, lớp 6). Thời Thơ Mới vừa manh nha, Lưu Trọng Lư đã “tả xung hữu đột” quyết tâm đập phá bằng được cái thành trì thơ cũ. Thi sĩ viết thư ủng hộ Phan Khôi, tranh luận với Tản Đà, đăng đàn diễn thuyết, hi hục làm thơ mới gửi in khắp nơi với các bút danh khác nhau. Chiến thắng của phong trào Thơ Mới, công đầu thuộc về Phan Khôi nhưng rõ ràng là Lưu Trọng Lư đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Ông có nhiều câu thơ hay như: *Mắt em là một dòng sông/ Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em (Đôi mắt)*.

Nhà thơ nổi tiếng từng là học sinh Quốc Học Huế mà tôi hân hạnh được gặp sau Lưu Trọng Lư là Huy Cận. Nhà thơ Huy Cận rất bình dân, chan hòa, cởi mở. Mỗi lần về thăm trường cũ, ông thường đồng đặc tự giới thiệu: Tôi - Huy Cận nguyên học sinh cũ trường

Quốc Học! Ông nói chuyện với thầy trò chúng tôi hết sức thân tình. Bài thơ Tự trường, được ông sáng tác năm 1938 là một trong những bài thơ hay viết về thời ông học Quốc Học: *Giờ nào mức của một thời trẻ dại/ Hồi ngói nâu, hồi tường trắng, cửa gương/ Những chàng trai mười lăm tuổi vào trường/ Rương nhỏ nhỏ với linh hồn bằng ngọc...*

Nhà thơ nổi tiếng từng là học sinh Quốc Học Huế mà tôi hân hạnh được gặp sau Huy Cận là Tố Hữu. Huy Cận kể: “Anh Tố Hữu và tôi cùng học Trường Quốc học Huế. Tôi học trên anh hai lớp nhưng anh tham gia cách mạng sớm. Năm 1937, anh đã là Bí thư Đoàn TNCS của trường. Tháng 4 năm 1937, anh Tố Hữu và anh Xuân Diệu lãnh đạo học sinh Trường Quốc Học đi đón Gô-đa, đại diện của Chính phủ Bình dân Pháp sang thăm Việt Nam. Sau cuộc đón này, chúng tôi suýt bị đuổi học, may có hội đồng giáo sư (cả người Pháp và người Việt) bênh vực nên chỉ bị cắt học bổng mà thôi”. Đêm Nguyên tiêu năm 2000, tại trụ sở Hội VHNT Thừa Thiên Huế (26 Lê Lợi), tôi may mắn được nghe Tố Hữu đọc bài Quê mẹ bằng giọng Huế trầm trầm, chậm rãi, sâu lắng: *Huế ơi, quê mẹ của ta ơi!/ Nhớ tự ngày xưa, tuổi chín mười/ Mây núi hiu hiu, chiều lặng lặng/ Mưa nguồn gió biển, nắng xa khơi...*

Thời gian dạy ở trường Quốc Học (1984 - 2009) và sinh hoạt với Hội Nhà văn Huế, tôi thường xuyên tiếp xúc với các anh: Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trần Vàng Sao, Nguyễn Đắc Xuân, Võ Quê... Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường là học sinh cũ và là giáo viên dạy môn Triết học tại Trường Quốc Học từ năm 1960 đến 1966. Nguyễn Tuân từng khen: “Ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường rất nhiều ánh lửa”. Không chỉ viết ký, anh còn làm cả thơ. Tôi rất thích bài Địa chỉ buồn của anh: *Những chiều Bến Ngự giăng mưa/ Chùng như ai đó mơ hồ gọi tôi/ Tôi ra mở cửa đón người/ Chỉ nghe tiếng gió thổi ngoài hành lang...* Cùng với Hoàng Phủ Ngọc Tường, người tôi hết sức kính nể là anh Trần Vàng Sao. Anh học Quốc Học năm 1958 - 1961. Khi lên chiến khu tham gia cách mạng, Trần Vàng Sao nổi tiếng với Bài thơ của người yêu nước mình. Trong bài thơ nổi tiếng ấy có đoạn anh viết về môi tình đầu ở trường Quốc Học: *Tôi yêu đất nước này và tôi yêu em/ Thuở tóc kẹp tuổi ngoan học trò/ Áo trắng và chùm hoa phượng đỏ/ Trong bước chân chim sẻ/ Ngồi học bài và gọi nhỏ tên tôi/ Hay nói chuyện huyền thuyên/ Chuyện trên trời dưới đất rất lạ/ Chuyện bông hoa mọc một mình trên đá/ Cứ hay cười mà không biết có người buồn.* Cùng với Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trần Vàng Sao, hai người mà tôi hết sức thân thiết, gần gũi là anh Nguyễn Đắc Xuân và anh Võ Quê. Chúng tôi sinh hoạt trong Chi Hội Nhà văn Việt Nam tại Huế. Anh Nguyễn Đắc Xuân được mệnh danh là “nhà Huế học”. Cho đến nay anh đã có hơn 100 công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hoá Huế. Anh yêu thơ và làm thơ từ những ngày còn là học sinh, sinh viên. Năm 2023, anh cho ra mắt tập Đời thơ tôi. Võ Quê học Quốc Học khóa 1966 - 1969. Anh được nhiều người biết đến với phong trào xuống đường của học sinh, sinh viên các đô thị miền Nam (1966). Sau 1975, Võ Quê là một trong những người có công đầu trong việc phục hồi và phát triển nghề Ca Huế trên sông Hương. Những năm gần đây ở Huế lưu truyền một số bài “thơ lái” khá độc đáo của anh. Năm 1999, tỉnh Thừa Thiên Huế bị một trận lụt thể kỷ, thấy chị em làm nghề Ca Huế trên sông Hương phải ngưng hoạt động trong một thời gian khá dài để chống chọi và khắc phục hậu quả của trận lụt thể kỷ ấy, nhà thơ bèn làm một bài thơ lái để đùa vui: *Trời lụt ca nhi cũng trụt lờ/ Trời đông mưa lũ xuống trong đời/ Vái lạy lụt tan lành vẩy lại/ Đời cho du khách dạo đồ chơi.*

Tiếc là còn nhiều nhà thơ từng dạy và học ở trường Quốc Học Huế mà tôi chưa may mắn được gặp gỡ, tiếp xúc. Tất cả họ đã góp phần làm rạng danh cho ngôi trường có bề dày lịch sử này. ■

Thầy giáo hưu trí truyền cảm hứng văn hóa đọc

■ Bài và ảnh: VÕ VĂN DẦN

Đó là ông Vệ Văn Lắm - Nhà giáo Ưu tú, nguyên Phó Hiệu trưởng trường THPT Phan Đăng Lưu (thành phố Huế). Nay đã ngoài 70 tuổi nhưng thầy Lắm vẫn đam mê với sự nghiệp “trồng người”, vẫn ngày đêm âm thầm miệt mài chắc chiu từng đồng lương hưu ít ỏi của mình, đồng thời kiên trì vận động bạn bè, người thân trong gia đình, dòng họ cùng nhau đóng góp mua sách để trao tặng cho học sinh các trường học trên địa bàn thành phố Huế, Đà Nẵng, Quảng Trị...

Với tình yêu nghề thiết tha, tình yêu sách vô bờ và niềm tin vào tri thức là chìa khóa mở cánh cửa thành công. Trong nhiều năm qua, thầy Lắm cùng với quỹ học bổng An Lạc đã kiên trì, bền bỉ mang hàng ngàn đầu sách đến với học sinh, góp phần vun bồi nhân cách, khai mở cho các em bước vào khám phá



cánh cửa mới của chân trời tri thức, từ đó các em sẽ nảy sinh sự sáng tạo trong công việc và cuộc sống. Là một cựu giáo chức đã hàng chục năm gắn bó trên bục giảng, hơn ai hết thầy hiểu rất rõ giá trị mà sách mang lại cho giáo dục trên hành trình trao truyền tri thức của mình, truyền cảm hứng và niềm đam mê đọc sách hàng ngày cho các em học sinh, hướng hứng thú và say mê đọc sách trong thế hệ trẻ, cũng là để giảm bớt những trò chơi vô bổ, độc hại, ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của học sinh.

Suốt mấy chục năm qua, thầy Lắm phối hợp với quỹ học bổng An Lạc đã xây dựng được hàng nghìn đầu sách chất lượng dành cho các thư viện trên địa bàn thành phố Huế, qua đó hỗ trợ tích cực cho việc học, việc đọc, nhằm hình thành cho các em học sinh một thói quen tốt đọc sách hàng ngày, giúp các em trưởng thành hơn qua từng trang sách hữu ích. Với thầy, sách là thầy, là bạn, là nền tảng hình thành nhân cách con người. Mỗi buổi tặng sách, mỗi lần trò chuyện là một lần gieo thêm niềm đam mê đọc sách, truyền cảm hứng sống và học tập tích cực cho thế hệ trẻ. Ngày 12/3/2026 thầy Lắm đã có buổi nói chuyện chia sẻ sách với hàng trăm em học sinh của trường THPT



An Lương Đông (thành phố Huế), buổi nói chuyện với chủ đề: “Cho một khởi đầu...” và đó cũng là nguồn cảm hứng cho một sự khởi đầu tiếp cận tri thức tốt đẹp, cho một buổi trò chuyện chân tình, ấm áp, hạnh phúc cùng nhau với người thầy đã hữu duyên kết nối với học sinh nhà trường từ nhiều năm năm. Đó là những thanh âm nồng ấm, trong trẻo của thầy vang vọng giữa sân trường... Sân trường đang thay áo mới, những mầm xanh hé nụ, hương của các loài hoa trong sân cứ ngan ngát, thoang thoảng trong gió, nghe đâu đây trong từng nhịp thở nồng nàn, ấm áp. Dưới tán cây cổ thụ, những chú chim đang chuyền cành gọi nhau ríu rít, như ủa về góp vui trong ngày hội chia sẻ sách của thầy giáo già Vệ Văn Lắm với tập thể cán bộ, giáo viên và học sinh nhà trường. Hòa trong thanh âm của giọng thầy chia sẻ ấm áp, dịu nhẹ là hàng trăm học sinh đang chăm chú lắng nghe thầy chia sẻ sách, là khoảng ghé đá khuôn viên sân trường vẫn hiện hữu đây đó các bạn học sinh trong trang phục áo dài trắng tinh khôi đang đón ánh nắng ban mai, ngồi tùm nãm, tùm ba cùng nhau lật giở từng trang sách quý. Khoảng không gian yên ắng, lắng đọng của cả sân trường với vài trăm học sinh cùng hướng về một điểm để nghe những âm thanh rất đời bình dị, quen thuộc - là lời tâm sự chân tình của người thầy, người cha, là câu chuyện sẻ chia về vai trò, tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống của con người. Em Đoàn Hữu Phước, lớp 11A2 trường THPT An Lương Đông, cho biết: “Khi biết tin thầy Lắm trở lại trường em để chia sẻ sách, để kết nối và trao những món quà ấm áp tình người... bỗng trong em dâng trào một niềm cảm xúc vui mừng khó tả. Thầy đã biểu hiện thật giản dị, gần gũi, chân tình mà đọng đầy yêu thương với những học sinh như chúng em”. Còn em Nguyễn Lê Minh Tiến (lớp 9/1 trường THCS Phú Mậu, phường Dương Nỗ, thành phố Huế), chia sẻ: *“Hôm nay đến trường hưởng ứng tuần lễ học tập suốt đời, em thấy bản thân mình thật sự may mắn khi được nghe thầy giáo Lắm nói chuyện về sách, em cảm thấy rất hào hứng và rất chú ý lắng nghe từng câu, từng chữ mà thầy truyền đạt, trong em như càng thôi thúc hơn, mong muốn được đọc sách nhiều hơn để sau này lớn lên có kiến thức phong phú để sống hữu ích hơn cho gia đình, quê hương và đất nước”*.

Nhà giáo ưu tú Vệ Văn Lắm tâm sự: *“Tôi là giáo viên đã về hưu, với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình. Tôi nghĩ rằng, không có gì quý hơn là vận động, uơm mầm trong tâm hồn học sinh của mình những hạt giống tình yêu sách”*. ■

● **Chịu trách nhiệm xuất bản:**

LÊ MINH NHÂN

● **Chịu trách nhiệm nội dung:**

NGUYỄN THIÊN BÌNH

● **Biên tập:**

DƯƠNG HỒNG LAM
NGUYỄN NGỌC NGÂN HÀ
NGÔ HẢI ĐỊNH
NGUYỄN THỊ LỢI
DƯƠNG THỊ NGỌC LINH
CÁI VĂN LỤC

● **Sửa bản in:**

DƯƠNG THỊ NGỌC LINH

● **Chế bản:**

THY THY

In tại Công ty Cổ phần in Thuận Phát
15 Trần Cao Vân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

Thơ và bài xin gửi về:
08 Lý Thường Kiệt, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
ĐT: 3826334 - 3826331
Email: baovanhoahue@gmail.com

Tranh bìa 1: Ký ức xanh - Tác giả: Phan Thanh Bình

Giấy phép xuất bản: Số 261/GP-SVHTT do Sở Văn hóa và Thể thao
cấp ngày 19 tháng 5 năm 2026. In 500 cuốn khổ 18.5x26.5cm tại
Công ty Cổ phần In Thuận Phát, 15 Trần Cao Vân, TP. Huế.

TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH